



BAN HƯỚNG DẪN GĐPT VIỆT NAM tại HÀI NGOẠI

CHÚNG TÔI HỌC KINH

PL.2551-2007

Mục lục

CHÚNG TÔI HỌC KINH	
• Kinh KIM CANG (từ đoạn 1 đến đoạn 5).....	238
• Kinh KIM CANG (từ đoạn 6 đến đoạn 10).....	255
• Kinh KIM CANG (từ đoạn 11 đến đoạn 16).....	268
• Kinh THẮNG MAN -Chương Một.....	280
• Kinh THẮNG MAN -Chương Hai, Chương Ba.....	295
• Kinh THẮNG MAN -Chương Bốn, Chương Năm.....	307
• Kinh THẮNG MAN -Chương Sáu.....	323
• Kinh LĂNG NGHIÊM-Quyển 1, quyển 2, quyển 3....	336
• Kinh LĂNG NGHIÊM-Quyển 4, quyển 5, quyển 6....	350
• Kinh LĂNG NGHIÊM -Quyển 7, quyển 8, quyển 9 & quyển 10.....	370
• Tài Liệu Tham Khảo.....	383
• Mục Lục.....	385

CHÚNG TÔI HỌC KINH

Sổ Tay Tu Học của Trại Sinh Vạn Hạnh
Gia Đình Phật Tử Việt Nam

TÂM MINH - Vương Thúy Nga

Mục lục

CHÚNG TÔI HỌC KINH	
• Lời Giới Thiệu.....BHD Hải Ngoại	5
• Lời Thưa.....Tâm Minh	9
• Kinh PHÁP HOA - Phẩm Tựa.....	13
• Kinh PHÁP HOA - Phẩm Phương Tiện.....	24
• Kinh PHÁP BẢO ĐÀN - Phẩm Nghi Vấn.....	38
• Kinh PHÁP BẢO ĐÀN - Lục Tổ Huệ Năng.....	47
• DUY THỨC HỌC.....	61
• DUY THỨC HỌC: Tầng Thức hay A Lại Da Thức....	73
• DUY THỨC HỌC: Ý Thức và Mạt Na Thức.....	83
• Kinh HOA NGHIÊM.....	93
• Kinh HOA NGHIÊM: Sơ lược về triết lý Hoa Nghiêm	103
• Kinh HOA NGHIÊM: Phẩm Nhập Pháp Giới.....	115
• Kinh HOA NGHIÊM: Toán Học & Khoa Học hiện đại	129
• Kinh DI GIÁO.....	144
• PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN.....	158
• Kinh DUY MA CẬT: Phẩm Quốc Độ.....	170
• Kinh DUY MA CẬT: Bồ Tát Văn Thù đến thăm bệnh	185
• Kinh DUY MA CẬT: Bồ Tát Văn Thù đến thăm bệnh (tiếp theo)	195
• Kinh DUY MA CẬT: Phẩm Bất Tư Nghì.....	205
• Kinh DUY MA CẬT: Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn	216
• Kinh DUY MA CẬT: Phẩm Bồ Tát Hạnh.....	227

TÀI LIỆU THAM KHẢO:



Các Bộ Kinh (dịch và giảng)

- | | |
|---|--|
| •Kinh Di Giáo | Thầy Hoàn Quang |
| •Phát Bồ Đề Tâm Văn | Thầy Trí Quang |
| •Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết | Thầy Tuệ Sỹ |
| •Kinh Kim Cang | Thầy Thanh Từ |
| •Kinh Kim Cang | H.Th Tuyên Hoá |
| •Kinh Pháp Hoa | Thầy Thanh Từ, Thầy Từ Thông
Thầy Chơn Thiện. |
| •Kinh Pháp Bảo Đàn | Thầy Thanh Từ, Thầy Từ Thông |
| •Duy Thức Học | Giáo Sư Nguyễn Lang |
| •Kinh Hoa Nghiêm | Thầy Trí Tịnh |
| <i>(Phẩm Tịnh Hạnh do CE dịch và lược giảng-Bảo Phật Thánh Hội xuất bản 2001)</i> | |
| •Kinh Thủ Lăng Nghiêm | Bác Tâm Minh Lê Đình Thám |
| •Kinh Thủ Lăng Nghiêm (CD) | Pháp Sư Tịnh Không chủ giảng |
| •Kinh Thắng Man Giảng Luận | Thầy Tuệ Sỹ |



Con xin Thành Kính Tri Ân Chư Tổ, quý Thầy, quý Sư Bà, quý Sư Cô (hiện còn hay đã khuất) đã giáo dục và nuôi lớn con bằng Chánh Pháp, từ khi ấu thơ cho đến ngày hôm nay.

tm/vtn

TÀI LIỆU THAM KHẢO:



- | | |
|-------------------------------|---|
| •Đức Phật và Phật Pháp | Narada (<i>Phạm Kim Khánh dịch</i>) |
| •Tinh Hoa Triết Học Phật Giáo | Thầy Tuệ Sỹ |
| •Ý Tinh Thân | Thầy Trí Siêu (Paris) |
| •Phật Học Phổ Thông | Thầy Thiện Hoa |
| •Thiền Luận Suzuki | Thầy Tuệ Sỹ dịch |
| •Tập San Nghiên Cứu Phật Học | Tăng Đoàn Thừa Thiên |
| •Tìm vào Thực tại | Thầy Chơn Thiện |
| •Tạng Thư Sống Chết | Ni Sư Trí Hải dịch |
| •Tâm Bất Sinh | Bankei (<i>Ni Sư Trí Hải dịch</i>) |
| •Thi Kệ Nhật Dụng | Thầy Nhất Hạnh |
| •Phật Pháp Bốn Cấp | Thầy Minh Châu, Thầy Thiên Ân
Thầy Đức Tâm, Thầy Chơn Trí. |
| •Tu Hoa Nghiêm Thập Tín | Thầy Hằng Trường (C.E .) |
| •Tạng Thư Sống Chết | Sogyal Rimpoche (<i>sư cô Trí Hải dịch</i>) |
| •Tâm Bất Sinh | Bankei (<i>sư cô Trí Hải dịch</i>) |
| •Mặt Hồ Tĩnh Lặng | Achaan Chah |
| •Nguyệt San Phát Học | (Bài Viên Dung Vô Ngại của
Giáo sư Hồng Dương) |

- Từ quyển 1 đến quyển 3: Đức Phật nương theo căn tính mà chỉ thẳng Nhu Lai Tạng.
- Từ đầu quyển 4 đến nửa quyển 5: Đức Phật lần lượt chỉ ra những hư vọng duyên khởi, để phá các pháp đố và chỉ dạy phép “ Như Huyền Tam Ma Đề”
- Từ nửa quyển 5 đến hết quyển 6: Đức Phật trực tiếp chỉ dạy những phép tu và bài Kệ “*Chọn Lựa Căn*” của ngài Văn Thù chỉ rõ thêm, phân tích thêm cho Đại chúng thấy những khó khăn cần phải vượt qua, những mắc mứu cần phải tránh v.v..
- Từ quyển 7 đến quyển 10: đức Phật chỉ dạy thêm về các phép Tiệm và Đốn.
 - * Thứ lớp từ Càn Tuệ Địa lên đến Đẳng Giác Bồ Tát
 - * Nhân quả thế gian và nhân quả xuất thế gian.
 - * Mặt phải và mặt trái của các phép tu trì, các ngũ ấm ma, đề cao cảnh giác mọi người trong khi tu hành, kỵ nhất là tưởng mình đã thành Phật, thành Thánh, mà không biết rằng mình đã lạc vào ma cảnh.

Đến đây chúng tôi chấm dứt buổi học Kinh cuối cùng của bộ Kinh Lăng Nghiêm.



Duyên Khởi...



Như đóa Sen sung sức, tổ chức Gia Đình Phật Tử chúng ta đã khai hoa nở nhụy tại cố đô Huế, rồi trải rộng đều khắp quê hương và giờ đây, đã có mặt trên các Châu lục hải ngoại.

Từ quê nhà đến hải ngoại, trung thành và chung thủy với “*Lý tưởng chỉ hướng thuyền đời và nẩy hoa cuộc sống*”, kinh qua các chức vụ tiệm tiến, Huỳnh trưởng Tâm Minh Vương Thúy Nga hiện đang đảm nhiệm nhiều trọng trách: Phó Trưởng Ban Nghiên Cứu Huấn Luyện Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, Ủy viên Giáo Dục Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải Ngoại.

Qua quá trình sinh hoạt lâu dài và bền vững, qua chí tâm học hỏi cầu tiến, Huỳnh trưởng Tâm Minh là một trong những Huỳnh trưởng đã thâm nhập và thấm nhuần tinh hoa của Tổ chức, đặc biệt về lãnh vực tu học Phật Pháp.

Sau quốc biến 1975 - tại quê nhà, Giáo Hội truyền thống trong giai đoạn đầu, đã phải ấn nhấn hóa

Đạo trước thế lực vô minh vô cùng khắc nghiệt, nhưng cộng đồng Gia Đình Phật Tử vẫn tiếp tục sinh hoạt dưới nhiều hình thức thích nghi, kể cả việc tổ chức các trại huấn luyện. Đặc biệt là trại huấn luyện Vạn Hạnh, Huỳnh trưởng Tâm Minh- là một trại sinh của trại Vạn Hạnh II - ở giai đoạn vô cùng gian khó đó.

“Chúng Tôi Học Kinh” gần như là một cuốn Sổ Tay Tu Học mà Huỳnh trưởng Tâm Minh đã ghi lại và cập nhật hoá để làm tài liệu tu học cũng như để nhớ lại những kỷ niệm của “*một thời gian khó, nguy nan nhất và cũng đáng nhớ nhất trong cuộc đời Huỳnh trưởng của mình*” với quá trình học đầy đủ 10 (mười) bộ Kinh của Chúng Cổ Pháp.

Xin ân cần giới thiệu đến các Huỳnh trưởng quan tâm và nhất là - với Anh Chị Em hiện đang, hay sắp sửa tham dự trại Vạn Hạnh Hải Ngoại, hay Vạn Hạnh Hoa Kỳ cũng như với những Huỳnh trưởng trại sinh các trại Vạn Hạnh trước đây, để tham khảo, để chia sẻ ... để được lợi lạc; vì cuốn “Chúng Tôi Học Kinh” rất có giá trị về phân tích, diễn giải và những kỷ niệm ...với kiến văn và tri thức của tác giả rất thật và chân tình .

Điều này không có trong bất kỳ cuốn Luận nào của Gia Đình Phật Tử. Đây là một công trình hội đủ những yếu tố xứng hợp với giai tầng Trại Huấn Luyện Cấp 3 theo Qui Chế Huỳnh Trưởng

Kính cẩn,

TÂM HUỆ - Cao Chánh Hựu

Trưởng Ban BHD Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải ngoại

thẳng đến đạo Bồ Đề không còn ma sự nữa. Những lý ma như vậy là do người tu hành dùng những phân biệt giả dối để tự dối mình; chưa hiểu rõ chân lý “Phàm đã có tướng, đều là hư vọng; còn một chút phân biệt, là không phải chân thật”

11. Đức Phật dạy về cách cõi nút: Chúng ta đều biết là 5 Ấm quan hệ mật thiết với nhau. Vọng tưởng thì khởi lên trùng trùng điệp điệp từ Thức ấm, và đến khi tiêu diệt thì bắt đầu từ Sắc Ấm. Vọng tưởng sinh ra từ 5 Ấm là những thói quen lâu đời, lâu kiếp, nên về Lý có thể giác ngộ trực tiếp nhưng về Sự, phải theo thứ lớp tu tập. Cũng như cái gút thắt cái khăn, muốn mở phải mở ở chính giữa; Tương tự, muốn phá trừ 5 Ấm, chủ yếu phải trừ các vọng tưởng là gốc rễ của các Ấm; hết vọng là chân; không có gì mới lạ hết.

Để thay lời kết luận, tổng kết về bộ Kinh đồ sộ này, chúng tôi ghi lại thành bài học thứ 11 sau đây :

Bài học thứ 11: Mặc dù dưới bất cứ hình thức nào, dùng bất cứ phương tiện nào, những lời giảng của đức Phật vẫn là khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, và lời Phật thì chúng sanh loài nào cũng hiểu được hết, nhưng cùng một câu Kinh, cùng một bài kệ nhưng mỗi người tùy căn cơ trình độ của mình, có thể hiểu không giống nhau, vì thế học Kinh không chỉ 10 bữa, nửa tháng mà có khi năm nay mình hiểu như vậy, mấy năm sau mình có thể hiểu sâu hơn ...Bộ Kinh này quá dày, quá lớn và diệu dụng quá sâu, chúng ta phải tổng kết lại để nhớ nội dung của toàn bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm này:

Tưởng Ấm xúi giục nói đủ thứ chuyện đớ, như người ngủ say nói mơ, chính mình không hay biết nhưng tiếng nói đã hình thành và làm cho những người không ngủ đều có thể nghe hiểu!

8. Những Ma Cảnh thuộc Hành Ấm: Khi một người đã phá được Tưởng Ấm rồi thì Thiên Ma không quấy phá được nữa, nhưng chính là nội ma, nghĩa là những nhận thức sai lầm của chính hành giả làm trở ngại tu tập ; bởi vì trong khi quán xét tính thường chuyển động, lại móng tâm so đo chấp thường nên rơi vào mê lầm; Ví dụ, hành giả sau khi thấy được sinh diệt vô cùng vô tận, thì chấp lầm rằng trước đây 8 muôn kiếp, tất cả chúng sanh tự có mà thôi, không do nguyên nhân gì cả hay chấp lầm rằng mãi mãi về sau mọi sự mọi vật cũng đều như thế không do nhân duyên gì mà sinh ra cả.

9. Những Ma Cảnh thuộc Thức Ấm: Hành giả đến đây đã phá được cả 4 Ấm rồi, đáng lẽ “Sinh diệt diệt rồi, Tịch diệt là vui” nếu nhân đó phát ra trí tuệ mà tu hành thì sẽ chứng được A La Hán, nhưng nếu bị kẹt vào Thức ấm, nghĩa là khi Thức ấm hiện tiền lầm nhận Thức Ấm là cái nhân Chân Thường, hay nhận lầm Thức Ấm là cái ngã của mình, và chấp rằng chính mình là Tạo hoá, đã sinh ra mọi sự mọi vật ...

10. Những ma sự đức Phật nêu ra trong Hành ấm và Thức ấm đều là những Ma về lý luận, chứ không phải về sự tướng như trong các Ấm trước. Đó là vì những người ngộ được chân lý rồi mới tu hành, thì khi phá được Tưởng Ấm đã lên Sơ Địa Bồ Tát, và sẽ đi

Lời Thưa...



Thưa Anh Chị Em quý mến,

Đây không phải là một công trình nghiên cứu, hay một tập luận khóa, cũng không phải một công phu sưu tầm... Đây chỉ là một cuốn Sổ Tay Tu Học của một trại sinh Vạn Hạnh II trong nước, vào những ngày đen tối nhất của lịch sử Gia Đình Phật Tử trong thế kỷ 20. Hồi đó, trại huấn luyện Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử mình toàn là “trại chui” không hà! ☺☺ !! Cho nên trại Vạn Hạnh II cũng không ngoài “số phận” đó !

Còn nhớ lúc đó anh Nguyễn Châu, anh Nguyễn Khắc Từ, anh Đoàn Văn Lộc, anh Cao Chánh Hựu, anh Phan Cảnh Tuân, anh Nguyễn Văn Thục, anh Hoàng Trọng Cang, anh Nguyễn Văn Thạnh, anh Trần Ngọc Giao, anh Nguyễn Đễ, anh Ngô Văn Mão ... ở trong “Ban Quản Trại cũng như Ban Giảng Huấn bất thành văn” của trại Vạn Hạnh II. Rồi anh chị em trại sinh Vạn Hạnh II lại nằm trong những Ban Quản Trại bất thành văn của những trại Huyền Trang, A Dục, Lộc Uyển ... của Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Gia Định, làm thành 1 chùm Trại - văn hoa hơn, thì gọi là Liên Trại Huấn Luyện Vạn Hạnh-Huyền Trang-A Dục-Lộc Uyển. Xin mở một dấu ngoặc nhỏ là anh Tuân và anh Hựu

vừa “ở tù” ra là đến thăm trại Vạn Hạnh II liền! còn trong Ban Quản Trại các Trại Huyền Trang, A Duc, Lộc Uyển có anh Nguyễn Quang Tú, Trưởng Ban Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Gia Định, và anh Sử Thành là 1 trại sinh Vạn Hạnh 1 nữa.

Còn nhớ anh Nguyễn Sĩ Thiệu nói với chúng tôi (*khi anh từ Huế vào Sài Gòn thăm anh Giao, gặp lúc vài anh chị em chúng tôi đang học Kinh dưới sự hướng dẫn của anh Giao*) : “Mấy O, mấy Chú đánh du kích mà lại mở đại học quân sự. Liệu cẩn thận đó nha!” Thế mà mọi chuyện rồi cũng qua!

Quả thật, nghĩ lại còn giật mình! Rõ ràng là có Chư Long Thần Hộ Pháp che chở cho chúng ta, chứ không thôi làm sao qua mắt “họ” được!!!

Vì vậy, để ghi lại kỷ niệm của một thời đáng nhớ, Tâm Minh muốn viết thành những bài học, mà anh chị em đã chia sẻ với nhau trong những buổi học Kinh, những tâm tư tình cảm khởi lên khi được cùng nhau tu học, cùng chiêm nghiệm lời của chư Phật, chư Tổ...giống như tâm mình được tắm rửa bằng nước mát Cam lồ.

Mặc dù có ghi đầy đủ về 10 bộ Kinh đã học, nhưng thứ tự không theo ABC - cũng không theo đúng ngày giờ đã học- Vì sau này được học thêm, thì Tâm Minh lại phải cập nhật hoá chút chút ! Cũng không có ý định đem in để phổ biến rộng rãi, cho đến khi “anh Cả Hải Ngoại” của chúng ta, đề nghị phổ biến để giới thiệu sơ lược về các bộ Kinh đến Anh Chị Em Huynh

huyền , thì một niệm móng lên có thể hiện ra cảnh giới. (*Xin mở một dấu ngoặc để nói là Anh Chị Em chúng mình đừng lo, khi 1 niệm móng lên mà có thể làm sinh ra Cảnh thì trình độ thiền định của chúng ta đã cao lắm rồi, không còn ngồi học Kinh chung với nhau để nhắc nhở nhau những cái chút chút như vậy đâu !*)

6. Những Ma cảnh thuộc Thọ Ấm: Cũng như ma Sắc ấm, ma Thọ ấm là sau khi phá được Sắc ấm rồi, Tâm đã duyên với cảnh Vô phân biệt, nên rất vui mừng phấn khởi, đến nỗi tưởng mình đồng với chư Phật .. nên “*trên không thấy Phật, dưới không thấy người*” khoe khoang ngả mạn, bởi vì tuy cảnh vô phân biệt hiện tiền, nhưng Tâm còn vướng Thọ ấm, còn chấp những thấy, nghe, hay biết ... nơi sắc thân là Tâm của mình là thật, vì vậy không được tự do tự tại. Đức Phật ví dụ trường hợp này giống như người bị “*mộc đè*” tuy Tâm có hay biết, nhưng thân không cử động được, miệng không nói được v...v.. Đó là lý do tại sao tu Thiền có 3 châm ngôn: Vô sở Đắc, vô sở Cầu và Vô Sở Sợ.

7. Những Ma cảnh thuộc Tưởng Ấm: Hành giả đã phá được Sắc Ấm và Thọ ấm, coi như Tâm đã thoát ra khỏi hình hài, như con chim được sổ lồng rồi, nếu cứ thuận theo bản tâm mà lần lượt tu hành thì không sao, nhưng nếu tưởng mình đã đến chỗ thiện xảo, đã ngồi tòa sen , ...rồi tuyên bố vung vít, thuyết pháp búa xua nhưng lại phá luật nghi của Phật, bằng cách làm việc tham dục, nói chuyện vị lai, đoán trước vận mạng thế giới, mê hoặc nhân tâm, v...v.. tất cả đó đều là Ma; nếu trừ được ma Tưởng Ấm thì tâm được sáng suốt như gương sáng đã sạch bụi vậy. Đức Phật ví người bị Ma

tưởng lầm mình đã chứng đã ngộ thì sẽ mắc vào các tà kiến , đó chính là MA; đức Phật thường dùng thành ngữ “*Mình đã nhận giặc làm con*” để chỉ sự sai lầm vì thiếu tỉnh giác này.

3. Đức Phật đã chỉ ra rất nhiều cảnh Ma của các Ấm, Ma sự nào thuộc về Ấm nào v.v.. để hành giả biết mà tự giác, nhưng hành giả còn phải nên suy xét rộng hơn nữa, để biết phàm có phân biệt đều là hư vọng, thì mới khỏi đi vào mê lầm trước những cảnh hiện ra trong lúc tu tập (*mà mình lại tưởng đó là những bằng chứng của sự chứng ngộ của mình!!*)

4. Phân tích tâm cảnh hiện tiền của chúng sanh thì như ta đã biết, có 5 Nhóm là : Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức ; có tên là 5 Uẩn hay 5 Ấm vì tính chất của nó là ngăn che như mây mù, do thói quen phân biệt, làm cho chúng ta không nhận ra được bản Tâm thanh tịnh. Đức Phật dựa vào 5 Ấm mà phân biệt các Ma sự.

5 Những Ma cảnh thuộc sắc Ấm: Người tu hành nếu có tâm mong cầu thì Thiên định sâu có thể cho hành giả “thấy” được ngay (*như nhân gian thường nói “cầu được ước thấy” vậy đó*).

Ví dụ nếu móng tâm được nghe Pháp thì giữa hư không, có thể nghe thuyết pháp; nếu cầu tâm được sáng suốt thì giữa đêm khuya bỗng thấy mọi vật sáng như ban ngày, nếu móng tâm muốn mau chóng thoát khỏi thân tứ đại, thì thân thể theo cái niệm ấy hoá thành vô tri, đốt không biết nóng, cắt không biết đau ...

Nói tóm lại, tất cả các Cảnh đều do Tâm mà biến hiện:Tâm ở trong Định, chuyên chú về Cảnh như

trưởng có quan tâm đến việc tu học, các Anh Chị Huynh trưởng trại sinh Vạn Hạnh 1 Hải Ngoại - cũng như sắp tới đây - trại Vạn Hạnh của Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Hoa Kỳ tổ chức. Xin chia sẻ với Anh Chị Em và xin được chỉ giáo.

Thân kính chúc Anh Chị Em luôn dũng mãnh tinh tấn trên hành trình tiến về Đất Phật.

Trân trọng,

TÂM MINH Vương Thúy Nga



Dục giới có Lự mà không Tịnh, Vô Sắc Giới có Tịnh mà không Lự; chỉ ở Sắc giới là có đủ Tịnh và Lự nên riêng Sắc Giới được tên là Thiên.

- Sơ Thiên = Ly sinh hỷ lạc địa
- Nhị Thiên = Định sinh hỷ lạc địa
- Tam Thiên = Ly hỷ diệu lạc địa
- Tứ Thiên = Xả niệm thanh tịnh địa

Sơ Thiên còn có 3 bậc, Nhị Thiên cũng có 3 bậc, Tam Thiên cũng có 3 bậc, Tứ Thiên thì có 4 bậc.

Đức Phật nói rất rõ về các cõi Trời trong Sắc giới, và Vô sắc giới đồng thời cũng khai thị chỗ hư vọng của 7 loài (*Lục đạo + Thần tiên*) để khuyến khích đại chúng tu hành theo đúng Chánh Pháp.

Đức Phật cũng nói rõ về 4 Chúng A Tu La nữa (A Tu La = Phi thiên) A Tu La tuy có thần thông biến hoá, nhưng còn nhiều lòng giận hờn, nóng nảy, ưa chiến tranh ... nên không được lên các cõi Trời; A Tu La không thuộc về một loài nào nhất định, có giống A Tu La thuộc loài quỷ, có giống thuộc loài người, có giống thuộc loài Trời, có giống thuộc súc sinh ...

Bài học thứ 10: Phân biệt các ám Ma

Bài học này gồm nhiều bài học nhỏ:

1. Ma là bất cứ cái gì quấy phá, cản trở việc tu hành; vì thế có Nội ma và Ngoại ma nữa. Ma ở ngoài có thể là người, là quỷ thần, là vật ... còn ma ở trong chính là những tư tưởng sai lầm.

2. Nếu người tu hành tỉnh giác, không lạm nhận là CHỨNG, là NGỘ thì không có việc gì, ngược lại, nếu

2. “Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, cập Thử Hội Trung Tính Tỳ kheo Ni, Đắc Bồ Đề Tâm, Nhập Biến Tri Hải”

3. “ Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa”

4. “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú”

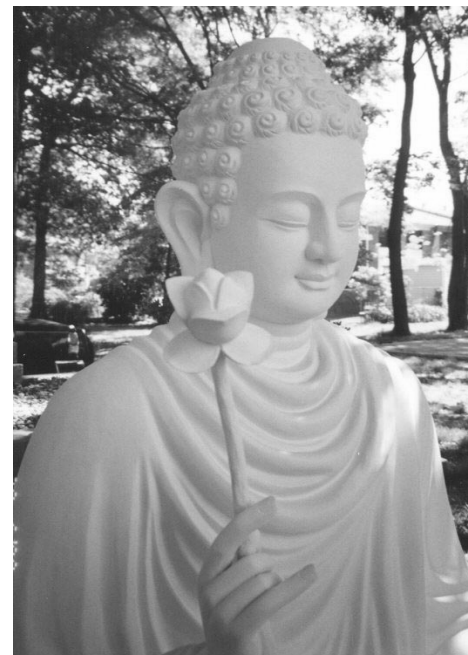
5. “Quán Đỉnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thử Lăng Nghiêm.”

Trong 5 tên Kinh có tên về Hiển giáo, có tên cho Mật giáo, nhưng cốt lõi giống nhau ở chỗ chú trọng về căn bản Trí, ngay nơi mê lầm của chúng sanh, chuyển Thức thành Trí thì được giác ngộ.

Phần sau của quyển 8, đức Phật còn khai thị nhiều điều mới lạ đối với anh chị em chúng ta, ví dụ như nói về Đạo Tiên; Tuy nhiên, chúng ta là Phật tử, chỉ mong được Phật Pháp chứ không nghiên cứu sâu về Tiên Đạo mặc dù biết rằng thọ mạng của các vị Tiên có thể lên đến ngàn vạn năm, nhưng khi hết phước báo rồi cũng xoay vần trong lục đạo!

Bài học thứ 9: Dục giới Sắc Giới và Vô Sắc giới.

Lâu nay chúng ta cũng có biết về 3 cõi này, nhưng chưa có “bài bản” hẳn hoi, ở đây đức Phật chỉ rõ đặc tính từng cõi, đặc biệt là nói về Thiên. Chúng ta thường nghe Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên Tứ Thiên và đó là 4 Bậc Thiên của Sắc Giới còn Dục giới và Vô Sắc giới thì không nghe nói đến; học Kinh đến đây mới biết rõ ! Thiên hay Thiên Na Hán dịch là Tịnh Lự; *Tịnh = vắng lặng, không tán loạn, có tác dụng dứt trừ mê lầm. Lự = suy nghĩ, quán sát đúng đắn, có tác dụng phát ra trí tuệ.*



KINH PHÁP HOA

- Phẩm Tựa -

“...Giai đoạn khó khăn nhất là sau 75 ở quê nhà. Vào khoảng 1985 - 86 các anh lớn của chúng tôi muốn đưa ra một chương trình tu học cho các Huynh trưởng trong Ban Hướng Dẫn Tỉnh và những Huynh trưởng có cấp, nên đã tạo ra một lớp học Phật pháp cho các Huynh trưởng ở Sài Gòn và các tỉnh miền Nam. Nói là "lớp học" nhưng "các Chúng tự học với nhau" có gì không hiểu thì hỏi quý Thầy, các Anh. Kể cả kinh sách cũng tự đi tìm lấy mà học ...”

Chúng tôi bắt đầu bằng bộ kinh Pháp Hoa. Kinh gồm 28 phẩm, chúng tôi quyết định mỗi tuần phải học xong một phẩm. Nhiều bạn có cả kinh Pháp Hoa lẫn sách chú giải...”

- *Đoạn thực*: các đồ ăn qua miệng, dạ dày (tức là qua thân) để nuôi lớn và bồi bổ cơ thể.
- *Xúc thực*: Thức ăn nuôi dưỡng cơ thể do những cảm xúc đem lại.
- *Tư thực*: Tư tưởng duy trì sự sống (những người chết vì tương tư như Trương Chi là do không ăn bằng đoạn thực mà chỉ ăn bằng tư thực, vì vậy tuyệt vọng giết chết họ, không cần đến dao, gươm ...)
- *Thức thực*: Thức thứ 8 duy trì sự sống; có khi những bộ máy tuần hoàn, hô hấp ... trong cơ thể vẫn hoạt động mà nhiều người phải chết vì thức thứ 8 đã rời bỏ cơ thể.

Bài học thứ 7: Đức Phật chỉ về an lập các Thánh vị, tức là thứ bậc tu hành, tên gọi khác nhau tùy theo đó là theo Tạng giáo, Thông giáo hay Biệt giáo; Theo Biệt giáo thì Thánh vị thứ nhất là Càn Tuệ Địa ; 2. Thập Tín, 3. Thập Trụ, 4. Thập Hạnh, 5. Thập Hồi Hướng, 6. Noãn Địa, 7. Đỉnh Địa, 8. Nhãn Địa, 9. Thế Đệ nhất Địa, 10. Thập Địa, 11. Đăng Giác và 12. Diệu Giác.

Chúng ta học cho biết, chứ thực hành những phép tu này để từ Càn Tuệ Địa lên cho đến Đăng giác hay Diệu giác nhất định là phải còn nhiều kiếp nữa!

Bài học thứ 8: chỉ dạy tên Kinh: theo lời thỉnh cầu của ngài Văn Thù Sư Lợi, đức Phật dạy rằng Kinh này có 5 tên, đó là:

1. “Đại Phật Đảnh, Tất Đát Đa Bát Đát Ra, Vô Thượng Bảo Ấn, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân”

đảo của chúng sanh (*Phân biệt, chấp trước, yêu ghét, tham sân ...*) thì hiện ra cảnh giới chúng sanh, nếu được huân tập theo chánh pháp, phù hợp với bản tánh bình đẳng của Tâm, thì hiện ra cảnh giới của các bậc Thánh và các vị Bồ Tát ...Do vậy, không có gì đáng gọi là Sinh, cũng không có gì đáng gọi là Diệt cả, nghĩa là khi giác ngộ rồi thì sẽ thấy rõ không có Sinh Tử để giải thoát, không có Niết Bàn để chúng ngộ ! Nhưng trong lúc đang tu tập thì phải qua nhiều giai đoạn rèn luyện, đó gọi là thứ bậc tu hành, mà tôn giả A Nan yêu cầu đức Phật giảng rõ.

Bài học thứ 6: Vì tâm tính căn cơ của chúng sanh nên việc tu tập cũng khác nhau, tựu trung có mấy loại Đốn (*nhanh, bất ngờ, đột xuất ..*) và Tiệm (*chậm, từ từ*) như sau:

- Có người đốn tu và đốn ngộ,
- Có người đốn tu mà tiệm ngộ,
- Có người tiệm tu mà đốn ngộ,
- Có người tiệm tu và tiệm ngộ.

Phật chỉ rõ 3 giai đoạn tu tập và đặc biệt, dặn dò người tu tập dứt khoát đừng ăn 5 thứ rau cay sau đây: hành, hẹ, tỏi, nén, và hưng cừ (*1 loại củ ở Ấn Độ dùng làm gia vị*) vì các thứ này kích thích rất mạnh; ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm lòng giận, lại có hương vị đậm đà làm cho người ăn dễ mê đắm theo các vị ấy, nên cần phải dứt bỏ.

Nhân đây đức Phật giảng thêm về 4 loại thức ăn mà hầu hết Anh Chị Em chúng ta đều đã biết:

Người ta thường nói: "*Ăn cơm có canh, tu hành có bạn*". Đối với tôi, câu nói này thật là quá đúng. Ngày nhỏ chưa biết gì nhưng từ khi làm Huỳnh Trường Gia Đình Phật Tử tôi đã thấy ích lợi của một tăng thân. Chúng tôi thường tập trung thành từng nhóm 5, 7 người để cùng nhau tu học.

Giai đoạn khó khăn nhất là sau 75 ở quê nhà. Vào khoảng 1985 - 86 các anh lớn của chúng tôi muốn đưa ra một chương trình tu học cho các Huỳnh trưởng trong Ban Hướng Dẫn Tỉnh và những Huỳnh trưởng có cấp, nên đã tạo ra một lớp học Phật pháp cho các Huỳnh trưởng ở Sài Gòn và các tỉnh miền Nam. Nói là "*lớp học*" nhưng "*các Chúng tự học với nhau*" có gì không hiểu thì hỏi quý Thầy, các Anh. Kể cả Kinh sách cũng tự đi tìm lấy mà học.

Theo qui định của các Anh, Sài Gòn một Chúng và mỗi tỉnh có một Chúng. Chúng tu học của chúng tôi (*Sài Gòn*) có tên là Chúng Cổ Pháp và phải thanh toán xong các bộ kinh sau đây trong thời gian tối đa là ba năm:

1. Phát Bồ Đề Tâm Văn (*của Ngài Thật Hiền*).
2. Kinh Di Giáo.
3. Kinh Pháp Bảo Đàn.
4. Kinh Kim Cang.
5. Kinh Lăng Nghiêm.
6. Kinh Thắng Man.
7. Kinh Pháp Hoa.
8. Duy Thúc Học (*hay Thắng Pháp Tập Yếu Luận cũng được*)
9. Kinh Duy Ma Cật.
10. Kinh Hoa Nghiêm

Thứ tự không cần theo đúng, miễn là khi học xong một bộ kinh nào, thì có một người đại diện Chúng trình bày lại quá trình tu học như thế nào cho các Anh nghe.

Hồi đó, muốn đến nhà nào buổi tối mà trên ba người thì chủ nhà phải báo cho công an khu vực biết. Chúng tôi có tới 10 anh chị em, mỗi tuần học Phật pháp một lần vào tối thứ Năm, cho nên chúng tôi thay đổi địa điểm luôn để khỏi phải báo cáo. Chúng tôi nghĩ rằng mình tu học thì cần gì phải báo cáo. Và lại nếu mình báo cáo, mấy ông tối ngồi nghe có thể xảy ra nhiều cái nguy hiểm không lường trước được. Ví dụ hồi anh Như Tâm Nguyễn Khắc Từ đi dự trại ở Phan Thiết, anh nhắc lại câu nói của Đức Phật: "*Các người hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi*" vậy mà công an Phan Thiết bắt bỏ tù mấy năm, vì cho rằng ảnh xúi giục thanh niên phản động. Họ nói mình chê ngọn đuốc của đảng Cộng Sản nên mới tự thấp đuốc lên mà đi.

Thật là một sự hiểu lầm tai hại và câu chuyện giống như câu chuyện tiểu lâm nhưng mà đó là sự thật 100%. Do đó chúng tôi rút kinh nghiệm là học Phật pháp không có gì phải báo cáo cả. Thế là anh chị em chúng tôi cứ thay phiên nhau phụ trách chỗ tu học của Chúng mình. Khi thì ở nhà anh A, khi thì nhà chị B, khi thì sân chùa Vạn Hạnh, Già Lam.

Tôi vẫn nghĩ rằng khi nào có dịp tôi sẽ viết lại những kỷ niệm về các buổi học này. Giai đoạn sinh hoạt khó khăn của người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử,

Hoà, người Ấn Độ, biết nói tiếng Việt nhưng không rành lắm, anh có dạy chúng tôi đọc chú Đại Bi, chú Lăng Nghiêm theo tiếng Phạn ... Anh nói rằng Thần Chú quan trọng là ở sự rung động (*vibration*) và tấm lòng thành kính tương ứng với chư Phật, chư Bồ Tát trong 10 phương, sự tương ứng đó là Từ bi và Trí tuệ .. trong lúc niệm Chú, phải toàn tâm, toàn ý phát khởi tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả (*4 vô lượng Tâm*) thì sẽ thấy linh nghiệm, vì Chú tức là Tâm, Tâm tức là Chú. Thế cho nên, chúng ta còn phải học thêm về cách "*rải tâm Từ*" để thực hành hằng ngày nữa đó!

Bài học thứ 5: Tôn giả A Nan hỏi về những Danh Mục của thứ bậc tu hành. Đức Phật dạy: Phật và chúng sanh vốn không sai khác, Tâm tánh vốn không mê, không ngộ, không thêm không bớt, chỉ là Phật XOAY cái VỌNG KIẾN lại, thì được Vô Thượng Bồ Đề, XOAY cái SINH DIỆT lại thì được Niết Bàn. Tuy nhiên, câu hỏi của A NAN rất hay (*Phật khen chứ không phải Anh Chị Em chúng ta khen đâu nha!*) nhân đây Phật chỉ ra 2 cái nhân điên đảo.

Phật dạy: "*Muốn biết thế nào là giác ngộ, thì trước hết phải biết thế nào là mê lầm.*"

Hai cái điên đảo đó là: Diên đảo về chúng sanh và diên đảo về thế giới.

Diên đảo về chúng sanh mới hình thành ra diên đảo thế giới, 12 loài chúng sanh ... (*như đã đề cập trong lần học trước, thời gian có 3 đời, không gian có 4 phương ..do sự chi phối của nghiệp thức, mà chúng sanh biến đổi từ cảnh giới đến cách sinh sản, thân hình, cách sinh sống v.v..*) Từ đó, tất cả các cảnh giới đều theo theo luân tập mà biến hiện: Nếu được huân tập bằng những tư tưởng diên

Thanh Tịnh Tâm và Diệu Dụng Từ Bi Phổ Độ Chúng Sanh Tâm; Có như vậy thì tất cả nghiệp chướng đều tiêu trừ, và mọi việc mình làm đều là Phật sự, không phải Ma sự!

Bài học thứ 3: Đức Phật dạy rất rõ ràng nghi thức thành lập đạo tràng. Rất nhiều và rất chi tiết; người đọc, nếu không thích thì cho là rườm rà, mê tín dị đoan nhưng thật ra, những nghi thức ấy tuy là Sự nhưng vẫn tượng trưng cho Lý, như hoa Sen tượng trưng cho nhân quả đồng thời, cái gương tròn tượng trưng cho tính Viên dung, Đại viên cảnh trí, những ảnh ảo lộng nhau nhiều lớp trong 1 hệ thống gương sắp song song hay thành góc ... tượng trưng cho Pháp giới duyên khởi trùng trùng vô cùng vô tận ... (*Ở đây chúng ta lại gặp tư tưởng trong kinh Hoa Nghiêm rồi, không phải sao ?*)

Bài học thứ 4: Đức Phật tuyên đọc “*Thần Chú Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm*”; Đây là Thần Chú tối cao nên đức Phật phóng hào quang từ đỉnh đầu. Thần chú gồm 427 câu, từ trước đến nay không phiên dịch, có vài bản dịch Nghĩa (*tương tự như Đà La Ni xuất tượng*); chỉ có phiên âm theo từng quốc độ, chúng ta quen dùng bản Hán tự, nhất định là có sai khác ít nhiều; tuy nhiên, với tâm thành chánh tín mà tụng niệm, thì nhất định sẽ thấy diệu dụng và sự linh nghiệm của Thần Chú ngay như tôn giả A Nan được cứu thoát khỏi nạn Ma Đãng Già vậy!

Nhớ ngày xưa anh Atma (còn nhớ full name của Anh là Idnani Atma, có phải không các bạn Khánh Hoà của những năm 60?) 1 Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Khánh

nhưng cũng là giai đoạn đáng nhớ nhất, vì hình như trong gian khó nguy nan chúng ta càng thương yêu, hiểu biết nhau hơn, cũng như chia ngọt xẻ đắng với nhau trong mọi lúc, có khi còn hơn cả tình ruột thịt.

Có những buổi trưa nắng gắt, vài anh chị em chúng tôi phải chạy qua chùa Vạn Hạnh "*cần cứu*" Thầy Chơn Thiện vì Duy Thúc quá khó "*Tối nay phải học Duy Thúc rồi mà bảy giờ tối con chưa hiểu rõ về 30 bài tụng Thầy ơi*". Thế là Thầy bỏ giấc ngủ trưa ra sức giảng "*Duy Thúc Tam Thập tụng*" ra tiếng Việt cho chúng tôi nắm bắt kịp. Chúng tôi thật vất vả theo cho kịp những lời giảng của Thầy về sự "*triển chuyển của Nghiệp*" mờ hôi nhẽ nhạt trong buổi trưa Hè cúp điện (*nên không có quạt*) Ôi, những kỷ niệm thật tuyệt vời về Thầy, về Bạn và các Anh Chị.

Trở lại với chuyện tu học của Chúng Cổ Pháp: Chúng tôi lập ra một bản danh sách về sách Phật pháp, kinh điển, rồi coi thử trong Chúng ai có bộ nào. Bộ nào cả Chúng không ai có, thì để mượn quý Thầy hay các Anh sau và sẽ học sau cùng. Thật là may, gần như bộ kinh nào cũng có hai, ba anh chị đều có. Kinh Pháp Hoa thì hầu hết mọi người đều có và chỉ có kinh Thắng Man là mọi người đều không có, nhưng biết tên người có sách này nên tất cả đều thật là hoan hỷ.

Chúng tôi bắt đầu bằng bộ kinh Pháp Hoa. Kinh gồm 28 phẩm, chúng tôi quyết định mỗi tuần phải học xong một phẩm. Nhiều bạn có cả kinh Pháp Hoa lẫn sách chú giải, cụ thể như sách của các Thầy Thiện Hoa, Thanh

Từ, Từ Thông, Thông Bửu, Chơn Thiện, Trí Quảng, Bác Tâm Minh Lê Đình Thám, Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền...v.v... nên tương đối khi học kinh Pháp Hoa chúng tôi không phải "*khổ sở chạy đôn chạy đáo*" như các bộ kinh khác (*Thắng Man hay Duy Thức chẳng hạn*).

Khó khăn ban đầu (*và còn mãi về sau này*) là khi gặp từ ngữ nào ít dùng, chúng tôi thường dùng lại rất lâu, không ai nhường ai, mạnh ai nấy nói, nhất là khi anh chị nào đã được đọc sách hay nghe quý Thầy giảng về chữ đó. Cuối cùng, chúng tôi cũng khắc phục được một phần nào là đưa ra một luật chung: bất cứ bàn luận sôi nổi như thế nào cũng phải chấm dứt bàn luận trước giờ tan lớp học là nửa giờ, để mỗi người nói ra trước Chúng bài học mà mình đã nhận được trong buổi học này, và đã áp dụng bài học ấy trong cuộc sống như thế nào. Từ đó chúng tôi bớt tranh cãi về từ ngữ để hướng đến cốt tủy của câu kinh mình vừa đọc.

Tất nhiên ai nấy đều đọc trước ở nhà, đến lớp chỉ là để được soi sáng thêm những chỗ mình còn thắc mắc. Đôi khi có anh chị đã nghe quý Thầy giảng hay nghe băng kinh rồi nhưng khi anh chị em bàn cãi, thảo luận, mình vẫn được sáng thêm. Trong giai đoạn này câu nói "*Tam ngu thành hiền*" tôi ngắm nghĩ thấy thật thấm thía. Bây giờ xin đi vào những bài học mà anh chị em chúng tôi đã thu lượm được sau khi học xong **phẩm Tựa** của kinh Pháp Hoa.

Phẩm này chúng tôi tranh cãi nhiều về cách xếp

Đây chỉ là nhắc lại thôi, lúc trước đức Phật đã dạy 4 điều quyết định: Thân tâm quyết định, không phạm những giới căn bản Sát – Đạo - Dâm Vọng, lại dạy lấy Trực tâm làm đạo tràng, vì nếu pháp môn một đường, tâm niệm một ngã, thì việc tu hành nhất định không có kết quả được ! (*Ở đây chúng ta lại gặp tư tưởng trong kinh Duy Ma Cật rồi, phải không?*)

Bài học thứ 2: Phật giáo có Hiển giáo và Mật giáo. Mật giáo dạy những câu Thần chú ngắn gọn, có diệu dụng nhất định, dành cho những người chỉ muốn hành trì, đọc tụng Kinh Chú .. chứ không muốn hay không có điều kiện học giáo lý sâu xa dài dòng ...Chư Tăng về Mật tông, khi truyền dạy các Thần Chú này đều có giảng ý nghĩa để người hành trì có thể miệng đọc Chú, tay bát ấn, Ý quán tưởng; đó là Tam Mật Gia Trì, nói nôm na theo Anh Chị Em Huỳnh trưởng chúng ta là 3 nghiệp: Thân, Khẩu, Ý đều thanh tịnh.

Chú Lăng Nghiêm là một trong các Thần Chú đó; Câu Chú Lăng Nghiêm có tên là Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra có thể dịch là Đại Bạch Tán Cái; Đại là lớn, chỉ cho cái Thể rộng lớn, cái Tướng rộng lớn, cái Dụng rộng lớn của Bản Lai Tự Tánh. Bạch là trắng, nghĩa là trong sạch không bị ô nhiễm. Tán Cái là cái lọng, có nghĩa là tự che chở cho mình và che chở cho tất cả chúng sanh khỏi bị mưa nắng của phiền não khổ đau. Tóm lại, “Đại” tiêu biểu cho Bản tánh Chân như, “Bạch” tiêu biểu cho Trí Tuệ giải thoát hay Nhất thiết trí, “Tán Cái” tiêu biểu cho Từ Bi, Nhất thiết chủng trí. Tóm lại, khi tụng Chú Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra thì trong Ý phải quán Nhất Chân Như Tâm, Tự Tánh

KINH LĂNG NGHIÊM (tiếp theo)

Buổi học thứ Ba: - quyển 7, quyển 8, quyển 9 và quyển 10 -



Người ta thường nói “Học Kinh Lăng Nghiêm thì đổ nghiệp” hay là “học Kinh Lăng Nghiêm thì bị Ma phá” Khi học đến đây, mới hiểu tại sao thiên hạ nói “bậy bạ” như vậy ! - xin thưa đó là vì ở phần cuối Kinh, đức Phật chỉ dạy về Ngũ Ấm Ma, về những ma sự, Ngài phân tích rành rẽ về các thứ Ma (Có tất cả hơn 50 thứ Ma). Do đó đối với Anh Chị Em chúng tôi, Kinh Lăng Nghiêm càng ngày càng lôi cuốn, càng hấp dẫn. Anh Chị Em chúng tôi đua nhau phát biểu lên những bài học tâm đắc của mình.

Bài học thứ nhất: Đó là lời dạy của Đức Phật cho A Nan khi đức Từ Phụ khai thị về Mật giáo, thâm giúp cho những người tu hành: Người muốn vào Tam Ma Đề, tu học pháp môn nhiệm mầu cầu đạo Bồ Tát, trước hết cần giữ 4 thứ luật nghi, trong suốt như băng giá, tự không thể sinh ra được tất cả hành lá, 3 ý nghiệp, 4 khẩu nghiệp không còn có nhân mà sinh ra được.

Thế cho nên muốn hành trì theo kinh Lăng Nghiêm thì phải giới luật thanh tịnh, nếu sống đời phóng dật mà đọc tụng Lăng Nghiêm, thì nhất định là phải bị ma phá rồi (ma như kiểu Ma đăng Già đó !)

đặt các phẩm. Phẩm nào mới thêm vào sau, phẩm nào đã có sẵn, lý do...v...v. Sau đó mỗi người nói lên sự thu nhận của mình như sau: (*chúng tôi chỉ xin đưa ra những bài học không trùng nhau thôi*)

1. Phẩm này cho ta nhìn được thông suốt hai phần: Phần Bản môn (*chân lý muốn đời vượt không gian và thời gian*) và phần tích môn (*lịch sử*). Ví dụ khi nói Đức Phật Thích Ca sắp nói kinh Pháp Hoa: đó là nói về một sự kiện lịch sử (*Tích môn*) khi nói rằng Đức Phật đã giảng nói kinh này trong nhiều đời xa xưa hay nói Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cũng đã từng giảng kinh Pháp Hoa thì đó là bản môn (*chân lý đã có tự muôn đời*).

Từ đó, chúng ta có cái nhìn rộng rãi hơn khi học kinh, cũng như khi dạy Phật pháp cho các em, không chấp thủ như trước đây. Ta dễ dàng giảng cho các em hiểu những thắc mắc đôi khi rất ngây thơ và ngây ngô "Phật là đàn ông hay đàn bà? Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A Di Đà ai lớn hơn? Sao nói Đức Phật Thích Ca ra đời để đưa đạo Phật vào đời, mà lại nói có nhiều Đức Phật đã ra đời trước Đức Phật Thích Ca? "

2. Học kinh Pháp Hoa ta thấy Đức Phật không nhập Niết Bàn, Phật còn ở ngay bên chúng ta. Nếu ta đừng thấy sinh diệt thì tức là thấy Phật. Chúng ta nhận ra được "Tính không thực có của thời gian và không gian".

3. Ngôn ngữ trong kinh Pháp Hoa là ngôn ngữ biểu tượng. Do vậy, tên của các vị Bồ Tát, Thanh Văn, các

vị Thái tử, Vương tử ..v...v... đều có ý nghĩa đặc biệt. Từ đây chúng ta có thể hiểu được nhiều hơn về các "ẩn nghĩa" khi đọc các bản văn của các tác giả Ấn ngày xưa, ví dụ như kinh Vệ Đà hay Áo Nghĩa Thư chẳng hạn.

4. Ý nghĩa tên kinh Diệu Pháp Liên Hoa thật là đúng là kỳ diệu. Những đức tính của Hoa Sen thật là nhiều, nhưng tôi tâm đắc nhất là "*trong Nhân đã có sẵn Quả*" của nó.

Học phẩm này tôi nhớ lời Phật dạy: Khi đang phân vân không biết có nên đem Phật pháp giảng cho chúng sanh hay không thì Ngài nhìn thấy một hồ sen: hình ảnh những hoa sen đã trỗi lên mặt nước, những cái còn là đũa trên mặt nước, có cái còn ở dưới nước làm cho Ngài nghĩ đến căn cơ của chúng sinh cũng y như vậy.

Chúng ta bây giờ cũng phải nhớ đến hình ảnh này để biết các em của chúng ta cũng y như vậy, căn cơ khác nhau, trình độ không đều, đòi hỏi chúng ta nhiều kiên nhẫn và sáng suốt trong việc giảng dạy Phật pháp cho các em.

5. Nguyên nhân ra đời của Chư Phật, trong quá khứ cũng vậy mà trong tương lai cũng vậy, chỉ vì một đại sự nhân duyên là "*Khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật*".

Đức Phật Thích Ca cũng vậy, Ngài thị hiện ở cõi Ta Bà này, ấy là Ngài cho ta thấy Ngài cũng là người, sinh ra từ loài người, chịu khó tu tập và Ngài đã thành Phật.

dù tuổi đã xế chiều. Tất nhiên không chỉ ly gia, cắt ái là thành Phật, nhưng đó vẫn là điều kiện tối thiểu. Còn chúng ta đây là "*Tu Nháp*" thôi, đâu ai dám nói mình sẽ thành Phật ngay trong hiện kiếp ?

Đến đây, chúng tôi kết thúc buổi học thứ hai, hẹn gặp lại nhau trong buổi học Kinh Lăng Nggiiêm thứ 3 sắp đến.



Cuối cùng đức Thế Tôn nhấn mạnh: “*Muốn tu Định, muốn hành Thiền rốt ráo để đi đến thành tựu Đạo giải thoát, dù là Chi hay là Quán ... đều phải quyết tâm dứt bỏ triệt để Sát, Đạo, Dâm và đặc biệt là giới Dâm*”

Ở đây Anh Chị Em chúng tôi có một người suy nghĩ: Dâm là “tà” rồi, không thể có “chánh dâm” được, cho dù là đời sống “*một vợ một chồng*” đi nữa, cho dù động cơ là “*nối dõi dòng giống*” v..v.. đi nữa thì ái dục cũng là quy về 1 chữ dâm, nếu còn có dâm dục, thì làm sao không có sinh tử luân hồi cho được, phải không thưa các bạn? Cho nên, không phải trước khi thành Phật, phải chuyển nữ thành nam - mà là *phải chuyển cái tâm tham dục, trong đó ái dục đứng đầu, thành cái tâm thanh tịnh không bị dục tình làm ô nhiễm* - nếu còn luyện ái búa xua, dù bất cứ vì lý do gì, dưới bất cứ hình thức nào thì nhất định không thành Phật được đâu , có phải không các bạn ?

Tuy nhiên, nói tới thì phải nói lui, không phải cuộc sống đánh giá con người mà chính là cái Tâm quyết định, chúng ta đều đã biết, một Ngài Duy Ma Cật sống đời phóng khoáng, đối với thế gian là người có năm thê bảy thiếp, hay một cô kỹ nữ (*Kinh Hoa Nghiêm*) cũng vẫn đạt được trí tuệ giải thoát ... với những người này thì không thể đem cái lý thế gian thường tình mà đo lòng Bồ Tát đâu nha! Nhưng trong Anh Chị Em chúng ta thì không có ai là Duy Ma Cật cả mà !!! Có đúng không? Có lẽ đó cũng là lý do chính mà trong Anh Chị Em mình có người quyết định xuất gia,

Vậy chúng ta, những con người trong cõi Ta Bà này, rồi cũng sẽ thành Phật trong tương lai. Từ đó, ta có niềm tin ở Phật tánh trong ta và trong mọi người, ta có thể tự rèn luyện để một ngày nào đó vị Phật trong ta có thể hiển lộ.

6. Học kinh Pháp Hoa mới biết rõ nghĩa của mấy chữ như các bậc "*Hữu học*" và "*Vô học*". Không phải như nghĩa thông thường của thế gian là (*vô học = không có học, không có giáo dục*)

Vô học đây là những bậc không cần học với ai nữa cả, còn gọi là học đã đạt đến "*vô sư trí*" nghĩa là trí tuệ của họ tự đầy đủ, không cần phải học hỏi từ một bậc thầy nào nữa. Từ đây ta không bao giờ tự hào là nếu mình biết Hán tự thì nhất định mình hiểu rõ được các từ ngữ trong kinh. Ta phải luôn thận trọng trong việc học kinh điển và luôn nhắc nhở mình bằng câu nói:

"Y kinh liễu nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự tức tùng ma thuyết".

7. Tại sao Ngài Bồ tát Di Lạc lại phải hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi để giải mối nghi của mình ?

Tại vì chỉ có thật trí (*Ngài Văn Thù Sư Lợi là biểu tượng của trí huệ Phật*) mới hiểu biết được những hiện tượng lạ như đã tả trong kinh (*phẩm Tựa này*)

Trước khi Phật giảng nói kinh Pháp Hoa. Ngài Di Lạc trong một kiếp trước rất xa xôi kia là Bồ tát Cầu Danh, trong khi Ngài Văn Thù là Bồ tát Diệu Quang là

thầy của Bồ tát Cầu Danh và vô số các đệ tử khác. Bồ tát Văn Thù đã từng trì tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa cho chúng sanh trong 80 tiểu kiếp. Cầu Danh ham thích danh lợi, tuy cùng đọc tụng kinh nhưng chỉ làm cho có, không tinh tấn tu tập nên không đạt trí tuệ vô thượng vì thế, không thành Phật được.

Đây cũng bài học cho chúng ta hôm nay vì trong chúng ta có thể có nhiều vị Bồ tát Cầu Danh lắm đó. Nếu chúng ta đọc kinh sách rất nhiều nhưng cũng như là đọc tiểu thuyết (*nghĩa là đọc để giải trí mà không tu tập*) nếu chúng ta làm việc Gia Đình Phật Tử với tâm mong cầu được nổi tiếng, được có các em để nhờ vả sai bảo, dùng danh nghĩa của tổ chức để thực hiện tham vọng riêng tư của mình v.v.. thì rõ ràng chúng ta có "tu" vô lượng kiếp theo kiểu này đi nữa, chúng ta cũng không bao giờ "*ngộ nhập tri kiến Phật*" được cả.

8. Trong câu chuyện kể của Ngài Văn Thù Sư Lợi có tên của tám vị vương tử con vua (*mà sau này xuất gia thành Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh*) cũng có ý nghĩa là 8 thức đó là: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt Na thức và A Lại Da thức.

Chúng ta phải gìn giữ sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần (*thế giới bên ngoài*) và coi chừng "*anh chàng thú 7: Mạt na*" sinh tâm phân biệt, ưa ghét, thị phi v.v.. làm sao để - trong mọi lúc - "*cái nghe cứ là cái nghe, cái thấy cứ là cái thấy*" thì lúc đó, ta mới thực sự bước vào ngưỡng cửa giải thoát mọi khổ đau phiền não được.

thế gian và xuất thế, sáng suốt cùng khắp 10 phương được 2 món thù thắng:

a) Trên hợp với bản giác diệu tâm của thập phương chư Phật,

b) Dưới hợp với tất cả chúng sanh lục đạo 10 phương, cùng với các chúng sanh đồng một bi ngưỡng.

Do Từ lực, hiện ra 32 ứng thân, do Bi ngưỡng, bố thí 14 công đức vô úy, theo cơ cảm hiện ra 4 diệu đức không thể nghĩ bàn, rồi ngài Quán Thế Âm Bồ Tát kết luận phép tu Nhĩ căn viên thông là thù thắng bậc nhất. Thật ra, mỗi vị khi chọn cho mình một phép tu, thì phép tu ấy là tối thắng đối với họ, rồi vì hợp với căn cơ trình độ ... của vị ấy; Đó là lý do đức Thế tôn mời chư vị trình bày, để Đại chúng và người đời sau đọc Kinh tự chọn cho mình một đường hướng tu tập thích hợp. Điều lý thú nữa là ở đây chúng ta được nghe trình bày giảng giải của đức Quán Thế Âm Bồ Tát, không khác gì được đọc lại phẩm Phổ Môn của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa vậy!

Sau đó, đức Phật chỉ đích từng phép tu cho chư vị đệ tử của mình thông qua ngài Văn Thù Sư Lợi, và những lời dạy của đức Thế Tôn đều được tóm tắt bằng những bài kệ như bài kệ trong "*bài học thứ 15*" hôm nay vậy; Những bài Kệ này Anh Chị Em chúng tôi đều chép riêng cho mình nhưng không chép vào đây: Lựa ra 5 Căn, Lựa ra 6 Thức, Lựa ra 7 Đại, Chọn Nhĩ Căn, Chuyển Mê thành Ngộ, v.v.. và những bài Kệ xưng tán ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như xưng tán Nhĩ Căn, bài nào cũng ý nghĩa thâm sâu, đáng cho chúng ta ghi nhớ.

Ông Ô Sô Sắc Ma	<i>Viên thông về Hỏa Đại</i>
Ngài Trì Địa Bồ Tát	<i>Viên thông về Địa Đại</i>
Ngài Nguyệt Quang đồng tử	<i>Viên thông về Thủy Đại</i>
Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử	<i>Viên thông về Phong đại</i>
Ngài Hư Không Tạng Bồ Tát	<i>Viên thông về Không đại</i>
Ngài Di Lạc Bồ Tát	<i>Viên thông về Thức đại</i>
Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát	<i>Viên thông về Kiến đại</i>
Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát	<i>Viên thông về Nhĩ Căn</i>

Mỗi vị đều trình bày chỗ tu chứng với những kinh nghiệm thật độc đáo của mình, làm cho việc học Kinh trở nên thật thú vị đặc biệt; Nếu ghi ra đây thì anh chị em chúng tôi có thêm ít nhất là 30 bài học nữa! (Xin không ghi ra đây, để mỗi người được tự đọc và tận hưởng niềm hỷ lạc vô biên này.)

Riêng đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Anh Chị Em chúng tôi phải chia sẻ với nhau ***Bài học thứ 17***.

Trong tính nghe, ngài Quán Thế Âm Bồ Tát vào được dòng viên thông, không còn tướng sở văn nữa, 2 tướng động tịnh cũng không sinh, cho đến khi dứt hết; Sau đó, năng giác, sở giác cũng đều không ...Sinh, diệt đã diệt - thì bản tính tịch diệt hiện tiền .. Bỗng nhiên vượt ngoài

Đó là những bài học trong buổi học chung đầu tiên của anh chị em chúng tôi. Sau này khi học kinh Thắng Man, Duy Thức, chúng tôi còn có những hiểu biết sâu sắc hơn về những bài học đơn sơ trên đây. Dù sao, những buổi học Phật pháp không có quý Thầy giảng, không ngồi trong điện Phật, hay trong giảng đường và trong giai đoạn khó khăn của đạo pháp và dân tộc, nhưng đã để lại trong lòng chúng tôi những kỷ niệm khó quên. Hình như những gì chúng tôi thu nhận được từ những ngày này, đã in sâu vào đầu óc mình hơn bất cứ lần nào được học hỏi trong những điều kiện tốt hơn.

Tôi sẽ còn viết cho tới khi qua hết các bộ kinh, mà chúng tôi đã cùng nhau học như một cuốn nhật ký thân thiết nhất. Mỗi bài viết, tôi đều hướng về các bạn hiện còn ở quê nhà, với ước mong rằng nhóm chúng mình vẫn tinh tấn tu học như ngày nào. Ở đây, tuy xa các bạn cả nửa vòng trái đất, mỗi ngày khi ngồi thiền, đi đạo, đọc kinh sách...v.v... tôi cũng đều nghiêm túc như khi cùng với các bạn tu học.

Mong rằng chúng ta có thể "thấy" nhau trong tâm thức - như Thắng Man phu nhân vừa nghĩ tới Đức Phật - thì thấy Phật hiện tiền, mặc dù Ngài chưa từng đi ra khỏi chỗ ngồi của mình, và Thắng Man phu nhân cũng chưa ra khỏi hoàng cung.



KINH PHÁP HOA (tiếp theo)

- Phẩm Phương Tiện -

“..... Ngay cả đức Phật cũng chùn bước về việc đem Phật Pháp ra giảng dạy, vì thấy căn cơ của chúng sanh trong đời mạt pháp và ở cõi Ta Bà này khó có thể lãnh hội. Vậy thì tôi (chúng ta) cũng không nản lòng khi thấy trước mắt bao nhiêu cảnh đạo đức suy đồi, thế giới đang lâm nguy vì chiến tranh, thù hận. Mà trái lại, bằng hết sức mình đem Phật pháp làm phương thuốc cứu khổ cho chúng sanh, tùy theo hoàn cảnh riêng của mình mà hoàn thành tâm nguyện này. Nếu mình không làm được một vì sao trên bầu trời, thì hãy làm một ngọn nến trong nhà vậy. Mình phải thường xuyên học kinh, áp dụng kinh vào cuộc sống trước mặt.....”

Tôn giả Ma Ha Ca Diếp	Viên thông về Pháp Trần
Ông A Na Luật Đà	Viên thông về Nhân căn
Ông Chu Ly Bàn Đặc Ca	Viên thông về Tỷ Căn
Ông Kiều Phạm Bát Đề	Viên thông về Thiệt Căn
(Vị này bị khẩu nghiệp : khinh rẻ và chế giễu vị Sa môn trong kiếp quá khứ, nên đời này mắc chứng nhai lại như con trâu, được Như lai chỉ cho pháp môn “ Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”; ông tinh tấn tu hành và cuối cùng đã chứng được quả vị A La Hán)	
Ông Tất Lãng Già Bà Ta	Viên thông về Thân Căn
Tôn giả Tu Bồ Đề	Viên thông về Ý Căn
Tôn giả Xá Lợi Phất	Viên thông về Nhân Thức
Bồ Tát Phổ Hiền	Viên thông về Nhĩ Thức
Ông Tôn Đà La Nan Đà	Viên thông về Tỷ thức
Tôn giả Phú Lô Na	Viên thông về Thiệt Thức
Tôn giả Ưu Ba Ly	Viên thông về Thân thức
Tôn giả Mục Kiền Liên	Viên thông về Ý thức

Trái lại, nếu được huân tập những tâm niệm từ bi, giác ngộ, hỷ xả, thì thức thứ 8 hoá thành nơi chứa những hạt giống từ bi, trí tuệ, hỷ xả không còn phiền não mê lầm.

Tu tập chính là dứt bỏ những tập khí xấu, có thể đưa vào A Lại Da Thức những chủng tử mê lầm phiền não, và phải tinh tấn huân tập những chủng tử của Từ bi, Trí huệ, Tinh tấn, Thanh tịnh, Hỷ xả ... Những tập khí xấu, ấy là thói quen chấp trước, cái tâm thị phi, luôn nói người sai ta đúng, người dở ta hay đó!

Bài học thứ 16: Đường lối tu tập của các vị Đại Bồ Tát và đại A La Hán về sự viên thông của các Căn, Trần, Thức, Đại Sau khi đã hướng dẫn “cởi nút” đức Phật yêu cầu từng vị Đại Bồ Tát và đại A La Hán trình bày đường lối tu tập của mình, từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành tựu. Chư vị ấy trình bày những khó khăn, và thuận lợi của mình trong khi tu tập để Đại chúng theo dõi, và tự chọn cho mình một đường tu thích hợp với căn cơ của mình. Lần lượt các vị sau đây :

Ông Kiều Trần Như	<i>Viên thông về Thanh trần</i>
Ông Ưu Bà Ni Sa Đà	<i>Viên thông về Sắc trần</i>
Ông Hương Nghiêm Đồng Tử	<i>Viên thông về Hương Trần</i>
Hai ngài Pháp vương tử (<i>Dược Vương, Dược Thượng</i>) cùng với 500 vị Phạm thiên (<i>đây toàn là những bác sĩ y khoa thượng thặng</i>)	<i>Viên thông về Vị trần</i>
Ông Bạt Đà Ba La và 16 vị đồng học (<i>cùng hốt nhiên giác ngộ trong phòng tắm, thấy được diệu tánh của Xúc trần</i>)	<i>Viên thông về Xúc trần</i>

Là Phật tử, tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải học kinh. Học kinh có nhiều hình thức, như nghe quý Thầy giảng, đọc kinh sách v.v.. và điều quan trọng nhất là phải áp dụng những bài học rút ra từ kinh điển vào cuộc sống hàng ngày. *Như vậy chúng ta mới có thể có được an lạc và làm cho mọi người quanh ta an lạc.*

Khi được an lạc, thì ta mới có thể dạy dỗ, hướng dẫn cho con em chúng ta sống đạo, và là tấm gương sáng cho các em noi theo; như đức Phật đã dạy : "*Thân giáo*" là phương pháp giáo dục hay nhất. Vì nếu ta dạy các em những điều mà chính bản thân ta chưa từng áp dụng, thì rất khó thuyết phục các em áp dụng.

Cụ thể hơn nữa, nếu ta học kinh mà không áp dụng thì làm sao có được an lạc cho chính bản thân mình, nói chi đến việc đem an lạc lại cho người khác? Ngoài ra, trong khi học kinh, trí tuệ chúng ta được mở ra và nhờ vậy, ta hiểu được nhiều điều mà có thể bài kinh không nói tới một cách trực tiếp. Xin lấy một ví dụ về hai chữ Phương Tiện, khi tôi học phẩm thứ hai của kinh Pháp Hoa (*Phẩm Phương Tiện*) tôi cũng rút được nhiều kinh nghiệm và bài học rất tâm đắc mà hôm nay muốn được chia sẻ với các bạn.

Chữ PHƯƠNG TIỆN thì ai cũng hiểu rồi, nhưng trong Phẩm này có nghĩa đặc biệt và khi giảng kinh quý Thầy hay dùng chữ QUYỀN BIẾN để thay thế hai chữ phương tiện. Phương tiện là cửa ngõ để đi vào cứu cánh, phương tiện có tính cách giai đoạn.

Mở đầu phẩm Phương Tiện, đức Phật tâm sự với đại chúng rằng: Ngài rất băn khoăn sau khi thành đạo, không biết có nên đem Phật pháp ra giảng cho chúng sanh cõi Ta Bà này không? vì căn tánh chúng sanh can cường, thân tâm mê chấp, trí tuệ thấp kém, tính tình kiêu mạn, không chịu tìm hiểu để tin mà Phật pháp thì quá vi diệu, cao sâu, Ngài nghĩ: *Hay mình hãy nhập Niết Bàn cho rồi.*

Nhưng sau đó, Ngài nhớ lại và quán chiếu việc chư Phật trong nhiều đời đã giảng nói Phật pháp cho chúng sanh, quý Ngài dùng rất nhiều phương tiện thiện xảo để cho chúng sanh tin hiểu và áp dụng. Vì thế, đức Phật Thích Ca ngày nay cũng y theo phương pháp của chư Phật trong mười phương, mà bày ra phương tiện để giảng Pháp cho chúng sanh.

Trước hết, Ngài đã phương tiện nói là có ba Thừa (*Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát*)

Hàng Thanh Văn, Ngài giảng Tú Đế

Hàng Duyên Giác, Ngài giảng Duyên Khởi

Hàng Bồ Tát, Ngài giảng Lục Độ Ba La Mật

Nhưng thật ra chỉ có một thừa (*Nhất Thừa*) đó là Phật Thừa; Vì thế, bây giờ Ngài chỉ nói về Phật Thừa, Ngài nói rằng tất cả chúng sanh - AI RỒI CŨNG SẼ THÀNH PHẬT- từ người tu hành tinh tấn, cho đến người biếng nhác, phóng túng nhưng có khởi tâm muốn làm Phật. Từ em bé nhóm cát xây thành tháp Phật, cho đến người chỉ đưa một tay ra chấp tay lạy Phật đều sẽ thành Phật trong tương lai, vì hạt giống bồ đề không bao giờ

Khi diệt trừ được Ngã chấp, nghĩa là khi chúng tử vô ngã đủ sức ngăn cản, không cho chúng tử chấp ngã phát khởi ra hiện hành, thì A Đà Na Thức lại có tên là Dị Thục Thức. (*Dị là khác. Thục là thành thục.*)

Dị Thục có 3 nghĩa :

a. *Khác thời gian mà thành thục* (chín mùi) ví dụ : mỗi ngày học vài chữ , lâu ngày thành người biết chữ.

b. *Khác loại mà thành thục* (ví dụ như người kia học Toán trong sách, và đem ra áp dụng có thể giải được những bài toán không có trong sách)

c. *Biến ra khác mà thành thục.* Nghĩa là do sự huân tập lâu ngày chấp chứa trong Tạng thức, mà có thể biến ra những kết quả đột xuất khác với những điều được huân tập (*ví dụ như người học rộng, nghiên cứu nhiều, có thể phát minh ra những điều chưa từng có trong sách vở, hay ngược lại với những điều đã ghi ra trong sách vở*).

Vì Dị Thục Thức theo cái nhân của sự huân tập mà hiện ra quả nên cái quả thường có thay đổi.

Đến khi diệt hết Pháp chấp, thì thức thứ 8 trở nên thuần thiện, không còn là vô ký nữa. Do đó, không còn phiền não mê lầm huân tập nữa, lúc đó A Đà Na Thức lại có tên là Bạch Tịnh Thức (*Am Ma La thức*) kết hợp với Đại Viên Cảnh Trí, và hành giả được lên Kim Cương địa nghĩa, là chúng được Thường Trụ Pháp Thân.

Bài kệ cũng dạy rõ về nghĩa chữ huân tập. Huân tập có nghĩa là “xông ướp”; như áo xông ướp nước hoa thì được thơm, xông ướp mùi hôi thì áo sẽ hôi, ... Cũng thế, nếu huân tập những tâm niệm mê lầm, phiền não thì Thức thứ 8 hoá thành nhiều phiền não mê lầm.

Sáu đã cỡi một cỡi không còn.
Nơi các căn chọn tính viên thông,
Nhập lưu được thì thành chánh giác.
Thức A Đà Na rất nhỏ nhiệm,
Tập khí lưu hành như nước dốc;
E lằm là chân hay phi chân
Nên tôi thường không diễn giảng đến.
Tự tâm trở chấp lấy tự tâm,
Không phải huyền thánh ra pháp huyền,
Không chấp trước, không gì phi huyền
Cả cái phi huyền còn không sinh,
Pháp huyền làm sao thành lập được
Ấy gọi như huyền Tam Ma Đề
Bảo giác chắc như Kim Cương Vương
Không nhiễm, tịnh như Diệu Liên Hoa;
Gãy ngón tay, vượt hàng vô học;
Pháp ấy không gì so sánh được,
Là một đường thẳng vào Niết Bàn,
Của các đức Thế Tôn mười phương.”

Bài kệ quá súc tích nhưng đã phân tích và giải thích phân minh, qua bài Kệ này, chúng tôi còn được rõ thêm về A Đà Na Thức: Nó chứa những chủng tử chấp ngã, do vậy còn có tên là A Lại Da Thức là kho chứa nắm giữ tập khí chấp ngã (chúng ta đã gặp ở Duy Thức khi học về thức thứ 8)

mất. Có khác nhau chăng là vấn đề thời gian mà thôi. Lời tuyên bố này quả là khó tin, chỉ có những ai chịu khó tu tập, tìm hiểu sâu sắc về Phật Pháp mới hiểu được và chấp nhận lời Ngài.

Trước đây, Đức Phật phương tiện giảng Tam Pháp Ấn: (*Vô thường - Vô Ngã - Khổ*)

- Chu hành vô thường (*các hành vô thường*)
- Chu pháp vô ngã (*các pháp vô ngã*)
- Chu thọ thị khổ (*các thọ là khổ - dù là lạc thọ cũng là khổ theo sau*)

Bây giờ chỉ là một: *Nhất Ấn, hay Thật Tướng Ấn; từ ba pháp ấn chỉ còn lại một pháp ấn, đó là khuôn mặt đích thực của thực tại.*

Đối tượng của kinh này là hàng Thanh Văn - đại diện là ngài Xá Lợi Phất - Ngài là một trong 10 đại đệ tử của Đức Phật, hạnh bậc nhất của Ngài là Trí Tuệ, Ngài cũng là thầy của La Hầu La (*Đức Phật giao cho Ngài dạy La Hầu La*). Điều đó nói lên rằng phải là hàng có trí tuệ mới có thể nghe hiểu, chấp nhận và tin những điều Như Lai nói ra.

Do vậy, mà trong hội chúng đã có năm ngàn người từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui về, đây là những người nghiệp chướng sâu dày và tăng thượng mạn, chưa chứng đắc nhưng tự cho mình đã chứng đắc, đức Thế Tôn cho rằng đây là hạng người đại diện cho những chồi khô mọng lép (*với ngôn ngữ bây giờ thì ta nói rằng: những người này chỉ cần thay đổi cách nhìn, cách suy nghĩ, thì họ cũng thành Bồ Tát, có khả năng thành Phật hết*).

Đức Phật giảng rằng:

“Mục đích tối hậu của sự ra đời của chư Phật là làm cho chúng sanh biết được rằng chúng sanh cũng có tri kiến Phật” (*khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật*).

Nhưng tại sao lại đánh mất đi, tại sao sáu căn không còn thanh tịnh? - Đó là tại vì tham, sân, si, mạn, nghi, v.v.. đã che lấp. Nói cách khác, vô minh đã làm cho chúng sanh trong cõi Ta Bà này bị mê lầm.

Thầy Từ Thông, trong một buổi giảng đã nhấn mạnh: *Khi mới sinh ra, sáu căn của chúng sanh cũng thanh tịnh như của chư Phật.*

Hãy quan sát một em bé chưa biết đi, sáu căn của em thật là thanh tịnh: Mắt nhìn những vật quý giá của thế gian nhưng không hề ham muốn, tai nghe đủ loại tiếng nhưng không đấm, ta thử đưa cho em một hột xoàn; em có thể cầm chơi một chút rồi quăng đi không hề luyến tiếc, ai cho ăn thì ăn, uống thì uống, không ưa cũng không ghét đối với mọi người, mọi vật. Tâm em bé hồn nhiên trong sáng, sáu căn thanh tịnh, không hề bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (*là sáu trần*) làm nhiễm ô. Em bé không biết có ta có người, không phân biệt may mắn (*tức là không có Ngã và Ngã Sở*) đức Phật gọi hạnh này là *Anh Nhi Hạnh*.

Chúng sanh khi thành người lớn đã đánh mất cái hạnh này rồi, tâm bị nhiễm ô bởi tham, sân, si, mạn, nghi, phiền não v.v.. nghe Thầy giảng ngang đây tôi liền nhớ đến Tâm Bất Sinh của thiền sư Bankei (Nhật) theo ông,

thiền sư Bankei với “Tâm Bất Sinh” của Ông. Khi thấy cứ chỉ là thấy như -nó -là (as-it-is) khi nghe cứ chỉ là nghe, không sinh tâm yêu ghét lấy bỏ, khi ăn cứ chỉ là ăn v.v.. thì sẽ không bao giờ phiền não vướng vào được.

Bài học thứ 15: Đức Phật tóm tắt vào 1 bài kệ chỉ rõ Chân và Vọng (*cũng đều là vọng!*) ; theo tánh viên thông thì xoay về bản giác:

“Nơi chân tính hữu vi là không,
Vì duyên sinh nên giống như huyễn;
Vô vi, thì không sinh không diệt,
Chẳng thật như hoa đốm hư không.
Nói cái vọng để tỏ cái chân,
Vọng, chân ấy, cả hai đều vọng
Còn không phải chân và phi chân
Làm sao có năng biến sở biến
Thức ở giữa không có thật tính
Vậy nên như hình lau gác nhau.
Cột và cờ đồng một sở nhân,
Thánh và phàm không có hai đường
Hãy xét tính hình lau gác nhau,
Đâu phải là không hay là có.
Mê mờ kiểu đó là vô minh,
Phát minh kiểu đó, thì giải thoát .
Cởi nút, tuy phải theo thứ lớp,

vọng, do mê lầm chấp trước mà có thôi. Ông đã chứng Tu Đà Hoàn, đã tiêu được cái SÁU mà còn chưa quên cái MỘT !

(Nghe những lời này, tôn giả A Nan “ngộ” ngay, không còn “ôm” cái Một, hay cái Sáu nữa .)

Bài học thứ 14: Cái nghe và cái tiếng không có tự thể, chỉ có tánh nghe là thường trụ. Ở đây, lại có một “màn kịch” rất hay về phương pháp sư phạm; đức Phật bảo La Hầu La đánh 1 tiếng chuông, rồi hỏi A Nan và đại chúng: Ông có nghe không?

Ngài A Nan và đại chúng đều trả lời : “có nghe”

Khi chuông hết kêu, tiếng vang cũng đã dứt, Phật lại hỏi A Nan : *Bây giờ ông có nghe không?*

Ngài A Nan và đại chúng cùng đáp : “không nghe”

Phật lại bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi A Nan và đại chúng: Nay ông có nghe không ? Đáp : Có nghe ! Đức Phật lập lại nhiều lần để đi đến kết luận: A Nan và đại chúng nhận thức điên đảo, trả lời lộn xộn ! Cuối cùng đức Phật phải phân tích, A nan mới chịu nhận mình sai lầm!

Cái tiếng ở trong cái nghe có sinh có diệt, nhưng không phải vì chúng ta nghe cái sinh, cái diệt ấy mà tánh nghe thành ra khi có, khi không! Tánh nghe thì không sinh diệt! Như ví dụ trên đây, khi không có tiếng chuông ta vẫn nghe: *Nghe mới biết là không có tiếng chuông chứ!*

Vì vậy, tu các căn là bỏ cái sinh diệt, giữ cái tánh sáng suốt (*chân thường*) hiện tiền. Ở đây, chúng ta bắt gặp

thì người lớn cũng có cái Tâm Bất Sinh nghĩa là cái tâm không phân biệt, cái tâm ban sơ chưa suy nghĩ, so đo, tính toán. Chính cái tâm này sẽ tự nó an bài mọi sự việc một cách êm xuôi không cần mình phải bon chen, tranh đua hơn kém v.v..

Nếu ai an trú trong Tâm Bất Sinh đó thì đấy là Phật.

Thiền sư Bankei sống cách đây vài trăm năm mà ở thời đó ông còn bị chống đối, huống gì thời đức Phật cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, làm sao những chúng sanh không có tuệ giác có thể tin nổi!

Thật là khó khăn cho đức Phật khi muốn truyền bá Đạo nhiệm mầu cho chúng sanh cõi Ta Bà này. Nói đến Anh Nhi Hạnh, chúng ta đã được may mắn biết một trong những người lớn mà có tâm hồn trẻ thơ, sống thanh thản, an nhiên tự tại giữa cuộc đời ồn ào phức tạp này: đó là Thiền Lão thiền sư đời Lý. Sư không màng đến việc bao nhiêu năm tháng đã trôi qua, mình là ai, mặc dù thiền phong của Sư vang dội khắp nơi và học trò của Sư lên đến hơn ngàn người. Một hôm Vua Lý Thái Tông đến viếng chùa của Sư và hỏi Ngài:

- Hòa Thượng trụ trì ở đây được bao lâu rồi ạ ?

Sư đáp:

- Chỉ biết ngày tháng này (*Đản tri kim nhật nguyệt*)

Ai rành xuân thu trước (*Thùy thức cựu xuân thu*)

Vua lại hỏi :

- Hằng ngày Hoà thượng làm gì ?

Sư đáp :

Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác ?

(*Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh ?*)

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân

(*Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân*)

Vua rất kính phục và muốn thỉnh Sư về triều đình để làm cố vấn, nhưng khi sứ giả của Vua đến thì Sư đã viên tịch. Sư quả thật đã tu đến độ lực căn thanh tịnh, đã đạt được Anh Nhi Hạnh của một tâm hồn trẻ thơ, nghĩa là tâm Phật bất sinh vậy .

Qua phẩm Phương Tiện này tôi đã học được và đem áp dụng vào cuộc sống, xin ghi ra đây những bài học ấy :

- Trước hết là bài học "**tất cả chúng sanh đều có Phật tính**" Tôi cũng là một chúng sanh, dù tính tình, căn cơ, trình độ v.v...như thế nào, tôi cũng có Phật tính. Tôi phải siêng năng tuổi tằm mằm giống Phật trong tôi để một ngày kia có thể làm hiển lộ được Phật tính, để có khả năng cứu độ mọi loài chúng sanh. Muốn như vậy, ngay từ bây giờ phải bắt tay vào tu tập đạo giải thoát qua chính những việc làm hằng ngày của mình và bằng khả năng dù nhỏ của mình, chuyển đến mọi người thông điệp quý báu này của đức Thế Tôn để mọi người đều có niềm tin và niềm hy vọng "*mình sẽ là một vị Phật tương lai*" dù tương lai đây có thể là vô lượng kiếp nữa.

ĐIỆN, và dụng cụ dùng điện để thấy rõ ràng hơn: Khi dòng điện vào đèn thì đèn sáng, vào bàn ủi thì bàn ủi nóng, vào tủ lạnh thì nhiệt độ xuống thành lạnh ngắt, hay đông đá, vào máy computer thì làm đủ thứ chuyện hết: từ viết văn, làm toán, đánh cờ, lái xe, lái máy bay .., (games) đến hội họp, trò chuyện, thông tin, cãi vả ...Tuy sử dụng nhiều lãnh vực khác nhau, nhưng động lực của nó vẫn là ĐIỆN; Khi không có điện, những dụng cụ đó không làm được cái gì cả !

Đức Phật dạy ông A Nan xét trong 6 căn cái gì là Hợp, cái gì là Ly, cái gì là Sáu, cái gì là Cạn, cái gì là Viên thông, cái gì không Viên thông, .. Nếu ngộ được căn tính viên thông nơi đó .. thì chỉ cần đi sâu vào MỘT căn, đi sâu đến chỗ không còn vọng tưởng, thì cả 6 căn đều đồng thời được thanh tịnh.

Bài học thứ 13: chỗ hư vọng của 6 Căn. Ngài A Nan thắc mắc: *Tại sao chỉ đi sâu vào một căn, nghĩa là chỉ TU một căn, lại có thể khiến cho cả 6 căn đều thanh tịnh ?*

Đức Phật trả lời rất đơn giản và hay (*lại khen Phò mã tốt áo!*) ; xin nghe đoạn đối đáp giữa tôn giả A Nan và đức Thế Tôn:

- A Nan, ông dùng cái gì để nghe ?

- Bạch đức Thế Tôn, tôi dùng lỗ tai để nghe.

Lỗ tai ông nghe, nào dính gì đến thân, miệng, .. mà miệng ông thì hỏi nghĩa, thân ông thì đứng dậy, kính vâng v.v...v.. Vậy nên phải biết rằng 6 căn chẳng phải 6, mà cũng chẳng phải 1; cái SÁU hay cái MỘT đều là hư

-
- Thân = 800 công năng,
 - Ý căn = 1200 công năng.

Anh Chị Em chúng ta đều biết tại sao như vậy rồi phải không? Căn nào không đủ 1200 là do hạn chế; ví dụ như Nhân căn (*mắt*) chỉ thấy trước mặt 100%, chứ không thấy sau lưng, nhìn ngang nhìn ngửa cũng không được 100%. Tai (*Nhĩ căn*) thì nghe khắp tất cả (*tất nhiên đây là nói trong loài người chứ nếu so với loài vật thì giác cũng như thính giác của chúng ta đâu có bằng một vài loại, như chó, như cú mèo chẳng hạn...phải không, thưa các bạn ?*) Tỷ căn (*thở = mũi*) cũng bị giới hạn; Chúng ta chỉ ngửi, biết lúc thở ra, thở vào nhưng lúc giao tiếp của 2 hơi thở chúng ta không rõ biết vì vậy chỉ có 800; Thiệt căn (*lưỡi*) thì tuy lời nói, ngôn ngữ có bị giới hạn, nhưng lý lẽ thì vô cùng nên cũng được coi như viên thông 100%; Thân thì còn hạn chế nên không được 100%. Còn Ý căn thì không những “*bao la vũ trụ*” mà còn âm thầm dung nạp tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian, thánh hay phàm đều bao dung ... nên cũng được 100%.

Bài học thứ 12: Về bản tính, 6 căn chỉ là MỘT; Thật vậy, về mặt sử dụng tuy có khác nhau, mỗi căn có một chức năng riêng (*thấy, nghe, ngửi v.v.*) nhưng về bản tánh, 6 căn chỉ là Một; nếu ở nơi một căn mà nhận đúng cái GỐC là thức phân biệt mà cõi nó ra, xoay nó về tánh không sinh diệt, thì liền chúng được bản tính viên mãn thông suốt của căn ấy.

Anh Chị Em chúng ta ngày nay đã tiếp xúc với khoa học kỹ thuật nhiều hơn hồi Phật còn tại thế (*cách đây gần 3000 năm*) nên chỗ này chúng ta có thể liên hệ với

-
- Ngay cả đức Phật cũng chùn bước về việc đem Phật Pháp ra giảng dạy, vì thấy căn cơ của chúng sanh trong đời mạt pháp và ở cõi Ta Bà này khó có thể lãnh hội. Vậy thì *tôi (chúng ta)* cũng không nản lòng khi thấy trước mắt bao nhiêu cảnh đạo đức suy đồi, thế giới đang lâm nguy vì chiến tranh, thù hận. Mà trái lại, bằng hết sức mình đem Phật pháp làm phương thuốc cứu khổ cho chúng sanh, tùy theo hoàn cảnh riêng của mình mà hoàn thành tâm nguyện này. *Nếu mình không làm được một vì sao trên bầu trời, thì hãy làm một ngọn nến trong nhà vậy.* Mình phải thường xuyên học kinh, áp dụng kinh vào cuộc sống trước mặt.

Tất cả các môn học: hoạt động thanh niên, trò chơi, văn nghệ, báo chí, trại mạc v.v.. trong các đoàn thể thanh niên tin Phật như: Thanh Niên Phật Tử, Gia Đình Phật Tử, Hướng Đạo Phật Tử, Sinh Viên Phật Tử, Học Sinh Phật Tử đều là những PHƯƠNG TIỆN nhằm mục đích giới thiệu Phật pháp với các em, truyền bá giáo lý đến các em.

Vì vậy, nếu sa đà theo phương tiện mà quên mục đích thì đó là khuyết điểm của người Huynh trưởng trong các tổ chức giáo dục tuổi trẻ này.

Cũng vậy, báo chí nếu không đem lại sự hòa ái tin yêu giữa những người Phật tử, giữa người với người, không đem niềm vui đến cho độc giả mà chỉ đem phiền não, thị phi thì tờ báo đó mất tác dụng truyền bá Phật Pháp rồi.

Về bản thân, nếu chúng ta *không phân biệt rõ phương tiện và cứu cánh trong các hành động* của thân, miệng, ý trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể bị sa vào làm lỗi. Ví dụ có người bảo rằng uống rượu mà không say sưa là được, uống rượu, khiêu vũ v..v. là để xã giao, thù tiếp trong công việc làm ăn của xã hội ngày nay không tránh được. Điều này có thể đúng, nhưng chúng ta phải luôn tỉnh thức để biết lúc nào là cần thiết sử dụng nó như một phương tiện, và lúc nào ta đã sa đà vào sự phóng dật đam mê không thể rút chân ra được. Điều này chỉ có ta biết ta mà thôi. Xin tất cả chúng ta hết sức cẩn trọng!

Trong phẩm này có nhiều câu kinh, câu kệ thật là hay, không thể không nhớ hoài được, và nhờ vậy chúng ta dễ thuộc, dễ áp dụng ví dụ như:

Chư pháp từng bốn lai (các pháp xưa nay)

Thường tự tịch diệt tướng (thường tự vắng lặng)

Câu này nói lên cái ý nghĩa thật độc đáo: Đó là mỗi lá cây ngọn cỏ, đều dạy cho ta về vô thường vô ngã và tánh không của vạn pháp. Chúng ta không chỉ đến chùa mới nghe được Phật pháp vi diệu mà từng chiếc lá, cành hoa v..v.. đều giảng nói Phật Pháp nếu chúng ta biết ngắm nhìn và biết lắng nghe.

Thật vậy, nhìn một cành hoa ta thấy rõ trùng trùng duyên khởi, cái hoa là tổng hợp của nước, ánh sáng, đất, gió, không khí, mặt trời v..v.. đó là chưa kể công người trồng,tưới, công của mưa gió thuận hoà. Đây cũng là một bài học về cách nhìn ngắm cây cỏ trong vườn, trong thiên nhiên.

Ví dụ chữ “Thế giới”

- Thế là đời đời, lưu chuyển. Quá khứ, Hiện tại, Vị lai là Thế.

Thế có BA (3)

- Giới là phương hướng. Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương Trên, phương Dưới là giới;
- Giới có MƯỜI (10) nhưng 4 phương chính là Đông Tây Nam Bắc. $4 \times 3 = 12$; con số 12 này có nhiều liên hệ mà chúng ta đã gặp và sẽ còn gặp nhiều lần khi học Kinh. Ngoài ra $4 \times 3 \times 10 = 120$; $120 \times 10 = 1200$... con số 1200 này chúng ta cũng sẽ còn gặp nhiều lần.

Tu là gạn đục khơi trong. Nước bùn là nước bị vẩn đục vì bùn, để nước lắng lại thì có nước trong; Cũng vậy, Phật tánh không sinh diệt, Ngũ Uẩn sinh diệt, nhưng ngoài Ngũ Uẩn không có Phật tánh, chính là từ nơi cái sinh diệt mà nhận ra cái không sinh diệt.

Bài học thứ II: Tính viên thông của các Căn (*Kinh Duy Thức cũng có đề cập một phần rồi*). Muốn chọn cho mình một căn thích hợp để tu, đức Phật dạy A Nan về công năng của các căn, hay còn gọi là tính viên thông của các căn như sau:

- Nhãn căn = 800 công năng,
- Nhĩ căn = 1200 công năng,
- Tỷ căn = 800 công năng,
- Thiệt căn = 1200 công năng,

- *Phiền não trước*: ý thức tóm thu các cảm xúc, ưa ghét, lấy bỏ, nhớ nghĩ vui buồn v.v.. làm cho tâm thức luôn rối loạn.
- *Chúng sanh trước*: nhận lầm dòng vọng tưởng sinh diệt là chân tâm, dính mắc với thân tứ đại ..Cho nên cứ mãi trôi lăn trong sinh tử luân hồi.
- *Mệnh trước*: vì mê lầm, chấp thân tứ đại là thật nên bị hạn chế trong đó, cái thấy chỉ giới hạn trong con mắt, cái nghe trong lỗ tai v.v.. chứ thật ra tánh biết cùng khắp không cần đến mắt tai mũi v.v..

Bài học thứ 9: Là chỗ điên đảo nơi căn và trần. Trong nghĩa quyết định thứ nhất, đức Phật dạy cần lấy tâm tính không sinh diệt, làm cơ sở để tiến tu và nhận biết những lớp mê lầm đã che lấp tâm tính. Trong nghĩa quyết định thứ 2 đức Phật dạy phải loại bỏ tận gốc rễ của mê lầm, và phải biết trung tâm của sự mê lầm là gì. Đức Phật nói rất đơn giản: Như người bị trói 2 chân, nếu muốn cởi trói phải mở từ cái GÚT. Cái gút đó là chúng sanh trong vô lượng kiếp, nhân cái căn thân là “ta” và “của ta” ..và cho rằng 6 căn cũng là “ta” luôn! rồi đem 6 căn đối đãi với hoàn cảnh (6 trần) kéo theo muôn ngàn ràng buộc, mới sinh ra đủ thứ nhận thức sai lầm “loạn cào cào” ... chứ sự thật không có cái gì gọi là “ai làm ai chịu” cả!

Bài học thứ 10: Vì vậy, phải tu từ các căn. Ở đây, chúng ta học được một số từ mới và “những con số” nữa.

Thầy Nhất Hạnh thường khen bài thơ của Quách Thoại vịnh bông hoa Thục Dược như sau :

Đứng yên ngoài hàng giậu,

Em mĩm nụ nhiệm màu

Lặng nhìn em kính ngọc

Và thoảng nghe em hát

Lời ca em thiên thâu

Ta sụp lạy cúi đầu

Thầy nói người thi sĩ trẻ này đã nắm bắt được thực tại nhiệm màu.

Thật vậy, chính bây giờ và ở đây chúng ta có hạnh phúc, chúng ta có an lạc, chúng ta có cái đẹp tuyệt đối chứ không cần tìm ở đâu xa, nếu chúng ta biết nhìn, chúng ta sẽ thấy. Biết lắng tai thì sẽ nghe những âm thanh vi diệu từ thiên nhiên quanh ta trong một buổi bình minh, một buổi hoàng hôn hay ngay cả trong cái tĩnh mịch của một buổi trưa hè.

Do đó, trong khi đi dạo ta có thể thực hành thiền, giữ tâm yên, lời yên, chúng ta học tập được rất nhiều điều từ thiên nhiên mặc dù thiên nhiên không bao giờ nói gì cả. Điều này còn có thể chữa lành hay bồi dưỡng cái tâm quá mệt mỏi của chúng ta nữa.

Hai câu này, không chỉ chúng ta thấy hay mà người xưa cũng thấy hay nữa. Chẳng thế, mà một vị Thiền

sử đã dùng để mở đầu cho một bài thơ của mình:

Chư pháp từng bốn lai

Thường tự tịch diệt tướng

Xuân đảo bách hoa khai (Xuân đến trăm hoa nở)

Hoàng Oanh đề liễu thượng (Oanh vàng ca liễu thắm)

Vị Thiền sư này cũng thường thức thiên nhiên với tâm thanh tịnh. Thực tại rất đơn giản ở trước mặt như hoa xuân đua nở và chim chóc ca hát, tâm của thiền gia an lạc, thanh tịnh, không vướng mắc may bụi phiền não.

Ngoài ra trong khi học phẩm này tôi cũng được nhắc nhở về 3 thứ ngoại đạo:

1. *Ngoại đạo thật*

2. *Ngoại đạo mạo danh đạo Phật*: Tu theo ngoại đạo nhưng dán nhãn hiệu đạo Phật.

3. *Học Phật Pháp thành ngoại đạo*: Hiểu lầm Phật pháp, ý của mình mà nói là ý của Phật, của Chư Tổ. Như vậy tưởng là truyền bá đạo Phật, kỳ thực là truyền bá ý của mình. Họ chấp lời nói của Phật, của Tổ cho là thật, không biết đó chỉ là phương tiện. Đức Phật gọi hạng thứ ba này là sư tử trùng, vì chính họ sẽ tiêu diệt Phật pháp.

Bài học này giúp tôi luôn luôn tự cảnh giác mình: phải sống theo giáo pháp, đừng bẻ cong giáo pháp theo tham vọng, chấp thủ của mình. Trong ý nghĩa này, hy vọng tất cả mọi người hãy chỉ dạy cho tôi những tư tưởng lệch lạc mà do vô minh và trình độ yếu kém (*chứ không cố ý*) tôi đã nói hay viết ra.

rời bỏ” nữa. Nếu không như vậy, chỉ là nói chuyện trong chiêm bao mà thôi!” (ở đây chúng ta bắt gặp tư tưởng Kinh Kim Cang).

Bài học thứ 7: Ông A Nan đã hiểu được nghĩa “*Tâm tính tuyệt đối cùng khắp 10 phương*” không còn nghi ngờ gì nữa nhưng đó chỉ là về Lý, về Sự chưa rõ đường lối tu hành, nên tự ví mình như người được tặng cho 1 ngôi nhà lớn nhưng chưa biết cửa mà vào! Ông xin đức Phật chỉ dạy những phương pháp tu hành, diệt trừ được những tập quán phan duyên, và chứng nhập được tri kiến của Phật.

Hai nghĩa quyết định:

- Thứ nhất, cần xét kỹ chỗ Phát Tâm trong lúc Tu Nhân, và chỗ Giác Ngộ trong lúc Chứng Quả.
- Thứ hai, xét rõ cội gốc phiền não, những vô minh phát nghiệp, và nhuận sinh vô tử đó là ai làm, ai chịu?

Bài học thứ 8: Là bài học về ngũ trước. Ngũ trước là 5 thứ cấu bản làm tâm ô nhiễm, không còn trong sáng (*che lấp diệu minh*) làm hạn chế khả năng vô tận của Tâm; đó là :Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước và Mệnh trước.

- *Kiếp trước*: Sinh ra ở cõi đời này là có năng, có sở chứ bản tánh thanh tịnh không có năng không có sở.
- *Kiến trước*: chấp cái thân tứ đại là “mình” và “của mình” làm ngăn ngại sự thấy, nghe, hay biết ..

nghe sao không biết, hoảng sợ bỏ chạy, nói rằng mình không có cái đầu, như loài yêu quái ! Đức Phật hỏi tôn giả Phú Lô Na: “Vì nguyên nhân gì mà chàng Diên Nhã Đạt Đa bỏ chạy ?” Phú Lô Na đáp: “Vì tâm người ấy điên chứ không có nguyên do gì cả!” Đức Phật nói: “Vọng niệm của chúng sanh cũng như vậy, tâm tánh luôn sáng suốt viên mãn, nhưng vì nhận thức không đúng nên hình như có vọng, rồi từ cái vọng này sang cái vọng khác, xoay vần mãi ... chẳng khác gì cậu bé đòi vớt mặt trăng trong chậu nước, vì tưởng lầm mặt trăng ở trong chậu nước. Khi cậu bé lớn lên sẽ hiểu đó chỉ là BÓNG trăng, chứ không phải mặt trăng, tự nhiên hiểu ra không còn muốn mò trăng trong đáy chậu nữa.”

Bài học thứ 6: Đến đây ông A Nan lại thắc mắc: “Tại sao đức Thế Tôn lại bác nghĩa nhân duyên ? Chính A Nan và các vị đại đệ tử Phật như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề ... cũng do nhân duyên mà được giác ngộ (vì A Nan vịn vào lời đức Phật trước đây khi nói về 3 nghiệp sát đạo dâm, đã dạy: đoạn 3 duyên - thì 3 nhân không sanh ...) như vậy là tự nhiên sao ?

Đức Phật quả Ngài A Nan nhớ nhiều giáo lý Phật giảng, mà vẫn chưa thấy rõ chỗ Phật muốn chỉ. (Anh Chị Em chúng ta e rằng cũng đều như vậy cả !) rồi Phật dạy:

“Đoạn trừ 3 duyên đi theo phân biệt, tức là Tâm Bồ Đề. Nếu chấp có tâm Bồ Đề sinh, tâm Bồ Đề diệt, vậy thì còn dính mắc trong sinh diệt. Sinh và Diệt chỉ là 2 mặt của 1 vấn đề: Không sinh là diệt, không diệt là sinh. Chúng sanh luôn quanh quẩn trong danh từ đối đãi: Không nhận có nhân duyên, thì nhận có tự nhiên! Cần phải rời bỏ hết các danh tướng, cho đến khi rời bỏ cả cái “rời bỏ” và cái “không

Một bài học khác nữa mà tôi đã học qua phẩm này là gần gũi và cúng dường vô số Chư Phật. *Thế nào gọi là được gần gũi và cúng dường vô số Chư Phật?*

Đây cũng là ngôn ngữ biểu tượng của kinh Pháp Hoa. Vì thọ lượng của chư Phật là vô cùng vô tận, chúng ta làm sao gần gũi và cúng dường vô số chư Phật trong một kiếp phù du ở cõi Ta Bà này được? Nhưng nếu ta an trú trong tâm Phật bất sinh, xa lìa ngã chấp, ngã sở (*chấp có TA và CỬA TA*) luôn tỉnh thức, tránh tất cả các điều ác, làm tất cả điều lành, giữ tâm ý trong sạch, không truy tìm quá khứ, không mơ ước tương lai, luôn an trú trong hiện tại, hằng ngày luôn nhớ nghĩ điều thiện, giữ gìn chánh niệm, không khởi tà niệm thì đó là ta đã gần gũi và cúng dường vô số chư Phật vậy.

Nói tóm lại, gần gũi và cúng dường chư Phật có nghĩa là gần gũi với Phật tánh thanh tịnh của chính mình. Thực tập bài học này, tôi luôn cố gắng giữ gìn chánh niệm trong từng cử chỉ nhỏ nhặt thường ngày trong ăn uống, nói năng, nằm, ngồi, đi đứng, ngủ, nghỉ và cả trong từng ý nghĩ dấy khởi lên trong tâm mình để dừng lại kịp thời những ác nghiệp của Thân, Khẩu, Ý.

Một bài học quý nữa mà phẩm Phương Tiện đã cho tôi là về thật tướng của các pháp. Chúng ta thường gặp phiền não khổ đau vì chúng ta méo mó trong cách nhìn, cách nghe v.v. Do đó, ***chúng ta không thấy được thật tướng của các pháp.***

Nếu chúng ta nhìn một vật, một người với tâm Phật bất sinh của mình, nhìn mà không phân biệt lớn, nhỏ, cao thấp, xấu đẹp thì không bao giờ chúng ta gặp

phiền não, đau khổ. *Nếu chúng ta biết nghe với tâm bình đẳng, không để cho cái Ngã của ta vướng vào, sao cho cái nghe cũ vẫn là cái nghe thuần túy, cái thấy chỉ là cái thấy thuần túy ...thì ta sẽ thấy vạn pháp vốn bình đẳng, và thanh tịnh.* Ta hiểu được ý nghĩa của không dơ, không sạch, không thêm không bớt, không thường, không đoạn, không sanh không diệt như thế nào.

Đức Phật nói đó là nhìn sự vật theo cái nhìn của chư Phật, theo thập như thị: Tướng, Tánh, Thể, Lực, Tác, Nhân, Duyên, Quả, Báo, Bản mặt cứu cánh (đúc kết 9 như thị trên).

Còn tâm chúng ta thì luôn phân biệt, phê phán. Ví dụ núi thì cao, đồi thì thấp, sông thì sâu, hồ thì cạn v.v.. nhìn người thì phân biệt người nước này nước nọ, châu này châu kia, màu da vàng, trắng, đỏ, đen. Người này dễ thương, người kia dễ ghét, người này đẹp người kia xấu. Từ đó, phiền não khổ đau tranh chấp sẽ kéo theo sau.

Thật vậy, nhìn mọi vật với cái thấy của tâm phân biệt nhỏ hẹp của mình thì thật là hạn chế; Nếu chúng ta biết quay về với tự tâm thanh tịnh, nhìn mọi vật theo tướng của nó, tánh của nó, bản thể của nó, lực dụng của nó v.v.. thì ta thấy được tính bình đẳng không hai của mọi sự vật trên đời, không bị hạn chế bởi tâm địa hẹp hòi, so sánh, đo lường, tính toán, phân biệt của chúng ta nữa, mà trái lại thấy được tính cách phong phú, đa dạng và vi diệu của vạn pháp vậy.

Thực tập bài học này, tôi thấy cuộc đời đẹp hơn và mọi người quanh tôi ai cũng dễ thương tử tế, tôi còn thực tập được mở rộng lòng từ bi nữa. Để kết thúc, xin gởi đến

đều thấy mặt trời đi theo mình; Vậy là có 2 mặt trời chẳng? - tất nhiên là không! chỉ vì vị trí khác nhau mà thấy khác nhau thôi, mặt trời chỉ có một và trước sau vẫn ở đó không đi theo ai cả ! Sự vật huyền hoá tùy theo tâm niệm cũng giống như vậy!

Bài học thứ 4: Đức Phật chỉ “Như Lai Tạng là tất cả”

Tất cả các pháp thế gian đều do Như Lai Tạng; Như Lai Tạng tính theo duyên mà không thay đổi, không thay đổi mà theo duyên (*như mặt trời trong ví dụ trên đây*); Thể tính tuyệt đối ấy chúng sanh đều sẵn có, và Phật đã phương tiện chỉ dạy rất nhiều lần, nhưng chúng ta chỉ nghiên cứu lời Phật dạy, mà không chịu trực nhận thể tánh ấy nơi tự Tâm mình, nơi cảnh vật hiện tiền. Tâm tánh ấy sáng suốt vô hạn diệu dụng, nhưng nếu ta không thoát khỏi mê lầm, thì không sử dụng năng lực kỳ diệu này được, giống như trong tay có một cây đàn thật tốt, nhưng mình không biết đàn thì không thể nào làm phát ra được những âm thanh tuyệt vời, hay đàn ra những bài ca hay được. Cũng vậy, muốn phát khởi diệu dụng của Như Lai Tạng phải có trí tuệ sáng suốt.

Bài học thứ 5: Tôn giả Phú Lô Na lại thắc mắc: “Tất cả chúng sanh vì nhân gì mà có vọng?” Đức Phật dạy: “Mê lầm không có nhân !”

Đức Phật lấy ví dụ người điên trong thành Thất La Phiệt tên là Diễn Nhã Đạt Đa, một hôm soi gương và

chúng sanh đã có tánh giác thì sao còn mê lầm, và mê lầm cho đến khi nào mới hết, hết rồi khi nào trở lại mê lầm?” Đức Phật trả lời: “Khi đã chuyển được nhận thức mê lầm thành nhận thức đúng đắn rồi, thì không thể nào sinh ra mê lầm được nữa.”

Đức Phật dùng nhiều thí dụ rất thú vị, mà dễ hiểu để khai ngộ cho tôn giả Phú Lô Na (là chúng ta đấy nha!). Ví dụ: Một người đến một xóm làng lạ, lầm phương Nam là phương Bắc, nhưng khi đã được người ta chỉ cho biết đúng phương hướng rồi, thì đâu còn lầm nữa ? mà cảnh vật cũng như người ấy có gì thay đổi đâu?

Một ví dụ khác: một người bị bệnh lòa, thấy giữa hư không có hoa đốm, nhưng khi chữa lành bệnh rồi, đâu còn thấy hoa đốm nữa vì hư không vốn không có hoa đốm.

Lại như vàng trong mỏ thì ở dạng QUẶNG, nghĩa là trong 1 mẫu quặng có vàng lẫn với đồng, sắt, nhôm, đất đá v.v.. nhưng khi đã được luyện thành vàng ròng rồi, thì đâu có thể nào lẫn lộn với đất đá được nữa?

Bài học thứ 3: Pháp giới tính trùng trùng duyên khởi, tất cả duyên thành 1, một duyên thành tất cả; vì vậy khi tâm niệm thay đổi thì pháp giới tính cũng duyên theo tâm niệm ấy mà đổi thay. Nếu nhiều tâm niệm cùng khởi lên như nhau thì sự vật cũng đều hiện ra như nhau. (tư tưởng Kinh Hoa Nghiêm)

Ví như 2 người cùng đứng bên hồ nước, cùng nhìn mặt trời dưới nước, vậy là 2 người “cùng lập trường” thấy giống nhau. Đến khi một người đi về hướng Đông, 1 người đi về hướng Tây, thế là mỗi người

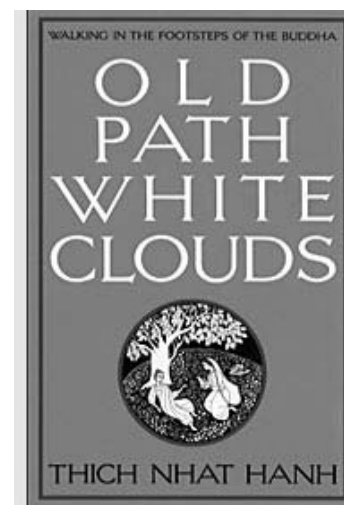
các bạn bài kệ mà tôi nhớ đến khi học xong phẩm Phương Tiện này :

Các pháp xưa nay thường vắng lặng

Tâm sanh niệm khởi cảnh liền sanh

Nghe chuông tỉnh thức lia còn mộng

Thế nhập chơn tâm diệu đức hằng.





KINH PHÁP BẢO ĐÀN

- Phẩm Nghi Vấn -

là ông Phú Lô Na còn chấp (hàng A La Hán tuy đã qua được ngã chấp nhưng còn Pháp chấp - tất nhiên là phạm phu chúng ta, thì chấp búa xua nói gì là chấp Ngã, với chấp Pháp!) Vì vậy, đức Phật dạy: “Tất cả các điều hư vọng đều khởi lên cùng một lúc với cái bất giác; nghĩa là chính cái tâm niệm sai lầm chia ra có năng, có sở chứ tánh giác không có năng có sở.”

Bốn đại cùng khắp mọi nơi, tùy theo nhân duyên mà phát sinh những hiện tượng khác nhau, nhưng đâu đâu cũng đều có chủng tính 4 đại. Đức Phật đưa ra những hình ảnh rất dễ hiểu như : chỗ sâu nước dồn xuống gọi là biển, chỗ cao đất nổi lên thì gọi là đồi núi, gò đồng, nhưng ở biển vẫn có hơi nóng bốc lên (hỏa) và lấy 2 viên đá (địa) trên núi đập vào nhau thì sinh ra tia lửa; chỗ nào địa đại kém thủy đại thì đất hoá ra mềm, cây cỏ mọc lên, cây cối bị đốt thì cháy thành tro than (đất) vắt ra nước (thủy).

Về con người, cũng do phân biệt, ví dụ hoàn cảnh giống nhau gọi là đồng một nghiệp, cảm giác giống nhau, hiểu biết như nhau .. quan hệ thân thiết với nhau, gắn bó nhau, hấp dẫn nhau v...v...giao tiếp với nhau, sinh ra mãi không thôi, từ đó mà có thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hoá sinh ... Còn ngược lại, không giống nhau thì sinh ra ghét, thù oán, v..v. Ừ ghét chính là nguyên nhân quan trọng của luân hồi, tái sinh ... và thói quen tham sống, sợ chết là sức mạnh tiềm tàng đưa chúng sanh đi theo nghiệp báo, tái sinh để trôi lăn mãi trong luân hồi sinh tử.

Bài học thứ 2: Tôn giả Phú Lô Na lại thắc mắc: “Nếu

KINH LĂNG NGHIÊM (tiếp theo)

Buổi học thứ Hai

- Quyển 4, quyển 5 và quyển 6 -



Hôm nay “máy đã nóng” Anh Chị Em chúng tôi hăng hái trình bày trước Chúng về những bài học mình tâm đắc trong Kinh; Cứ mỗi lần tôn giả Phú Lô Na thắc mắc, và đức Phật giải đáp là chúng tôi lại thu nhận được một bài học! Nói đúng hơn, là mỗi lần có một vị trong hội Chúng thắc mắc, là Anh Chị Em chúng tôi có một bài học, bộ Kinh này quả là một bộ Kinh lớn, vì không phải chỉ tôn giả A Nan hay tôn giả Phú Lô Na đứng ra thưa thỉnh, nêu thắc mắc .. mà có rất nhiều vị !

Bài học thứ 1: ông Phú Lô Na, vị đệ tử Phật thuyết pháp bậc nhất, biện tài vô ngại lên tiếng thưa hỏi 2 vấn đề: đó là 2 chỗ nghi:

Nghi về “bốn Khoa đều là thanh tịnh” nghi chỗ “bảy Đại đều là thanh tịnh” và “Trùm khắp hư không”; tôn giả Phú Lô Na (trong Kinh này chúng tôi còn được biết tên khác của Phú Lô Na là Mãn Từ) thắc mắc: Nếu 4 Khoa, bảy Đại đều thanh tịnh, trùm khắp thì:

•Khi địa đại trùm khắp, sao còn có thủy đại ? Khi thủy đại trùm khắp, thì sao còn có hỏa đại v..v..Sở dĩ như vậy,

“.....Vua Lương Vô Đế hỏi Tổ Bồ Đề Đạt Ma rằng:

"Trăm suốt đời cất chùa độ Tăng, bố thí, thiết trai thì có những công đức gì?"

Tổ bảo: " *Thật không có công đức* " Tại sao vậy ?

Ngài Huệ Năng trả lời quan Thú Sứ:

"Tại vì Vô Đế tâm tà, không biết chánh pháp, những việc làm của ông ta gọi là cầu phước, chứ không thể đem phước đức để đổi làm công đức "

Đây là phẩm nói lên những nghi vấn, thắc mắc trong lòng người học đạo, đại diện là quan Thú sứ và Hội Chúng lúc đó. Cứ mỗi thắc mắc của đại chúng đều được Tổ giải đáp thật rành mạch mà "bình dân" dễ hiểu (*mặc dù khó làm*) và thoáng vô cùng.....”

Hôm nay, chúng tôi học Kinh Pháp Bảo Đàn. Đáng lẽ phải gọi là "*Ngũ Lục của Tổ Huệ Năng*" vì đây là lời Tổ nói được ghi chép lại, không phải là Kinh (*lời dạy của Phật*). Nhưng đệ tử của Ngài là thiền sư Pháp Hải trụ trì chùa Bảo Lâm đã y theo lời dạy của Ngài mà đặt tên. Vì vậy chúng ta khỏi cần thắc mắc!

Cũng như các lần học trước, anh chị em chúng tôi ai cũng đã đọc trước ở nhà và đến đây tuần tự tóm lược các Phẩm trong Kinh, rồi sau đó mới quyết định *xoáy* vào phẩm nào. Lần này chúng tôi học kỹ phẩm thứ ba: NGHĨ VẤN .

Đây là phẩm nói lên những nghi vấn, thắc mắc trong lòng người học đạo, đại diện là quan Thú sử và Hội Chúng lúc đó. Cứ mỗi thắc mắc của đại chúng đều được Tổ giải đáp thật rành mạch mà "bình dân" dễ hiểu (*mặc dù khó làm*) và thoáng vô cùng.

Thắc mắc thứ nhất: Cũng là bài học thứ nhất của chúng ta: Vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Bồ Đề Đạt Ma rằng :

"*Trăm suốt đời cất chùa độ Tăng, bố thí, thiết trai thì có những công đức gì?*"

Tổ bảo: "*Thật không có công đức*" Tại sao vậy ?

Ngài Huệ Năng trả lời quan Thú Sử :

"*Tại vì Võ Đế tâm tà, không biết chánh pháp, những việc làm của ông ta gọi là cầu phước, chứ không thể đem phước đức để đổi làm công đức*" .

Với nhiều bài học được rút ra từ bài phát nguyện "nóng bỏng" của tôn giả A Nan, chúng tôi "sắp hàng" để nói lên những tâm tư tình cảm của mình, cũng như niềm cảm mến kính phục tôn giả A Nan. Sau đó, chúng tôi chấm dứt buổi học đầu về Kinh Lăng Nghiêm và hẹn gặp nhau trong buổi học sắp đến.



Nếu cái thức đó không do đâu, thì nên biết cái thức đại nhận biết và cái căn đại thấy, nghe, hay biết vắng lặng cùng khắp, bản tính không nương vào đâu mà có; Hai món đại ấy cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là 7 đại, tính thật là viên dung, vốn là tánh Như Lai Tạng không sinh không diệt.

Cuối cùng đức Phật cũng nhấn mạnh vai trò của thức thứ 8:

“...Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, cái thức nơi tâm tính là cái tác dụng nhận biết của tính minh bản giác, và đó chính là chân tính của thức đại, bản giác diệu minh yên lặng cùng khắp pháp giới, ẩn hiện 10 phương hư không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức.”

Chúng ta thấy rằng đoạn này của Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dùng những từ của Pháp Tánh Tông mà không dùng danh từ của Pháp Tướng Tông Duy Thức.

Qua lời khai thị rõ ràng đầy tính thuyết phục của đức Thế Tôn, tôn giả A Nan và đại chúng vô cùng hoan hỷ được Pháp chưa từng có, A Nan quá xúc động đọc lên bài kệ mà Anh Chị Em Huỳnh trưởng chúng ta đã thuộc lòng, vì đã đọc nhiều lần vào mỗi kỳ phát nguyện:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn
Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu
.....
Thuấn nhả đa tánh khả tiêu vong
Thước ca ra tâm vô động chuyển.

Lục Tổ dạy tiếp :

- *Thấy tánh ấy là Công, bình đẳng ấy là Đức.*
- *Trong tâm khiêm hạ, ấy là Công ; bên ngoài hành lễ phép, ấy là Đức .*
- *Mỗi niệm không có gián đoạn ấy là Công, tâm hành ngay thẳng ấy là Đức;*
- *Tự tu tánh ấy là Công, tự tu thân ấy là Đức.*
- *Tâm thường khinh người, thị-phi không dứt, tức là không Công; tự tánh hư vọng không thật, tức không có Đức.*

Này Thiện tri thức! Công Đức phải là nơi tự tánh mà thấy, không phải do bố thí cúng dường mà cầu được. Võ Đế không biết chân lý chứ không phải Tổ sư ta có lỗi!

Thắc mắc thứ nhì: là bài học thứ hai về cõi Tây Phương.

Thứ Sứ hỏi: "*Đệ tử thường nghe nói niệm Phật A Di Đà thì được vãng sanh Tây Phương; điều này có đúng không? thỉnh Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.*"

Tổ đáp : Thế Tôn nói Kinh A Di Đà ở trong thành Xá Vệ có nói rằng: Tây Phương ở cách đây mười muôn tám ngàn tức là:

trong thân có mười ác và tám tà.

Người mê niệm Phật cầu sanh Tây Phương, người ngộ tự tịnh tâm mình. Này Sứ quân! Tâm địa không có cái bất thiện thì Tây Phương cách đây không xa, nếu ôm lòng chẳng thiện, niệm Phật vãng sanh thật khó đến!

Nay khuyến Thiện tri thức trước nên dẹp trừ mười điều ác tức là đã đi được mười muôn, sau trừ tám cái tà tức là qua được tám ngàn, mỗi niệm thấy tánh thường hành bình đẳng, liền đến Tây Phương, thấy đức Phật A Di Đà .

Sử quán, chỉ hành mười điều thiện đâu cần phải nguyện vãng sanh, còn nếu không đoạn cái tâm ác thì Phật nào lại đón tiếp !!!

Ngài lại nói:"Huệ Năng vì mọi người, dời cõi Tây Phương trong khoảng sát na đến trước mặt cho quý vị được thấy, quý vị có muốn thấy không?"

Đại chúng "vâng dạ" muốn xem cõi Tây Phương hiện tiền trước mặt.

Tổ bảo rằng: Nay đại chúng! Thân này là thành, Mắt - Tai - Mũi - Lưỡi là cửa. Ngoài có năm cửa, trong có cửa Ý. Tâm là đất, Tánh là vua. Vua ở trên đất tâm, tánh còn thì vua còn, tánh đi mất thì vua mất; Tánh ở thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật nằm ở trong tánh mà tạo, chỗ hướng ra ngoài mà cầu. **Tự tánh mê tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật.**

Ngài còn dạy về các hạnh Từ Bi, Hỷ Xả, Tinh Tấn, Thanh Tịnh của chư Phật, Bồ tát cũng như các phiền não trần lao của tham, sân, si như sau :

Nay Thiện tri thức ! Từ Bi tức là Quán Thế Âm, Hỷ Xả gọi là Đại Thế Chí, Tinh tức là đức Thích Ca, Bình Trục tức là Phật Di Đà. Nhân Ngã ấy là núi tu Di, Tà Tâm là biển độc, Phiền Não là sóng mờ, Độc Hại là rồng dữ, Hư Vọng là quỷ thần, Trần Lao là rùa trạnh, Tham Sân là địa ngục, Ngu Si là súc sanh v..v.

không dứt, Thức ám như người tự giam mình trong cái bình, với những tập quán của 1 "cái ta" tách biệt với vũ trụ, không biết rằng ta với người khác đồng 1 bản thể, ta với vũ trụ không khác.

Bài học chúng tôi thu lượm được về 5 ấm là: tuy 5 ấm là không có thực tính, cuộc đời là hư ảo, mọi sự vật là vô thường, có đó mất đó, 100 năm chỉ là một giấc mộng ... thế nhưng những cảm thọ trong giấc mơ đó là có THẬT. Những vui buồn, đau khổ hạnh phúccũng thật giống như ta bị đứt tay thì biết đau vậy; và những phản ứng của chúng ta trước những cảm thọ đó chính là cái nhân sẽ dẫn đến những kết quả tất yếu sau này.

Anh Chị Em chúng tôi cũng rút được bài học về Căn +Trần + Thức (Tam Hòa Hiệp) cũng là biểu hiện của Như Lai Tạng (mặc dù ở đây đức Phật chừa nói đến thức thứ 8, nhưng ở đoạn sau có đoạn nói về A Đa Na Thức - 1 tên khác của Như Lai Tạng):

Thức A Đa Na rất nhỏ nhiệm
Tập khí lưu hành như nước dốt
E lằm là chân hay phi chân
Nên tôi thường không diễn giảng đến.

(Thức thứ 8 thì trong Kinh Thắng Man rất hay nhắc đến, và là một trong những chủ đề tư tưởng của Kinh)

Sau nhiều lần nói về Căn, Trần và Thức, đức Phật kết luận: cái Thức thì lay động, cái thấy thì đứng lặng..cho đến cái nghe, ngửi, hay biết v.v..cũng đều như vậy cả. Không lẽ cái thức nhận biết không do đâu mà phát ra?

Tại sao nói “không Sinh, không Diệt” ? Vì tính duyên khởi của mọi sự mọi vật là pháp giới tính, là tánh chân như mẫu nhiệm, là chân tâm mà đức Phật muốn chỉ dạy trong Kinh này nên khi SINH không có gì đáng gọi là sinh, khi DIỆT không có gì gọi là diệt chỉ là duyên tụ lại hay phân tán ra thôi .

Tiếp theo là bài học về từ ngữ: Bốn Khoa và Bảy Đại được tóm thu về Như Lai Tạng.

Bốn Khoa là:

5 Ấm,

6 Nhập,

12 Xứ,

và 18 Giới .

Anh Chị Em chúng tôi đều quen thuộc với 5 ấm (hay 5 uẩn = Sắc, Thọ, Tưởng, Hành , Thức) 6 nhập (hay lục nhập= 6 căn = mắt ,tai, mũi, lưỡi, thân, ý là 6 cánh cửa để tiếp xúc với cảnh vật là 6 trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc ,pháp) 12 xứ (= 6 căn + 6 trần) và 18 giới (6 Căn+ 6 Trần+ 6 Thức) nhưng chữ “Bốn Khoa” là 1 chữ mới đối với Anh Chị Em chúng tôi!

Bảy Đại là tứ đại (Đất, nước, gió, lửa = địa đại, thủy đại, phong đại và hỏa đại) cộng với Không đại, Kiến đại và Thức đại.

Nói về 5 ấm (5 uẩn) đức Phật đưa ra nhiều thí dụ rất hay; Ngài ví dụ Sắc ấm như hoa đóm giữa hư không, Thọ ấm như hai bàn tay xoa vào nhau giữa hư không, Tưởng ấm như nghe nói đến quả chanh, quả mơ thì chảy nước bọt, Hành ấm là luồng tâm niệm của chúng ta như dòng nước đang chảy xuống dốc, lớp lớp nối nhau

Này thiện tri thức ! thường làm mười điều thiện thì thiên đường liền hiển hiện.

Trừ Nhơn Ngã thì núi Tu Di sập,

Đẹp Tham Dục thì biển độc khô,

Dứt Phiền Não thì sóng mồi tắt,

Độc hại hết thì rồng cá đều biến mất

Ở trên tâm địa mình là giác tánh Như Lai. Nếu sáu cửa ở ngoài thanh tịnh, bên trong tự tánh trừ sạch ba độc thì Trong - Ngoài sáng rực, chẳng khác với cõi Tây Phương; không chịu tu như thế thì làm sao đến Tây Phương được đây!!

Thác mắc thứ ba: là phương pháp tu hành của Lục Tổ trao truyền cho quan Thứ Sử; Tổ bảo rằng ai tu cũng được, không cần phải ở chùa mới tu được (*tất nhiên nếu xuất gia được thì tốt hơn nhiều chứ, phải không các bạn?*)

Đây là bài kệ Vô Tướng :

Dịch nghĩa:

Tâm bình không cần giữ giới

Hạnh thẳng không cần tu thiền

Ăn thì nuôi dưỡng Cha Mẹ

Nghĩa thì trên dưới thương nhau

Nhuông thì trên dưới hoà mục

Nhẫn thì các ác không ồn

Nếu hay dùi cây ra lửa

Trong bùn quyết mọc sen hồng

Đắng miệng tức là thuốc hay

*Nghịch tai áy lời ngay thẳng
Sửa lỗi ắt sanh trí tuệ
Giữ quấy trong tâm không biến
Mỗi ngày thường làm lợi ích
Thành đạo không do thí tiền
Bồ đề chỉ hướng tâm tìm
Đầu nhọc hướng ngoại cầu huyền
Nghe nói y đây tu hành
Cực lạc chỉ ngay trước mắt*

Nguyễn văn:

Tâm bình hà lao trì giới
Hạnh trực hà dụng tu thiền
Ân tác thân dưỡng phụ mẫu
Nghĩa tác thượng hạ tương lân
Nhượng tác tôn ti hòa mục
Nhân tác chúng ác vô duyên
Nhược năng toàn mộc xuất hỏa
Ú nê định sanh hồng liên
Khổ khẩu đích thị lương được
Nghịch nhĩ tất thị trung ngôn
Cải quá tất sinh trí tuệ
Hộ đoàn tâm nội phi hiền
Nhật dụng thường hành nhiều ích
Thành đạo phi do thí tiền
Bồ đề chỉ hướng tâm mịch
Hà lao hướng ngoại cầu huyền ?
Thính thuyết y thù tu hành
Tây Phương chỉ tại mục tiền

trần; từ đó Kiều Trần Như cũng lấy ví dụ trong quán trợ: Người chủ thì ở yên đó, không đi đâu hết còn “Khách” thì đến rồi đi. Cái gì không đi, không lay động là chủ (Tâm), cái gì đến, đi ... thì đó là khách (trần).

Tâm chúng ta thường hay “chạy” theo cảnh (vui, buồn, hờn, giận, yêu ghét v.v..) nghĩa là chủ, mà mê theo khách chạy theo khách .. không nhận ra bản Tâm mình! Bây giờ chúng ta tu tập, nghĩa là nơi người khách không ở yên đó, mà trực nhận được cái tính ở yên (thường trú) không lay động của bản Tâm.

Đức Phật soi sáng thêm cho A Nan và đại chúng về tánh thấy không sanh diệt qua câu chuyện của Ngài với Vua Ba Tư Nặc; đức Phật hỏi vua đã thấy Sông Hằng mấy lần ...mà bản thân Vua có thay đổi không, và cái thấy ấy có thay đổi không? Vua đáp đã thấy sông Hằng từ hồi 3 tuổi cho đến nay là 62 tuổi, thân Vua già nua theo tuổi tác, nhưng cái thấy của Vua không thay đổi .

Rồi đức Phật hướng dẫn tôn giả A Nan đến 1 mức độ sâu hơn là cái thấy không phải là tánh thấy. Đức Phật nói :

- Trong lúc thấy cái sáng, cái thấy không phải là cái sáng.
 - Trong lúc thấy cái tối, cái thấy không phải là cái tối.
 - Trong lúc thấy hư không, cái thấy không phải là hư không.
 - Trong lúc thấy ngăn bịt, cái thấy không phải là ngăn bịt
- v..v..

Trước khi chỉ dạy con đường tu hành, đức Phật nêu ra hai thứ cội gốc để phân biệt MÊ và NGỘ. Trước hết, đức Phật nương “*cái thấy*” gạn hỏi cái Tâm, tôn giả A Nan lại chấp cái tâm suy nghĩ, cái biết suy xét ... là Tâm; khi đức Phật quở: “*Sai rồi, cái đó không phải Tâm của ông*” thì A Nan bỗng hốt hoảng la lên: “*Thưa Thế Tôn, tôi là em yêu của Phật, lâu nay tôi làm gì cũng dùng cái Tâm ấy, yêu Phật cũng bằng cái tâm ấy, xuất gia cũng bằng cái tâm ấy, cúng dường đức Như Lai, phát tâm đồng mãnh thực hiện những Phật sự khó làm v.v.. cũng bằng cái Tâm ấy, tại sao đức Như Lai lại bảo rằng cái ấy không phải là Tâm thì tôi thành ra như cây, như đất sao ? tôi không có tâm sao! Thật là đáng kinh sợ quá ! Và trong Đại chúng này không ai là không kinh sợ!*”

Để trấn an A Nan và Đại chúng, đức Phật dùng nhiều thí dụ chứng minh rằng cái thấy, hay tánh thấy không phải tùy thuộc vào con mắt: ví dụ một người mù, tuy mắt họ đui, nhưng họ vẫn “*thấy*” đó là thấy tối đen chứ không phải là “*không thấy*”. Tương tự như vậy, chúng ta “*nghe*” tiếng chuông, tiếng sấm sét Nhưng khi tiếng chuông dứt, tiếng sấm sét ngưng ta vẫn nghe, đó là nghe sự im lặng (*không có tiếng chuông, không có tiếng sấm nổ...*) đâu phải là “*không nghe*”. Nói tóm lại, tánh thấy, tánh nghe không lay động, mặc dù cái đầu, con mắt, lỗ tai ... có quay qua quay lại, để nghe, để nhìn v.v.. nhưng tánh thấy, tánh nghe v.v.. không lay động.. A Nan và đại chúng đều hoan hỷ vì đã hiểu được ý nghĩa này qua những thí dụ dễ hiểu của đức Phật.

Sau đó đức Phật gạn hỏi ý nghĩa 2 chữ “*Khách*” và “*Chủ*” ;tôn giả Kiều Trần Như nhắc lại ở vườn Lộc Uyển, đức Phật lấy ví dụ phiền não như khách, như

Bài học này làm nảy sinh trong anh chị em chúng tôi rất nhiều ý kiến đóng góp, ví dụ như:

- ***Tâm bình không cần giữ giới, hạnh thẳng không cần tu thiền:*** Chúng ta thì sao? Ai nói động tới thì sân si nổi dậy, la hét om sòm; không cần biết trên dưới gì cả. Vậy là tâm chưa bình, hạnh chưa thẳng, cho nên giới cũng cần phải tu, mà thiền cũng cần phải tinh chuyên chứ đừng nên xao lãng đó nha!

- ***Ăn thì nuôi dưỡng Cha Mẹ, Nghĩa thì trên dưới thương nhau:*** Phật cũng đã dạy: *Trong thời không có Phật, thờ phụng Cha Mẹ là thờ phụng Phật.* Nói cách khác, nếu chúng ta đi chùa, lạy Phật, làm đủ chuyện mình cho là nhiều phước đức lắm, nhưng nếu về nhà thấy cha mẹ già không cần dòm ngó tới, lời cha mẹ nói thì coi như không (*ne pas*); Vậy thì nhất định không phải là Phật tử chân chính rồi (*mà chỉ là thú dõm thôi!*)

Anh chị em cùng cha mẹ sống chung nhau dưới một mái nhà, nếu không biết thương yêu nhau, nhường nhịn nhau thì ra ngoài xã hội làm sao mà tốt với ai được? Nếu có, đó chỉ là đóng kịch, giả dối hay là vì lợi dụng gì đó mà thôi, con người như vậy ai mà tin tưởng được?

Thầy Thanh Từ cũng có nhắc nhở chúng ta: *Nếu sống thường trực nơi gia đình không ra gì thì sống một, hai ngày ở chùa có nghĩa lý gì đâu?*

Nói tóm lại, người Phật tử chân chính nói chung, người Huỳnh trường Gia Đình Phật Tử nói riêng, phải

sống sao cho người khác nhìn vào *thấy mình sống đạo chứ không phải chỉ giảng đạo.*

• **Đắng miệng tức là thuốc hay, nghịch tai là lời ngay thẳng:** Cái này chúng ta cũng thường nghe *thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng.* Nhắc chúng ta tu tập làm sao để khi nghe những lời phê bình thẳng thắn, chỉ cái sai, cái lỗi của mình ra thì mình vẫn vui vẻ nhận lỗi chứ không nên nổi sân si, dùng dùng bỏ đi, không làm việc nữa.. v..v..

Anh Chị Em rất hay *tái phạm* lỗi này. Do đó, đây là chuyện hết sức đơn giản nhưng không dễ làm. Vì vậy, Tổ Huệ Năng cũng hết lòng căn dặn:

Muốn làm tốt điều này thì đừng bao giờ nghĩ rằng: Mình không bao giờ làm lần, mình rất chuyên môn trong công việc, mình là số 1 trong lãnh vực này v..v.. mà phải biết rằng ai cũng có lúc nhầm lẫn, giới tới đâu cũng vậy thôi, biết nhận lỗi và sửa lỗi là người trí tuệ, còn nếu cứ giữ quấy trong tâm thì đó không phải là người hiền, người trí (mà là người ác và ngu, phải không các bạn?)

Đây là những bài học đơn giản nhất rút ra từ phẩm Nghi Vấn. Chúng ta sẽ tiếp tục học Pháp Bảo Đàn ở những lần sau.



Tâm, thậm chí còn nói “*Tôi tu Tâm chứ không cần đi chùa, đi nhà thờ gì cả*” nữa. Nhưng mà không biết Tâm là cái gì, ở đâu cả! Cái này mới đáng tức cười ! Trong các Kinh Phật, người đại diện đại Chúng đứng ra thưa hỏi, chính là hỏi cho chúng sanh, vì chúng sanh mà thưa hỏi để đức Phật giải đáp, nghĩa là qua các Tôn Giả ấy mà giải đáp, giáo hóa chúng sanh, chỉ ra chỗ mê lầm của họ. Thật vậy, đức Phật quả tôn giả A Nan thì không sao, nhưng nếu có ai đó lên thưa hỏi rồi nói trật lất, bị đức Phật quở, thế nào cũng nổi sân si cho mà coi, phải không các bạn ? Làm sao mà duy trì một đạo tràng thanh tịnh để tiếp tục tu học nữa!! Đây cũng là chỗ tâm lý rất sâu sắc tế nhị của một trong những phương pháp giáo dục Phật giáo.

Trở lại với buổi học Kinh : sau 7 lần bị Phật quở vì không biết Tâm là cái gì, Tôn giả A Nan khóc lóc nói lên những lời rất cảm động : “*Tôi là em rất nhỏ của Như Lai, nhờ Phật thương yêu, nay tuy được xuất gia, còn ở lại nơi lòng thương của Phật, nên tôi học rộng, nghe nhiều mà chưa chứng quả vô lậu, không uống đẹp được bùa chú Sa Tỳ Ca La bị nó khuấy phục, sự phạm giới thế, cầu xin Thế Tôn đại từ thương xót, chỉ dạy cho chúng tôi pháp tu Samatha, cũng khiến cho những người không tin trờ bỏ những tư tưởng xấu*”

Đức Phật từ trước mặt, phóng hào quang sáng chói như trăm ngàn mặt trời, soi khắp 10 phương thế giới chư Phật, các cõi nước nhiều như vi trần ...rồi lại khiến tất cả họp lại thành một. Ngài dạy cho Đại chúng biết rằng pháp giới tính của Tự Tâm vốn là trùng trùng duyên khởi, một là tất cả, tất cả là một (*đây chính là tư tưởng mà chúng ta đã gặp ở Kinh Hoa Nghiêm*)

Thế rồi đức Phật liên tục đặt một loạt câu hỏi về Tâm và con mắt, làm cho A Nan luống cuống, bối rối, không biết đường nào mà trả lời ! Vì vậy, những câu trả lời của A Nan đều rơi vào những cố chấp, lại bị Phật quở nữa. Bảy lần đức Phật hỏi Tâm, 7 lần A Nan trả lời sai hết, và cứ mỗi lần như vậy, đức Phật đều đưa ra những ví dụ cụ thể, để hiểu để bác câu trả lời của tôn giả A Nan làm chúng ta học Kinh cảm thấy rất lý thú, và khâm phục phương pháp giáo dục của Ngài (*vấn đáp*) từ cách đây gần 3000 năm mà đã rất “hiện đại” rồi! (khen phò mã tốt áo” !!)

Về phần A Nan:

- Khi thì chấp Tâm ở trong Thân
- Khi thì chấp Tâm ở ngoài Thân
- Rồi chấp Tâm núp sau con mắt (*giống như con mắt núp sau chén lâu ly* !)
- Chấp Tâm hợp với chỗ nào thì liền hiện ra chỗ đó (*do pháp sinh mà Tâm sinh*)
- Chấp Tâm ở “chặng giữa”
- Chấp Tâm không dính dáng vào đâu cả

v..v..

Mặc dù A Nan đã “b” thật rồi nhưng đức Phật vẫn chưa “tha”, Ngài cứ hỏi tới nữa: vậy Tâm CÓ hay là KHÔNG CÓ ?

Đến đây, A Nan bèn thưa: *Tôi lấy cái “không dính dáng vào đâu cả” làm cái Tâm của tôi có được không?*

Đọc đến đây, chúng ta ai cũng tức cười, nhưng bài học quan trọng ở đây là A Nan là ai ? A Nan chính là chúng ta, là chúng sanh mê mờ, hằng ngày sinh hoạt, ăn uống đi đứng nằm ngồi, nói năng, ngủ nghỉ v..v.. đều dùng



KINH PHÁP BẢO ĐÀN (tiếp theo)

Lục Tổ Huệ Năng (638-713)

“.....Lục Tổ Huệ Năng: Nhà nghèo, ít học, ở nơi quê mùa nhưng lại rất tin vào tư tánh Phật của mình cũng như ở mỗi chúng sanh, nên khi đối diện với Ngũ Tổ, Ngài không có chút mặc cảm, trình bày chính kiến của mình: Người thì có Nam có Bắc, nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Thân quê mùa này cùng với thân Hòa Thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác.

Mặc dù nói vậy, nhưng Ngài vẫn nghe lời Ngũ Tổ làm việc ở nhà bếp suốt tám tháng trường. Ngài không làm được những việc vĩ đại như các vị Tổ khác, không đốt thân cúng dường, không dịch kinh, thuyết pháp v..v. Ngài chỉ giã gạo để lo việc ăn uống cho Tăng Chúng trong chùa”

Chi Phật, từ mười phương đến, ai cũng mong được nghe những lời dạy này của đức Phật.

Thật vậy, chỉ nghe đề Kinh không thôi, chúng ta cũng đủ giật mình rồi, đề Kinh gồm 19 chữ: ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHÂN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM (Suramgama) ! Thường người ta gọi tắt là Kinh Thủ Lăng Nghiêm hay Kinh Lăng Nghiêm.

Đây quả thật là Pháp chưa từng có, vì chúng ta sẽ gặp giáo lý của kinh Kim Cang, Pháp Hoa, Bát Nhã, Hoa Nghiêm ... ngay trong Kinh này. Ở phần Tựa cũng có ghi rõ “..Chúng hội thanh tịnh được pháp chưa từng có..”

Mở đầu buổi giảng, đức Phật hỏi tôn giả A Nan lý do gì mà xuất gia, A Nan đáp: “Vì tướng tốt của Phật” và bị Phật quở ngay: “Không nên chấp Tướng, phải từ Tâm mà cầu Đạo..”. Bài học này chúng ta đã học ở Kinh Kim Cang:

Nếu lấy sắc thấy ta
Lấy âm thanh cầu ta
Ấy người hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai

Đức Phật lại bảo A Nan dùng trực tâm mà trả lời những câu hỏi của Ngài (Anh Chị Em chúng tôi hiểu “trực tâm” = tâm ngay thẳng ở đây là trả lời ngay, không suy nghĩ, đắn đo nghĩa là bằng trực giác, không bằng lý luận)

Ngài hỏi: Do cái gì mà phát tâm ?
A Nan trả lời : do Tâm và con mắt

Phòng Dung (nguyên là một thừa tướng đời Đường về hưu); ông là một đại văn hào nên văn chương trong Kinh Lăng Nghiêm - bản Hán dịch của Phòng Dung - được xem là một áng văn chương đệ nhất; Ngoài ra, bộ Kinh này còn được rất nhiều bậc học giả Trung Hoa dịch, giảng, chú giải, sớ giải v.v.. số lượng lên đến hàng trăm bộ. Sau khi hoàn thành việc dịch Kinh, Sư Phát Lạt Mật Đế đã trở lại Ấn Độ để xin được xét xử, vì Ngài đã cãi lệnh vua đem Kinh Lăng Nghiêm ra nước ngoài. Thật đúng là một vị “*Nghịch Hành Bồ Tát*” làm nên những chuyện kinh thiên động địa vì lợi ích chúng sanh, không kể thân mình có thể bị tù đầy, kết án, xử tử ...và không trốn tránh trách nhiệm.

Phần Duyên Khởi của Kinh Lăng Nghiêm cũng đặc biệt mặc dù anh chị em chúng ta ai cũng đã biết, đó là: nhân ngày giỗ Cha, vua Ba Tư Nặc tổ chức trai tăng cúng dường Phật và các vị Bồ Tát, có sự hiện diện đầy đủ các vị đệ tử Phật, riêng có tôn giả A Nan đã nhận lời mời riêng không về kịp. Trên đường về, tôn giả A Nan bị người đẹp Ma Đăng Già dùng bùa chú ma thuật cám dỗ, suýt nữa A Nan đã phạm giới thể; đức Phật tuy đang ở xa A Nan, nhưng biết được đệ tử mình đang lâm nạn, bèn phóng hào quang bách bảo vô úy, tiêu diệt tà chú, đồng thời bảo ngài Văn Thù Sư Lợi đem thần chú này đến giúp đỡ A Nan và đưa A Nan với Ma Đăng Già về chỗ Phật ngự. Tôn giả A Nan thấy Phật thì bật khóc nức nở, tự trách mình mang tiếng “*đại văn*” học rộng nhớ nhiều, nhưng tu tập lại chưa tới đâu cả, tha thiết xin Phật dạy cho phép Samatha (*Thiền định*) để tu tập. Đức Phật an ủi A Nan, và bắt đầu giảng cho A Nan. Đạo tràng lúc ấy có rất nhiều Bồ Tát, Đại A La Hán và Bích

Kinh này tương đối dễ tìm. Vì vậy anh chị em chúng tôi ai cũng có một bản, do đó buổi học này còn có phần hào hứng hơn lần đầu. Đây quả là những lời dạy đơn giản, bình dị của Lục Tổ, nói lên cốt lõi của Thiền tông.

Hôm nay chúng tôi tiếp tục học 3 phẩm :

- Phẩm thứ nhất : Tụ Thuật
- Phẩm thứ tư : Định Tuệ
- Phẩm thứ năm : Toạ Thiền

Bài học thứ nhất rút ra từ bản thân Lục Tổ Huệ Năng: Nhà nghèo, ít học, ở nơi quê mùa nhưng lại rất tin vào tự tánh Phật của mình cũng như ở mỗi chúng sanh, nên khi đối diện với Ngũ Tổ, Ngài không có chút mặc cảm, trình bày chính kiến của mình:

“Người thì có Nam có Bắc, nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Thân quê mùa này cùng với thân Hòa Thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác”

Mặc dù nói vậy, nhưng Ngài vẫn nghe lời Ngũ Tổ làm việc ở nhà bếp suốt tám tháng trường. Ngài không làm được những việc vĩ đại như các vị Tổ khác, không đốt thân cúng dường, không dịch kinh, thuyết pháp v.v. Ngài chỉ gĩa gạo để lo việc ăn uống cho Tăng Chúng trong chùa mà thôi. Cho đến một ngày, Ngài được Ngũ Tổ trực tiếp nói kinh Kim Cang - cho con người "*tướng mạo quê mùa nhưng trí tuệ phi thường*"

Lúc đó Ngài chợt thốt lên:

*Đầu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
Đầu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt
Đầu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ
Đầu ngờ tự tánh vốn không dao động
Đầu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp*

Những lời này của Lục Tổ làm chúng ta nhớ đến lời dạy của đức Thế Tôn về "*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*" trong Diệt Đế. Đó là **Tự Tánh - Thanh Tịnh hay là cái Chân Ngã**. Tâm ta như một tấm gương có khả năng chiếu sáng kỳ diệu, ghi lại tất cả những hình ảnh của bất cứ vật gì đi ngang qua nó (*hay sinh muôn pháp*) mà không hề có phản ứng gì cả (*vốn tự thanh tịnh, vốn không dao động, vốn không sanh diệt*).

Để thực tập bài học này chúng ta cố gắng trong đời sống hằng ngày, khi ăn uống, ngủ nghỉ v.v.. an trú trong tâm Phật này càng nhiều càng tốt. Ví dụ khi nghe ai phê bình mình hay nói xấu mình mà nổi **tam bành lục tặc** lên, ấy là ta đã biến cái tâm thanh tịnh thành tâm của loài A Tu la (*quỷ chiến đấu*) rồi. Nếu chúng ta cố gắng theo dõi tâm (*hơi thở*) và giữ gìn tâm bớt dao động thì một ngày nào đó có thể làm hiển lộ bản tâm thanh tịnh này và hằng trú trong đó.

Đại sư Sogyal Rinpoche ở thời đại chúng ta cũng nói trong Tạng Thư Sống Chết về cái *Tâm Bản Nhiên* mà Lục Tổ Huệ Năng gọi là *Tự Tánh* và thiền sư Bankei gọi là *Tâm Bất Sinh* như sau: "...*Bởi thế, dù đời ta có thế nào đi nữa, Phật tánh của ta cũng luôn luôn ở đấy, và nó luôn luôn*

phẩm "Ma Ha Chỉ Quán" hay "Tam Chỉ Tam Quán" (*mahā-samatha-viṣayanā*) còn được lưu truyền cho đến ngày nay. (Trí Giả đại sư còn là người sáng lập tông Thiên Thai của Trung Hoa) Lúc được nghe Sư Trí Khải thuyết về Pháp môn Tam Chỉ Tam Quán này, một nhóm tăng sĩ Ấn Độ cho rằng pháp môn này rất giống pháp môn Tam Ma Đề trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm của họ, mà Kinh này thì cả Trung Hoa không ai biết, kể cả ngài Trí Giả. Vì thế, Ngài rất phấn khởi, xem như pháp tu của mình được đức Phật ấn chứng nếu có được kinh Lăng Nghiêm. Từ đó, Ngài xây một đài thật cao hằng ngày tâm thành lễ bái, cầu nguyện được gặp bộ Kinh này, Ngài lễ lạy chuyên cần như thế trong suốt 18 năm trời, cho đến ngày viên tịch. Thật là một tấm lòng thành vững chãi hơn sắt đá!

Nói về bộ Kinh Lăng Nghiêm ở Ấn Độ, có pháp sư Bát Lạt Mật Đế vượt biên để đem Kinh truyền bá ra nước ngoài (Trung Hoa). 2 lần Ngài trốn đi, 2 lần bị bắt trở lại, nhưng nhờ truyền thống kính trọng giới tu sĩ một cách đặc biệt của Ấn Độ, nên Ngài cũng được trả tự do; Lần thứ 3 ngài phải dùng thứ mực đặc biệt, chép Kinh lên một tấm lụa mỏng rồi xẻ cánh tay ra, nhét Kinh vào may lại, đợi vết thương lành lặn mới xin đi Trung Hoa; Lần này, Ngài qua mặt được mọi sự khám xét nghiêm mật và đem Kinh đến được Trung Hoa (Quảng Châu) ; lúc này tên của bộ Kinh Lăng Nghiêm đều đã được người Trung Quốc biết đến (*trong nhân gian đều biết ngài Trí Giả đã lạy suốt 18 năm cầu được gặp*) nên bộ Kinh được đón tiếp long trọng, và tay của Ngài Phát Lạt được giải phẫu để lấy Kinh ra. Sau đó, Kinh được dịch ra chữ Hán với sự giúp đỡ của đại sư Bát Lạt Mật Đế , cư sĩ

Kinh Lăng Nghiêm là cuốn Kinh mà Anh Chị Em chúng tôi ai cũng đã được đọc rồi, vì lẽ rất dễ kiếm và quý Thầy giảng cũng nhiều, nhưng ý nghĩa thâm sâu của Kinh, công phu tu tập, các căn viên thông thâm hậu của chư vị Bồ Tát ... làm cho bộ Kinh trở nên “bí hiểm” trong mắt anh chị em chúng tôi.

Bản Kinh Việt - dịch và giảng mà Anh Chị Em chúng tôi chọn để cùng học là của bác Tâm Minh Lê Đình Thám. Theo mục lục, bản Kinh gồm 10 quyển, mỗi quyển lại chia thành nhiều Đoạn, mỗi Đoạn gồm nhiều Mục v.v.. nên toàn bộ cuốn Kinh dày hơn 1000 trang! Chúng tôi phải phân ra để học: Mỗi buổi cố gắng học xong 3 quyển để có thể “thanh toán” xong bộ Kinh này trong 1 tháng, hay 1 tháng rưỡi. Muốn như vậy, chúng tôi phải “tranh thủ” đọc, tìm hiểu những danh từ mới hay khó, và ghi lại những bài học mình có thể áp dụng được trong cuộc sống để trình bày trước Chúng.

Bài học đầu tiên thường là phần Duyên khởi, riêng Kinh Lăng Nghiêm còn thêm phần “làm sao Kinh Lăng Nghiêm được xuất ngoại” nữa! Chúng tôi thấy câu chuyện này thật là thích thú nên ghi vào đây:

Kinh Lăng Nghiêm vốn không được phép “xuất ngoại” do lệnh của một vị vua Ấn Độ “lận pháp” (nghĩa là keo kiệt về việc phổ biến Phật Pháp) cho nên ở Trung Hoa không ai biết đến bộ Kinh này ; lúc đó (đời nhà Đường) có một vị cao tăng là Trí Khải (còn được gọi là Trí Giả) người đề xướng pháp tu Chỉ quán trong tác

toàn hảo. Ngay cả chư Phật với trí tuệ vô biên cũng không thể làm cho nó tốt hơn được, và chúng sanh với tất cả vô minh bất tận, cũng không thể làm cho nó kém hơn. Tính bản nhiên của tâm chúng ta có thể ví như bầu trời, và sự mờ mịt của tâm thông tục giống như mây. . . . Hoàn toàn cõi mở, tự do, vô biên, Phật tánh ấy thực đơn giản, tự nhiên như nhiên đến nỗi không bao giờ có thể trở thành phức tạp, hư hỏng hay bị nhiễm ô, nó thuần tịnh đến nỗi vượt cả ý niệm dơ sạch. Nhưng nói về tự tính của tâm ví như bầu trời ấy, chỉ là một ẩn dụ để giúp ta bắt đầu tưởng tượng được tính chất vô biên bao trùm tất cả của nó; Vì Phật tánh còn có một tính chất mà bầu trời không có được, đó là tính sáng chói của tinh thức, đó là cái giác tính hiện tiền không lỗi nơi bạn, biết nhận thức mà vẫn trống rỗng, giản đơn mà sáng suốt. Dudjom Rinpoche cũng viết về Nó - cái Tâm Bản Nhiên ấy:

*Không lời nào có thể mô tả,
Không ví dụ nào để chỉ rõ
Sinh tử không làm nó xấu hơn
Niết Bàn không làm nó tốt hơn
Nó chưa từng sinh
Nó chưa từng diệt
Chưa từng giải thoát
Chưa từng mê lầm
Chưa từng có cũng chưa từng không
Nó không có một giới hạn nào
Không thể xếp nó vào một phạm trù nào cả.*

Còn Nyoshul Rinpoche thì nói:
*Sâu xa vắng lặng, thoát mọi rắc rối
Sáng suốt không do kết hợp mà thành
Vượt ngoài tâm phân biệt đặt tên*

*Đấy là tâm sâu xa của những đấng chiến thắng
Trong đó không một vật gì phải rút ra
Cũng không một vật gì cần thêm vào
Đấy thuần là cái vô nhiễm
Đang nhìn vào chính nó một cách tự nhiên.*

Thật là thú vị thay, khi được nghe lời dạy của các bậc Thầy nói mỗi người một kiểu nhưng thật giống nhau, về cái tự tánh của tâm .

Bài học thứ hai: ý nghĩa hai bài kệ của Ngài Thần Tú và ngài Huệ Năng:

Bài kệ của Ngài thần Tú :

Thân là cội bồ đề	<i>Thân thị bồ đề thọ</i>
Tâm như đài gương sáng	<i>Tâm như minh cảnh đài</i>
Luôn luôn phải lau chùi	<i>Thời thời thường phát thức</i>
Chớ để dính bụi bặm	<i>Vật sử nhá trần ai</i>

Bài của Ngài Huệ Năng

Bồ đề vốn không cây	<i>Bồ đề bản vô thọ</i>
Gương sáng chẳng phải đài	<i>Minh cảnh diệt phi đài</i>
Xưa nay không một vật	<i>Bản lai vô nhất vật</i>
Bụi bặm bám vào đâu ?	<i>Hà xứ nhá trần ai?</i>

Cả hai bài kệ đều cho ta những bài học quý.

Trước hết là *bài của Ngài Thần Tú*. Mặc dù bài này *Ngũ Tổ* cho là *chưa đạt*. Nhưng đối với hàng Phật tử chúng ta đây cũng là **phương pháp theo dõi tâm** để đừng bị ô nhiễm bởi tham, sân, si.

Tâm ta cũng như vạn pháp, là vô thường: phút

“...tôn giả A Nan bị người đẹp Ma Đăng Già dùng bùa chú ma thuật cám dỗ, suýt nữa A Nan đã phạm giới thế; đức Phật tuy đang ở xa A Nan, nhưng biết được đệ tử mình đang lâm nạn, bèn phóng hào quang bách bảo vô úy, tiêu diệt tà chú, đồng thời bảo ngài Văn Thù Sư Lợi đem thân chú này đến giúp đỡ A Nan và đưa A Nan với Ma Đăng Già về chỗ Phật ngự. Tôn giả A Nan thấy Phật thì bật khóc nước mắt, tự trách mình mang tiếng “đa văn” học rộng nhớ nhiều, nhưng tu tập lại chưa tới đâu cả, tha thiết xin Phật dạy cho phép Samatha (Thiền định) để tu tập...”



KINH LĂNG NGHIÊM

Buổi học thứ Nhất:
- Quyển 1, quyển 2 và quyển 3 -

trước ma, phút sau Phật, *tâm viên ý mã* không biết đâu mà lường. Nếu chúng ta không luôn tỉnh thức, không tự nhắc nhở *siêng năng lau chùi* tâm thì e rằng sẽ bị *bụi phóng xạ của tam độc* dính vào ngay.

Như thiền sư Sogyal Rinpoche, một vị Thầy vĩ đại của thế kỷ 20 đã nói: *Quả thật tâm ta đã được huấn luyện một cách thuần thục bởi sinh tử và cho sinh tử. Được huấn luyện để nổi ghen tuông, được huấn luyện để bám víu, chấp thủ, được huấn luyện để lo âu phiền muộn, thất vọng, thèm khát, được huấn luyện để phản ứng một cách tức giận đối với bất cứ gì khiêu khích chúng ta.*

Thật vậy, chúng ta đã được huấn luyện thuần thục tới mức độ mà những cảm xúc tiêu cực ấy nổi lên một cách tự nhiên không cần cố gắng. Bởi vậy, mọi sự đều là vấn đề huấn luyện tâm và năng lực của thói quen như ngài Thần Tú đã dạy: *thời thời thường phát thức*

Bài kệ của *Lục Tổ phù hợp cho hàng căn cơ cao hơn*, những người đã nắm trọn tư tưởng *Tánh Không của tinh thần Kim Cang, Bát Nhã*. Tâm Ngài đã rộng mở và thâm nhập tinh thần ấy, rồi nhờ có bài kệ của Ngài Thần Tú, Ngài Huệ Năng mới có cơ hội nói lên cái thấy của mình, cái thấy của một con người đã giác ngộ, đã vượt qua cả ngã chấp và pháp chấp vậy. Bài học của chúng ta ở đây là tư duy vô ngã, mở rộng cái thấy chân thật về - *cái ta* và *cái của ta* - thật sự là không tồn tại - Nói cách khác: Vạn vật do duyên sinh, duyên tụ thì thành, mà duyên rã thì mất, có vậy thôi! Tư duy này giúp chúng ta không hoảng

sợ hay chao đảo, luôn giữ tâm bình an trước những vô thường của cuộc đời không biết sẽ đến với ta vào bất cứ lúc nào.

Sau Lục Tổ 10 thế kỷ, thiền sư Bankei (1622-1693) cũng nói:

Tâm là một cơ cấu năng động, việc của nó là phản chiếu, ghi lại, hồi tưởng những ấn tượng về thế giới bên ngoài; Nó như một loại gương soi sáng động luôn luôn vận hành, không bao giờ ở yên từ giây phút này sang giây phút kế tiếp. Trong cái tâm như gương sáng này những ý tưởng đến rồi đi, sinh diệt rồi lại tái sinh tùy hoàn cảnh; tự bản chất chúng không tốt cũng không xấu (Tâm Bất Sinh tr. 36) - hay . . . vì tâm Phật đang chiếu sáng kỳ diệu trong tất cả mọi người, nên bạn có thể học hỏi đủ thứ, ngay cả trong những hành vi lầm lạc . . . (tr. 68). Đọc Bankei ta có cảm tưởng đã bắt gặp Lục Tổ Huệ Năng trong vị thiền sư Nhật Bản này.

Bài học thứ ba là vị trí tương đối giữa Định và Tuệ. Chúng ta thường nghĩ rằng: *phải giữ giới thì tâm mới định, tâm có định thì tuệ mới phát sinh.*

Qua phẩm Định Tuệ, Ngài Huệ Năng đã rọi vào tâm trí ta một ánh sáng mới: đó là Định Tuệ ví như ngọn đèn và ánh sáng, có ngọn đèn tức là có ánh sáng, không có đèn tức là tối. *Vậy đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn; tên tuy hai mà thật sự chỉ có một thể.* Định Tuệ cũng như thế, nói đơn giản: *trong Định đã có Tuệ và ngược lại trong Tuệ đã có Định.*

Bài học thứ tư là về **Nhất Hạnh Tam Muội** (*tam muội = chánh định*). Ngài dạy về hạnh này rất rõ

bàn của con người, nhưng nương vào đức Tin nhiệt thành, tình yêu rộng lớn và sâu đậm của mình, Thắng Man phu nhân đã bước vào Bồ Tát Đạo một cách không có gì khó khăn và cực nhọc cả.

Chúng ta thấy rằng: Bồ Tát Đạo là con đường vô cùng gian nan, dài thăm thẳm có thể đi từ kiếp này sang kiếp khác cũng chưa xong, có thể bỏ cuộc giữa đường .. thế nhưng ở đây, trong kinh Thắng Man, con nít mới lên bảy cũng có thể thực hành Bồ Tát Đạo, và chúng ta cũng thấy sự gặp gỡ giữa (kinh) Thắng Man và (kinh) Pháp Hoa: Con nít bảy tuổi cũng có thể thành Phật, con nít vọc cát bên bờ biển đắp hình Phật bằng cát mà chơi, cũng có thể thành Phật!

Nói vậy mà không phải vậy đâu nha, đây là đề tài để Anh Chị Em chúng ta suy gẫm!

Với bài học này chúng tôi chấm dứt buổi học chót về Kinh Thắng Man, lần sau chúng tôi sẽ học Kinh Lăng Nghiêm.



thai che chở, và nuôi dưỡng cho phôi thai sống còn và phát triển một cách tự nhiên. Ai nhận ra Pháp thân Phật, thì đó chính là đứa con chân thật của Như Lai, được sinh ra từ miệng Phật, từ Chánh pháp hoá sinh, được thừa hưởng di sản Pháp.

Bài học thứ 18: Bài học về Tín Tâm, điều kiện tiên quyết để bước lên Bồ Tát Đạo và về Thắng Man phu nhân, một nhân cách lý tưởng.

Thắng Man phu nhân là một phụ nữ đến với đức Phật, hay đạo Phật- bằng một Tín tâm rất sâu và lòng ngưỡng mộ rất cao đối với Ngài. Bằng tín tâm ấy, bằng sự ngưỡng mộ ấy cộng thêm một trái tim luôn rung động trước nỗi thống khổ của chúng sanh, Thắng Man phu nhân đã nhận thức được rằng hạnh phúc đích thực là bản chất, là tự thể của Như Lai Tạng. Nói cách khác, nguồn hạnh phúc vô biên chính là tự tâm của mỗi chúng sanh, chứ không phải do sự đuối bắt tìm cầu ở bên ngoài. Sau đó, Thắng Man phu nhân, bằng tình yêu bình phàm của người vợ, đã cảm hoá được chồng mình là vua Hữu Xứng và cũng bằng tình yêu ấy, đã cảm hoá được cả dân chúng trong phạm vi lãnh thổ của mình, cùng thực hành Bồ Tát Đạo.

Tóm lại, người có thể thực hành Bồ tát đạo là hạng người có đức tin nhiệt thành và vững chắc ; đức tin đi liền với tình yêu, đức tin còn dao động vì tình yêu chưa sâu đậm. Nơi nào gốc rễ Tín tâm càng bền chặt thì sự tác động của tình yêu càng mạnh mẽ, tình yêu càng lúc càng tỏa rạng bóng mát. Nói cách khác, cảnh giới của Phật thừa vốn cao cả, tuyệt đối, vượt ngoài tầm nghĩ

ràng. Nhất Hạnh Tam Muội là thường hành trực tâm trong tất cả mọi lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ở tất cả mọi nơi. Trực tâm là tâm không chấp trước, không kẹt hai bên, không còn trong vòng thị-phi như Có - Không, Sai - Đúng, Yêu - Ghét, Lấy - Bỏ v.v..Thiền sư Bankei thì gọi Nhất Hạnh Tam Muội là **Thực Chứng Tâm Phật Sống Động**. Nên về điều này Bankei cũng dạy:

Với một người thực chứng tâm Phật một cách rốt ráo, thì khi vị ấy đi ngủ cũng đi ngủ với tâm Phật, khi thức dậy là dậy với tâm Phật, khi đi là đi với tâm Phật, khi đứng là đứng với tâm Phật, khi nằm là nằm với tâm Phật, khi ngồi là ngồi với tâm Phật, khi nói là nói với tâm Phật, khi im lặng là im lặng với tâm Phật, khi ăn cơm là ăn cơm với tâm Phật, khi uống trà là uống trà với tâm Phật, khi mặc áo là mặc áo với tâm Phật v.v.. Vào mọi lúc, vị ấy an trú liên tục trong tâm Phật, vị ấy hành xử ứng dụng tùy theo hoàn cảnh, cứ để mọi sự trôi theo cách tự nhiên của chúng, chỉ cốt là không làm việc ác, chỉ làm việc lành nhưng không tự hào về những việc lành của mình, không bám víu vào đó mà ghét những người xấu, vì như vậy là đi ngược tâm Phật. Tâm Phật không thiện, không ác, mà vượt ra ngoài cả thiện ác (TBS tr. 164)

Bài học thứ năm là ba điểm then chốt trong giáo lý của Lục Tổ, đó là: VÔ TUỞNG, VÔ NIỆM VÀ VÔ TRỤ.

- VÔ TUỞNG là ngay nơi các tướng, mà lìa tướng, không bị dính mắc vào các tướng ấy. Ví dụ: nhìn một bông hoa, một bức họa, một bảo vật v.v.. ta thấy đẹp, quý. v.v.. nhưng không bị kẹt vào đó, không dính mắc vào đó, không sinh tâm ham muốn, chiếm hữu nó.
- VÔ NIỆM là đối cảnh tâm không nhiễm, không dao

động, không khởi lên một ý tưởng hay một niệm phân biệt nào; ví dụ : nhìn mùa Xuân đi qua, mùa Hè đến, mùa Thu qua mùa Đông đến với tâm tĩnh giác. Ghi nhận sự khác nhau giữa các mùa với **tâm không**, nghĩa là không khởi lên sự yêu mùa Thu ghét mùa Hè, hay sợ mùa Đông v.v..

- VÔ TRỤ là không lưu giữ bất kỳ một pháp nào trong tâm, không sa đà, say đắm (không chỉ say rượu mà còn say đủ thứ khác nữa !!☺ ☺ !!) đến nỗi không kiềm chế được niềm say đắm của mình, dẫn đến những hành vi bất thiện. Đây là tinh yếu của câu nói: **Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm trong kinh Kim Cang.**

Về điều này, Bankei cũng dặn dò: *Ráng sức tu hành, cố tọa thiền để được giác ngộ đều sai. Không có gì khác nhau giữa tâm của chú Phật với cái Phật tánh nơi mỗi con người. Mong cầu đạt giác ngộ là tạo ra một sự phân hai, thành ra có người giác ngộ và chân lý được giác ngộ. Khi còn đeo đẳng một chút nào cái ước muốn đạt giác ngộ, thì lập tức đã giả từ cái bất sinh, đi ngược lại tâm Phật. Cái gì không vướng vào thế giới bên ngoài chính là tâm Phật (TBS tr. 145)*

Bài học thứ sáu cũng là bài học tâm đặc nhất của chúng tôi rút ra từ phẩm Tọa Thiền. Tổ dạy:

Nếu người tu hạnh bất động, thì không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tánh bất động .

Này thiện tri thức! Người mê, thân tuy bất động, mở miệng liền nói chuyện phải quấy hay dở tốt xấu của người,

Bài học thứ 16: 9 thí dụ về Như Lai Tạng. Như Lai Tạng tức là tự tánh thanh tịnh Tâm bị che lấp, bị tàng ẩn, một vật trân bảo bị ẩn giấu trong 1 lớp áo xấu xí dơ dáy ...vì vậy được dụ như sau đây :

1. Hoá Phật ngự trên hoa héo
2. Đàn ong và tổ ong mật
3. Vỏ trấu và hạt gạo
4. Thoi vàng trong hầm xỉ
5. Kho báu trong nhà nghèo
6. Mầm giống và hột xoài
7. Bảo vật bọc trong giẻ rách
8. Người đàn bà xấu xí mang thai vua
9. Pho tượng trong khuôn đúc.

Bài học thứ 17: Bốn đức của Pháp thân.

Khi Pháp thân xuất hiện tức là Như Lai Tạng hoàn toàn được phơi mở, Pháp thân xuất hiện đồng thời với 4 Ba la Mật hay 4 đức của Pháp thân: *Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã và Chân Tịnh.*

Giữa Vô Thường, Vô Ngã và Chân Thường, Chân Ngã có gì khác? Giữa điên đảo và chân thật có gì khác? Như Lai Tạng và Phiền Não Tạng: một tâm thể duy nhất, thường hằng bất biến; nhưng con người đã đánh mất một cái gì đó rất quý giá, rất cần thiết, nên đã không nhận ra đâu là điên đảo đâu là chân thật. Vì vậy, làm sao để nhận ra Pháp thân Phật thường trụ, là Như Lai Tạng tồn tại trong mỗi chúng sanh, tồn tại như một bào

Bài học thứ 15: Muốn khai quật kho tàng Phật tánh trong lòng đất Tâm của mình, thì phải dùng 5 sự quán sát thiện xảo, đó là 5 giai đoạn diệt trừ 9 nhóm phiền não:

- Quán sát căn thi thiết và cảnh giới ý giải
- Quán sát nghiệp báo.
- Quán sát giấc ngủ của A La Hán (Tô Tức xử → *giác ngủ của vị A La Hán an lành, hơi thở nhẹ nhàng, thở mà cũng như không thở*).
- Quán sát sự an lạc của tâm tự tại và sự an lạc của Thiên.
- Quán sát Thánh Tự Tại Thông của A La Hán, Bích Chi Phật và Đại Lực Bồ Tát.

Bài học này đối với Anh Chị Em chúng tôi quả thật là “*khó nuốt trôi*” quá ! Ghi lại cho nhớ, chứ thực hành chắc là ...còn hơi lâu!

Ngoài ra, có những chữ khó (gạch dưới) được Thầy chú thích phía sau sách:

Căn thi thiết = thức;

Ý giải = 6 thức bên trong ; cảnh giới = 6 trần bên ngoài.

Như vậy pháp quán thứ nhất là quán căn, cảnh và thức.

Thánh Tự Tại Thông = năng lực biến hoá siêu tự nhiên của bậc Thánh, không phải thần thông biến hoá của phàm phu.

(Mặc dù đã hiểu nghĩa những từ khó, pháp quán này cũng đâu đến phiền chúng ta !! Anh Chị Em chúng tôi tự như như vậy)

như vậy là cùng đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chướng đạo .

Này thiện tri thức! Sao gọi là Tọa thiền?

Ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện, ác - tâm niệm chẳng khởi gọi là Tọa. Trong thấy tự tánh chẳng động gọi là Thiên.

Ngài lại dạy: *Ngoài lia tướng là Thiên, trong chẳng loạn là Định .*

Áp dụng bài học này vào cuộc sống, ta không chỉ ngồi thiền mỗi ngày vài lần vì đó mới chỉ là **thần yên** - chưa đủ- **còn phải tâm yên nữa**; Nghĩa là đừng thấy lỗi người, chỉ nên thấy lỗi mình thì mọi việc trong ngoài mới gọi là **lia tướng và chẳng động** được.

Xin mời các bạn nghe câu chuyện Thiền sư *Bankei xử lý những tăng sĩ bé bối*: Lúc ấy Sư đang nhập thất ở chùa Jiziji, vị Tăng tri sự ở chùa Long Môn của Sư đến vấn an Ngài và trình bày rằng:

Tại chùa Long Môn có một số tăng sĩ trẻ bé bối, vô trách nhiệm, hành vi thô tháo, xáo trộn qui củ thiền môn, chúng con nghĩ nên gọi họ đi đến các chùa khác họa may có thay đổi.

Sư bảo: *Một thiền viện được lập ra cốt để qui tụ những bọn xấu xa như bọn ấy, chính phục chúng bằng sự tiếp xúc thân mật để làm chúng trở thành người tốt. Thế mà các ông, hoàn toàn thiếu Từ Bi, các ông muốn đẩy chúng đi nơi*

khác để chúng gây rối chỗ khác! Một người như thế có xứng đáng làm Trụ trì một thiền viện không? Khi một người không có Từ Bi quảng đại mà làm Trụ trì chùa tôi, đó là bắt đầu thời kỳ suy tàn của giáo lý tôi dạy .

Sau lần bị quở trách nghiêm khắc ấy, tất cả chức sắc trong chùa không ai còn dám phàn nàn gì với Sư về hành vi của các tu sĩ trẻ (TBS tr. 199)

Tất cả các bài học ĐỀU NÓI VỀ TỰ TÁNH TÂM, TRÍ TUỆ VÔ NGÃ VÀ LÒNG TỬ BI. Ý nghĩa của Thiền, Định, Tuệ v.v.. không lia tự tánh thanh tịnh của tâm.

*Tóm lại, tà kiến thì có nhiều nhưng chân lý chỉ có một. Chúng tôi cảm thấy thật hạnh phúc khi những bậc chân nhân, sứ giả của **chân lý, dù diễn đạt bằng thứ ngôn ngữ nào, ở vào bất cứ thời đại nào, cũng đều mang một nội dung giống nhau .***

Chính nhờ vậy mà Lục Tổ Huệ Năng, Ngài Thần Tú, Thiền sư Bankei, Sogyal Rinpoche v.v.. đều nói lên những điều giống nhau về cái Tâm Bản Nhiên hay Tự Tánh, tuy họ sống cách nhau nhiều thế kỷ và ở trong những đất nước khác nhau. Điều này thật rất quý đối với chúng ta vì nó củng cố niềm tin của chúng ta về con đường mình đang đi, phải không các bạn?

Để kết thúc, xin chia sẻ với các bạn lời dạy của các bậc Thầy (Milarepa, Sogyal Rinpoche và đức Dalai Lama):
Thấy được tánh Không, thì mở lòng thương xót.

thảm này, Bồ Tát thật đã trải qua nhiều gian nan, dao động, có khi sợ hãi sinh tử, cảm thấy bất lực, chán nản v.v.. muốn nhanh chóng chứng nhập Niết Bàn nhưng với chí nguyện kiên cường, Bồ Tát có thể vượt qua ... Qua nhiều số kiếp ... cho đến một lúc, bằng ý sinh thân, Bồ Tát cùng chịu chìm nổi với chúng sinh trong biển sinh tử luân hồi, nhưng không còn dao động giữa sinh tử và niết bàn, không còn sợ hãi hay có ý trốn riêng một mình yên nghỉ. Đó gọi là lúc Bồ Tát “vào Bất Động Địa.” .

Bài học thứ 13: Bồ Tát bằng cách nào, bằng tâm tư nào để có thể thể hiện tâm tình, nguyện vọng của mình? Đức Phật dạy cho Thắng Man phu nhân:

“Trước hết căn cứ vào Tín tâm; và phải có trí tuệ nhạy bén. Trí tuệ là yếu tố chủ đạo trong sự phát triển Bồ tát Đạo.”

Sau khi nghe Kinh, những lời giảng của đức Phật, phải tự mình quán sát, phân tích, rồi theo đó mà tu tập để thấy được Thánh Đế.

Để có thể hiểu và thâm nhập các giáo lý về Chân Như, Thật tánh, Tánh Không, Như Lai Tạng v.v.. thì năng lực gia trì hay hộ trì của chư Phật và chư Bồ Tát là vô cùng cần thiết, vì những giáo lý này không thể chỉ hiểu bằng tư duy và lý luận suông.

Bài học thứ 14: về sự quan trọng của Tín Tâm

Đại Trí Độ nói: *Biển Phật Pháp mênh mông nhưng có thể thâm nhập bằng Tín.*

Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: *Tín là căn nguyên của Đạo, là mẹ của công đức, nuôi lớn hết thấy thiện pháp, đoạn trừ lưới nghi, đưa chúng sanh vượt qua dòng nước ái dục, khai thị con đường tối thượng dẫn đến Niết Bàn.*

đã có lần nói với tôn giả A Nan rằng: “...Ngài đã nhiều lần xuất hiện trong các hội chúng của loài người, loài Trời, Ngài xuất hiện với hình tướng, y phục, cử chỉ, tập quán, giống y như họ; trong khi Ngài thuyết pháp, họ không biết Ngài là ai từ đâu đến, sau khi thuyết pháp xong, Ngài biến mất, họ cũng không biết Ngài là ai biến mất đi đâu.” Tuy nhiên, điều quan trọng không phải là thấy Phật - hay không thấy Phật. Điều quan trọng chính là có hiểu được, và có thấy được Pháp hay không? Vì thế, Pháp chính là Pháp Thân Phật.

Bài học thứ 11: Pháp thân là lý tính chân thật, là thể đồng nhất của ta và thế giới. Lý tính đó từ trước bị phiền não che lấp như mặt gương bị bụi phủ mờ, như mặt trăng bị mây che ... Nhưng bụi hay mây chỉ là khách trần, là hư ảo, chúng che phủ cặp mắt không cho nhìn thấy sự thật của thế giới, nhưng phiền não không có bản chất chân thật, nên gọi là tính Không hay Không nghĩa, và Như Lai Tạng khi còn bị phiền não che phủ, thì gọi là Không Như Lai Tạng. tức là Như Lai Tạng xét về mặt nhiễm. Nhưng triết lý hành động của Thắng Man phu nhân cho rằng tác động của phiền não đau khổ chỉ là “Mộng” không có thực, chỉ có hoạt động của Pháp thân mới là những tác dụng thực tiễn, vì Pháp thân là nguồn an lạc, nguồn hạnh phúc cụ thể. Đó cũng là nội dung của “Không Nghĩa Ấn Phú Chân Thật”.

Bài học thứ 12: Bất Động Địa là gì ? Bồ Tát vào Bất Động Địa như thế nào ?

Quá trình tu tập Bồ Tát Đạo là quá trình tích lũy công hạnh, từ thực hành các Ba La Mật , các Nhiếp pháp, v..v.. cho đến trọn vẹn. Trên con đường dài thăm

Hãy luôn nhận chân tính mộng huyền của cuộc đời để giảm bớt luyến ái và thù ghét. Hãy có tâm tốt đối với mọi loài .

Trong cái thế giới hổ tương lệ thuộc mật thiết này, những cá nhân và quốc gia không còn có thể tự giải quyết vấn đề riêng của họ được, chúng ta cần đến nhau. Bởi thế, ta phải phát huy một ý thức về trách nhiệm hổ tương . . . Trách nhiệm của tập thể và của từng cá nhân là bảo vệ và nuôi dưỡng đại gia đình địa cầu, nâng đỡ những thành viên yếu kém, bảo trì và săn sóc môi trường sống của tất cả chúng ta .

Đây cũng là thông điệp quan trọng nhất cho nhân loại trong thế kỷ mới .



“ Lý tưởng giáo dục và những phương pháp thực hiện lý tưởng này, hiển nhiên Phật giáo đã có một lịch sử rất dài. Phạm vi hoạt động của nó không chỉ giới hạn chung quanh những tàng kinh các, hay những pháp đường của các Tăng viện; mà còn ở cả nơi triều đình, công sảnh, và bất cứ nơi nào mà mọi người có thể tụ tập ít nhất là hai người, trong tất cả sinh hoạt nhân gian. Thêm vào đó là những biến chuyển qua các thời đại, sự dị biệt của các dân tộc ... Tất cả được tập đại thành trong một bộ sử khá lớn của Phật Giáo về vấn đề giáo dục.

Dù vậy, ngày nay, vấn đề đó vẫn còn là một thế tài quá mới mẻ đối với giới Phật học. Sự va chạm giữa nền văn minh Đông và Tây, so với sự tiếp xúc giữa nền văn minh Hoa Ấn diễn ra từ cuối thế kỷ I Tây lịch kéo dài cho đến thế kỷ XI hay XII, đặc trưng của hai triều đại Đường và Tống, với nỗ lực của trên mười thế kỷ đó, sự va chạm mà chúng ta chứng kiến ngày nay quả là không thấm vào đâu...”

(Trích trong bài “Duy Tuệ Thị Nghiệp” của Thầy Tuệ Sỹ)

Như lai Tạng tuy bị quán chặt bởi những chiếc áo uẩn, xú, giới, bị ô nhiễm bởi những cấu bẩn của tham dục, thù hận, ngu si ... vẫn được Thế Tôn mô tả là “*Thường hằng, Trường cửu, Tịch tĩnh và Bất biến*”

Quá trình tu dưỡng của Bồ tát là quá trình nuôi lớn Thánh thai của Bồ tát, mở rộng tâm lượng của mình cho đến bao la vô tận, có thể ôm trọn cả thế giới vào trong lòng.

Như Lai Tạng về sau được thay thế bằng A Lại Da Thức (Lăng Già và sau này có thể gọi chung là trong tâm lý học Phật giáo, đặc biệt Duy Thức tông đều gọi như vậy)

III & IV: PHÁP THÂN

KHÔNG NGHĨA ẨN PHÚ CHÂN THẬT.

Bài học thứ 9: Khi Như Lai Tạng không còn bị bao phủ trong vô số phiền não ô nhiễm, tức là khi đã “*đập vỡ vỏ trứng*” vô minh, để thấu triệt căn nguyên thế giới, thấu suốt sinh tử, khi đó cũng là lúc Thánh thai mà Bồ Tát nuôi dưỡng đến đây đã hiển lộ. Đó cũng chính là lúc xuất hiện của Pháp thân, bản thân của Chân Lý. Như vậy, Như Lai Tạng cũng là Pháp Thân Tạng, cũng là Pháp Giới Tạng, vì hàm chứa tất cả mầm giống hiện hữu của pháp giới, là phôi thai sẽ nảy sinh thành vô số pháp giới.

Bài học thứ 10: Một cách thực tế, ý nghĩa Niết Bàn là gì ?

Gần như mọi người con Phật, từ thời Phật còn tại thế cho đến nay, ai cũng có suy nghĩ: có thật sự đức Phật biến mất vĩnh viễn sau khi nhập Niết Bàn ? Đức Phật

Tạng Kinh, Phật thuyết Bát Tạng Bất Giảm Kinh, Phật thuyết Vô Thượng Y Kinh v.v..

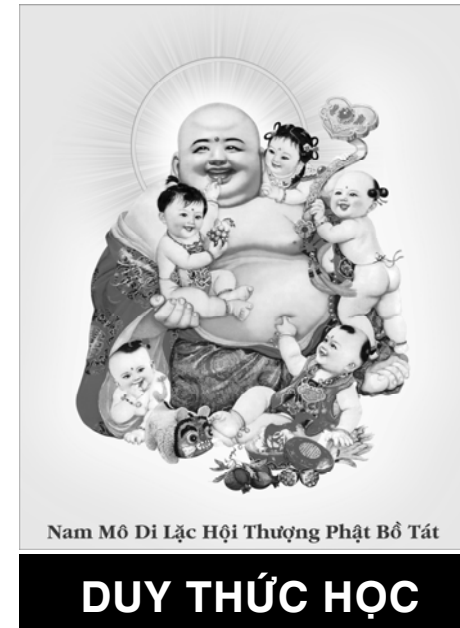
Như Lai Tạng có rất nhiều nghĩa mà Anh Chị Em chúng ta phải ghi nhớ :

- Như Lai Tạng có nghĩa là “kho tàng Như Lai”
- Như Lai Tạng là Phật tánh có sẵn trong mỗi chúng sanh; Tự tánh bản lai thanh tịnh ấy bị bao bọc trong vỏ trứng vô minh, đó là điều mà những nhà chú giải học thuyết Như Lai Tạng gọi là “Như Lai Tại Triền” (*Như Lai đang bị quấn chặt*)

Như Lai Tạng bao hàm 3 ý niệm: Như Lai Tạng là tự tánh thanh tịnh Tâm, là Pháp thanh tịnh bị quấn chặt trong phiền não, hay Như Lai Tạng bị bao bọc bởi khách trần phiền não, nhưng không hề bị ô nhiễm, và khả năng thoát ly của Như Lai Tạng (*cho đến vô tận vị lai, cho đến khi thành Phật Như Lai Tạng vẫn hằng hữu.*)

- Tạng là sở nhiếp (*cái được nắm giữ, được duy trì*)
- Tạng là ẩn phủ, bị che giấu mà vẫn thường hằng hiện hữu.
- Tạng là năng nhiếp (là cái duy trì, cái thiết lập)
- Tạng nghĩa đen là “tử cung” (*trong tiếng Phạn*) nên Như Lai Tạng có nghĩa là Thánh thai.
- Tạng còn có nghĩa là “đi đến nơi” (*Phật tánh luận*)
- Tạng còn có nghĩa là “bí mật” (*Như Lai Tạng là một khái niệm thần bí của tín ngưỡng tôn giáo*)

Như Lai Tạng hoạt động như là nhân của thiện và bất thiện, là cái tạo ra định hướng của tất cả sinh loại.



“.....Mạt na thức còn có nhiều tên gọi khác: THỨC THỨ 7, Ý CĂN, TRUYỀN TỔNG THỨC. Công năng của Mạt Na thức là suy xét, so đo, chấp trước, phân biệt: *phân biệt có cái ta, cái Tôi, nghĩa là bảo thủ cho cái ngã, cái Tôi của mình.*

Ngoài ra, thức này vừa có công năng TRUYỀN các điều mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi v..v..(*Duy thức học gọi là các pháp hiện hành*) vào A Lại Da thức, vừa TỔNG các chủng tử ở trong A Lại Da thức khởi ra hiện hành (*đó là lý do tại sao những cảnh vật đã thấy từ hồi thơ ấu có thể tái hiện lại trong trí khi ta hồi tưởng lại*).....”

nghiệp vô lậu thì lại tịnh, vì không phát sinh kết quả đồng loại nên gọi là phương tiện sinh tử.

2. *Nhân duyên sinh tử* (ví với địa vị Thánh giả Tu Đà Hoàn trở lên) : Đó là nghiệp vô lậu được phát sinh bởi Vô Minh Trụ Địa. Vì làm phát sinh kết quả đồng loại nên gọi là nhân duyên sinh tử.

3. *Hữu hữu sinh tử*: Sinh tử với thân hậu hữu còn tồn tại; Đó là ý sanh thân của 3 hạng Thánh nhân, vì còn phải tái sinh 1 đời nữa mới nhập Niết Bàn.

4. *Vô hữu sinh tử*: không tồn tại thân hậu hữu, đây là thân cuối cùng của ba hạng Thánh nhân.

Vì căn bản vô minh chưa diệt sạch, mà còn bị xông ướp bởi những cấu bẩn - nên các vị không đạt được Đại Tịnh Ba la Mật.

Bài học thứ 7: đối với Thắng Man phu nhân chỉ có một Thừa duy nhất đó là Phật thừa và một Thánh đế duy nhất, đó là Diệt đế.

Thắng Man phu nhân nói : “...Tất nhiên cả Bốn Thánh đế đều là những sự thật tối thượng, nhưng chỉ có chân lý về sự diệt tận đau khổ, diệt tận tất cả nguyên nhân thống khổ mới là sự thật tuyệt đối...” Nói cách khác, chân lý chỉ được chấp nhận như là sự thật có giá trị, nếu nó đem lại cho con người và xã hội loài người nguồn hạnh phúc vô biên.

II. NHƯ LAI TẠNG

Bài học thứ 8: Như Lai Tạng là gì ?

Trong các Kinh điển Đại thừa sớm nhất cũng có nói đến Như Lai Tạng, ví dụ Đại Phương Quảng Như Lai

-
5. Thanh tịnh bình đẳng về Tâm.
 6. Thanh tịnh bình đẳng về sự thanh tịnh do diệt trừ các quan điểm, sự nghi ngờ và do dự.
 7. Thanh tịnh bình đẳng về nhận thức Đạo và phi Đạo.
 8. Thanh tịnh bình đẳng về tu hành trí và kiến.
 9. Thanh tịnh bình đẳng về sự quán sát càng lúc càng cao về các pháp bồ đề phần.
 10. Thanh tịnh bình đẳng về sự giáo hoá hết thầy chúng sanh.

2. Vô Dư Niết Bàn:

Bài học thứ 5: Như chúng ta đã biết, A La Hán là 1 trong 10 hiệu của đức Phật. Những gì đức Phật đã thành tựu về mặt đạo đức, A La Hán cũng thành tựu. A La Hán cũng nhập Vô Dư Niết Bàn, không còn tái sinh đời sau nào nữa. Tuy nhiên, các vị vẫn còn nhiều điều chưa hiểu hết, nhiều sở tri chướng chưa đoạn trừ; Thắng Man phu nhân gọi đó là “*Vô Minh Trụ Địa*” Vô Minh Trụ Địa là lớp vô minh bao bọc các vị ấy. Vô Minh Trụ Địa là duyên, nghiệp vô lậu là nhân sinh ra 3 loại ý sanh thân của A La Hán, Bích Chi Phật và Đại Lục Bồ Tát.

Bài học thứ 6: Vô Minh Trụ Địa là mảnh đất y chỉ của tất cả phiền não, Vô Minh Trụ Địa của ba hạng (*Thanh Văn, Độc Giác và Đại Lục Bồ Tát*) chính là 4 thứ oán chướng chưa được giải quyết:

1. *Phương tiện sinh tử* (ví với địa vị phàm phu): Đó là Vô Minh Trụ Địa có khả năng làm phát sinh nghiệp vô lậu mới; tự thể của vô minh vốn bất tịnh mà

Đây là cuốn Kinh mà Anh Chị Em chúng tôi ai nấy cũng đều đã hơn một lần đọc qua, nhưng đi sâu vào thì ai cũng “*ngán*” cả! Vì vậy Kinh văn mọi người đều có, người thì có bản Phật Học Phổ Thông (*PHPT- khóa 9*) của thầy Thiện Hoa, người thì có Duy Thức Học của Giáo sư Thạc Đức (*là thầy Nhất Hạnh*) người thì có Thắng Pháp Tập Yếu Luận của thầy Minh Châu, hay Thành Duy Thức Luận và Luận Câu Xá của thầy Thiện Siêu v.v..

Vấn biết rằng Duy Thức chính là Tâm Lý Học Phật Giáo, mà tâm lý là môn học thật hấp dẫn với tất cả mọi người. Vì vậy, mặc dù chúng ta học ban Toán ở lớp 12 ngày xưa không có môn Tâm lý, cũng ráng tìm đọc; bây giờ có cơ hội học thì còn gì hạnh phúc hơn! Thế nhưng chỉ mới “*đụng vào*” 30 bài tụng để biết 100 Pháp là những thứ gì, là anh chị em chúng tôi “*đội*” liền vì chữ Hán rất nhiều, và dù có bài dịch nhưng đôi khi cũng không hiểu được.

Thế là vào một buổi trưa nắng chang chang, phải chạy lên chùa Vạn Hạnh cầu cứu thầy Chơn Thiện dịch và giảng cho nghe 30 bài Tụng Duy Thức, vì chiều nay là phải học chung với Chúng rồi.

Chúng tôi nhớ mãi buổi trưa hôm ấy nhằm ngày cúp điện của Viện nên thầy trò mỗi người mỗi cái quạt giấy, Thầy vừa nói, vừa dịch giảng. Còn chúng tôi thì vừa chép, vừa hỏi lại những chỗ ghi không kịp hay còn thắc mắc. Thế rồi mọi việc cũng qua đi trôi chảy, chúng tôi sẵn sàng cho *buổi học gay go* này.

Trước hết chúng tôi nhắc nhở nhau về những điều mới học được, như lược qua những hệ thống tư tưởng Duy Thức, có 3 nguồn chính :

- Duy Thức Luận của Đại Thừa
- Thắng Pháp Luận của Thượng Tọa Bộ
- Câu Xá Luận của Nhất Thiết Hữu Bộ

Nói cách khác, những sách mà Anh Chị Em có hay đã nghe nói đến, đều thuộc vào một trong ba hệ thống tư tưởng này mà thôi. Và chúng tôi cũng đồng ý với nhau rằng, mặc dù Duy Thức chứa đựng thật nhiều thuật ngữ Phật giáo, chữ Hán rất khó vì rất ít gặp, nhưng những vấn đề Phật dạy trong Kinh thì lại rất gần gũi, vì nó xảy ra ngay trong nội tâm chúng ta, từng giây, từng phút và chúng ta có thể theo dõi, thí nghiệm . . . được nữa.

Thật là thích thú vô cùng, chúng tôi dành nhau nói lên những bài học, người nói sau thì phải tìm ra bài học mới hơn nếu *không may* bị *bạn chớp* đi bài học đặc ý của mình. Những bài học đầu tiên thuộc về ngữ vựng (*vocabulary*) như sau :

Bài học thứ nhất: Tâm Vương là gì? Tại sao nói:
Tu tâm là tu theo Tâm Vương chứ đừng chạy theo Tâm Sở?

Ta thường nghe Phật dạy **Tất cả các Pháp đều vô ngã**. Duy Thức học dạy ta rằng **tất cả các Pháp là gồm có 100 Pháp (= 8 Tâm Vương + 51 Tâm Sở + 11 Sắc Pháp + 24 Tâm bất - tương - ứng-hành + 6 Pháp Vô Vi)** đây là bài kệ để đọc cho dễ thuộc:

dụng Kinh vào cuộc sống, quán sâu vào tâm mình, những hành động về thân, miệng, ý của mình ... để thấy rõ chỗ nào sai, chỗ nào làm chưa tốt, để điều chỉnh, sửa sai, để cho việc tu học được thăng tiến. Sự quán sát tâm mình không chỉ trong vài giờ, trong ngày, hay vài ngày trong tháng, mà phải thường xuyên trong đời sống hằng ngày, trong mọi hoạt động của thân tâm: đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng.

Bài học thứ 2: Nỗi khổ của chúng sanh là vô cùng vô tận, và khi Bồ Tát vừa mở rộng lòng (*phát Bồ Đề tâm*) đã nhận thấy ngay trong giáo lý (*Phật Pháp*) có phần hữu hạn và cả phần vô hạn, từ đó có Thánh đế có hạn lượng và Thánh đế vô biên.

Bài học thứ 3: Là tự tánh bình đẳng của Bốn Thánh Đế. Thắng Man phu nhân nói khi đã nhận thức được bản chất của Khổ thì đồng thời cũng nhận ra được 3 sự thật còn lại (*Tập, Diệt, Đạo*); Đó chính là tự tánh bình đẳng của Bốn Thánh Đế .

Bài học thứ 4: Việc tu tập Bốn Thánh Đế của Bồ Tát không chỉ lấy hiện thực trong thế giới hiện tại, vì Bốn Thánh Đế không bị hạn chế bởi không gian và thời gian. Vì tính chất bình đẳng và vô hạn lượng của Bốn Thánh Đế, nên Bồ Tát tu tập Bốn Thánh Đế trước hết cần phải vận dụng 10 tâm thanh tịnh bình đẳng (*kinh Hoa Nghiêm*):

1. Thanh tịnh bình đẳng với Pháp của Phật quá khứ.
2. Thanh tịnh bình đẳng với Pháp của Phật vị lai.
3. Thanh tịnh bình đẳng với Pháp của Phật hiện tại.
4. Thanh tịnh bình đẳng về Giới.

1. Vô Biên Thánh Đế:

Bài học thứ nhất về Bốn Thánh Đế: Nội dung và ý nghĩa của Bốn Thánh Đế không phải là những giáo lý cao siêu, vượt ra ngoài sự hiểu biết của con người. Nội dung của Bốn Thánh Đế gồm 4 đặc điểm sau đây:

1. Những hiện thực tồn tại của kiếp người

2. Cách nhìn để đánh giá sự thật thứ nhất (Khổ) vị ngọt của kiếp nhân sinh và sự nguy hiểm đằng sau vị ngọt ấy. Thực trạng và triệu chứng của Khổ, là căn bệnh trầm kha của chúng sanh.

3. Nguyên nhân và yếu tố gây bệnh (khổ)

4. Phương pháp điều trị bệnh (Khổ).

Như vậy, Bốn Thánh Đế vừa là phương pháp luận, đồng thời cũng là nhận thức luận, bản thể luận.

Thật ra, Tứ Đế là bài học chúng ta đã học qua từ Phật Pháp ngành Thiểu, rồi ngành Thanh; đến bây giờ bài học hướng về thực hành nhiều hơn; người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử thấy “đời là khổ” mà không bi quan, không thối chí tu học, không muốn tìm chỗ vui sướng để hưởng thụ hay tránh né cuộc đời, hay quên mình trong chén rượu, tiếng đàn, v..v.. mà vẫn có cuộc sống bình thường, chia sẻ với mọi người chung quanh những niềm vui nỗi khổ, những tai trời ách nước, những bệnh họa chết chóc ...vẫn tinh tấn “làm lành tránh ác và giữ tâm ý trong sạch” Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử thấy “khổ” đồng thời thấy luôn nguyên nhân và cách diệt khổ nên không bi quan, mà càng tinh tấn tu học và tu tập. Nói chung, tất cả những bài học đều có 2 phần:

Một là hiểu rõ ý Kinh về phần chữ nghĩa, hai là áp

Sắc Pháp *mười một* ,Tâm vương *tám*
Năm *mười một* món Tâm sở nữa
Với *hai mươi bốn* Bất- tương- ứng
Cộng *sáu* Vô vi thành một trăm pháp

Như vậy, Tâm Vương là 8 Pháp đầu tiên trong 100 Pháp; đó là :

<i>thứ 1</i>	: <i>Nhãn thức</i>
<i>thứ 2</i>	: <i>Nhĩ thức</i>
<i>thứ 3</i>	: <i>Tỉ thức</i>
<i>thứ 4</i>	: <i>Thiệt thức</i>
<i>thứ 5</i>	: <i>Thân thức</i>
<i>thứ 6</i>	: <i>Ý thức</i>
<i>thứ 7</i>	: <i>Mạt Na thức</i>
<i>và thứ 8</i>	: <i>A Lại Da thức</i>

Qua bài vở học ở trường, ai cũng biết được 5 thức đầu (*chữ Hán gọi là Tiền Ngũ Thức*) học Phật pháp ta biết được thêm 3 thức sau là:

- **Ý thức - Mạt Na thức và A Lại Da thức**

•
Ý thức: rất lạnh lợi, tinh ranh và chạy nhảy lung tung(*tâm viên ý mã*). Nếu ý suy nghĩ tính toán việc tốt thì thân, miệng... làm và nói điều tốt, nếu ý âm mưu hại người, làm ác v..v. thì thân phạm tội, miệng nói lời điều ngoa dối trá, v..v.

Mạt na: là cái gốc của Ý nên Mạt na thức còn được gọi là Ý căn. Nói một cách nôm na, những lúc Ý thức bị gián đoạn (*ngủ mê, bất tỉnh nhân sự, coma, bị chụp*

thuốc mê v.v..) nó không bị mất hẳn, mà nương về thức thứ Bảy tức là Mạt Na thức. Ý thức, ví như cái cây có cái rễ là thức thứ Bảy Mạt Na.

Mạt na thức còn có nhiều tên gọi khác: THỨC THỨ 7, Ý CĂN, TRUYỀN TỔNG THỨC. Công năng của Mạt Na thức là suy xét, so đo, chấp trước, phân biệt: *phân biệt có cái ta, cái Tôi, nghĩa là bảo thủ cho cái ngã, cái Tôi của mình.*

Ngoài ra, thức này vừa có công năng TRUYỀN các điều mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi v.v..(*Duy thức học gọi là các pháp hiện hành*) vào A Lại Da thức, vừa TỔNG các chủng tử ở trong A Lại Da thức khởi ra hiện hành (*đó là lý do tại sao những cảnh vật đã thấy từ hồi thơ ấu có thể tái hiện lại trong trí khi ta hồi tưởng lại*).

A Lại Da thức: là cái kho chứa mà Mạt Na đã đem mọi thứ cất vào đó và chấp cái kho tàng này là cái Tôi cái ngã. Vì vậy, A Lại Da thức còn được gọi là NGÃ ÁI - CHẤP TÀNG, bị thức thứ Bảy chấp làm cái Ta. Đây là một cái kho vĩ đại, có vậy mới chứa hết tất cả những gì mà mạt na muốn nắm giữ trong nhiều đời nhiều kiếp được. Duy Thức học gọi đó là Tàng thức..

Vậy A Lại Da thức còn có 2 tên nữa là thức thứ 8, và Tàng Thức .

Thầy Thiện Hoa đã dịch bài kệ tám Tâm Vương sau đây để dễ thuộc và nhớ công năng của chúng:

Anh em 8 chú một chàng si (*si=si mê = thức thứ 7*)

KINH THĂNG MAN (tiếp theo)

- Chương VI -



Chương này thời điểm chúng tôi học - nghĩa là theo sách cũ có tên là “Các Chủ Đề Tư Tưởng” Về sau Thầy soạn lại thì chương VI của sách cũ tương ứng với các chương VII, VIII, và IX của sách mới.

Trong chương này, Thầy tổng luận về các chủ đề sau :

1. Thánh Đế và Niết Bàn
2. Như Lai Tạng
3. Pháp Thân
4. Không nghĩa ẩn phú chân thật .

Đây toàn là những vấn đề lớn đối với Anh Chị Em chúng tôi, nên tuy chỉ viết ra có 4 dòng mà chúng tôi phải bỏ ra nhiều tuần lễ để đọc, để có thể trình bày trước Chúng của mình đã hiểu được những gì, và rút ra được những bài học nào.

Dàn bài rất rõ ràng, chúng tôi chỉ việc trình bày những bài học của mình rút ra được trong mỗi phần .

I. THÁNH ĐẾ VÀ NIẾT BÀN.

Chủ đề này có 2 phần lớn: Vô Biên Thánh Đế và Vô Du Niết Bàn.

Anh Chị Em chúng tôi nhắc nhau nhớ lại lời của Thiên sư Trúc Mộc nói với vua Trần Thái Tông: “*Bệ hạ đã ở địa vị nhân chủ - thì phải lấy cái Tâm của thiên hạ chúng sanh - làm cái tâm của mình*”

Hạnh phúc là gì ? Đây là hạnh phúc chân thật ?

Xin thưa, người bệnh tìm thấy nguồn hạnh phúc của mình trong cảm giác không bệnh; một cách hướng thượng, hạnh phúc của con người nói chung, với sự hạn hẹp về hình hài và tâm trí, thì hạnh phúc là sự giải thoát khỏi hình hài và tâm trí nhỏ hẹp để vươn lên, hay vượt ra ngoài giới hạn của tình yêu và tri thức hạn chế đó - nói cách khác đạt được Đại Bi và Đại Trí.

Hòn đảo an toàn của hạnh phúc là ở đâu? - đó là Niềm Tin vào Chánh Pháp; Thật vậy, niềm Tin chính là nơi nương tựa vững chắc và chân chính của chúng ta, là hòn đảo an toàn giữa đại dương của Khổ (bể khổ) và những đe dọa của môi trường chung quanh:

- Quy y Phật là đặt niềm Tin tuyệt đối vào Trí tuệ và đạo đức của Ngài.
- Quy y Pháp là đặt niềm Tin vào những sự Thật về cuộc đời mà đức Bốn Sư đã vén mở . Đó chính là những vũ khí của tri thức và lý luận để chúng ta thấy rõ bản chất của những khủng bố, những đe dọa quanh mình là những gì.
- Quy y Tăng là đặt niềm Tin vào tập thể thuần khiết hoà hợp của cộng đồng những sứ giả Như Lai để tìm thấy sức mạnh của sự thống nhất, hòa đồng.



Duy có ý thức rất linh ly (*linh ly= linh động, khôn ngoan*)

5 người ngoài cửa lo buồn bán (*5 thức trước*)

Làm chủ trong nhà đệ bát y (*đệ bát y = thức thứ 8*)

Từ đó ta thấy rằng muốn áp dụng Duy Thức vào sự tu tập, ta phải cần chăm chú vào 2 thức: thứ Sáu (*Ý thức*) và thứ Bảy (*Mạt Na thức*) *Vì thức thứ Sáu thì có thể nghĩ thiện nghĩ ác, toan tính bao la. Còn thức thứ Bảy thì si mê, chấp ngã, chấp pháp, sa đà theo tâm phân biệt ta và người, yêu-ghét, lấy-bỏ v.v.. càng ngày càng xa rời Phật dạy, quên hẳn đường về (Chơn Tâm) khiến ta trôi lăn mãi trong sanh tử luân hồi.*

Ta phải tập quán Nhân vô ngã và Pháp vô ngã mới mong làm chủ được 2 thức này, loại dần ngã chấp và pháp chấp. Đây cũng như công việc ***gạn cát đãi vàng*** cho đến khi ***rèn luyện xong thì tất cả Thức đều trở thành Trí:***

- Mạt na thức trở thành Bình Đăng Tánh Trí
- A lại da thức thì thành ra Đại Viên Cảnh Trí
- Ý thức lúc ấy là Diệu Quan Sát Trí
- còn 5 thức trước chuyển ra thành Sở Tác Trí

Chúng ta thấy rõ rằng Tu là chuyển hóa chứ không phải thêm hay bớt cái gì cả.

Ở đây, ta cũng thấy được cái vô tư, vô tội, ngây thơ trong sáng của năm thức trước, ***như vậy tu tập là làm sao để cho cái thấy chỉ là cái thấy, cái nghe chỉ là cái nghe v.v..*** chứ không để cho cái tâm phân biệt (*cái anh Mạt na tức là khen chê, yêu ghét ,lấy bỏ đó!*) chen vào!

Tâm Sở là những gì ?

(Ở đây, ta lại có một số danh từ về Duy Thức học, có từ chúng ta đã biết và hiểu nghĩa, có từ hoàn toàn mới lạ nên Anh Chị Em chúng tôi cùng nhau ôn tập lại một lần cho nhớ)

Tâm Sở tùy theo Tâm Vương mà khởi và giúp đỡ Tâm Vương tạo Nghiệp. Kinh dạy:

51 món Tâm Sở = 51 món sở hữu của Tâm Vương, được chia thành 6 nhóm như sau :

a) Căn bản phiền não (6): Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến (*ác kiến = thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ*).

b) Tùy phiền não (20): được sinh ra do căn bản phiền não ở trên: Phẫn (*tức giận*) Hận, Não (*buồn rầu bức rức*) Phú (*che giấu tội lỗi của mình*) Tật (*tật đố = ganh tị*) Xan (*keo kiệt, bòn xén, rít róng*) Cuồng (*Đối gạt người*) Xiêm (*nịnh hót, bợ đỡ v.v..*) Hại, Vô Tầm (*không biết hổ thẹn với lương tâm mình*) Vô Quý (*không biết thẹn với người*) Phóng dật, Bất tín, Giải đãi, Trạo cử, Hôn trầm, Tán loạn, Thất niệm, Bất chánh tri.

c) Bất Định (4): Hối, Miên, Tầm (*tìm cầu*) Tư (*suy xét chính chắn*)

d) Biến hành (5) : Xúc, Tác Ý, Thọ, Tuồng, Tư (*lo nghĩ*) Sở dĩ gọi là biến hành vì 5 thứ này có thể đi cùng khắp, xuyên qua thời gian, không gian, các Thức (8 thức

Về thực trạng sinh tử, Thắng Man phu nhân phân biệt 2 loại sinh tử. Đó là:

- Phần Đoạn Sinh Tử và Biến Dịch Sinh Tử .
- Phần Đoạn Sinh Tử là sự tan rã của ngũ uẩn, khi thọ mạng đã dứt.
- Còn Biến Dịch Sinh Tử là sự chết trong từng sát na của những tế bào trong cơ thể. Đó là định nghĩa quen thuộc của Anh Chị Em chúng ta từ xưa đến nay. Ở đây (*về sau này, khi có sách mới*) chúng tôi được mở rộng tầm nhìn về 2 loại sinh tử này nhờ tham chiếu Thành Duy Thức Luận (của Thầy Tuệ Sỹ dịch):

- Phần Đoạn Sinh Tử: Đó là quả dị thực thô thiển (được chín mùi) của các nghiệp thiện, và bất thiện thuộc hữu lậu chiêu cảm bởi thế lực trợ duyên của phiền não chướng. Quả ấy là tuổi thọ dài ngắn của thân mạng, tùy theo sức mạnh của nhân duyên mà có hạn lượng xác định. Do đó gọi là “Phần Đoạn”
- Bất Tư Nghi Biến Dịch Sinh Tử: Đó là quả dị thực vi tế và thù thắng của nghiệp vô lậu có phân biệt, được chiêu cảm bởi năng lực trợ duyên của sở tri chướng. Quả ấy do bi nguyện, chuyển đổi thân mạng thành không hạn định. Do đó gọi là “Biến Dịch”.

Như vậy, Bồ Tát đại lực, với sức mạnh vĩ đại của từ bi, không còn thấy có sự tồn tại của một bản ngã cá biệt, do vậy các Ngài không còn tiếp thu những nỗi thống khổ tác động trên bản thân cá biệt của mình, ngoài nỗi khổ của đại đồng chúng sanh nữa (*Bồ tát đau cái đau của chúng sanh, bệnh vì chúng sanh bệnh ... các Ngài không còn “thấy” có “người”, có “ta” ... nữa*)

Bài học thứ 13: là 2 ví dụ điển hình cho sứ mạng xuất sanh của Nhất Thừa do Thắng Man phu nhân đưa ra:

Ví dụ 1: Như nguồn nước từ trên đỉnh cao tràn xuống thành các con sông lớn. Nguồn nước ấy trong suốt như bản chất trí tuệ vô lậu và tươi nhuận như tình yêu vô nhiễm. Nếu thiếu nguồn nước ấy, thế giới này chỉ là thế giới của hận thù và bạo lực, của ma quỷ và rấn rít.

Ví dụ 2: Tất cả mọi hoạt động của thế gian, nếu không được nuôi lớn bằng chất liệu của trí tuệ vô lậu và tình yêu vô nhiễm, chẳng khác nào xoài Bình Định mà đem trồng ở Sài Gòn (*quýt ở phương Nam mà đem trồng ở phương Bắc*) vậy đó! Nó sẽ chỉ cho ra những trái chua mà thôi !

Bài học thứ 14: Thực chất của hạnh phúc là gì ? Trước khi trả lời 2 câu hỏi “muôn đời” của con người, Thắng Man phu nhân nêu lên 2 vấn đề căn bản:

- Nỗi sợ hãi về sanh tử
- Xác định đâu là bến bờ hạnh phúc chân thật ?

Kinh điển Nguyên Thủy thường nói đến 3 nỗi sợ hãi lớn của con người; đó là tuổi già, bệnh tật và sự chết. Những nỗi sợ hãi ấy như lưới gươm thường xuyên được mài bén bằng những ma sát của các hiện tượng vô thường (*sự nghiệp, tài sản, danh vọng, địa vị, tình cảm ... tất cả những gì mà con người có thể đã nắm được trong tay nhưng thoáng chốc đã tan vỡ!*) đã khoét trên đời sống con người những dấu vết nhứt nhối của Yêu- Ghét, Lấy-Bỏ, chán chường, tuyệt vọng ...

tâm vương) và các Tánh (*lành, dữ, không lành, không dữ*) nữa.

e) *Biệt cảnh* (5): Dục, Thắng Giải (*hiểu biết rõ ràng*) Niệm, Định, Huệ.

f) *Thiện* (11): Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tàm, Quý, Bất Hại, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Khinh An, Tín, Tinh Tấn .

Ở đây ta thấy rằng trong 51 món tâm sở, chỉ có 11 là Thiện, Lành - còn lại là phiền não, đau khổ hay là bất định. Như vậy việc tu tập là luôn luôn theo dõi tâm mình, phát triển những thiện tâm sở và đàn áp những phiền não đừng cho dấy khởi lên .

11 Sắc Pháp là những gì ?

Sắc pháp là những pháp thuộc về sắc; (*sắc = hình dáng và màu sắc*)

Sắc pháp có 11 món là gồm 5 căn:

- Nhãn căn (*con mắt*)
- Nhĩ căn (*lỗ tai*)
- Tỉ căn (*lỗ mũi*)
- Thiệt căn (*cái lưỡi*)
- Thân căn

và 6 trần :

- Sắc trần
- Thanh trần
- Hương trần

- Vị trần
- Xúc trần
- Pháp trần.

Bài học ở đây là **nghiệp dụng** của 11 sắc pháp này và đặc biệt về pháp trần (*đối tượng của ý thức*).

- Nghiệp dụng của con mắt là chiếu soi các sắc (*hay nói : sắc trần là cảnh bị thấy bởi con mắt*)
- Nghiệp dụng của lỗ tai là hay nghe các tiếng (*hay nói : thanh trần là tiếng bị nghe bởi lỗ tai*)
- Nghiệp dụng của lỗ mũi là hay ngửi các mùi thơm và thối (*hay: hương trần là mùi bị ngửi bởi lỗ mũi*)
- Nghiệp dụng của cái lưỡi là nếm các vị và nói năng, kêu gọi (*hay: vị trần là vị, cảnh bị nếm bởi lưỡi*)
- Nghiệp dụng của thân là duyên xúc trần (*nặng, nhẹ, trơn, nhám v.v..*) hay còn nói: *xúc trần là những va chạm, tiếp xúc bị biết bởi thân.*

Pháp trần: cái bóng dáng của 5 trần còn lưu lại trong ý thức: khi mắt không còn thấy sắc, tai không còn nghe tiếng....cho đến thân không còn tiếp xúc, đụng chạm. . . mà trong ý thức vẫn còn tái hiện lại được bóng dáng của 5 trần: cái bóng dáng đó gọi là pháp trần, danh từ Duy thức học gọi là ***lạc - tạ - ảnh - tử*** (*cái bóng rớt lại*) hay nói: ***pháp trần là tương phần ảnh tượng của ý thức.*** Sách Phật Học Phổ Thông của Thầy Thiện Hoa có phân biệt 5 loại pháp trần nũa. Anh Chị Em chúng tôi ai nấy đều thấy rằng có nhiều cái chúng ta đã biết, nhưng qua Duy Thức Học, vẫn còn thấy thật mới lạ như nói *sắc trần*

trí tuệ Phật mới thấu suốt. Tại sao Thắng Man phu nhân được coi như trí tuệ phàm phu, có thể hiểu và thuyết trình tường tận được ?

Với tình yêu chân thật và đức Tin vững mạnh, Thắng Man phu nhân có thể hiểu được cũng như một bà mẹ dù không có ăn học, vẫn hiểu được đứa con mình cần gì và làm sao để bảo vệ nó. Thời điểm của giáo lý Thắng Man là thời điểm mà Phật pháp được dự báo sắp diệt tận, lúc đó tình cảm là yếu tố căn bản của Nhất Thừa, đó là Tình Yêu và Đức Tin. Thắng Man phu nhân, sau khi đã biểu hiện tình yêu và đức tin của mình bằng những hành động cụ thể (*Quy, Giới, Nguyện, Hành*) cũng là những đại phương tiện của Nhất Thừa, cho nên Thắng Man phu nhân đã được đức Phật khích lệ, tuyên bố nội dung của cứu cánh Nhất Thừa.

Bài học thứ 12: Là Sứ mệnh của Nhất Thừa.

Như chúng ta đã học ở trên: Bồ Đề Tâm là khởi điểm, Nhất thừa là cứu cánh. Quá trình Bồ tát Đạo chính là quá trình khắc phục khổ đau, và săn đuổi hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc đây là hạnh phúc của tất cả mọi loài chúng sanh, chứ không phải chỉ là hạnh phúc riêng của bản thân mình. Nói cách khác, đây là cái nhìn đặc sắc về Khổ đế và Tập đế.

Nhất thừa là nguồn năng lượng đưa chúng sanh đi về hòn đảo an toàn, hạnh phúc chân thật; đó là suối nguồn vô tận làm tươi nhuận những cánh đồng hoang và sa mạc khô cằn, đó là nguồn xuất sanh của tất cả tình yêu và trí tuệ để nuôi dưỡng chúng sanh, giống như bầu sữa mẹ đối với trẻ thơ vậy.

a. Những nhà khoa học ngày nay cũng đã biết trong 1 bát nước chúng ta uống vào có hàng triệu con vi trùng, vi khuẩn trong đó, đức Phật của chúng ta ngày xưa cũng đã từng biết như vậy, nhưng Ngài không chỉ ngừng lại ở cái “biết” đó mà, với một trái tim nhạy bén của tình yêu, Ngài còn thấy cả khát vọng sinh tồn của chúng, nói cách khác, Bồ Tát thấy được sự sống, sự đấu tranh, để có được sự sống của từng sinh vật bé nhỏ, Nghĩa là Ngài thấy được bản chất của sự sống, động cơ thúc đẩy và ý nghĩa khổ đau và hạnh phúc của thế gian. Nhà khoa học thì chỉ thuần túy quan sát và “*báo cáo kết quả*” mà không để tâm thương ghét gì cả.

b. Cũng thế, những chiêm tinh gia dùng viễn vọng kính nhìn lên bầu trời để quan sát những vì sao lạ, những sao chổi, những hiện tượng thiên văn như nhật thực, nguyệt thực ...cũng không giống như những đạo sĩ ẩn mình trong rừng sâu Hy Mã Lạp Sơn hay ngồi trầm ngâm bên bờ Thái Bình Dương ... Họ không phải chỉ quan sát bầu trời, hay mặt biển mà với tâm lượng đại bi bao la, họ rải tâm Từ ra mọi phía (10 phương) bằng Tình Yêu và Trí Tuệ. Họ hiểu biết thế giới sáu sắc vì biết “nghe” biết “nhìn” những điều chúng ta không biết để học hỏi; Chứ không phải như chúng ta chỉ xem vũ trụ như là những khối đất đá lăm lăm, những đám tinh vân vô tình ... mà thôi đâu ! [có thể nói cách khác: “*tu từ trái tim*” hay tu bằng chính tấm lòng (con tim) của mình]

Bài học thứ 11: Là Câu hỏi mà Anh Chị Em chúng tôi đưa ra thảo luận:

Nhất thừa là cảnh giới chứng ngộ cứu cánh của Phật, là mục đích tối thượng của Bồ Tát Hành. Cảnh giới ấy chỉ có

là tướng phần của con mắt, thanh trần là tướng phần của lỗ tai v.v. hay sắc pháp là tướng phần ảnh tượng của tâm vương và tâm sở. Đó là tại vì danh từ Duy Thức Học tướng phần có nghĩa là đối tượng ; còn kiến phần = chủ thể .

Hai mươi bốn Tâm bất tương ứng hành pháp là những gì ?

Đây là 24 món không tương ứng với Tâm, chỉ nương theo 3 phần Tâm Vương, Tâm sở và Sắc pháp mà giả thành lập. Ví dụ như Đắc (*được, trái ngược với mất*).

Được là được cái gì ?

ví dụ : được 1 đồng bạc => vậy phải có đồng bạc là *sắc pháp* và *nhãn thức* để thấy, ý thức phân biệt là *tâm pháp* v.v.. 24 món bất tương ứng hành pháp là:

Đắc - Mạng căn - Chúng đồng phận - Di sanh tánh - Vô tướng định - Diệt tận định - Vô tướng báo - Danh thân (*tên, danh từ*) - Cú thân (*câu vắn*) Văn thân (*chữ*) Sanh - Trụ - Lão - Vô thường - Lưu chuyển - Định vị - Tương ứng - Thế tốc - Thứ đệ - Thời - Phương - Số - Hoà hợp tánh - Bất hoà hợp tánh.

24 món Bất tương ứng hành này hợp với 8 Tâm Vương, 51 Tâm sở và 11 Sắc pháp vị chi là 94 pháp; Đây là các pháp hữu vi có sinh có diệt, biến đổi luôn luôn.

Khi các pháp hữu vi diệt rồi, thì các pháp vô vi mới hiển bày. ***Vô vi là những gì không tạo tác, không***

sinh không diệt, không tăng không giảm, vắng lặng, thường còn; có sáu pháp Vô Vi.

Sáu Vô Vi là do 4 món hữu vi trên đây (*Tâm Vương, Tâm Sở, Sắc Pháp, Bất tương ứng hành pháp*) diệt hết mà hiện bày ra, đó là thật tánh của Thức.

Sáu pháp Vô Vi là :

- Hư Không
- Trạch diệt
- Phi Trạch diệt
- Bất động diệt
- Thọ tưởng diệt
- Chân Như.

Chúng tôi dành ba buổi học cho đề tài Duy Thức. Hôm nay, đây là bài học thứ nhất Anh Chị Em chúng tôi chỉ học về từ ngữ Duy Thức.

Hai buổi kế tiếp, Anh Chị Em chúng tôi sẽ học về thức thứ Bảy và thức thứ Tám, cũng như hệ thống tám thức của Duy Thức Học.



Hay trong Kinh Kim Cang: “Trí Tuệ cứu cánh được thành tựu do quá trình thành tựu Bồ Thái”. Nói cách khác:

- Với sự bố thí về tài sản mà Bồ Thái Ba La Mật được thành tựu.
- Với sự bố thí về Vô úy mà Giới và Nhẫn Ba La Mật được thành tựu.
- Với sự bố thí về Pháp mà Tấn, Định và Huệ Ba La Mật được thành tựu.

Tất cả những điều đó nói lên rằng: Trí Tuệ được thành tựu đều xuất phát từ những quan hệ thực tiễn của cuộc sống, từ những nhận thức sâu sắc về hạnh phúc và khổ đau của của tất cả chúng sanh, nếu không vậy thì sự thành tựu chỉ là “ngoài da” hay phiến diện; Nói cách khác, Từ Bi và Trí Tuệ là 2 đặc trưng của Bồ Tát, những con người đi vào đời với trái tim biết rung động và với bộ óc hết sức nhạy bén - Trái tim Bồ Tát -. Vì vậy, rung động mãnh liệt trước vô vàn thống khổ của chúng sanh; Họ lên đường, dấn thân vào Bồ Tát Đạo, không phải như đi dạo công viên, mà là đi vào cuộc đời ô trọc, phiền não, khổ đau bức bách .. họ xúc động mãnh liệt đến nỗi muốn ôm tất cả chúng sanh vào lòng; Đó là tình thương của một bà Mẹ đối với những đứa con của mình, nó còn cao hơn tình thương của một người giàu có phân phát tiền bạc, và thực phẩm cho người nghèo đói; Đó cũng là lý do mà ngài Duy Ma Cật nói “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh”

Bài học thứ 10: Trí Tuệ của Bồ Tát khác với trí tuệ của những nhà khoa học như thế nào ?

đụ được nêu lên để mô tả tính ưu việt của Nhiếp Thọ Chánh pháp.

Thí dụ 1: Tử Huyệt của Lục Sĩ: Quyền lực ma quỷ của thế gian được ví với sức mạnh vô địch của 1 lục sĩ, vừa to lớn vừa hung hãn ... nhưng dù có mạnh thế nào đi nữa cũng có 1 yếu điểm: 1 tử huyệt.

Nghĩa là một chỗ rất yếu, đụng nhẹ vào là chết ngay, đó là yếu tố tự hủy diệt. Nhiếp Thọ Chánh pháp là cơ sở tất yếu có khả năng “điểm tử huyệt” của nó, nghĩa là chiến thắng những quyền lực ma quỷ đó.

Thí dụ 2: Trâu Chúa: Nhiếp Thọ Chánh pháp là điểm tập hợp của mọi thiện pháp, và là khả năng hướng dẫn mọi hành vi hướng thượng vượt lên trên Tiểu thừa - được ví như con trâu chúa giữa bầy trâu.

Thí dụ 3: Núi Tu Di: Uy nghi bất động trước mọi thứ giống bão, cũng như Nhiếp Thọ Chánh pháp là điểm tựa vững chắc cho Bồ Tát hành, nơi xuất phát tinh thần hy sinh vô úy.

Chương V: CỨU CÁNH CỦA BỒ TÁT ĐẠO (Kinh: Nhất Thừa Chương)

Bài học thứ 9: Từ Bi và Trí Tuệ là 2 bánh xe hay đôi cánh của Đại thừa đưa đến chỗ giác ngộ cứu cánh của Nhất Thừa. Chúng ta đã gặp điều này ở Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Kim Cang:

Trong Kinh Hoa Nghiêm: “*Cây giác ngộ lớn mạnh lên giữa cánh đồng hoang sanh tử, nó được tưới bằng nước Đại Bi để trở ra những hoa trái của Trí Tuệ*”

DUY THỨC HỌC (tiếp theo)

- Tàng Thức hay A Lại Da Thức -



“.....Chúng ta phải *năng tưới tắm những hạt giống Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh Tấn* v..v. vì chúng là những hạt nhân khi đủ nhân duyên sẽ đơm hoa kết trái an lạc, hạnh phúc; và tìm cách diệt những hạt giống sân hận, tham lam, ích kỷ như người làm vườn chăm chỉ tưới cây, bắt sâu, bón phân cho những cây Lan, khóm Hồng, cây Cam, cây Quýt và xịt thuốc để diệt cỏ dại vậy”

Sau khi được giới thiệu *bề ngoài* của căn nhà Duy Thức, chúng tôi tiến sâu thêm một chút vào bên trong; bắt đầu bằng bài kệ:

Anh em 8 chú một chàng Sĩ . . .

.....

Làm chủ trong nhà Đệ Bát Y

Thì ra thức thứ 8 mới là *Ông Chủ*. Hôm nay Anh Chị Em chúng tôi *quyết làm quen* với Ông Chủ A lại Da thức này (*và nhắc nhở nhau rằng, ông chủ hay người bán hàng v.v.. đều là biểu hiện của Tâm hết đó nha ! ☺ ☺!!*)

Thức thứ Tám còn được gọi là Tàng thức hay A Lại Da thức (*Tàng = kho chứa*) Được xem là thức căn bản của mọi hiện tượng. Thức này chứa đựng mọi kinh nghiệm của đời sống mỗi con người và là nguồn gốc tất cả các hiện tượng tinh thần; Bởi vì như đã biết: *thức thứ Bảy (Mạt na) đã đem các pháp hiện hành luân chứa vào cái kho vô tận này*. Khái niệm A Lại Da thức là cơ sở của Duy Thức Tông, qua đó người ta giải thích sự hiện hữu của - *cái gọi là con người - cá nhân*, cái mà Mạt Na chấp là *cái Ta* hay *cái Tôi*.

Tất cả những ghi nhận của mắt, tai, mũi, lưỡi, tất cả những việc làm của thân, miệng, ý (*gọi chung là **Nghiệp**: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp*) đều được tích lũy trong A Lại Da Thức, dưới hình thức những hạt giống, đợi nhân duyên đầy đủ sẽ hiện hành.

Chánh Pháp trước những cơn lốc và ma quỷ của thời đại.

Bài học thứ 7: Làm thế nào để biết “*Đây có phải là thời đại mà Chánh pháp của đức Thế Tôn gần đi đến chỗ diệt vong?*” Có hiện tượng gì đặc biệt báo trước hay không? Xin thưa là “*Có!*” , lúc bấy giờ cả bốn Chúng đệ tử Phật (*chư vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ*) không tha thiết gì đến việc học hỏi và hành trì Phật Pháp mà chỉ bận tâm đến những tranh chấp, hơn thua, thị phi và chia phe chia nhóm, chia bè chia đảng ...Anh Chị Em chúng tôi cũng nhắc nhở nhau rằng nếu trong Gia Đình Phật Tử mà cũng có hiện tượng như trên thì Gia Đình Phật Tử cũng gần đi đến diệt vong rồi đó, hãy coi chừng! Vì vậy, nếu bây giờ chúng ta đang lu bu chạy lo trại huấn luyện này, chương trình tu học dài hạn kia, lo in ấn nội san Sen Trắng để trao đổi tài liệu tu học, tin tức nhà Lam cho nhau ... dù là “*trại chui*” “*học chui*” hay “*in chui*” ... chúng ta cũng nên mừng là Anh Chị Em chúng ta chưa sa vào những cơn lốc gian xảo và ma quái của thời đại !

Bài học thứ 8: Đó là “*Phật ấn chứng*” Cứ mỗi lần Thảng Man phu nhân trình bày điều gì, thì bà lại thỉnh cầu đức Phật hứa khả (= *ấn chứng*) tại sao ?

Tại vì đó không phải là những điều phát biểu do quan niệm riêng của mình, đó là những điểm then chốt mà Thảng Man phu nhân rút ra từ giáo lý của đức Thế Tôn, nên cần được đức Thế Tôn ấn chứng, để chúng trở thành những điểm giáo pháp, sau này thời không có đức Phật chúng sanh cũng có thể y cứ vào đó mà tu học, hành trì. Trong phần ấn chứng của đức Phật, có 3 thí

Tát không mang tính cách riêng biệt, mà là sự giác ngộ toàn diện, đại đồng. Nói cách khác, sự giải thoát và giác ngộ luôn nằm trong quan hệ mật thiết giữa “ta” và tất cả thế gian. Lục Ba La Mật là những phương tiện thiện xảo, để Bồ Tát hướng dẫn những chúng sanh có căn cơ thích hợp đi lên con đường Bồ Tát Đạo.

Bài học thứ 6: Đó là “*Nhân Cách Nhiếp Thọ Chánh pháp*” - Ý Thắng Man phu nhân muốn nói đến người thiện nam, tín nữ Nhiếp Thọ Chánh pháp.

Ở đây, nói đến 2 mặt Tự lợi và Lợi tha của người Nhiếp Thọ Chánh pháp. Người Nhiếp Thọ Chánh pháp là người đã thực chứng sự vô thường của thế gian, đã thực hành sự dăng hiến vô giới hạn về thân mạng, tài sản ... và trong sự hy sinh vô tận đó, Bồ Tát chứng thực được bằng kinh nghiệm bản thân ý nghĩa của bất diệt, của vô tận, đó là ý nghĩa “*Thường trong Vô Thường*” “*Lạc trong Khổ*” “*Ngã trong Vô Ngã*” hay “*Tịnh trong Động và trong Bất Tịnh*”. Về Lợi tha, đối với Thắng Man phu nhân, sự Nhiếp Thọ Chánh pháp là sự Hộ trì Chánh pháp trong thời đại mà Chánh Pháp của đức Thế Tôn gần đi đến chỗ biến mất. Đó là thời đại mà Phật pháp không còn được tôn trọng, là thời điểm mà tính gian xảo như là bản chất chủ động của con người được bộc lộ một cách công khai phổ biến, cho đến đệ tử Phật cũng không ngoại lệ ! Để đối trị với hoàn cảnh đó, trách nhiệm của Nhiếp Thọ Chánh pháp là nêu cao đức tính không gian xảo; lấy trực tâm và lòng nhiệt thành với Chánh pháp làm nền tảng để bảo vệ Cộng Đồng Chánh Pháp; Cộng đồng với cơ sở đạo đức vững chắc là thành trì bảo vệ

Nói cách khác, khi các hạt giống đang ngủ yên trong Tàng thức thì gọi là NHÂN, khi đầy đủ các trợ duyên, nó hiện khởi ra thì gọi là QUẢ. *Ví dụ:* Trong tâm thức chúng ta luôn có những **hạt giống thiện và bất thiện**, khi gặp thuận duyên sẽ hiện khởi ngay - như những hạt giống của sân hận, giận dữ - nếu gặp thuận duyên (*bị ai chọc tức, khiêu khích, mắng chửi, đánh đập*) thì những hạt giống đó sẽ hiện hành ngay (*đổ mặt, giận dữ, phản ứng, đánh đập hay mắng chửi lại v..v..*) những hành động mới hiện hành này, lại gây ra những hạt giống mới, những chủng tử mới của nghiệp, lại được huân vào Tàng thức v..v. . tạo ra cái vòng lẩn quẩn, tiếp tục tạo tác và chịu sự chi phối của nhân quả luân hồi. Những hạt giống tư tưởng trong A Lại Da thức cũng như mầm mống của hạt giống trong cây chanh chẳng hạn: *Hoa chanh và trái chanh tuy chưa xuất hiện, nhưng nó đã có tiềm tàng trong cây chanh, chỉ chờ hội đủ thời gian, sự tưới tẩm, bón phân, thời tiết v..v. thì sẽ đơm hoa kết trái mà thôi.*

Ngoài ra Nhất Thiết Hữu Bộ còn gọi hiện tượng này là *Căn Bản Thức*. Nghĩa là các hạt giống tâm thức giống như biểu hiện của sóng và nước (*Sóng và nước là một, sóng luôn hiện hữu trong nước - không có nước thì không thể nào có sóng được*)

Về đặc tính của A Lại Da thức, Mật Na thức và 6 thức kia, có bài tụng cho dễ nhớ như sau (*bài Việt dịch của thầy Thiện Hoa*):

*Hằng thẩm tư lương ngã tương tùy
Hằng xét đo lường theo chấp ngã*

Hữu tình nhật dạ trấn hôn mê
Hữu tình ngày đêm bị mê muội

Tứ hoặc bát đại tương ứng khởi

Bốn hoặc, Tám đại, chung nhau khởi

Lục chuyển hô vi Nhiễm Tịnh Y

Sáu thức gọi là Nhiễm Tịnh Y

(4 hoặc = 4 căn bản phiền não: Si, Kiến, Mạn, Ái

8 đại = 8 món tùy phiền não)

Chí lý hơn một chút, Bát thức Qui Cũ Tụng cũng có nói thêm:

- *Thức thứ 8, có Hằng mà không Thẩm xét*
- *Thức thứ 7, vừa Hằng lại vừa Thẩm xét*
- *Thức thứ 6, có Thẩm xét mà không Hằng*
- *5 Thức trước, không Hằng và không Thẩm*

(đối với Anh Chị Em chúng tôi, chữ khó ở đây là Hằng và Thẩm)

Hằng= *permanent, always = luôn luôn (có mặt 24/24)*

Thẩm= *reflecting = khảo sát, thẩm sát, lo nghĩ, tư lượng, lo nghĩ, tính toán)*

Các bài tụng cũng nói rằng tính chất của Tàng thức là vô phú và vô ký.

Vô phú = không bị vây bủa, ngăn che

Vô ký = không bị chi phối bởi thiện hay ác.

Sự hiện hữu của nó trôi chảy như dòng sông (*hằng chuyển như bực lưu*) không thể nói là thường hằng hay đoạn diệt.

Nhiếp Thọ Chánh pháp; Chánh Pháp tức là Nhiếp Thọ Chánh pháp.” Thật vậy, Chánh pháp là chân lý, là những giá trị phổ quát của sự sống, đồng thời cũng là vô vàn hiện thực riêng biệt của từng cá thể sống hay nói cách khác, Chánh pháp là thực tướng của thế giới, là những gì mà trí tuệ Phật đã chứng ngộ và thành tựu. Bồ Tát hộ trì Chánh pháp thì bước đầu là học hỏi, và tu tập để nhìn thấy thấu suốt cái thực tướng ấy; sau khi thành tựu sự nghiệp học hỏi này, nghĩa là không còn bị trở ngại bởi những sự tướng thế gian, Bồ tát đi vào đời (*thống tay vào chợ*) hộ trì Chánh Pháp bằng những sự tướng thế gian, như một bác sĩ đi vào bệnh viện chữa trị cho bệnh nhân, như một nhà tu đi vào lao tù an ủi tù nhân, ...Nói cách khác, Bồ Tát đi vào đời vì nguyện, chứ không phải vì nghiệp nữa. Cuộc đời này không phải là không có những vị Bồ Tát ấy, đó là những “Chú Tiểu Kính Tâm”, những Thiên sư “thế à”, những “thái tử Câu Na La” và gần gũi với chúng ta hơn, là những thiên sư như ngài Hư Vân, những Bồ Tát vị pháp thiêu thân, những người đứng cảm đứng lên tranh đấu, bảo vệ cho nhân quyền, cho tự do, ...bất chấp sự sống chết của bản thân mình, v..v.. Vì vậy, Thắng Man phu nhân nói Chánh Pháp và Nhiếp Thọ Chánh Pháp là hai mặt của một thực tại duy nhất: *Hành trì và Thực chứng hay Lý luận và Thực tiễn.*

Bài học thứ 5: là “*Tự Thể của Nhiếp Thọ Chánh pháp*” . Sau khi nói Chánh pháp tức là Nhiếp Thọ Chánh Pháp, Thắng Man phu nhân còn nói tiếp: “*Chánh pháp tức Nhiếp Thọ Chánh Pháp, Nhiếp Thọ Chánh Pháp tức Ba La Mật!*”. Chuỗi quan hệ này xác định rất rõ con đường của Bồ Tát, và nói lên rằng sự giác ngộ của Bồ

Thọ Chánh pháp mà nảy sinh ra các Thừa, đủ các địa vị Bồ tát. Hàng Thánh giả, Bồ Tát với vô số địa vị khác nhau ... đều lấy sự Nhiếp Thọ Chánh pháp làm nguyên sinh chất để thành tựu.

3. Đất lớn: Chỉ trách nhiệm trọng đại của sự Nhiếp Thọ Chánh pháp, đó là những trách nhiệm sau:

- Trách nhiệm thiết lập Nhân Thừa và Thiên Thừa
- Trách nhiệm thiết lập 3 Thừa xuất thế gian (*Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát*)

Gánh vác những trách nhiệm trọng đại như vậy, tự mình là người mẹ hiền của tất cả chúng sanh, là người bạn thân không cần mời thỉnh của mọi người. Gánh vác những trách nhiệm đó với tâm hoàn toàn vị tha, sẵn sàng phục vụ, hỗ trợ không có điều kiện, đó chính là tư cách của người mẹ Đất, hay Đất lớn hay Pháp mẫu (*người mẹ hiền trong Chánh Pháp*).

4. Kho báu vật: Đó là những kho báu trong thiên nhiên như các hầm mỏ trong lòng đất: vàng, bạc, bạch kim, dầu hỏa v.v.. hay những loại ngọc ngà châu báu dưới đáy biển: san hô, hổ phách, trân châu, mã não ... Những loại châu báu dụ cho các Thừa (4 Thừa : *Nhân & Thiên Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát*) còn lòng đất dụ cho Nhiếp Thọ Chánh pháp. Lòng đất là kho tàng vô tận của các tài nguyên, cũng như sự Nhiếp Thọ Chánh pháp là kho tàng vô tận cung cấp cho chúng sanh những chất liệu, và phương tiện sống 1 cách an lạc với trí tuệ vô biên, và những phẩm cách đạo đức tuyệt vời.

Bài học thứ 4: là câu nói bất hủ của Thắng Man phu nhân : “*Không có sự khác biệt giữa Chánh pháp và*

Buổi học hôm nay đưa đến cho Anh Chị Em chúng tôi những bài học sau :

- Sự huân tập đóng vai trò thật quan trọng trong đời sống chúng ta. Những điều mắt thấy tai nghe, những hành động của thân, miệng, ý v.v.. được cất kỹ vào Tàng thức chờ ngày xuất hiện; Vì vậy chúng ta phải rất ***cẩn trọng trong việc tu tập của chính bản thân và giáo dục đàn em, con em của chúng ta.***

- Về bản thân, chúng ta phải ***năng tưới tẩm những hạt giống Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh Tấn*** v.v. vì chúng là những hạt nhân khi đủ nhân duyên sẽ đơm hoa kết trái an lạc, hạnh phúc; và tìm cách diệt những hạt giống sân hận, tham lam, ích kỷ như người làm vườn chăm chỉ tưới cây, bắt sâu, bón phân cho những cây Lan, khóm Hồng, cây Cam, cây Quýt và xịt thuốc để diệt cỏ dại vậy.

Sâu ăn hại cây, cỏ dại chiếm đất làm cây khô héo hay giết chết cây v.v. là những chủng tử xấu, cần phải đề phòng, đừng để chúng được (*hay bị*) huân vào A Lại Da thức. Vì khi đủ duyên, chúng sẽ hiện khởi thành những hành vi tội lỗi, lời nói độc ác, có năng lực làm hại mọi người và hại cả bản thân mình .

- Đối với các em, chúng ta phải là những gương tốt, đừng làm một đường nói một nẻo, đừng thất hứa với các em, đừng dạy các em những thói quen xấu (*cờ bạc, rượu chè, đánh mung, ăn nói bậy bạ, nói xấu lẫn nhau, mất đoàn kết, la mắng hay dùng những lời không đẹp với nhau* v.v.. Ở

đấy chúng ta có rất nhiều điều cần tự cảnh giác mình, vì không thể kể hết được). Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử chúng ta dạy các em Phật pháp, chuyên môn, trò chơi, dạy tiếng Việt v.v.. qua những lời hay ý đẹp, là chúng ta đã huân vào Tàng thức của các em một vườn hoa trái, tương lai sẽ đơm bông kết quả tốt, như trao tặng các em một hành trang tinh thần quý giá của Anh Chị trước khi các em vào đời.

• **Bài học thứ tư** là dựa vào tính chất của Tàng Thức (vô phỉ, vô ký), ta thấy rõ Tàng thức rất thụ động, nó không phân biệt tốt xấu; Nó thuần túy là *cái kho chứa*, vàng bạc châu báu, bông hoa thơm tho v.v.. cũng chứa, mà rác rưởi hôi tanh dơ bẩn cũng chứa hết; Cho nên Tàng thức không thể đóng vai trò giải thoát khỏi những tập khí ô nhiễm v.v.. được. Vì thế, vai trò lãnh đạo để *vượt ngục sinh tử luân hồi, chính là vai trò của Ý Thức*. Chỉ có Ý Thức - *cái thường linh hoạt suy nghĩ bao la vũ trụ đó - suy nghĩ tốt lành cũng nó mà suy nghĩ xấu ác cũng nó*. Chính nó đồng thời có thể gieo vào Tàng thức những hạt giống (*chủng tử*) thánh thiện tốt lành, vừa *kiểm điểm, góp ý, phê bình để chuyển hóa bệnh si mê chấp ngã cuồng dại của Mạt Na*. Bởi vậy, dù tu theo pháp môn nào, chúng ta cũng thấy *bí quyết vẫn là cột cái Ý lại*, như cột con trâu lòng dùng cho nó chạy tứ tung phá hại lúa mạ của người khác vậy. **Muốn tu hành có kết quả, ta phải làm chủ Ý thức**

• **Bài học thứ năm** là về cái mà chúng ta thường gọi là **Nghiệp**. Nghiệp là gì? *Nghiệp có phải là một hình phạt từ trên trời rơi xuống hay là một tai họa vô cớ dính vào ta hay không?* Không, Nghiệp là những hành động có tác ý của

• **Bất Tư Nghi Nghiệp Thọ**: Đó là sự học hỏi Chánh pháp không chút xao lãng, không hề mệt mỏi (*Tự Hành*) và sự hộ trì Chánh pháp bằng ý chí hành động không khiếm nhược (*Hoá Tha*) ; Đây là hành động của hàng Bồ tát từ địa vị thứ nhất đến địa vị thứ bảy.

Bài học thứ 3: Đó là 4 thí dụ mà Thắng Man phu nhân dùng để giải thích ý nghĩa trọng đại của Nghiệp Thọ Chánh pháp. Đây cũng là những ý nghĩa biểu tượng rất hay :

Thí dụ 1. Mây lớn Thí dụ 2. Nước lớn Thí dụ 3. Đất lớn Thí dụ 4. Kho báu vật.

1. Mây lớn: Truyền thuyết về những “*đám mây sáng thế*” bảo rằng chính mây đó tạo ra những cơn mưa vũ trụ, và những bọt nước của cơn mưa vũ trụ này dần dần kết chặt lại thành khối đất lớn. Những đám mây vũ trụ dụ cho tính chất to lớn của sự Nghiệp Thọ Chánh pháp. Thắng Man phu nhân nói: “*Sự Nghiệp Thọ Chánh pháp muta xuống vô lượng phước báo và là những cơn muta vô lượng thiện căn*.” Hạnh phúc của thế gian xuất phát từ khả năng Nghiệp Thọ Chánh pháp, và công bằng, bình đẳng, khiêm ái v.v.. tất cả đều được phát triển và tài bồi bởi sự nghiệp thọ chánh pháp.

2. Nước lớn: Cũng trong truyền thuyết sáng tạo thế giới, nước được dụ cho tình yêu, là yếu tố kết hợp. Sau cơn mưa vũ trụ, nước dâng tràn dần dần đông thành chất rắn, thành khối đất lớn tức “ 3 ngàn đại thiên thế giới” (*tam thiên đại thiên thế giới - danh từ ngày nay chúng ta gọi là hệ thống tinh vân vũ trụ*); Cũng vậy, từ sự Nghiệp

thấy rõ chân tánh và pháp tướng của vạn hữu, đó là giai đoạn phát triển các kỹ xảo, thành tựu phương tiện Ba La Mật. Bắt đầu từ đây trở lên, Bồ tát mới đủ tài năng và trí tuệ để phát triển năng lực nhiếp thọ chúng sanh.

3. Nhiếp Thọ: Nhiếp thọ trong ý nghĩa này, chính là đóng vai trò thuyền trưởng đưa người vượt qua sóng gió, hay vai trò của người hướng đạo đưa đoàn lữ hành vượt qua sa mạc. Nhiếp thọ còn có nghĩa là duy trì, bảo vệ hay quan phòng. Có mấy thứ nhiếp thọ tùy theo trình độ:

- *Đốn Phổ Nhiếp Thọ*: Sự nhiếp thọ trực tiếp và phổ biến, ở trình độ mới phát tâm hướng thượng, muốn ôm hết cái thế giới hữu tình vào trong vòng quyền thuộc của mình, với quyết tâm “*tôi sẽ làm lợi ích cho tất cả*”
- *Tăng Thượng Nhiếp Thọ*: Là sự nhiếp thọ để tăng trưởng và hướng thượng, luôn khích lệ phát triển khía cạnh tốt, để hỗ trợ sự phát triển đi lên về đạo đức của mọi người.
- *Nhiếp Thủ Nhiếp Thọ*: Nhiếp thọ bằng sự che chở, có trách nhiệm giáo dục đối với một học chúng lớn, là bậc thầy của mọi người.
- *Trường Thời Nhiếp Thọ*: Sự nhiếp thọ cần thời gian gần gũi lâu dài để giáo hoá.
- *Đoản Thời Nhiếp Thọ*: không đòi hỏi thời gian lâu dài để giáo hóa.
- *Tối Hậu Nhiếp Thọ*: Theo dõi để giáo dục cho đến khi nào thành tựu tuyệt đối, không giới hạn thời gian, không chỉ đời này mà cả đến nhiều đời, nhiều kiếp sau.

Thân, Miệng, Ý đã được huân vào trong Tầng thức như những chủng tử, đợi có đủ cơ duyên thuận tiện sẽ xuất hiện như một cái quả vừa đủ thời gian để chín muồi. Đức Phật cũng dạy: *Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp; nghiệp là quyền thuộc, là thai tạng mà từ đó con người được sinh ra.*

Thi hào Nguyễn Du cũng được xem như am hiểu Phật Pháp khi Ông viết trong truyện Kiều:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa*

để nói lên trách nhiệm của con người trước luật Nhân Quả: Gieo lúa thì được gạo, gieo hạt cam thì hái trái cam, gieo gió thì gặt bão v.v..không thể nào gieo hạt cam mà đòi có trái bưởi được.

• **Bài học thứ sáu** là về tinh thần giáo dục của Phật giáo nói chung, tinh thần giáo dục trong Gia Đình Phật Tử nói riêng. Chúng ta thấy rất rõ sự tiến triển tâm lý con người do phát triển từ bên trong mà ra, chứ không phải chỉ từ sự thúc đẩy bên ngoài mà có. Thực tế cho thấy các trẻ em cùng Cha Mẹ, hưởng một cuộc sống vật chất và tinh thần như nhau, nhưng tính tình có thể rất khác nhau. Thậm chí, hai anh, chị em song sinh có khi tính tình cũng không giống nhau. Vì vậy giáo dục phải lấy đứa trẻ (*con người*) làm khởi điểm, phải căn cứ trên tâm lý của nó chứ không phải là của người dạy nó, tâm lý này không phải là cố định, theo đúng mẫu mã nào, mà là luôn luôn biến đổi,

chuyển hoá không ngừng. Vì thế chúng ta, những người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử cần phải theo kịp tinh thần giáo dục tự chủ, tự giác, năng động, sáng tạo v.v.. một nền giáo dục có tính cách đánh thức con người, và trả con người về cho chính nó, mà đức Phật đã dạy cho đệ tử của ngài cách đây gần ba ngàn năm. (*như chúng ta thường nghe chú Phật, chú Tổ thường dạy bảo **Đi tìm bản lai diện mục***)

• **Bài học cuối cùng** của Anh Chị Em chúng tôi hôm nay lại cũng là một bài về thuật ngữ của Duy Thức Học đó là 3 chữ:

CẢNH, TÁNH và LƯỢNG

• **CẢNH**: có ba cảnh

a. Tánh cảnh : là tự thân của thế giới thực tại khách quan (*the realm of things in themselves*) Tánh = bản chất ; cảnh = đối tượng
Vậy *tánh cảnh* = bản chất của đối tượng = bản chất của thế giới thực tại khách quan

b. Đối chất cảnh là hình ảnh về một thực tại nào đó trong tri giác của ta = *ảnh tượng được mirroring vào và sinh bởi tánh cảnh = cảnh được mang theo, được phản ảnh từ thực tại* (ví dụ khi ta thương hay ghét một người nào đó thì hình ảnh của người ấy trong lòng ta là hình ảnh được sáng tạo bởi tâm thức chứ không phải hình ảnh của người ấy trong thực tế) Nói các khác, đó là *hình ảnh đã bị méo mó qua suy diễn của tâm phân biệt*, vì vậy Thiền quán dạy ta buông bỏ những đối chất cảnh (*ảo ảnh*) để thể nhập vào tánh cảnh.

Giai đoạn 2: Tín tâm vững chắc, không còn dao động trước mục tiêu hưởng thượng của mình.

Bài học thứ 2: Đây là những từ rất quen thuộc nhưng học Kinh Thắng Man, chúng tôi có thêm được những hiểu biết sâu sắc; Đó là:

• Nhiếp Sự, Ba La Mật, và Nhiếp Thọ.

1. Nhiếp sự: Có bốn Nhiếp Sự là :

Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự.

Không phải là mô thức hành động riêng biệt của Bồ Tát đạo, mà chung cho cả Nhân và Thiên thừa; đó chính là nguyên tắc của đời sống tập thể, là tình đoàn kết ràng buộc mọi người trong cộng đồng bằng tình cảm vị tha, bao dung, cao thượng. Song song với bốn Nhiếp Sự là Lục Ba La Mật (BLM). Chính bốn Nhiếp Sự này đẩy mạnh sự thành tựu của Lục Ba La Mật, vừa tự phát triển khả năng của bản thân, vừa hướng khả năng ấy đến với mọi cộng đồng khác của thế gian (*4 nhiếp sự này chúng ta thường gọi là “Tứ Nhiếp Pháp”*)

2. Ba La Mật: có Sáu Ba La Mật:

1.Bố Thí, 2.Trì Giới, 3.Nhẫn Nhục, 4. Tinh Tấn, 5. Thiên Định , 6.Trí Tuệ.

Sáu Ba La Mật này được thực hành giới hạn tùy theo sự phát triển tâm linh. Cho đến khi nhập vào hàng thánh địa. Nghĩa là nhập vào địa vị đầu tiên gọi là Hoan Hỷ Địa, không bị dao động nữa, từ đó từng Ba La Mật một được thành tựu đến mức tuyệt đối. Sau khi thành tựu đến Ba La Mật thứ 6 (*Trí Tuệ Ba La Mật*),

2. Muốn khắc phục những người ác, Bồ Tát phải có ý chí sắc bén để tự chế ngự mình, không sinh phiền não.

3. Phải làm sao để giải quyết vấn đề: khả năng cung cấp có giới hạn, mà nhu cầu của chúng sanh thì vô cùng vô tận ?

4. Làm sao để có thể giúp đỡ, đồng thời mọi người cần mình trong khi mình chỉ có 1 thân ?

5. Làm thế nào để tự khắc phục mình trước những quyến rũ của cuộc đời, khi phải sống ở 1 nơi buông lung phóng dật xa hoa sa đọa ?

6. Làm sao để thực hiện ý nguyện độ sanh khi chưa đủ khả năng ?

7. Đối với người ngu si, xảo trá phải làm sao ? giáo dục hay bỏ đi?

8. Thấy rõ nỗi khổ sanh tử nhưng không thể từ bỏ chúng sanh.

9. Lo sợ tâm niệm xao lãng khi chết, vì chưa chứng được Thanh Tịnh Tăng Thượng Ý Lạc.

10. Chưa chứng được Thanh Tịnh Ý Lạc mà có người đến cầu xin những thứ yêu quý nhất của mình.

11. Đối với những người có quan điểm và xu hướng dị biệt, phải làm sao ? thuyết phục hay bỏ mặc?

12. Thực hành hạnh không phóng dật tối đa, nhưng không gấp rút diệt tận phiền não để 1 mình nhập Niết Bàn.

Chính vì vậy, Bồ Tát Đạo là một con đường rất gian nan, khó đi, không phải ai muốn đi là cũng đi được. Quá trình hành động phải trải qua 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ khi phát tâm hướng thượng mà trí tuệ, tình cảm và ý chí chưa vượt lên trên hạng phàm phu.

c.Độc ảnh cảnh: Thế giới ảnh tượng chỉ có trong tâm thức chứ không có trong thực tế (trong giấc mộng) cũng là một biểu hiện của Tàng thức.

Trong 3 Cảnh này Tàng thức chỉ quan hệ với (hay duyên với) Tánh Cảnh.

• TÁNH: cũng có ba Tánh là:

Thiện, Bất thiện và Vô ký

(= trung tính = không thiện không ác).

Trong 3 tánh này, Tàng thức duyên với Vô ký

• LUỘNG: là hình thái của nhận thức, cũng có ba lượng:

a.Hiền lượng: trực giác (*nhận thức trực tiếp, không cần qua suy luận*). Trực giác có thể đúng hay sai, nếu đúng thì gọi là chân hiện lượng, sai thì gọi là tợ hiện lượng.

b.Tỷ lượng: phải dùng đến suy luận.

Cũng vậy, tỷ lượng có thể đúng

(= *chân tỷ lượng*) hay sai (*tợ tỷ lượng*)

c. Phi lượng: bao gồm tợ hiện lượng và tợ tỷ lượng.

Trong 3 Lượng, Tàng Thức chỉ duyên với Hiên lượng

Buổi học chấm dứt tại đây với lời nhắc nhở nhau nhớ học thuộc định nghĩa của ba Cảnh, ba Tánh và ba

Lượng (đừng có nhầm Tánh Cảnh với 3 Tánh đó nha !☺
☺!!) Có như vậy sau này nói đến các mối quan hệ của
Mạt na với ba Cảnh, ba Tánh và ba Lượng mới hiểu và
khỏi nhầm lẫn được .



KINH THẮNG MAN (tiếp theo)

- Chương IV, Chương V -



Đúng hẹn lại đến,” hôm nay Anh Chị Em chúng tôi
họp lại để học 2 chương IV và V của Kinh Thắng Man
(tương đương với 2 chương V và VI bên sách mới). Hai
chương này rất thú vị, nên mọi người dành nhau đưa ra
những bài học mà ở nhà đã nghiền ngẫm và thu lượm
được. Trong những bài học “lớn” còn có những bài học
nhỏ nữa!

Chương IV:

BỒ TÁT HÀNH hay SỬ MỆNH CỦA HÀNH ĐỘNG.

(*quá trình thực hành tâm nguyện vĩ đại của Bồ Tát*)

(**Kinh:** Nhiếp Thọ Chương)

Bài học thứ 1: Bồ Tát phát tâm cầu Phật đạo,
không phải chỉ riêng cho bản thân mình, vì người thực
hành Bồ Tát Đạo lấy sự an lạc của tất cả chúng sanh làm
đối tượng; vì vậy con đường trước mặt quả thật là rất gian
nan, bài học trước hết của anh chị em chúng tôi hôm nay
là 12 trường hợp gian nan, mà Bồ Tát phải đương đầu sau
khi phát lời thệ nguyện vĩ đại ấy. (*lấy an lạc của chúng
sanh làm an lạc của chính mình*):

1. Bồ Tát phải trừng trị, hay tha thứ những người
vi phạm qui luật và phép tắc đạo đức?

Như vậy, Tự Hành có nghĩa là mọi hành vi cử chỉ, trong mọi môi trường sinh hoạt đều hướng tới một mục đích tối thượng duy nhất. Đó là tu tập bằng hành động thực tiễn để đạt đến thành tựu trọn vẹn 3 phương diện của một nhân cách lý tưởng: tình cảm, trí tuệ và ý chí.

Với bài học thứ 13 này, Anh Chị Em chúng tôi kết thúc buổi học hôm nay và hẹn gặp nhau trong kỳ học tới với 2 chương IV và V (chương V và VI sách mới)



DUY THỨC HỌC (tiếp theo)

- Ý Thức và Mạt Na Thức -



“.....*Chính Tâm làm cho ta trong sạch, cũng chính tâm làm cho ta ô nhiễm. Trong thực tế, tâm là người thù nguy hiểm nhất, mà cũng chính là người bạn chí thân của con người. Đó là lý do mà chúng tôi phải học kỹ hơn về hai loại Tâm này. Hôm nay, chúng tôi đi sâu hơn một chút về Tâm (hay là Thức). Hình thái của Thức có thể ví như sự chuyển động của vật chất và năng lượng, của sóng và nước, mà năng lượng thì vừa thuộc về vật chất (Sắc) vừa thuộc về phi vật chất (Vô Sắc).”*

Như đã học trong bài đầu tiên về Duy Thức, Anh Chị Em chúng tôi nhắc nhau nhớ là: *Tu tâm là tu 2 anh chàng này: một là anh Ý thức thì mở tưởng bao la vũ trụ, một anh Mạt Na thì chấp ngã quá chừng, chấp một cách si mê, chấp Tăng thức làm Ngã* - đến nỗi tính khí của Mạt na thường biểu hiện với 4 phiền não :

- **Ngã si** (*quan niệm sai lầm về cái Ngã*) ;
- **Ngã kiến** (*nhận thức sai lầm cho rằng đó là một cái Ngã độc lập và thường còn*)
- **Ngã mạn** (*tự cao, tự đại, tự cho mình là số một - hơn ai hết ! ☺ ☺ !*)
- **Ngã ái** (*yêu cái tôi, cái của tôi [mine] và cái tự ngã của tôi [myself]*)

Chính Tâm làm cho ta trong sạch, cũng chính tâm làm cho ta ô nhiễm. Trong thực tế, tâm là người thù nguy hiểm nhất, mà cũng chính là người bạn chí thân của con người. Đó là lý do mà chúng tôi phải học kỹ hơn về hai loại Tâm này. Hôm nay, chúng tôi đi sâu hơn một chút về Tâm (*hay là Thức*). Hình thái của Thức có thể ví như sự chuyển động của vật chất và năng lượng, của sóng và nước, mà năng lượng thì vừa thuộc về vật chất (*Sắc*) vừa thuộc về phi vật chất (*Vô Sắc*). Trong bài *Sự báo ứng của Nghiệp* của Ngài Narada Thera (*Nam Tông*) dạy về lịch trình tiến triển của dòng tư tưởng như sau:

“Khi ta ngủ say, không chiêm bao mộng寐, tâm ở trong trạng thái tiêu cực, sinh diệt trong từng sát na, được gọi là Bhavanga. Luồng Bhavanga trôi chảy như một dòng suối,

-
- *Bồ Đề Tâm* là ruộng phước nuôi lớn pháp bạch tịnh.
 - *Bồ Đề Tâm* là cõi đất lớn vì nâng đỡ hết thầy thế gian.
 - *Bồ Đề Tâm* là tịnh thủy vì rửa sạch tất cả phiền não.

 - *Bồ Đề Tâm* là chí nguyện nóng bỏng của một chúng sanh tự thấy mình đang sống trong cảnh tối tăm, giữa đọa đày khổ nhục, mong tìm một con đường sáng không chỉ cho riêng mình, mà cho tất cả những người cùng cảnh ngộ.
 - *Bồ Đề Tâm* là ý chí kiên cường bất khuất, muốn thoát ra khỏi, của một người bị trói cột trên ngọn lửa rực cháy, bị chà đạp dưới những sức mạnh tàn khốc của tham vọng điên cuồng của chính mình, và của một tập thể ma quái chung quanh mình.

Bài học thứ 12: Đó là về 4 dòng nước xoáy (trong lời tán dương Thiện Tài Đồng Tử, Bồ tát Di Lặc nói : *“...Với những kẻ trôi nổi trong 4 dòng nước xoáy, con người chân thật này muốn làm con thuyền đại pháp đưa chúng sanh vượt qua đại dương....”* 4 dòng nước xoáy hay 4 bực lưu đó là:

- Dục bực lưu : dòng xoáy của dục vọng
- Hữu bực lưu : dòng xoáy của tồn tại
- Kiến bực lưu : dòng xoáy của kiến chấp
- Vô minh bực lưu : dòng xoáy của vô minh

Bài học thứ 13: Nguyện “Tự Hành” của Thắng Man Phu Nhân bao gồm các nguyện sau:

- Nguyện Cúng Dường tu tập bằng Tín.
- Nguyện Biết Thế Giới (*bao gồm sự nghiên cứu, đào sâu Phật Pháp*) tu tập bằng Trí.

Thật vậy, hành trình đi lên của người Huynh trưởng hay đoàn sinh Gia Đình Phật Tử đều theo thứ tự: Phát Bồ Đề Tâm, Khởi Bồ Tát Nguyện, (đeo hoa sen đối với Đoàn sinh, phát nguyện - đối với Huynh trưởng) và Hành Bồ Tát Đạo (Tập sống cho tha nhân nhiều hơn cho chính mình, tập “sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ”, tìm cách đem Phật pháp đến cho mọi người; tập rèn luyện mình để làm tấm gương sáng cho đàn em noi theo...)

Người Huynh trưởng cũng như đoàn sinh Gia Đình Phật Tử phải luôn mở rộng lòng thương (Bi) và trau dồi trí tuệ (Trí), phải biết rèn luyện tư cách đạo đức và quyết tâm của mình để thực hiện lý tưởng (Dũng) ... Nói tóm lại, châm ngôn Bi Trí Dũng của Gia Đình Phật Tử cũng “đồng dạng” với 3 đại nguyện của Thắng Man phu nhân (nói đồng dạng vì tuy kích thước to nhỏ khác nhau nhưng bản chất thì giống nhau) hay nói cách khác, châm ngôn của Gia Đình Phật Tử được kiến lập dựa trên tinh thần ba đại nguyện của Thắng Man phu nhân.

Bài học thứ II: Là bài học về Bồ Đề Tâm ; Mặc dù Anh Chị Em chúng ta đã học nhiều lần về Bồ Đề Tâm, từ khi còn ở ngành Thiếu, nhưng ở đây trong Kinh Thắng Man này, sư phụ Tuệ Sỹ đã cho biết những định nghĩa và những tính chất độc đáo của Bồ Đề Tâm, nên Anh Chị Em chúng tôi phải nhắc lại nội dung và cốt tủy của Bồ Đề Tâm.

- Bồ Đề Tâm = Tâm Vô Thượng Bồ Đề = Tâm nguyện thành tựu sự giác ngộ tối thượng = Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.
- Bồ Đề Tâm là hạt giống của hết thầy Phật Pháp.

luôn luôn biến đổi, không khi nào giống hệt nhau trong hai chập tư tưởng kế tiếp”.

Không chỉ trong lúc ngủ, mà khi thức ta cũng có loại tâm này. *Kinh Thắng Pháp Tập Yếu* diễn tả lịch trình tiến triển của một tư tưởng qua ví dụ sau đây:

Một người nằm dưới gốc cây xoài, lấy khăn che mặt lại, ngủ say; Một ngọn gió thổi qua làm rung động nhánh cây và một trái xoài rụng xuống bên cạnh đầu anh ta. Anh ta tung khăn ra và hướng mắt về phía có tiếng động; Thấy một vật, anh cầm lên quan sát và nhận ra đó là một trái xoài. Anh há miệng ra cắn vào trái xoài ăn, nuốt xong, nằm xuống ngủ trở lại.

Câu chuyện thật đơn giản và một em bé cũng có thể đã gặp cảnh này, nó rất gần gũi với sinh hoạt hàng ngày, nhưng ở đây ta muốn diễn tả những hành động này theo thuật ngữ Phật Giáo, theo danh từ Duy Thức Học cho nên ta phải *tập nói* theo những từ mới học trên đây mà thôi. Trong câu chuyện này:

- Một người nằm dưới gốc cây xoài, lấy khăn che mặt lại, ngủ say = *dòng bhavanga yên tĩnh trôi chảy*
- Một ngọn gió thổi qua = *tâm bhavanga vừa qua*
- Làm rung động nhánh cây = *tâm bhavanga rung động*
- Và một trái xoài rụng xuống bên cạnh đầu anh ta = *tâm bhavanga tắt sau khi rung động trong 2 chập tư tưởng* .
- Anh ta tung khăn ra và hướng mắt về phía có tiếng động = (*khi có đối tượng xuất hiện luồng bhavanga rung động 2 chập rồi tắt, tùy theo đối tượng xuất hiện, 5 giác quan bắt đầu hoạt động; ở đây là MẮT = nhãn thức*)
- Thấy 1 vật = *nhãn thức*,
- Anh cầm lên = *tiếp thọ tâm*

- Quan sát = *suy đạc tâm*
- Và nhận ra đó là một trái xoài = *xác định tâm (phân biệt, lựa chọn, thu nhận hay loại bỏ)*.
- Anh há miệng ra cắn vào trái xoài ăn = *việc thường thức trái xoài gồm 7 chấp tứ tưởng - gọi là Javana(vai trò của ý chí)*
- Nuốt miếng xoài = *đăng ký tâm*
- Ăn xong ngủ trở lại *tâm trở lại trạng thái bhavanga yên tĩnh*

Bài học thứ 1: Chính ở giai đoạn này (*Javana*) là quan trọng nhất vì tứ tưởng quyết định biểu hiện thành hành động tốt hay xấu (*thiện hay bất thiện*). Nếu quyết định đúng đắn thì tạo ra thiện nghiệp, nếu quyết định sai lầm thì tạo ra bất thiện nghiệp. Dù đối tượng xuất hiện có được yêu thích hay không, ta vẫn có thể tạo ra một tiến trình *Javana* thiện hay bất thiện theo ý muốn. Ví dụ như khi gặp người thù nghịch, sự giận dữ liền phát sinh (*tạo nghiệp bất thiện*) ngoài ý muốn của ta, nhưng nếu ta có tu tập tỉnh thức, biết chế ngự tâm mình, thay vì nổi giận, ta có thể rải tâm Từ đến người ấy (*tạo thiện nghiệp*)

Bài học thứ 2: Duy Thức Học dạy rằng trong tiến trình của Tâm, mỗi loại thường phát sinh trong một, hai, ba chấp tứ tưởng, *chỉ có tâm Javana phát sinh liên tiếp trong bảy chấp lúc bình thường, năm chấp khi lâm chung và tất cả bảy chấp đều cùng chung một đối tượng*. Những tâm sở phát sinh trong bảy chấp tứ tưởng ấy đều giống hệt nhau, nhưng năng lực thì không đồng đều. Có chấp mạnh có chấp yếu. Đó là lý do *giải thích sự trở sanh quả của các nghiệp theo thời gian, theo tác động, theo khả năng báo ứng v..v..*

Bài học thứ 3: Ý thức (*thức thứ Sáu*) là lanh lợi

bùn lầy, người là chiếc cầu Đại Pháp, với những kẻ tối tăm ngu dốt, người là ngọn đèn Đại Trí, với những người đi trong sa mạc sanh tử, người là bậc hướng đạo mở đường...”

Bài học thứ 8: Trước khi trở thành một Thánh giả, hành giả phải phát triển đạo đức và trí tuệ, phải thực hành hạnh Thanh Văn, nghĩa là phải tập quán sát để thấy rõ chân tướng của thế gian, để phát triển tâm vị tha, và để có thể lựa chọn pháp môn thích hợp. Căn bản hành động là Tứ Nhiếp Pháp và song song với Tứ Nhiếp Pháp là Lục Ba La Mật..

Bài học thứ 9: Là 3 đại nguyện của Thắng Man phu nhân, tương đương với 3 Tụ Tịnh giới của Bồ Tát; đó là:

1. Đời đời thọ sanh đều được “Chánh Pháp Trí” (*tương đương với Nhiếp Luật Nghi Giới*) - nguyện “Tự Hành,” đây là nguyện học hỏi tất cả Phật Pháp.

2. Sau khi thành tựu Chánh Pháp Trí, sẽ thuyết giảng cho tất cả chúng sanh với tâm không mệt mỏi (*tương đương với Nhiếp Chúng Sanh Giới*) - nguyện “Ngoại Hoá”

3. Đối với sự Nhiếp Thọ Chánh Pháp, sẽ xả bỏ thân mạng và tài sản để hộ trì Chánh pháp (*thành tựu Nhiếp Thiện Pháp Giới*) - nguyện “Hộ Pháp”

Bài học thứ 10: Là sự liên hệ giữa 3 đại nguyện của Thắng Man phu nhân, và châm ngôn Bi Trí Dũng của Anh Chị Em Huỳnh trưởng và đoàn sinh Gia Đình Phật Tử chúng ta.

-
- *Nguyện Sau Khi Hành*: như hồi hướng công đức
 - *Tự Thể Vô Ngại Nguyện*: Như hạnh nguyện Phổ Hiền

Bài học thứ 6: Những yếu tố nào quyết định đưa đến Phật thừa ? Đó là 3 yếu tố mà chúng ta đã học trên đây : Bồ Đề Tâm, Bồ Tát Hạnh và Bồ Tát Nguyện.

Bài học thứ 7: Bồ Tát phải làm gì để thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật?

Đây là ước nguyện làm cho tất cả mọi thế gian đều trở thành Tịnh Độ, không có những khổ khổ vật chất, không còn những hệ lụy phiền não:

*Trang nghiêm cõi Phật,
Nơi cõi Ta Bà
Đất Tâm thanh tịnh
Hiển lộ ngàn hoa.*

Đó là Bồ Tát phải xa lìa mọi ô nhiễm, thành tựu đạo thanh tịnh, vô lượng chúng sanh có trí tuệ sung mãn ở trong đó, tất cả đều vào cảnh giới bao la của chư Phật, tùy theo tâm chúng sanh mà thị hiện, khiến cho hết thảy đều hoan hỷ. Nói theo ngôn ngữ của Anh Chị Em chúng ta thì đây là vấn đề thân giáo; Thật vậy khi chúng ta đã thành tựu được tri hành hợp nhất, ước nguyện và hành vi không còn sai biệt, nghĩa là đã an trụ, vững chắc trong chí nguyện của mình, thì chúng ta là tấm gương sáng cho đàn em và bạn bè noi theo ; hãy nghe Bồ Tát Di Lặc tán dương Thiện Tài Đồng Tử: *“..Với những kẻ trôi nổi trong 4 dòng nước xoáy, người là con thuyền đại Pháp, với những kẻ chìm ngập trong*

hơn hết, suy nghĩ làm việc phải nó cũng đứng đầu mà tính toán mưu toan việc ác thì nó cũng là số một (*công vi thủ , tội vi khôi = công cũng nó đứng đầu mà tội nó cũng trước hết!*) Thúc này cũng có công năng chấp ngã và chấp pháp. Chỉ có Ý thức mới có khả năng soi sáng, chuyển hoá Mạt Na thức và A Lại Da thức. Nói cụ thể, Ý thức vừa phải đồng thời gieo trồng những chủng tử tốt, thiện vào tàng thức, vừa rửa sạch mọi ô nhiễm do si mê, chấp thủ của Mạt Na bằng cách thông qua thân, miệng, mà ý thức có thể điều hành, sai khiến cái thấy, cái nghe v.v.. Do đó, nói cho đúng thì: *chuyển hoá là phải chuyển hóa toàn diện hệ thống của tâm thức* - cần có sự tương duyên giao hòa của cả tám thức - chứ không phải chỉ riêng từng thức nào.

Bài học thứ 4:

- Trong ba Cảnh, Ý thức có đủ ba Cảnh (*Tánh cảnh, Độc ảnh cảnh và Đối chất cảnh*)
- Trong ba Tánh, thức này cũng có đủ ba tánh (*Thiện, Ác và Vô ký*)
- Trong ba Lượng, thức này cũng có đủ ba lượng (*Hiện lượng, Tỷ lượng và Phi lượng*)

Nghiệp dụng của Thức này là làm cho Thân động, Miệng nói tạo ra dẫn nghiệp và mãn nghiệp, để cảm thọ quả báo trong hiện kiếp hay trong các đời sau.

Bài học thứ 5. Theo Duy Thức Học, có một thức căn bản và bảy chuyển thức: Mạt Na cũng là một

chuyển thức; Nó một mặt chấp Tàng thức làm Ngã - mặt khác nó chính là nền tảng cho sự Nhiễm và Tịnh của Sáu chuyển thức trước (*Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý thức*).

Thật vậy, Sáu chuyển thức trước luôn luôn liên hệ chặt chẽ với sự hiện diện của Mạt na, và Mạt na thì luôn luôn tác động lên Sáu chuyển thức trước, với chức năng lưu chuyển ,đổi lưu giữa chủng tử và hiện hành. Do đó, nếu sự cuồng si của Mạt na càng lớn thì khả năng sáng suốt của Sáu chuyển thức trước càng nhỏ; Nói nôm na: *cái tâm phân biệt càng lớn thì sự nhận thức vô tư trong sáng càng nhỏ, các sự vật, hiện tượng, màu sắc, âm thanh v..v.. sẽ bị méo mó, xuyên tạc, bẻ cong*. Lúc ấy, mắt, tai . . . sẽ không chỉ là thuần túy *phục vụ* cho cái thấy cái nghe. . . nữa mà còn *ôm thêm* cái tâm ưa - ghét, lấy - bỏ. Mạt Na mà giải thoát được chùng nào (*nghĩa là bớt cuồng si trong 4 thứ phiền não*) thì khả năng thanh tịnh sáng suốt của sáu chuyển thức trước càng lớn lên chùng ấy.

Bài học thứ 6: Điểm khác biệt trong tính khí của Mạt Na và A Lại Da Thức là: *A Lại Da Thức lấy Tánh Cảnh làm đối tượng, thì Mạt na lấy Đối chất cảnh làm đối tượng*; Một cách nôm na, A Lại Da thức nhìn sự vật hiện tượng NHƯ -NÓ -LÀ (*as - it -is*) trong khi Mạt Na nhìn với một hay nhiều cặp kính màu của si mê, chấp ngã . . . do vậy mà cái thấy của Mạt Na là sai lầm vì bị ngăn che.

Tính chất của Mạt Na vừa là thăm (reflecting) vừa là hằng (always)- nghĩa là vừa khảo sát, thăm sát, vừa luôn

a) Cùng phát khởi một lần với hành động: Những lời nguyện trong lúc hành động

b) Đối sự mà phát nguyện, với chủ đích giữ vững tâm chí, không để gián đoạn và tán loạn.

(Như trong Tỳ Ni Thiết Yếu Nhật Dụng, trong phẩm Tịnh Hạnh kinh Hoa Nghiêm, hay Xảo nguyện):

Khi rửa tay:

Mức nước để rửa tay
Xin nguyện cho mọi người
Có đôi bàn tay sạch
Gìn giữ chánh pháp này.

Khi trải giường chiếu:

Khi trải giường chiếu
Nguyện cho chúng sanh
Trãi bằng thiện pháp
thấy chân thật tướng.

Khi bước ra đường:

Cất bước ra đường
nguyện cho chúng sanh
bước lên lối Phật
và Vô y Xứ.

Hay khi đi ngủ:

Vào lúc ngủ nghỉ,
Nguyện cho chúng sanh
Thân được yên ổn
Tâm không loạn động.

Chân Thật” sẽ bị mất ngay; đó là:

1. Vì tham danh lợi mà tự khen mình chê người, nói xấu người khác.
2. Không biết bố thí tiền bạc hay ban bố pháp dù có người đến cầu xin.
3. Dùng chân tay hay khí cụ đánh đập người khác mà trong lòng thấy sáng khoái; có lỗi mà ai nói tới thì sinh lòng oán hận.
4. Báng bổ Bồ Tát tạng, thích tuyên thuyết, khai thị, thiết lập Tương tự pháp, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc bị người khác lôi cuốn.

(Anh Chị Em chúng tôi tự dặn lòng rằng, đừng bao giờ làm “Bồ Tát Dỏm” nha! Thà là làm 1 chúng sanh bình phàm nhưng chân thật!)

Chương III: BỒ TÁT NGUYỆN

(Hạnh nguyện của Bồ Tát)

Như Luận Thập Trụ Bà Sa đã nói “Phát nguyện cầu đạo nặng hơn cả việc nâng đỡ ba ngàn Đại thiên thế giới” vì “Nguyện” là thế nguyện, là quyết định tâm, vì vậy sau khi đã phát Bồ Đề tâm, khởi Bồ Tát hạnh, phải nói đến hạnh nguyện vĩ đại của Bồ Tát.”

Bài học thứ 5: Có 4 loại nguyện:

- Thệ nguyện: hứa hẹn thời gian trước khi hành động : như trường hợp của Thiện Tài Đồng Tử sau khi được Văn Thù Sư Lợi dạy, liền phát tâm tìm cầu học Phật pháp cho đến rốt ráo.
- Hành nguyện: gồm 2 trường hợp :

luôn có mặt suốt 24/24 giờ một ngày; Luôn luôn so đo tính toán. *Nói theo danh từ Duy Thức Học thì **Mạt na có tính hữu phú vô ký** (hữu phú = có bị ngăn che) Cái gì đã ngăn che? Đó chính là bốn cái si mê của nó (Ngã si, Ngã kiến, Ngã mạn, Ngã ái. Vô ký = không thiện, không ác). Nói ngắn lại cho dễ nhớ: **Mạt Na là chấp ngã và khi duyên vào đối tượng nào thì chấp đối tượng đó làm ngã và sự chấp ngã như vậy là hoàn toàn sai lầm nên gọi là phi lượng** (wrong perception)*

Bài học thứ 7: Vừa ôn lại những từ CẢNH, TÁNH VÀ LƯỢNG trong bài trước:

- Trong 3 Cảnh, *Mạt na chỉ quan hệ với Đối chất cảnh*
- Trong 3 Tánh, *Mạt na là hữu phú vô ký*
- Trong 3 Lượng, *Mạt na chỉ có Phi lượng*

Bài học thứ 8: Lại là một bài học về từ mới trong Duy Thức học. Trong bài trước chúng ta đã học ba Cảnh, ba Tánh và ba Lượng.

Hôm nay học thêm: năm Thọ, ba Cối, chín Địa, chín Duyên.

NĂM THỌ:

- **Khổ thọ, Lạc thọ, Ưu thọ, Hỷ thọ và Xả thọ**

BA CỐI: (ta thường gọi là tam giới)

- **Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới**

cõi Dục (realm of Desire) = thế giới của người

và thú (*thế giới của dục vọng, ham muốn, thèm khát*)
cõi Sắc (realm of Form) = thế giới vật chất
những nhẹ nhàng thanh thoát hơn cõi Dục.

cõi Vô Sắc (realm of No Form) *thế giới phi vật chất, thế giới của năng lượng (energy). Tâm thức cũng là một dạng năng lượng (mental energy).*

CHÍN ĐỊA :

1. Ngũ thú tạp cư địa (=thuộc về Dục giới)
2. Ly, sanh Hỷ lạc địa
3. Định, sanh Hỷ lạc địa (= 4 địa này thuộc Sắc giới)
4. Ly hỷ, diệu lạc địa (từ Sơ đến Tứ thiền)
5. Xả niệm thanh tịnh địa
6. Không vô biên xứ địa
7. Thức vô biên xứ địa (= 4 Địa này thuộc Vô Sắc giới)
8. Vô sở hữu xứ địa
9. Phi tưởng phi phi tưởng xứ địa

CHÍN DUYÊN:

1. Hư không
2. Ánh sáng
3. Căn
4. Cảnh
5. Tác ý
6. Phân biệt y
7. Nhiễm tịnh y
8. Căn bản y
9. Chủng tử .

Sau khi học được các từ của Duy Thức Học, chúng

-
9. Không bao giờ rời bỏ những chúng sanh khổ vì bệnh tật, cô độc, tù tội, làm cho họ thoát khổ, bằng những hành động thiết thực
 10. Gặp những chúng sanh làm những việc ác hại người, hay phạm giới ...thì nhất định sẽ chiết phục hoặc nhiếp phục tùy trường hợp để chánh pháp được trường tồn, ác pháp được giảm thiểu.

Nói một cách ngắn gọn, thì 10 Giới đó là :

1. Luôn giữ giới đã thọ
2. Không kiêu mạn
3. Không sân nhuế
4. Không tật đố
5. Không bôn xôn
6. Không tích tụ tư hữu
7. Thực hành Tứ Nhiếp Pháp
8. San bằng nỗi khổ của chúng sanh
9. Diệt trừ tội ác
10. Hộ trì và bảo vệ Chánh pháp

Bài học thứ 4: Đây là bài học về những từ ngữ mới: Thế nào là Tha Thắng Xứ và thế nào là Kỳ Thắng Xứ ?

- Tha Thắng Xứ là những ác pháp làm tổn hại mình, ví dụ như vì tham danh lợi mà tự khen mình chê người, nói xấu người khác, ấy là pháp tha thắng xứ thứ nhất.
- Kỳ Thắng Xứ là những thiện pháp ích lợi cho mình (ngược lại với Tha thắng Xứ)

Theo luận Du Già, có 4 Tha Thắng Xứ nếu Bồ Tát vi phạm 1 trong 4 điều này, thì tư cách “Bồ Tát

đúc gương mẫu (*Bồ Tát*) gây tín tâm cho những người Phật tử mới đến với Đạo, đồng thời giúp bồ tát phát triển các môn thiền định cũng như khai triển trí tuệ

- **Nhiếp Thiện Pháp Giới:** Bồ Tát thực hiện và tích tập các thiện pháp để đứng tiến trên đường Đạo.
- **Nhiều Ích Hữu Tình Giới:** Vì mưu cầu hạnh phúc cho chúng sanh, Bồ Tát luôn tu tập phát triển 4 tâm rộng lớn (Tù ,Bi, Hỷ. Xả)

Bài học thứ 3 là 10 đại thọ của Thắng Man phu nhân. 10 đại thọ này còn được gọi là “*Bát Tư Nghi Đại Thọ*” vì Thắng Man phu nhân tuyên bố những lời thật là “sấm sét” bắt đầu bằng “..*Kể từ nay cho đến lúc thành tựu Bồ Đề*..” nghĩa là 10 đại thọ này không chỉ có hiệu lực trong đời này, mà còn có hiệu lực trong nhiều đời nhiều kiếp nữa, cho đến khi thành Phật ! Thật là vĩ đại quá, hèn gì gọi là “*Thắng Man Sư Tử Hống*” thật đúng quá rồi!

Mười Đại Thọ đó là:

1. Không bao giờ khởi tâm vi phạm giới đã thọ
2. Không bao giờ khởi tâm kiêu mạn
3. Không bao giờ khởi tâm phần hận
4. Không bao giờ khởi tâm ganh tị
5. Không bao giờ khởi tâm keo kiệt.
6. Không bao giờ vì mình mà thọ nhận, súc liễm tài vật.
7. Không bao giờ vì riêng mình mà thực hành Tứ Nhiếp Pháp.
8. Luôn luôn nhiếp thọ chúng sanh bằng tâm không ái nhiễm, tâm không mệt mỏi, tâm không hạn ngại.

tôi tự ra bài tập ở nhà cho Anh Chị Em mình bằng cách lập bảng tóm tắt sau đây cho dễ nhớ tám Thức đã biết, duyên với những món nào:

	Mắt	Tai	Mũi	Luối	Thân	Ý	Mạt na	A Lại Da Thức
3 Cảnh								
3 Tánh								
3 Lượng								
5 Thọ								
3 Cối								
9 Địa								
9 Duyên								

Bài học thứ 9: Chúng tôi nhắc lại về sự khác nhau gây ra khó khăn ban đầu cho việc học Duy Thức, đó là chúng ta học Tâm Lý Học hiện đại (*Tây phương*) chỉ biết 2 góc độ của một nhận thức: đó là Chủ thể (*Subject*) và Đối tượng (*Object*) nhưng khi học Duy Thức - tức Tâm Lý Học Phật Giáo (cổ điển- Đông phương) ta lại gặp đến ba danh từ như đã học trong bài đầu tiên:

- *Kiến phần* : chủ thể
- *Tướng phần* : đối tượng
- *Tự thể phần* : phần căn bản của thức làm nền cho chủ thể và đối tượng .

Lấy 1 ví dụ cụ thể:

- *Nước là kiến phần,*
- *Sóng là tướng phần và*
- *Tính uớt, loãng, không màu không mùi (hay hợp chất H₂O) là tự thể phần.*

Tương tự, trong hệ thống Tám thức, mỗi thức đều có đầy đủ cả 3 phần và ở **mặt Tướng** thì có ba, nhưng ở **mặt Tổng Thể chỉ là Một** - như nước và sóng hay H₂O vậy.

Dù đã qua ba buổi học, nhưng Anh Chị Em chúng tôi vẫn thấy *như là cỏi ngựa xem hoa* - chưa thể nói là biết được chút gì về Duy Thức cả, nên để kết thúc buổi học, chúng tôi luôn nhắc nhau rằng đây chỉ là phần học Chúng, học tập thể, học để lấy cái hăng hái ban đầu nhờ sự sách tấn của tăng thân mình, về sau mỗi người đều phải tự học thêm.

Đặc biệt về Duy Thức học thì phải học kỹ 30 bài tụng Duy Thức cũng như phần giảng giải của Thầy Thiện Hoa (*Phật Học Phổ Thông khóa IX, X và XI*) - và Anh Chị Em chúng tôi cũng đã có kinh nghiệm tự thân là cùng một bộ Kinh, mà học năm nay khác và sang năm khác; có thể chúng ta sẽ thấy thêm được nhiều bài học mới hơn mà năm ngoái chưa nhận ra được.



Bài học thứ nhất được mở rộng ra bằng một kỷ niệm xưa: khi học về kinh Pháp Hoa, Anh Chị Em chúng tôi có người nói rằng tại sao trong phẩm Phổ Môn, có sự kiện ngài Vô Tận Ý Bồ Tát tặng đức Quán Thế Âm Bồ Tát “Một chuỗi anh lạc giá trị bằng muôn ngàn lượng vàng...” mà đức Quán Thế Âm không nhận, đức Phật phải “nấn nủ” giùm cho Ngài Vô Tận Ý v.v.. Lúc đó, chúng tôi cũng có đề cập đến ngôn ngữ biểu tượng của chuỗi anh lạc quý giá ... nhưng chưa lột hết được ý của 2 chữ “Anh Lạc” đó là Luật Bồ Tát Anh Lạc, nói lên ý nghĩa thâm thúy của Giới: Giới là món đồ trang sức quý giá nhất của Bồ Tát, nâng cao phẩm giá con người, bảo hộ thân tâm và phân biệt con người với chúng sanh trong các cõi giới khác. Như vậy, ngài Vô Tận Ý Bồ Tát trao cho ngài Quán Thế Âm Bồ Tát chuỗi anh lạc là nói lên ý nghĩa của Bồ Tát giới, lấy Giới để tự trang nghiêm và trang nghiêm quốc độ, cũng như lấy sự thành tựu chúng sanh làm mục tiêu hướng đến - tức chí nguyện đại thừa rồi.

Bài học thứ 2 là Giới của Bồ Tát, vì không chỉ dựa trên sự thành tựu cho cá nhân, mà là cho chúng sanh. Cho nên Bồ Tát Giới không chỉ có một chức năng phòng hộ căn môn, mà nó còn có tới 3 chức năng, đó là 3 thọ môn hay ba Tự Tịnh Giới:

- 1.Nhiếp Luật Nghi Giới,
- 2.Nhiếp Thiện Pháp Giới,
- 3.Nhiều Ích Hữu Tình Giới.

- **Nhiếp Luật Nghi Giới**: những luật nghi giúp Bồ Tát phòng hộ căn môn và hoàn thành nhân cách đạo

- **Thanh Văn Giới** dựa trên những cấm chỉ hành động về thân và miệng; Do đó, sự tồn tại của Giới chỉ giới hạn trong sự tồn tại của thân và miệng. Ví dụ: Chúng ta quy y và thọ trì 5 giới; 5 giới này sẽ tồn tại cho đến hết đời hay cho đến khi ta tuyên bố không còn tin tưởng Tam Bảo, không muốn thọ trì nữa. Tương tự, với Bát Quan Trai giới, chỉ có hiệu lực trong khoảng 1 ngày 1 đêm, nên qua hết thời gian ấy, dù có tuyên bố hay không, Giới vẫn hết hiệu lực.
- **Bồ Tát Giới** thì trái lại, có phát nguyện thọ trì và cũng có thể có vấn đề vi phạm, nhưng không có vấn đề mất Giới. Bởi vì giới cấm của Bồ Tát đặt căn cứ trên Bồ Đề tâm, lấy Phật làm mục tiêu hướng đến; Bồ Tát giới còn được gọi là Vô Tận giới và hết thấy giới Phạm, Thánh, Bồ Tát đều lấy tâm làm thể, mà tâm vô cùng tận, nên Giới cũng vô cùng tận. Do vậy, Giới cấm của Bồ Tát cũng được gọi là Tâm Địa Giới (*tâm địa = đất tâm*).

Thanh Văn Giới và Bồ Tát Giới còn được phân biệt ở tiêu chuẩn của sự thành tựu. Thanh Văn lấy sự thành tựu đạo đức cá nhân làm tiêu chuẩn, còn Bồ Tát lấy sự thành tựu chúng sanh làm tiêu chuẩn: Nguyện vào đời để cứu giúp chúng sanh, nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, thì Bồ Tát nhất định không vào Niết Bàn:

*“Như nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ nê hoàn”*

hay :

*Phụng thỉnh Thế Tôn vị chứng minh
Ngũ trước ác thế tiên nhập*



KINH HOA NGHIÊM

“.....*Khi Phật nhập vào một thứ Tam muội (Samādhi) nào đó, cái túp lều Ngài đang ngụ đột nhiên trải rộng đến tận cùng bờ mé của vũ trụ; nói khác đi, chính vũ trụ được hòa tan vào thể tánh của Phật. Vũ trụ là Phật, Phật là vũ trụ.*

Rõ ràng, thế giới Hoa Nghiêm không phải là thế giới mà chúng ta có thể đi vào với cái tâm phàm tục, với tham sân chấp ngã thường tình. Chúng ta, vì vậy, không chỉ phải tắm rửa sạch sẽ trước khi học kinh Hoa Nghiêm, mà cái chính là còn phải thanh tịnh tâm ý tập trung tư tưởng, chuyển hoá tư duy, thì mới có thể phần nào lãnh hội được giáo lý trong kinh Hoa Nghiêm”

KINH THẮNG MAN (tiếp theo)

- Chương II, Chương III -



Như đã hẹn nhau trước, trong buổi học hôm nay, anh chị em chúng tôi đã chuẩn bị các chương II và III (tương đương với các chương III và IV trong sách mới sau này)

Chương II: NÓI VỀ BỒ TÁT GIỚI.

Bài học thứ nhất về Giới: Ở đây, chúng ta được hiểu sâu sắc hơn thế nào gọi là “Bồ tát tâm địa giới” và cái gì là Luật Bồ Tát Anh Lạc (LBTAL).

Luật Bồ Tát Anh Lạc nói: “Tất cả chúng sanh vào biển Tam Bảo, lấy Tín làm gốc, an trụ trong ngôi nhà của Phật thì lấy Giới làm gốc.” Công năng của Giới là phòng hộ căn môn, ngăn ngừa những pháp bất thiện khởi lên làm phương hại đến những phẩm tính thiện; Thế cho nên nói Giới là món trang điểm quý nhất của người Phật tử; muốn giữ Giới tất nhiên phải có chánh niệm:

*Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần
Đem ý thức tính chuyên phòng hộ*

Có 2 hệ thống Giới, đó là: Thanh Văn Giới và Bồ Tát Giới

Xin cũng thương tưởng con,
Cho con thấy Tôn Nhan
Tâm niệm ấy vừa phát
Phật hiện giữa hư không;
Với tịnh quang sáng chói,
Rạng ngời tối thắng thân

Anh Chị Em chúng tôi kết thúc buổi học đầu tiên hôm nay với bài kệ này, và hẹn nhau về đọc và tìm hiểu các chương II, III, IV để buổi học tiếp theo sẽ cùng nhau trao đổi và chia sẻ những bài học trong đó.



Nếu Duy Thúc Học đối với Anh Chị Em chúng tôi đã là một “khu rừng” thì kinh Hoa Nghiêm lại hơn thế nữa; Đó là một khu rừng có trang bị “bát quái trận đồ” bởi vì đi vào rồi mà lối rỏ, không biết phương vị, thiên văn, địa lý v.v.. thì lạc luôn vào mê hồn trận trong đó, không thể tìm lối ra được.

Thật vậy, từ trước đến nay Anh Chị Em chúng tôi chưa từng học qua cuốn kinh nào dài bằng kinh Hoa Nghiêm, mới ngó thấy đã sợ rồi: này nhé, bộ Kinh gồm 40 phẩm, *gói lại trong 4 tập*, mỗi tập dày trên dưới 1000 trang:

Tập I : từ phẩm 1 đến phẩm 21

Tập II : từ phẩm 22 đến phẩm 26

Tập III : từ phẩm 27 đến phẩm 38

và tập IV chỉ gồm 2 phẩm 39 (*Nhập Pháp Giới*) và phẩm 40 (*Nhập Bát Tu Nghi Giải thoát*) riêng phẩm 39 là chiếm hơn 800 trang rồi!

Về tài liệu, Anh Chị Em chúng tôi không có tài liệu nào ngoài bản dịch của Thầy Trí Tịnh và Thiền Luận Suzuki (*Tập III, Thầy Tuệ Sỹ dịch*). Chính vì vậy chúng tôi phải tìm đọc trước cả mấy tháng và phân công đặc biệt người nào phải “đi sâu” (*nghĩa là đọc kỹ để thuyết trình trước Chúng, hay giải đáp từ ngữ nếu có ai thắc mắc vì chưa đọc tới*) Ngoài ra, buổi học đầu tiên sẽ lướt qua cái *đàn bài đồ sộ của Hoa Nghiêm* và quyết định sẽ học chung những Phẩm nào.

Hôm nay là buổi học đầu tiên về kinh Hoa Nghiêm. Cả Chúng quyết định sẽ học kinh này trong nhiều buổi, chia thành những vấn đề, và học cho xong từng vấn đề này chứ không phải xong một buổi. Những vấn đề đưa ra là:

1. Giảng nghĩa đề Kinh
2. Sơ Lược về Triết Lý Kinh Hoa Nghiêm
3. Phẩm 39: Nhập Pháp Giới .
4. Những bài học về Toán và Khoa Học hiện đại rút ra từ Kinh Hoa Nghiêm.

Như vậy, ngoài phẩm 39 chúng tôi sẽ phải đi vào các phẩm sau đây:

- phẩm 5: Hoa Tạng Pháp Giới
phẩm 12 : Hiền Thủ
phẩm 27 : Thập Định,
phẩm 30 : A Tăng Kỳ
phẩm 33 : Bát Tư Nghi
phẩm 36 : Phổ Hiền v..v..

Bây giờ chúng tôi bắt đầu đi vào giảng nghĩa tựa Kinh và ý nghĩa những thuật ngữ thường gặp trong Kinh.

Trước khi tiếp xúc với cái khô khan của từ ngữ, chúng ta hãy nghe Suzuki (*qua Thầy Tuệ Sỹ*) giới thiệu về **thế giới bùng sáng của Hoa Nghiêm**:

“ . . . Chúng ta được đưa lên tận giải ngân hà tinh đầu, thế giới không trung xưa nay vốn ngời sáng. Màu hắc

nóng bỏng của một chúng sanh tự thấy mình đang sống trong cảnh tối tăm, giữa đọa đày khổ nhục, mong tìm một con đường sáng không những để giải thoát bản thân khỏi những đe dọa áp bức, mà còn là để giải thoát cho tất cả những người cùng cảnh ngộ.”

Nhưng tâm nguyện bồ đề ấy, hạt giống Phật ấy chỉ có thể phát khởi khi được gieo trồng trên mảnh đất khô cằn, đau khổ của sinh tử, được tưới bằng nước từ bi để gốc rễ của lòng tin (*tín tâm*) được vững bền thì cây mới phát triển lớn mạnh và trở hoa giác ngộ. Sự gieo hạt giống ấy chính là “Quy y” Vì vậy quá trình Quy, Giới, Nguyện và Hành của Bồ Tát đạo chính là những giai đoạn gieo giống, vun xới, chăm bón ,tưới tắm cho hạt giống bồ đề lớn mạnh thành cây trái xanh tươi.

Ở đây chúng tôi rút được **bài học thứ 6**; đó là: tầm quan trọng của sự phát Bồ Đề tâm trên nền tảng Chánh tín ; giống như ở trong kinh Hoa Nghiêm, ngài Văn Thù Sư Lợi đã nhắc nhở Thiện Tài Đồng Tử rằng: “*Nếu rời khỏi tín căn, tâm thấp kém, ưu tư và hối hận, công hạnh không tròn đủ, ý chí thoái hoá, không thực hành các hạnh và nguyện một cách thiện xảo, không được thiện tri thức nâng đỡ, không được chư Phật hộ niệm ...”*

Thắng Man đến với đức Phật chỉ bằng lòng tin thuần túy, và đức tin mạnh đến nỗi - chỉ đọc thư của cha mẹ giới thiệu Ngài - thì Thắng Man phu nhân đã ứng khẩu đọc ngay lời tán dương đức Phật:

*Cúi lạy Phật Thế Tôn,
Xuất hiện vì thế gian*

- Phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử.

- **Phần đoạn sinh tử:** Là quan niệm cho rằng: Đời sống bắt đầu từ lúc lọt lòng mẹ đến lúc thân tứ đại tan rã.
- **Biến dịch sinh tử:** Là sinh tử trong từng sát na; ai đã thấy được biến dịch sinh tử mới thấy được thực chất của đời sống, thấy được thực tánh duyên khởi trùng trùng vô tận, thấy được những mối quan hệ giữa mình và thế giới, giữa cái cá biệt và cái toàn thể. Từ đó, có thể nâng cao nhận thức của mình một bậc: Nếu chưa tìm thấy hạnh phúc chung của mọi người, thì hạnh phúc ấy chưa phải là hạnh phúc cao nhất. Nói cách khác, nếu chỉ lo tìm sự giải thoát cho thân tứ đại này, cho sự còn mất của bản thân mình thì đó chưa phải là giải thoát trọn vẹn.

Đây chính là **bài học thứ 4** của Anh Chị Em chúng tôi.

Đến đây, chúng tôi mới thực sự hiểu được anh Như Tâm ngày xưa khi Anh bảo rằng: “*phải đập vỡ cái vỏ trứng*” - Lúc trước nghe câu nói này, cứ tưởng Anh cho mình còn “con nít” chưa thoát ra khỏi cái vỏ để được là “chú gà con” nữa ! Không ngờ, đây là cái vỏ vô minh, là bức màn tối ngăn che không cho chúng ta thấy được cái nhỏ nhiệm, vi tế của biến dịch sinh tử, cái vô thủy vô chung của dòng sống.

III. BỒ ĐỀ TÂM:

Bài học thứ 5 của Anh Chị Em chúng tôi là định nghĩa Bồ Đề Tâm của Thầy: “*Bồ đề tâm, đó là chú nguyện*

ám của rừng Thệ Đà (Jetavana) nơi trần gian, về phạm tục của đám cỏ khô thiết tòa sư tử hẳn là đức Thích Tôn đang ngự thuyết pháp, một bộn ăn mày lam lũ đang nghe Kinh trong cái thực tại không bản ngã- tất cả đều hoàn toàn tan biến hết ở đây. Khi Phật nhập vào một thú Tam muội (Samādhi) nào đó, cái túp lều Ngài đang ngự đột nhiên trải rộng đến tận cùng bờ mé của vũ trụ; nói khác đi, chính vũ trụ được hòa tan vào thể tánh của Phật. Vũ trụ là Phật, Phật là vũ trụ. Và đây không phải duy chỉ là sự dàn trải của khoảng chân không hay khô héo rút thành một nguyên tử; Bởi vì, có kim cương lát đất, có lưu ly, có châu ngọc gắn lên những hàng cột, những rào dậu, những tường bao, chúng lấp lánh phản chiếu lẫn nhau”.

Rõ ràng, thế giới Hoa Nghiêm không phải là thế giới mà chúng ta có thể đi vào với cái tâm phạm tục, với tham sân chấp ngã thường tình. Chúng ta, vì vậy, không chỉ *phải tắm rửa sạch sẽ* trước khi học kinh Hoa Nghiêm, mà cái chính là *còn phải thanh tịnh tâm ý* tập trung tư tưởng, chuyển hoá tư duy, thì mới có thể phần nào lãnh hội được giáo lý trong kinh Hoa Nghiêm như lời Thầy nói tiếp:

“Sự tập thành của Hoa Nghiêm (Gandavyūha) có lẽ là do ở một cuộc biến chuyển đã thành hình trong tâm trí của người Phật tử đối với cuộc sống, với cõi đời, và nhất là với đức Phật. Như thế, khi học Hoa Nghiêm, cái cốt yếu nhất cần phải biết, bấy giờ Phật không còn là một kẻ sống trong thế gian có thể nhận ra giữa những giới hạn của thời gian và không gian.

Tâm thức của Ngài không phải là cái tâm trí phạm tục bị bắt buộc chịu theo cảm quan là luận lý. Cũng không

phải là một sản phẩm của tưởng tượng thi vị sáng tạo nên những hình ảnh riêng tư và những phương pháp để cập đến những sự vật cá biệt.”

Tựa đề Kinh Hoa Nghiêm nói một cách đầy đủ gồm có bảy chữ: **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh**. Chỉ nội trong 7 chữ này đây chúng tôi cũng học được rất nhiều rồi !☺ ☺!

Theo Đại sư Thanh Lương Trùng Quán, vị Tổ thứ 2 của Tông Hoa Nghiêm, thì định nghĩa của bảy chữ này như sau:

Đại = thể tánh, bản chất, biểu thị cho *Thế đại*. Đại ở đây không có nghĩa lớn (*đối với nhỏ* Đại ở đây là *Bát Tu Nghì Giải Thoát Cảnh Giới*, cũng là *Chấn Tâm, Tự Tánh, Phật Tánh*, là *Bản Lai Diện Mục* vốn sẵn có trong mỗi chúng sanh; Chỉ khác về mặt hiện tượng: tâm chư Phật thì bao la như hư không còn tâm chúng sanh thì nhỏ xíu, hẹp hòi ích kỷ.

Vì vậy, Phật thì tự tại, ra vào tự do, thông dong trong ba cõi để cứu chúng sanh, còn chúng sanh thì phải theo sự dẫn dắt của nghiệp lực mà trôi lăn trong ba cõi sáu đường. Đó cũng chính là lý do Phật bảo: *Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành* vậy.

Phương = biểu thị cho *Tướng Đại*

Phương có 2 nghĩa là *Chánh* và *Pháp*

- **Chánh**: là mục tiêu tu tập không sai một mảy may- hoàn toàn đúng với lời dạy của chư Phật.

Thực tiễn hành động: Sau khi phát khởi chí nguyện đại thừa, Thắng Man đã đưa ra một chương trình hành động cụ thể mà người nữ có thể thực hiện được. Thắng Man cũng nói rõ không vì riêng mình mà thực hành 4 nhiếp sự. Đây là bài học thứ 3 của Anh Chị Em chúng tôi: Không phải chỉ có giới thanh niên trí thức (*điển hình là Thiện tài Đồng Tử, trong Kinh Hoa Nghiêm*) hay chỉ có giới cư sĩ cao niên (*điển hình là Duy Ma Cật*) với cuộc sống phóng khoáng thông dong, không câu nệ hình sắc danh tướng, mới thực hành bồ tát đạo một cách hiệu quả, mà Thắng Man phu nhân với tất cả ràng buộc của thân tình, với nhiều bổn phận: Làm con, làm dâu, làm mẹ, làm vương phi v.v..cũng vẫn thực hành Bồ Tát đạo bằng cung cách trang nhã khiêm cung của mình, bằng từ ái, thương yêu, không bỏ qua bất cứ một cơ hội đem vui cứu khổ nhỏ nhặt nào, từ sự quan tâm săn sóc lo lắng cho những người cô quả, cô cút, yếu hèn thấp kém cần nâng đỡ, cho đến những sinh hoạt của đoàn thể, cộng đồng, Tăng thân tu học v.v..

Sở học bao la: Tư tưởng chủ đạo của Kinh Thắng Man được đặt căn bản trên thuyết Như Lai Tạng, cũng giống như trong Kinh Lăng Già và Luận Đại Thừa Khởi Tín. Như Lai Tạng là tự tánh thanh tịnh sẵn có trong mỗi chúng sanh; Như Lai Tạng cũng chính là cái thức tánh, luôn thúc đẩy chúng ta chạy đuổi theo dục vọng hư huyền bên ngoài. Để đạt đến sự tin tưởng vững chắc và hiểu biết sâu xa về Như Lai Tạng, phu nhân Thắng Man khởi đi từ nhận định về thực trạng của sinh tử.

Sinh tử xuất hiện dưới 2 hình thái:

Chí nguyện đại thừa: Hiểu được bằng lý trí rằng “*Phật tánh bình đẳng trong tất cả chúng sanh*” vốn không phải là khó, anh chị em chúng ta ai cũng có thể hiểu được, nhưng có đức tin mãnh liệt, kiên quyết thể hiện để thành tựu thì chưa chắc hàng thánh giả đã cho là dễ; Bởi vì ngay như tôn giả Xá Lợi Phất là một đại đệ tử Phật, sau khi chứng đắc A La Hán vẫn còn than trách căn tánh thấp kém của mình, vì trước đây đã không gieo hạt giống đại thừa, không đi theo Bồ Tát Đạo, con đường của Như Lai, để có thể thành tựu phẩm tánh siêu việt của Như Lai, để có đủ khả năng giáo hóa chúng sanh; tôn giả đã than rằng:

Tôi ở nơi hang động,
Trong rừng dưới gốc cây,
Hoặc ngồi, hoặc kinh hành
Thường tư duy việc ấy.
Hỡi ôi, đáng trách thay!
Tại sao tự coi thường
Chúng ta cũng Phật tử
Cũng nhập pháp vô lậu
Nhưng vị lai không thể
Diễn thuyết Đạo Vô Thượng.

Ở đây Thắng Man phu nhân phát khởi chí nguyện đại thừa - đúng là một biến cố vĩ đại. Thắng Man không phải chỉ mong được học hỏi và thấu triệt vô biên Phật Pháp, mà còn hứa tự mình gánh vác trách nhiệm lớn lao là: giáo hoá chúng sanh cũng như, sẵn sàng xả bỏ thân mạng vì sự tồn tại của chánh pháp, và vì lợi ích của tất cả chúng sanh.

- **Pháp:** là phương pháp; phương pháp để thành Phật, phương pháp chứng quả. Y theo phương pháp này mà tu thì nhất định có thể khế nhập *Nhất Chân Pháp Giới*, Thiên Tông gọi là *Minh Tâm Kiến Tánh*

Quảng = biểu thị cho *Dụng đại*; Dụng cũng có hai nghĩa là *Bao trùm* và *Biến khắp*

- **Bao trùm:** là tâm lượng bao trùm thái hư

- **Biến khắp:** là biến hiện khắp pháp giới (*chữ biến này hiểu theo nghĩa mà chúng ta thường nghe . . . biến pháp giới quá hiện, vị lai chư Phật*) hay trong *chư biến pháp giới* - trong Nhân có Quả, trong Quả có Nhân hay *Nhân bao trùm biến Quả, Quả thấu triệt nguồn Nhân*.

Thể - Tướng và Dụng tuy ba mà một, tuy một mà ba. Sự tạo tác khởi tâm động niệm của chư Phật hay của chúng sanh cũng đồng biến khắp pháp giới.

Vì vậy, chúng ta phải cẩn trọng không chỉ trong lời nói, việc làm mà cả với từng niệm khởi lên trong tâm ta. Đoạn ác tu thiện - chính là khi khởi tâm động niệm cũng không rời ba đặc tính chí thiện của Tâm vừa nêu trên (Đại - Phương - Quảng).

Phật: là Phật đà = Giác - Tự giác, Giác tha, giác hạnh viên mãn (*Anh Chị Em chúng tôi không khai triển nhiều về chữ Phật nữa*)

Hoa: Hoa được dụ cho nhân đại (*quả đại là Phật*) tiêu biểu cho Pháp.

Hoa có 2 nghĩa :

1. Hoa= là biểu thị cho Lục Độ vạn hạnh của Bồ tát. Một Hạnh là tất cả sáu Hạnh (*ví dụ trong Bộ Thí Ba La Mật bao gồm cả Trì Giới, Nhẫn Nhục, Thiền Định, Tinh Tấn, Trí Huệ*)

2. Hoa= trang nghiêm các tướng = hoa đức hạnh= hoa trí tuệ (*hoa đức hạnh và trí tuệ là loài hoa đẹp nhất, không tàn phai*).

Người tu hành trang nghiêm thân tâm mình bằng từ bi và trí tuệ chứ không dùng hương hoa xông ướp như thường tình.

Nghiêm: biểu thị cho Trí đại, tức trí huệ chân thật. Dùng công đức trang nghiêm của tự thân để trang nghiêm Phật pháp, nghĩa là bằng công phu tu tập của bản thân, chân chính thực hành công hạnh để có thể *thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ* (sở dĩ thế giới này loạn động, chúng sanh khổn khổ, ấy là tại chúng ta tu hành chưa rốt ráo, hay nói theo ngôn ngữ Hoa nghiêm là: vì không khéo nhập Đại - Phương - Quảng, nên không thể chứng đắc Phật Hoa Nghiêm vậy !)

Kinh: biểu thị cho Giáo đại (*giáo học rộng lớn*) Trong phẩm Nhập Pháp Giới sẽ học sau này, Thiện Tài Đồng Tử đã theo học với khắp các vị thiện tri thức (53 vị) về mọi lãnh vực, các vị thầy này ở đủ mọi tầng lớp trong xã hội; giáo dục Phật giáo là một nền giáo dục rộng khắp mà đối tượng là tất cả chúng sanh trong các cõi. Cho nên muốn thực hành Bồ tát đạo để giáo hóa chúng sanh, thì chúng ta phải học suốt đời vì biển học mênh mông.

(Nhật); sau khi Kinh này được chú giải, Nữ hoàng của Nhật (*Suy Cổ Thiên Hoàng*) và các cung nữ thọ 10 đại thọ ! Đây là bài học thứ 2 đầy ý nghĩa mà anh chị em chúng tôi học được nhưng không thực hành được. Thật vậy, ở nước Nhật - Kinh vừa được chú giải xong là nữ hoàng và cung nữ thọ 10 đại thọ liền, còn mình đã học kinh Thắng Man, lại có sách dịch thật hay của sư phụ Tuệ Sỹ nữa mà chưa ai dám thọ 10 đại thọ !! ☺☺ !!

5) Thắng Man Kinh Số nghĩa Tư Sao: Khi bản chú giải của Thánh Đức Thái Tử được truyền vào Trung Hoa thì Minh Không đời Đường (772) dựa theo đó viết số nghĩa này.

6) Thắng Man Như Nhân Hội: Bồ Đề Lưu Chi dịch phần lớn các Kinh thuộc Đại Bảo Tích; bộ này gồm 49 hội, 120 quyển; Thắng Man thuộc hội 48, được gọi là Thắng Man Như Nhân Hội.

7) Thắng Man Giảng Luận: bản Việt dịch và giảng của Thầy Tuệ Sỹ ,Thầy căn cứ chính yếu vào bản Hán của Cầu Na Bạt Đà La và đối chiếu với các bản khác, đặc biệt với bản của Bồ Đề Lưu Chi có những điểm khác biệt, Thầy đều ghi chú rõ ở phần chú thích của mỗi chương.

II. TƯ TƯỞNG CHỦ YẾU:

Tư tưởng chủ yếu của phần mở đầu này gồm có 3:

- Chí nguyện Đại thừa
- Thực tiễn hành động
- Sở học bao la

thấy được sự rộng không của vạn hữu, bỏ tất không hề nhằm chán thế gian mà vẫn dùng phương tiện trí để điều dắt giáo hoá chúng sanh vì lòng đại bi thương xót chúng sanh. Vì phải cứu độ chúng sanh nên bỏ tất không ngại ra vào sinh tử luân hồi như chúng sanh, nhưng đó là nguyện, là phương tiện, không phải nghiệp.

Chữ “Đại” có nghĩa là phổ biến và bao quát.

5) **Phương Quảng**: Kinh này được gọi là “Phương Quảng Kinh” vì:

- Đây là một bản kinh Đại thừa,
- Nội dung bao hàm rộng lớn của Kinh
- Căn cứ cho lợi ích và an lạc cho tất cả chúng sanh

LỊCH SỬ TRUYỀN DỊCH

Bản Hán dịch của Kinh này là của Pháp sư Đàm Ma (397-418) hiện nay không còn tìm thấy nữa. Bản dịch kế đó là của Cầu Na Bạt Đà La (424-453) ; hiện nay có 7 bản chú giải, dịch, chú giải, giảng luận v.v..

1. **Thắng Man Bảo Khố**: Của Cát Tạng, người chuyên học Trung Luận và phát triển tư tưởng tánh Không của Long Thọ.

2. **Thắng Man Nghĩa Ký**: Của Tuệ Viễn đời Tỳ, bản chú giải này chỉ còn đến hết chương III.

3. **Thắng Man dịch Thuật ký**: Của Khuy Cơ đời Đường; Sư là một đệ tử xuất sắc của ngài Huyền Trang, chuyên xiển dương tông chỉ Duy Thức của Vô Trước và Thế Thân.

4) **Thắng Man Kinh Nghĩa**: Sớ của Thánh Đức Thái Tư

Bài học hôm nay có lẽ là bài ngắn nhất trong bốn bài học về kinh Hoa Nghiêm. Đến đây là xong phần giảng nghĩa đề Kinh và Anh chị em chúng tôi đưa ra những bài học cho tự thân như sau:

- Thế giới của Hoa Nghiêm là thế giới của ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ và tình thương. Vì vậy chúng ta học kinh Hoa Nghiêm cũng phải chuẩn bị mình như thế nào mới có thể hiểu được ngôn ngữ của thế giới này, thế giới của hàng Bồ tát, trong đó không có mặt tham ái, chấp thủ.

- Mỗi khi nói đến *Hoa* ta nghĩ đến Hoa Nghiêm và mấy câu thơ trong hai bài kệ *Cất Hoa và Cắm Hoa* của thầy Nhất Hạnh:

*Hoa là vị Bồ tát,
Làm đẹp cho cuộc đời*

Và:

*Trang nghiêm Tịnh Độ
Nơi cõi Ta Bà
Đất tâm thanh tịnh
Hiển lộ ngàn hoa.*

Trong thế tánh Chân Như không có chủ thể và đối tượng, không có ta hay chúng tôi. Vì ta cũng chính là chúng tôi: **Một là Tất cả, Tất cả là Một**; Một sát na cũng là thiên thu bất tận và một hạt cát cũng là tam thiên đại thiên thế giới; Tất cả những điều kỳ diệu này tất nhiên là mắt trần và lòng trần không thể thấy và cảm nhận được, bởi vậy phải mở rộng con mắt trí tuệ và mở rộng tấm lòng từ bi mình ra. Đó chính là ý nghĩa hai chữ bừng sáng đặc tính của thế giới Hoa Nghiêm vậy.

• Trong thế tánh Chân Như, chỗ nào cũng có Phật. Phật và chúng sanh có sự tương cảm nhiệm màu, như lưới trời Đế Thích phản chiếu ánh sáng làm hiển bày ra vô số chư Phật và chư Bồ tát, nơi nào cũng có Phật và Bồ tát sẵn sàng lắng nghe để cứu chúng sanh thoát khổ.

Nếu chúng ta mở được con mắt Từ Bi và Trí Tuệ ra thì một lúc nào đó, ở một nơi nào đó, ta có thể cũng có khả năng cứu khổ những người quanh ta bằng tình thương từ nơi chính mình.

• Bước vào thế giới Hoa Nghiêm tức là vào một thế giới không có quá khứ - vị lai, chỉ có hiện tại (= *liện tại miên viễn*) Cảnh giới tối cao của Thiền. Chúng ta có biết bao nhiêu bài học về cuộc đời của một vị Thiền sư:

Ngài đi vào cuộc đời như một người bình thường, làm ăn chăm chỉ như chúng ta, không khoa trương hoạt cảnh Hoa Nghiêm ra ngoài, mà để nằm trọn vẹn trong mình, chỉ có Phật mới nhận ra Ngài.

Những bài học đầu tiên trong kinh Hoa Nghiêm của chúng tôi là *như vậy*. Mong rằng lần học kế tiếp chúng tôi cũng có thể tiếp nhận Hoa Nghiêm như lần đầu, không bị *choáng ngợp* vì *giáo lý trùng trùng duyên khởi* của bộ Kinh đặc biệt này.



là cho tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, vì Phật tánh vốn bình đẳng trong tất cả chúng sanh. Vì thế, chí nguyện và trách nhiệm Đại thừa vẫn có thể được một người nữ Phật tử như Thắng Man phu nhân đảm trách một cách trọn vẹn.

2) **Sư Tử Hống:** mấy chữ này thường thấy trong các Kinh là “tiếng rống của con sư tử” được dùng để chỉ cho tiếng nói của đại trí có các ý nghĩa sau:

- *Quyết định thuyết:* Lời nói chắc thật, đúng với việc làm.
- *Vô úy thuyết:* Nói với sự xác tín, không do dự, không sợ hãi.
- *Như thuyết tu hành:* Thực hành, tu tập đúng như chánh pháp.

3) **Nhất Thừa:** Ý nghĩa như chữ nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa, đó là giáo lý của đức Phật chỉ có một mục đích duy nhất là dẫn chúng sanh đến giải thoát và giác ngộ như Ngài.

4) **Đại Phương Tiện:** cũng thường được gọi là “phương tiện quyền xảo” là khả năng thuyết giảng, hướng dẫn sao cho thích hợp với căn cơ trình độ của mỗi chúng sanh.

Bồ tát đạo được thực hiện trên nền tảng Đại Trí và Đại Bi hay Đại Hạnh; Với đại trí, Bồ tát học tập quán sát để nhìn suốt được bản tánh chân thật của vạn pháp, thấy được rằng thế giới này xuất hiện như bọt bong bóng, như sương khói, như ánh chớp, như chiêm bao ... nghĩa là thấu suốt lý duyên khởi; nhưng mặc dù

I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH VÀ LỊCH SỬ TRUYỀN DỊCH:

Điểm đặc biệt cuốn hút Anh Chị Em chúng tôi là phần giải thích đề Kinh: Có tất cả 15 tên gọi khác nhau mà đức Phật đề ra cho Kinh này! Tên nghe rất dài mà không thể “ước lược” được; đề Kinh thông dụng tổng hợp tất cả những chữ quan trọng trong các đề khác nhau ấy, đó là: Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh.

Chỉ cần giải thích đề Kinh, đi sâu vào chi tiết thì chúng ta hiểu được “thân thế và sự nghiệp” của Thắng Man phu nhân luôn! Đây là bài học thứ nhất của anh chị em chúng tôi trong buổi học hôm nay, gồm nhiều bài học nhỏ.

Thắng Man phu nhân là con gái của vua Ba Tư Nặc và Mạt Lợi phu nhân; Thắng Man là vương phi của vua Hữu Xứng. Vua Ba Tư Nặc và Mạt Lợi phu nhân là 2 đệ tử tại gia của đức Phật Thích Ca. (*Thắng Man tiếng Phạn có nghĩa là tràng hoa của sự tốt đẹp, thánh thiện.*)

GIẢI THÍCH CHI TIẾT ĐỀ KINH

1) **Thắng Man** : có 2 ý nghĩa (*thực tế và tượng trưng*)

- *Thực tế*: bản kinh này do Thắng Man phu nhân nói.
- *Tượng trưng*: Thắng Man phu nhân là nhân cách tượng trưng cho tinh thần tuyệt đối bình đẳng của Đại thừa: Bồ tát đạo không phải là con đường dành riêng cho các hàng thánh giả, cho các vị xuất thế hay cho một hạng người đặc biệt xuất chúng nào, mà

KINH HOA NGHIÊM (tiếp theo)

- Sơ Lược về Triết Lý Hoa Nghiêm -



Hôm nay Anh Chị Em chúng tôi mới được thực sự đi vào giáo lý Hoa Nghiêm. Trước hết, chúng ta phải lược sơ qua "Lịch sử thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm" cũng như nguồn gốc kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta chưa đề cập tới được trong bài học trước (*chỉ mới bàn qua về tên Kinh*) .

Theo truyền thuyết của Phật Giáo Đại thừa và cũng theo Đại sư Trí Khải (538-597) sau khi thành đạo, chưa vội rời Bồ Đề đạo tràng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni với Pháp thân Tỳ Lô Giá Na, cùng chư đại Bồ Tát chúng giải thoát môn, tuyên thuyết kinh Hoa Nghiêm để hóa độ hàng thượng thừa Bồ tát; sau đó mới đến hàng nhị thừa, nhưng vì giáo lý Hoa Nghiêm quá cao, nên Ngài phải giảng hạ thấp xuống cho hợp với căn cơ của chúng sanh.

Lịch sử thuyết giảng Kinh của đức thế Tôn vì vậy, được chia làm 5 thời :

1. **Thời Hoa Nghiêm**: 21 ngày, giảng về sự hình thành của vũ trụ vạn hữu để độ cho hàng thượng thừa Bồ tát.

2. Thời Lộc Uyển (tức thời A Hàm): 12 năm, giảng các bộ kinh A Hàm, giảng về Tú Diệu Đế, 12 nhân duyên, 37 phẩm trợ đạo v.v.. để độ cho hàng Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác)

3. Thời Phương Đẳng: 8 năm, giảng về giáo nghĩa tánh Không, Như Lai Tạng, Chân Như qua các kinh Lăng Già, Duy Ma Cát, Lăng Nghiêm, Thắng Man v.v.. để độ cho hàng sơ phát tâm Bồ tát.

4. Thời Bát Nhã: 22 năm, giảng về chân lý Không của vạn pháp qua các bộ kinh Bát Nhã và Kim Cương để độ cho hàng quyền thừa Bồ Tát

5. Thời Pháp Hoa và Niết Bàn: 8 năm, xác nhận Phật tánh vốn có trong mọi chúng sanh và ai cũng có thể thành Phật trong tương lai, không phải chỉ những người có căn bản trí tuệ mới thành Phật được, qua các bộ kinh Pháp Hoa và Niết Bàn.

Nói riêng về Kinh Hoa Nghiêm, đã có 9 Hội giảng kinh Hoa Nghiêm tại 7 địa điểm khác nhau:

1. **Hội thứ nhất tại Bồ Đề Đạo Tràng** do Bồ tát Phổ Hiền làm hội chủ.

2. **Hội thứ hai tại điện Phổ Quang Minh** do Bồ tát Văn Thù làm hội chủ.

3. **Hội thứ ba tại cung Trời Đao Lợi** do Bồ tát Pháp Tuệ làm hội chủ.

4. **Hội thứ tư tại cung Trời Dạ Ma**, Bồ tát Công Đức Lâm là hội chủ.

KINH THẮNG MAN (cũ)	THẮNG MAN GIẢNG LUẬN (mới)
Chương III: Chí Nguyện Bồ Tát	Chương IV: Bồ Tát Nguyện
Chương IV: Sứ mệnh của hành động	Chương V: Bồ Tát Hành
Chương V: Cứu Cảnh của Bồ Tát Đạo	Chương VI: Cứu Cảnh của Bồ Tát Đạo
Chương VI: Các Chủ đề tư tưởng	Chương VII: Thánh Đế và Niết Bàn
(Sách cũ đến đây là hết)	Chương VIII: Như Lai Tạng
	Chương IX: Pháp Thân
	Chương Kết: Thắng Man: Nhân Cách Lý Tưởng

Như vậy, chúng ta thấy rằng trong cuốn sách mới, Thầy đã khai triển nhiều về “Các chủ đề tư tưởng.” Do đó, chúng tôi xin ghi lại lịch trình học Kinh trước đây và phần bổ sung ở các Chương mà sau này chúng tôi đã thu thập thêm được.

Buổi học thứ nhất gồm chương mở đầu và chương I với những vấn đề chính:

- Giải thích đề Kinh và lịch sử truyền dịch
- Tư tưởng chủ yếu
- Bồ đề tâm.

chúng sanh. Khi nói đến từ bi là nhớ đến đức Quán Thế Âm, mình làm sao mà thương tất cả chúng sanh như bồ tát Quán Thế Âm được ? nghe to tát quá, khó làm quá, thế cho nên tu chọn chữ “tình yêu” thay cho chữ “từ bi” vậy!”

Thật là đơn giản, làm chúng tôi nhớ đến câu kết của kinh Thắng Man: Chí nguyện Đại thừa, mặc dù là chí nguyện cao cả, thậm chí bậc đại trượng phu không thể dễ dàng đảm đương, nhưng chí nguyện ấy cũng vô cùng đơn giản, thậm chí trẻ thơ bảy tuổi cũng có thể hiểu và cũng có thể biểu hiện bằng hành động cụ thể.

Xin trở lại với những buổi học Kinh Thắng Man của anh chị em chúng tôi.

Cũng như những buổi học Kinh trước, chúng tôi đi vào các bài học mà anh chị em đã thu thập được khi đọc các phẩm Kinh ...nhưng như đã thưa trên đây, bài này được ghi lại ở thời điểm mà cuốn “Thắng Man Giảng Luận” của Thầy đã được soạn lại, nên xin có một ghi chú về sự khác nhau giữa 2 cuốn Kinh tạm gọi là “bản nháp” và bản đã hoàn thành của Thầy.

KINH THẮNG MAN (cũ)	THẮNG MAN GIẢNG LUẬN (mới)
Chương mở đầu: Giới thiệu tổng quát	Chương I: Giới thiệu tổng quát.
Chương I: Bồ Tát Tâm, và Quy Y.	Chương II: Bồ Đề Tâm và Quy Y
Chương II: Bồ Tát Giới	Chương III: Bồ Tát Giới

5. **Hội thứ năm tại cung Trời Đâu Suất**, Bồ tát Kim Cương Tràng là hội chủ.

6. **Hội thứ sáu tại cung Trời Tha Hóa**, Bồ tát Kim Cương Tràng là hội chủ.

7. **Hội thứ bảy, tại điện Phổ Quang Minh**, đức Thế Tôn là hội chủ.

8. **Hội thứ tám tại điện Phổ Quang Minh**, Bồ tát Phổ Hiền là hội chủ.

9. **Hội thứ chín tại rừng Thệ Đà**, do đức Thế Tôn và thiện hữu đều là hội chủ.

Cũng theo truyền thuyết, trong 9 hội Hoa Nghiêm này, đức Thế Tôn chỉ giảng vài phẩm (*A Tăng Kỳ, Như Lai Tùy Hảo Quang Minh Công Đức*) mà thôi.

Về nguồn gốc kinh Hoa Nghiêm, sau khi đức Phật nhập diệt khoảng 600 năm, do Long Thọ Bồ tát (*Nāgārjuna*) kinh Hoa Nghiêm mới được lưu truyền bằng Phạn văn. Mặc dù đạo Phật được truyền vào Trung Hoa từ thế kỷ thứ 1 nhưng bộ kinh Hoa Nghiêm phải 300 năm sau mới chính thức được dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán, do các Ngài Phật Đà Bạt Đà La (*Buddhabhadra*) người Bắc Thiên Trúc đến Trung Hoa vào đời Đông Tấn (317- 419) Ngài Thật Xoa Nan Đà (*Sikasananda*) người nước Vu Điền (*Kotan*) và Ngài Bát Nhã (*Prajna*) người nước Kế Tân (*Kaboul*) đến Trung Hoa vào đời nhà Đường (618-907). Ngoài ra còn những bộ Luận, Sớ giải, Vấn đáp, Huyền ký v.v.. luận giảng về nghĩa lý kinh Hoa Nghiêm có giá trị đặc biệt của các Ngài Đỗ Thuận Thuyết, Trí Nghiễm, Pháp Tạng, Trùng Quán (*Thanh Lương*) Tuệ Uyển, Tông Mật (*Khư Phong*) v.v..

Ở nước ta, bộ Kinh này không hiểu được truyền vào từ thời nào nhưng Thầy Trí Tịnh đã dịch ra tiếng Việt từ năm 1965 và Thầy có dặn muốn nghiên cứu đầy đủ hơn thì xem thêm bộ Hoa Nghiêm Đại Số của Tổ Thanh Lương và Thập Huyền Môn của Tổ Hiền Thủ.

(Anh Chị Em chúng tôi, một câu chữ Hán cũng không viết nổi, và thấy 4 cuốn Kinh Hoa Nghiêm này cũng đủ khiếp rồi, chỉ mong đọc từ trong này mà hiểu được phần nào giáo lý Hoa Nghiêm là thấy an ủi mãn nguyện, chưa có dịp thấy được mấy cuốn Kinh, mà Thầy bảo đọc thêm nữa! ! ☺ ☺ !!)

Về nội dung triết lý kinh Hoa Nghiêm, Anh Chị Em chúng tôi nhắc nhở nhau (*như đã biết ở lần học đầu tiên*): Giáo nghĩa Hoa Nghiêm được đức Phật và chư pháp thân đại sĩ thừa oai thần của Phật tuyên dương nên *cảnh giới Hoa Nghiêm là cảnh giới bất tư nghì giải thoát*, nên mỗi lời, mỗi câu trong Kinh đều lấy *toàn thể pháp giới tánh* làm lượng, nên tất cả Giáo, Lý, Hạnh, Quả nơi đây đều dung thông vô ngại, nên cũng gọi là *Vô Ngại Pháp Giới*.

Muốn đi vào thế giới *trùng trùng duyên khởi* của Hoa Nghiêm mà không bị lạc đường, chúng ta cần phải biết bốn Pháp giới và sáu tướng.

Bốn pháp giới cũng là bốn cấp bậc mà hàng Đại thừa Bồ tát tuần tự tu chúng, đó là:

1. Lý vô ngại pháp giới
2. Sự vô ngại pháp giới
3. Lý sự vô ngại pháp giới
4. Sự sự vô ngại pháp giới

tương tự, mà chính là do bởi chí nguyện cao cả và hành động thực tiễn của chí nguyện ấy.

Cuốn “Thắng Man Giảng Luận” mà sư phụ Tuệ Sỹ dịch giải sau này được in ra rất nhiều từ những năm 2000; Vì vậy, những bài viết này cũng được bổ sung nhiều chỗ. Có một kỷ niệm vui giữa Thầy và anh chị em trại Vạn Hạnh 2 chúng tôi xin kể ra đây: Khi chúng tôi học bộ Kinh này, Thầy đang còn “*du hí tam muội*” ở những nơi rất xa, nên có thắc mắc gì không thể chạy đi tìm Thầy để hỏi, như hồi Thầy đang còn ở Già Lam; vì vậy chúng tôi hẹn sẽ hỏi Thầy ngay khi được gặp lại.

Năm 1999 gặp lại Thầy chúng tôi hỏi ngay: *Thầy ơi, tại sao những chữ “từ bi” trong kinh Thắng Man Thầy đổi thành “tình yêu” hết hử Thầy? Tình yêu là “love” còn từ bi là “compassion”; tình yêu là nhỏ hẹp như ao hồ, còn từ bi là rộng lớn như biển cả, tình yêu là đầy ngã tính, còn từ bi là vô ngã, tình yêu là ích kỷ nhỏ nhen ghen tương hờn giận, còn từ bi là đem vui cứu khổ, coi cái đau của người là cái đau của mình v.v..*

Các Bạn có biết Thầy trả lời sao không?

Thầy để cho chúng tôi nói cho “*đã*” rồi Thầy mới ung dung nói rất hiền lành và dễ thương rằng: “*Các anh chị có lý, tui không cãi các anh chị, nhưng tui nói lý do tại sao tui dùng “tình yêu” mà không dùng “từ bi.” Trước hết, tình yêu không cứ là tình yêu nam, nữ nhỏ hẹp, mới gọi là tình yêu đầu (tình yêu quê hương xứ sở, tình yêu thiên nhiên, tình yêu nhân loại ...) thứ nữa, mình thương một vài người, một nhóm người v.v.. thì dễ hơn là thương tất cả*

Cũng như những bộ Kinh trước, Kinh này được học từ những năm 80 nhưng bây giờ mới ghi lại, tuy nhiên riêng Kinh này, hồi đó chúng tôi học bằng cuốn Kinh “mỏng tanh” của Thầy Tuệ Sỹ giảng (có trước năm 75) cuốn sách mà Thầy bảo là “Mới hoàn tất phần đại cương nhưng phải tạm thời xếp vào giá sách, vì người viết đi theo định nghiệp của mình hay của cả dân tộc ?”

Cuốn Kinh này hồi đó rất khó kiếm, cái tên nghe cũng rất lạ tai và khi đi vào nội dung thì hết sức hứng thú, bởi vì lâu nay những người nói Kinh hay đại diện thính chúng thưa hỏi với đức Phật toàn là nam giới, như ngài Vô Tận Ý Bồ Tát, ngài Tu Bồ Đề, ngài Văn Thù Sư Lợi, ngài A Nan, Thiện Tài Đồng Tử, v.v..nay là một phụ nữ, là Thắng Man phu nhân, một người phụ nữ vương giả mà dám “đăng đàn thuyết pháp” về Như Lai Tạng, về giáo lý đại thừa, nói đến đâu thì được đức Phật khen đến đó, thật là chuyện hy hữu đối với đất nước Ấn Độ nói riêng và trong những xã hội Á Đông nói chung, xã hội có truyền thống “trọng nam khinh nữ.”

Một điều kỳ diệu hơn nữa là sự tương thông tâm linh giữa đức Phật và Thắng Man phu nhân: ngay khi Thắng Man phu nhân nghĩ đến Ngài, thì Ngài hiện tiền ngay, dù đức Phật chưa từng rời khỏi tinh xá và Thắng Man phu nhân cũng chưa rời hoàng cung . . . Một lần nữa, chúng ta nhận ra rằng Thắng Man phu nhân quả thật đại diện cho một nhân cách vĩ đại; nhân cách vĩ đại ấy không phải do nơi địa vị cao sang của một vị vua, hay một hoàng hậu, hay một đấng nam nhi ... hay những gì

Trong thế gian, mọi sự vật hiện tượng được bao gồm trong bốn loại pháp giới (*Tứ pháp giới - vừa kể trên*) và sáu dạng xuất hiện (*Lục tướng*).

Mỗi pháp đều có đủ 6 tướng :

Tổng tướng - Biệt tướng - Đồng tướng - Dị tướng -Thành tướng - Hoại tướng.

Ta thường nghe gọi tắt là **Tổng-Biệt, Đồng-Dị, Thành - Hoại.**

Anh Chị Em chúng tôi lần lượt trình bày trước Chúng những điều thu thập được từ ngũ tứ pháp giới và lục tướng này. Trước hết là:

•Sự Pháp Giới: sự pháp giới là thế giới của tự nhiên, bao gồm mọi hiện tượng, sự vật của trời đất, vũ trụ, vạn vật. . . tất cả biểu dương sức sống mãnh liệt khởi lên từ một nguồn năng lượng duy nhất là Chân Như. Sở dĩ gọi là pháp giới vì các pháp đều có tự tánh riêng (*bình đẳng, tính chất, kích thước, trọng lượng v.v..*) nhưng khi dùng trong nghĩa rộng, pháp giới là vũ trụ rộng lớn, là không gian bao la.

•Lý Pháp Giới: là bản thể - là thể tánh chân thật của tất cả các pháp, còn nhiều tên gọi khác như là: **pháp giới tánh, chân như, pháp thân, thực tướng, bản thể chân không của vạn pháp, hay bản lai diên mục** của mỗi chúng sanh.

•Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới: là thế giới của hiện tượng và thế giới của bản thể không mâu thuẫn, ngăn ngại nhau.

Sự nhờ Lý mà thành, Lý nhờ Sự mà hiển bày. Trong Lý có Sự, trong Sự có Lý. Sự là sắc; Lý là không.

Nói rằng: *Lý Sự vô ngại* cũng đồng nghĩa với câu nói: *Tâm tức vật, Tinh thần tức vật chất ở thể loãng, mà vật chất là tinh thần ở thể cô đọng lại*, hay nói theo ngôn ngữ vật lý năng lượng là khối lượng [công thức của A. Einstein: E (năng lượng) = khối lượng \times (bình phương của tốc độ ánh sáng)].

Lý và Sự không chỉ là không ngăn ngại mâu thuẫn nhau mà còn không thể tách rời nhau, ví như sóng và nước; Thật vậy, ngoài nước làm sao có sóng? nước nổi lên thì thành sóng, sóng tan thành nước. Lý (chân không) và Sự (diệu hữu) đan nhau chằng chịt không thể tách rời nên mới nói "**Chân không chẳng rời diệu hữu**" Đó cũng là lý do mà chúng ta thường thấy chư Phật- đại diện là đức Thế Tôn của chúng ta- và chư Tổ không bao giờ trả lời có hay không, khi những kẻ ngoại đạo hỏi về Thượng Đế, sự hình thành của Vũ trụ, về nguyên nhân đầu tiên v.v.. mà các Ngài chỉ nói về Duyên Khởi, Thập Nhị Nhân Duyên.

Lý và Sự tuy hai mà một, tuy một mà hai, nên nói đồng hay dị đều không đúng, đó chỉ là 2 mặt của cùng một sự vật một hiện tượng hay một vấn đề.

Ví dụ, về mặt bản thể thì sóng chính là nước, nhưng trên mặt hiện tượng sóng không phải là nước; ta có thể nói rõ hơn bằng một ví dụ cụ thể: một chiếc tàu lướt đi nhẹ nhàng trên nước nhưng có thể bị chìm, vì sóng lớn, có phải không? Chơn Tâm (Tâm bình thường) là nước; và



KINH THẮNG MAN

Chương Một

“...Chí nguyện Đại thừa, mặc dù là chí nguyện cao cả, thậm chí bậc đại trượng phu không thể dễ dàng đảm đương, nhưng chí nguyện ấy cũng vô cùng đơn giản, thậm chí trẻ thơ bảy tuổi cũng có thể hiểu và cũng có thể biểu hiện bằng hành động cụ thể.

Chúng ta nhận ra rằng Thắng Man phu nhân quả thật đại diện cho một nhân cách vĩ đại; nhân cách vĩ đại ấy không phải do nơi địa vị cao sang của một vị vua, hay một hoàng hậu, hay một đấng nam nhi ... hay những gì tương tự, mà chính là do bởi chí nguyện cao cả và hành động thực tiễn của chí nguyện ấy...”

bài học “*chồng lên nhau*” nghĩa là trùng lặp, vì vậy chúng tôi quyết định kết thúc việc học bộ Kinh này ở đây.

Để nhớ đến người đã từng giảng Kinh Kim Cang cho Anh Chị Em chúng tôi ở đạo tràng Tuệ Uyển của Ni sư Thích Nữ Trí Hải, xin ghi vào đây mấy câu thơ của Ni Sư (trích trong bài *Sống Chết* - tập thơ “*Ngọa Bệnh Ca*”)

.....
*Ta như làn sóng nhỏ,
Giữa đại dương cuộc đời,
Sóng có khi còn mát,
Biển cả không đầy voi.*



tâm tham, tâm sân, tâm si, là sóng đó; phải không các bạn? Đó là lý do tại sao ta thường nghe nói "Phút trước là Ma, phút sau là Phật" vì tâm thanh tịnh là Phật mà tâm tham sân si là Ma rồi (*vì nó dẫn ta đi vào các đường ác!*)

Lý và Sự trong mỗi pháp đều viên dung vô ngại, nên trong vạn pháp cũng viên dung vô ngại - ví dụ như nước với sữa, có thể hoà tan vào nhau, tạo thành một thể duy nhất. Ấy gọi là *trạng thái tự tại vô ngại, viên dung*, trong cái thể *tương tùy, tương sinh, tương tức, tương nhập*.

Do đó, nếu chúng ta sống với điên đảo mộng tưởng, với tâm *đi tìm quá khứ, mơ ước tương lai* hay với tâm *chấp ngã, thị phi, luôn thấy có ta có người?* "người xấu - ta tốt, người dở - ta hay v.v.." thì tâm ta luôn bất an, phiền não, có khi đau khổ vì *yêu-ghét, kỳ thị, thù hận*. Vì thấy đủ thứ chướng ngại, sai biệt; Trái lại, nếu chúng ta tập nhìn cuộc đời với cái nhìn của Hoa Nghiêm, *thấy được tất cả chúng sanh đều đồng một thể tánh chơn thật* - đó là Phật tánh trong ta- thì ta sẽ không còn vướng vào vòng thị phi điên đảo làm tổn hại lòng từ bi và trí tuệ của ta nữa. Chúng ta sẽ *thấy ngay cái đồng cụ thể nhất của chúng sanh*, đó là "tham sống sợ chết, tham vui sợ khổ" Đó là lý do mà đức Khổ ng Tử đã dạy "Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác" (*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*) và Anh Chị Em chúng ta thì nhắc nhở nhau **mở rộng lòng thương tôn trọng sự sống hay sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ**. Quả thật hạnh phúc hay đau khổ đều do lối tư duy mà ra - vì chính là Ý chỉ đạo mọi hành động về thân và miệng đó mà!!

Vì Thế (*lý*) và Tướng (*sự*) và Dụng viên dụng, nên công dụng của vạn hữu biến hoá ra vô cùng màu nhiệm, kỳ diệu đến nỗi có nhiều *người trên thế giới này nghĩ rằng phải có bàn tay của một vị thượng đế hay thần linh tối cao mới làm phép thần thiên linh linh, địa linh linh, mới biến hoá ra được.*

Một khi biết được những đặc tính tương tùy, tương sinh, tương tức, tương nhập của vạn pháp và với cách nhìn được chỉ bày trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta không còn lạ lẫm với thế giới bùng sáng của Hoa Nghiêm ở cảnh giới Bất tư nghì giải thoát. Trong đó vắng mặt của tư duy đầy ngã tính thường tình, vắng mặt của tham ái và chấp thủ.

Thế giới quả nhiên là tuyệt vời và tươi đẹp biết bao khi chúng ta nhìn thấy được tất cả chúng sanh đều là Một và mỗi Một chúng sanh là Tất cả. Nghĩa là không còn ranh giới giữa Ta và Người, nước ta, dân ta và nước khác, dân khác v.v.. Có phải đó là lúc Thế giới hoà bình chúng sanh an lạc, không còn chiến tranh khủng bố, không còn trộm cắp giết người, không còn nhà tù, trại giam gì nữa cả, không còn cả địa ngục nữa, có phải không ?

Chữ **ngã** nhỏ xíu này mà có khả năng phá hoại hơn hàng triệu tấn thuốc nổ (*TNT*) Nó đã làm nổ nhiều vùng trên quả đất, làm nhiều triệu người chết do chiến tranh của kỳ thị, thù oán . . mà nó đã gây ra!

Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới : Giáo lý Hoa Nghiêm dạy rằng tất cả mọi pháp đều trống rỗng, rằng hai mặt của Không là Tĩnh (Lý) và Động (Sự) đều cùng lúc tồn tại,

Bất cứ việc làm gì, tốt đẹp hay không là do tâm của mình thôi; cuộc đời này cũng vậy, tự nó không tốt xấu gì cả, khi tâm chấp trước đủ thứ, thì chỗ nào cũng thấy kẹt, thấy ô nhiễm, ứ trước, còn khi tâm đã rời chấp thủ rồi thì mọi việc trở nên thoáng mát, nhẹ nhàng. Đức Phật xác nhận “*Khi tâm ta thanh tịnh ta thấy thế giới thanh tịnh.*” Ở đây, Anh Chị Em chúng tôi cũng nhắc lại với nhau 2 tâm nguyện của Bồ Tát là: Thượng cầu Phật đạo, Hạ hoá chúng sanh.

Bài học thứ 11: Giáo lý trong kinh Kim Cang dạy không tránh né cuộc đời; chỉ tránh tà kiến, tà tư duy mà thôi; Trái lại, cho ta niềm tin ở cuộc đời. Có người nói tụng kinh Kim Cang là “*đổ nghiệp*”, có người lại nói “*Kinh Kim Cang nói rằng 1 chút vô vi là thực, 1 núi châu báu hữu vi là không thật; 1 cái cùi tọt của hữu vi không bằng 1 chút xú của vô vi; như vậy thì bỏ hết mọi Phật sự, từ thiện v.v.. để đi nghe kinh Kim Cang và trì tụng Kim Cang (Công đức trì Kinh)!*” Nói như thế cũng là cố chấp quá rồi, oan cho kinh Kim Cang lắm (*tam thế Phật oan*). Tóm lại, Kim Cang dạy buông xả, rời khỏi chấp thủ bằng phương pháp thay đổi cách nhìn; ta sẽ thấy cuộc đời mới mẻ hơn, tươi mát hơn, tốt đẹp hơn , v.v..

Chúng ta thấy rằng ở đoạn 13 (*Như Pháp Thọ Trì*) phần lớn trong thính Chúng đã ngộ rồi -nghĩa là đã thức tỉnh – Vì vậy, mới nói Kinh này co giãn bao nhiêu cũng được (*600 cuốn Bát Nhã = 1 bài Bát Nhã tâm Kinh = 4 chữ “ngũ uẩn giai không*”); Vì vậy, muốn kết thúc ở đoạn 5 cũng được, mà kéo dài đến đoạn 32 hay dài hơn nữa cũng được, mà kết thúc ở đây (*đoạn 16*) cũng được. Anh Chị Em trong Chúng nhận thấy rằng, đã có những

cái ngã nó quá lớn! ai đụng tới thân mình, tên mình, gia đình mình, tổ chức mình v.v.. mình đều nổi sần hết! “Nếu không có cái ngã, thì không có sần hận” Đó là điều đáng nhớ.

Bài học thứ 9: Bồ Tát không trụ nơi sắc mà bố thí, không trụ nơi thanh, hương, vị ... mà bố thí.

Câu này cũng ý như “*bố thí chân chính là không thấy có người cho, người nhận, vật cho*” nói theo chữ nghĩa kinh Kim Cang là không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Nói cách khác, Bồ Tát (*người muốn tu Bồ tát đạo*) đừng chấp bất cứ gì, trong cuộc đời này, đó là tinh thần Kim Cang. Khi bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề xin đức Phật dạy cho mình pháp giải thoát, đức Phật nói: “*đừng chấp thủ bất cứ gì*”

Thật vậy, “Xả” buông, rời, lìa v.v.. tất cả thì sẽ được giải thoát khỏi đau khổ phiền não. Đây cũng là ý nghĩa câu bất hủ trong kinh Kim Cang: “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” đừng có trụ tâm vào chỗ nào cả! (*nghĩa là rời tất cả các chấp thủ {xem thêm trang 177}*)

Bài học thứ 10: “*Này Tu Bồ Đề, Như Lai được Pháp, pháp này không thật không hư*”. Pháp của Phật không kẹt 2 bên, đã lìa đối đãi, siêu việt cả hư thật, nên nói “*không thật không hư*” “*Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát trụ tâm nơi Pháp, mà làm bố thí thì như người đi vào trong tối (có mắt cũng không thấy được gì); nếu Bồ Tát tâm không trụ pháp, mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi (thấy rõ được các thứ hình sắc)*”

xuyên suốt vào nhau, không ngăn ngại. Mỗi hiện tượng đều đồng nhất với hiện tượng khác. Sự sự vô ngại pháp giới nói lên rằng mọi sự vật hiện tượng trong thế gian tuy thiên hình vạn trạng nhưng vẫn ăn khớp nhau, nương tựa lẫn nhau, dựa vào nhau mà có (**cái này có mặt vì cái kia có mặt, cái này sinh vì cái kia sinh, cái này diệt vì cái kia diệt**)

Ví dụ thời gian và không gian dung thông với nhau. Vật lý học cổ điển chia ra thời gian và không gian ra thành như là 2 đại lượng khác nhau, được đo bằng những đơn vị khác nhau; đơn vị của thời gian là giây đồng hồ (*second = sec.*) còn đơn vị của không gian là đơn vị của chiều dài (*centimet, mét, km, v.v..*).

Ngày nay, với khoa học tương đối của Einstein, với ngành vật lý không gian, với không gian Toán học n chiều. Người ta không còn tách riêng thời gian và không gian nữa. Thật vậy, ví dụ muốn nói về khoảng cách giữa mặt Trời, mặt Trăng hay một ngôi sao nào đó với quả đất, người ta không còn nói là mấy triệu triệu kilômét nữa mà nói là *mấy năm ánh sáng hay là mấy trăm năm, mấy triệu năm ánh sáng* - đó là khoảng cách mà ánh sáng phải mất thời gian bao lâu mới đi đến (*vận tốc ánh sáng là 300.000km/sec.*) Danh từ quang niên hay 1 năm ánh sáng là khoảng cách ánh sáng đi trong 1 năm (*1 năm = 365x 24x 3600sec*) vậy 1 quang niên hay 1 năm ánh sáng = $3000.000 \times 365 \times 24 \times 3600$ (km) = 9 triệu triệu km = 900 tỷ km.

Nói cách khác, giữa thời gian và không gian không còn ranh giới nữa, và bản thân chúng không còn là 2 đại

lượng khác nhau nữa. Ngoài ra như ta đã biết trong bài học (ở mục thứ 3) trên đây *Lý Sự vô ngại pháp giới*: năng lượng và khối lượng cũng chỉ là một nữa mà! Tương tự như vậy, vật lý học cổ điển với Descartes cho rằng ánh sáng được truyền đi theo đường thẳng, nhưng vật lý học hiện đại với Fresnel, Huyghens, Pflank v..v.. lại chứng minh rằng ánh sáng được truyền đi theo đường hình sin dưới dạng những làn sóng và những hạt (*photon*) nữa. *Thật ra ánh sáng đã có tự muôn đời, còn những lý thuyết về ánh sáng thì chỉ là những lối nhìn của những nhà khoa học*, như những người mù sờ voi, trong nhiều thế kỷ vẫn chưa rõ ràng được sự thật về ánh sáng. Tuy nhiên, ít ra cho đến nay người ta đã đi đến kết luận là những lý thuyết về ánh sáng không hề mâu thuẫn nhau ngăn ngại nhau vì sóng hay hạt, đường thẳng hay đường hình sin chỉ là hai mặt biểu hiện của ánh sáng mà thôi - đây là điều mà đức Thế Tôn đã thuyết giảng từ cách đây mấy ngàn năm trong *nội dung Sự Sự Vô Ngại của kinh Hoa Nghiêm* rồi vậy. ☺ ☺ !!

Về Lục Tướng: là sáu mối liên hệ giữa cái Tất cả (= *cái toàn thể*) và cái Một (= *cái riêng lẻ*) trên ba mặt Thể, Tướng và Dụng. Ngài Pháp Tạng (643- 712) đã đưa ra một ẩn dụ nổi tiếng để giải thích về 4 loại pháp giới và 6 tướng xuất hiện: đó là hình ảnh một con sư tử bằng vàng. Sư tử biểu hiện cho thế giới hiện tượng (*Sự*) Vàng là biểu hiện của bản chất (*Lý*) Vàng không có hình dáng nhất định nhưng xuất hiện dưới dạng nào cũng được. Ở đây:

Tổng tướng là toàn bộ các chi tiết làm thành một tướng trạng đồng nhất (*là toàn bộ con sư tử bằng vàng*)

Kinh này là gì, đức Phật trả lời:

“*đặt tên Kinh là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* và liền ngay sau đó, ngài phủ định: “*này Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba la Mật tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, ấy gọi là Bát Nhã Ba La Mật*”

Bài học ở đây là, làm tất cả mọi Phật sự lợi ích chúng sanh, nhưng không thấy mình có làm gì cả. Còn chúng ta thì sao? Không những làm 1 chút gì là kể công liền, mà có khi còn hợm mình là “*khai quốc công thân*” hay “*sứ quân*” xuất sắc nhất nữa, nghĩa là cái gì có ta vào là số 1 rồi, không thể khác được !

Bài học thứ 8: Câu chuyện tiền thân đức Phật kể: “*Khi ngài tu hạnh Nhẫn nhục Ba La Mật, thì vua Ca Lợi (Kali), 1 ông vua tàn bạo, đến hỏi Ngài có thật tu hạnh Nhẫn nhục Ba La Mật không, nếu vậy ông ta cắt thịt Ngài, chặt đứt tay chân Ngài, Ngài có giận không v..v.. Ngài nói “không!” thế là ông ta róc thịt, cắt tay chân ... máu chảy ròng ròng mà Ngài vẫn an nhiên không giận dữ, trái lại ông ta càng tức giận, vì có người dũng cảm như vậy (chuyện tiền thân này Anh Chị Em đều biết hết nên không ghi lại đây)*”

Bài học của chúng ta ở đây là: sở dĩ đức Phật an nhiên tự tại được, vì Ngài không còn thấy tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả nữa (*Ngài không thấy có Ngài bị cắt thịt, ông vua đang cắt v.v..*) Còn chúng ta bây giờ thì sao? Đừng nói là cắt thịt, nếu ai đến đánh ta 1 bạt tai, hay nắm tóc ta giật mạnh cho đứt tóc ... ta giận liền; không những giận, đôi khi còn đánh lại, mắng lại hay giật tóc họ lại v.v.. nữa!! Đó là tại chúng ta thấy

- f. Pháp nhãn Cao hơn một bậc nữa, là lối nhìn vạn vật với cái thấy rành rẽ; không những chỉ thấy thật tướng, mà thấy được cả thật tánh của các pháp. Đây là lối nhìn của các vị Bồ Tát.
- g. Phật nhãn Là lối nhìn bằng “con mắt của Phật,” đó là con mắt thấy hết, biết hết, có khả năng nhìn thấy xuyên suốt quá khứ, hiện tại, vị lai của tất cả mọi loài chúng sanh.

Bài học thứ 6: ở đoạn 14 “*Lia Tướng Tịch Diệt*”

Ngài Tu Bồ Đề rơi lệ đầm đìa; đó là vì Ngài xúc động mãnh liệt, khi nghe được lời Phật giảng; Ngài bảo rằng, lâu nay Tu Bồ Đề được đức Phật cho là có tuệ nhãn, nhưng chưa từng được nghe Phật nói Kinh sâu xa như thế, nghĩa lý vi diệu như thế ...(*Học Kinh, chúng ta nhớ phân biệt 2 loại khóc của các vị đại đệ tử Phật, họ khóc có khi là vì tủi buồn mình là con trưởng của đức Phật mà tâm lượng hẹp hòi, chí nguyện thấp bé, bị Phật coi là “chôi khô mọng lép” không lợi ích cho chúng sanh. Có khi họ khóc vì vui mừng, ví dụ như ở đây*)

Bài học thứ 7: Những đoạn Kinh sau vẫn luôn nhắc đi, nhắc lại những ý nghĩa về “*phá chấp*” ngay trong từng câu nói của Như Lai, ví dụ như: *Như lai nói đệ nhất Ba La Mật, tức không phải đệ nhất Ba La Mật ấy gọi là đệ nhất Ba La Mật; Như Lai nói Bồ thí, tức không phải Bồ thí, ấy gọi là Bồ thí; Như Lai nói Nhãn nhục Ba La Mật tức không phải Nhãn nhục Ba La Mật ấy gọi là Nhãn nhục Ba La Mật v.v..*

Tương tự, khi tôn giả Tu Bồ Đề hỏi đức Phật đặt tên

Biệt tướng là các phần nhỏ của tổng tướng (*các chi tiết, các bộ phận của con sư tử: đầu, mình, bòm, chân, v.v..*) các chi tiết này đều khác với tổng tướng, có hình dáng và chức năng riêng; đó là *tổng và biệt* = *mối tương quan giữa cái toàn thể và các chi tiết của cái toàn thể ấy*.

Đồng tướng tuy các bộ phận khác nhau nhưng chúng lại hoà nhau trong một tổng tướng, chúng có liên hệ hữu cơ chặt chẽ với nhau, không thể tách rời nhau.

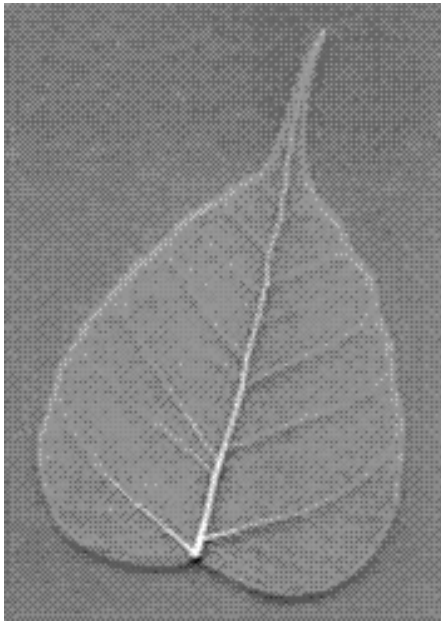
Di tướng sự khác nhau giữa các bộ phận về tướng trạng của chúng (*hình thể và chức năng*); Vậy *Đồng và Di* = *mối tương quan giữa những bộ phận của cùng một tổng thể và mối liên hệ giữa chúng với tổng thể*.

Thành tướng sự kết hợp của các chi tiết, các bộ phận để tạo thành sự vật hay hiện tượng nào đó (tổng thể)

Hoại tướng Sự tan rã của một sự vật hay hiện tượng do các bộ phận không còn kết hợp với nhau nữa. Vậy *Thành và Hoại* = *mối liên hệ của tổng thể với các bộ phận của nó về mặt hoạt động và tác dụng*.

Tóm lại, nói đến **Tổng, Đồng, Thành** là nói về mặt bản thể bình đẳng viên dung tự tại vô ngại giữa các pháp về **mặt Tĩnh**; còn nói đến **Biệt, Di, Hoại** là nói về mặt hiện tượng muôn màu muôn vẻ, trong đó mọi sự vật hiện tượng phơi bày những hình tướng và tác dụng khác nhau, những đặc tính riêng biệt, độc đáo của các pháp, tức là **nói về mặt Động** vậy.

Đó là những bài học mà Anh Chị Em chúng tôi thu nhận được trong buổi học thứ hai về bộ Kinh Hoa Nghiêm.



-
- a. Chúng ta thường nghe nói “Ly tứ cú”: Tứ cú là những gì? Đó là 4 phạm trù: có, không, vừa có vừa không, không có không không; khi rơi vào một trong 4 phạm trù này, thì được gọi là “*chấp*” và không thể “*thấy*” mọi sự vật hiện tượng “*như -nó -là*”. Bậc giác ngộ thì lìa khỏi 4 phạm trù này.
 - b. Kinh Kim Cang cho ta thấy Như Lai có 5 lối nhìn. Đối với mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đó là: *Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn*.

Chúng sanh tùy theo căn cơ trình độ mà có thể nhìn thân tâm và thế giới bằng một, hai, ba .. các nhìn trên đây.

- c. Nhục nhãn tức là “con mắt thịt” chỉ có thể thấy bằng mắt thường với những hạn chế của nó (*về màu sắc, về những ngăn che v.v.*) cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng; đây là lối nhìn của chúng sanh trong cõi Ta Bà này, nhìn theo nghiệp của mình.
- d. Thiên nhãn là lối nhìn của chư Thiên, những chúng sinh ở cõi Trời, ái dục đã được chế ngự, nhờ phúc báo nên cái thấy của họ không bị ngăn che như chúng ta, nhưng tâm của họ cũng đang còn vướng mắc ngã ái, ngã mạn, v.v.. nên cái thấy cũng vẫn còn bị hạn chế nhiều.
- e. Tuệ nhãn là nhìn bằng “con mắt trí tuệ” đây là cách nhìn của những bậc Thánh thấy rõ được rằng mọi sự hiện hữu trong vũ trụ này chỉ là duyên sinh; không có cái gì tồn tại độc lập và vĩnh viễn.

Chúng ta quán sát thân và tâm như thế với sự bình đẳng đối với mọi cảm giác, tư tưởng, tình cảm đến rồi đi; không thích sự hỷ lạc, không ghét sự giận dữ, không mời gọi, cũng không xua đuổi, chỉ là thuần túy quán sát chúng mà thôi.

Bài học thứ 4: Thế giới này là do tham sân, si của tất cả chúng ta “vẽ” ra. Vì vậy, không phải là một thế giới tươi đẹp như cõi Cực Lạc chẳng hạn; Muốn thấy được thực chất tốt đẹp của thế giới an lạc, thì phải làm “đổ sập” tâm địa hẹp hòi, ích kỷ, nói chung là 3 độc: tham, sân, si. Mà muốn làm đổ sập tham, sân, si thì phải học kinh Kim Cang, hiểu và hành kinh Kim Cang ngay trong đời sống hằng ngày.

Bước thứ nhất là tập thấy “*chúng ta*” quan trọng hơn “*tôi*”, sống vì tập thể, sống hiểu biết, yêu thương mọi người và yêu mến giữ gìn cả môi trường thiên nhiên nữa. Nói cách khác, bước đầu, ta phải hạ bớt “*cái tôi*” xuống (*đức Phật bảo loại trừ ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng nữa kia!! thật là khó quá đi !!*) Ngoài ra, chúng ta phải tập thấy mọi sự vật, hiện tượng như nó - đang - là, chứ không phải như chúng ta - muốn - nó - là.

Bài học thứ 5: Trên đây chúng tôi vừa nói: học kinh Kim Cang, hiểu và hành kinh Kim Cang v.v.. thì ở đây, có bạn đưa ra bài học này: Chúng ta nói “*hiểu kinh Kim Cang*” là có hơi gượng ép, vì kinh Kim Cang nhắc nhở ta thay đổi cách nhìn về thân tâm và thế giới, chứ không phải là chỉ hiểu cách nói phủ định của Kinh. Bài học này gồm có nhiều phần:

KINH HOA NGHIÊM (tiếp theo)

- Phẩm Nhập Pháp Giới -



Theo chương trình học Kinh của Chúng, hôm nay Anh Chị Em chúng tôi tiếp tục học kinh Hoa Nghiêm, đi vào phẩm thứ 39: Nhập Pháp Giới.

Phẩm này được giảng tại đạo tràng Đại Trang Nghiêm nơi rừng Thệ Đà, vườn Cấp Cô Độc với hai Ngài Phổ Hiền Bồ Tát và Văn Thù Sư Lợi Bồ tát làm thượng thủ. Thính chúng của đại hội này cũng rất đặc biệt; đó là những vị Bồ tát đều đã thành tựu hạnh nguyện Phổ Hiền cảnh giới vô ngại, đó là những vị Thanh Văn đều đã giác ngộ chơn đế, đều chứng thiết đế, thâm nhập pháp tánh, thoát hẳn biến hữu lậu. . . Tâm các Ngài tịch tịnh như hư không; Đó là những vị Thế Chủ hàng siêng thủ hộ thế nguyện chẳng bỏ chúng sanh. Đã nhập thế gian thù thắng trí môn. Từ Phật giáo sanh. Hộ trì chánh pháp. Phát đại nguyện chẳng để dứt Phật chủng. Sanh nhà Như Lai, cầu nhứt thiết trí. (Kinh Hoa Nghiêm, tập IV trang 11-12)

Nói cách khác, các Ngài đã đến đây tham dự đại hội này theo “*lời mời*” của đức Phật (*một lời mời không phải bằng giấy tờ chủ nghĩa của thế gian, hay bằng những e-mail thông tin trên mạng lưới internet mà ai cũng có thể nhận*

được) nhưng là bằng những dấu hiệu đặc biệt của đức Thế Tôn: bằng thiên định, đức Phật nhập *Su Tử Tàn Thân Tam Muội* (thiên định của con su tử vươn mình) để rải tâm đại bi tràn đầy cả hư không vô tận, làm trang nghiêm thế gian và làm cho rừng Thệ Đà bỗng nhiên rộng lớn như hư không, đồng với *bất khả thuyết Phật sát vi trần số quốc độ, và cảnh đạo tràng rực sáng vì được trang hoàng bằng vô số lượng ngọc lưu ly.* (tr.14)

Lúc ấy, Bồ tát Phổ Hiền dùng nhiều phương tiện thiện xảo (*đồng pháp giới, đồng hư không pháp giới...đồng tất cả chúng sanh nghiệp, đồng tất cả chúng sanh dục, đồng tất cả chúng sanh căn..*) vì chư Bồ tát khai thị, chiếu rõ điển thuyết su tử tàn thân tam muội này. Ngài giới thiệu một chương trình hoàng dương Phật Pháp rộng lớn, dưới mọi hình thức: những đoàn thể đông như vi trần, cũng có thể chỉ một hai người, có thể chỉ là một người: như là một đại sĩ, một đạo sĩ, một thương gia, một nghệ sĩ v.v.. (tr. 60)

Sau đó, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát nói lại những biến hoá trong rừng Thệ Đa và từ đó, nói về tất cả trí tuệ chiếu sáng thế gian, hoặc nói đến trí tuệ chiếu các cảnh giới của tất cả các pháp, giáo hoá thành thực tất cả chúng sanh nhưng vẫn chẳng rời khỏi rừng Thệ Đa của đức Như Lai (tr. 82). Rồi Ngài rời khỏi Thiên Trụ lâu các ra đi cùng với vô lượng Bồ Tát đồng hạnh. Tôn giả Xá Lợi Phất tán thán vô lượng công đức trang nghiêm của ngài Văn Thù, làm cho chư vị Tỳ Kheo sau khi nghe xong khởi tâm tin hiểu vững chắc, sáu căn thanh tịnh, phát đại bi tâm và đại nguyện. Họ yêu cầu trưởng lão Xá Lợi Phất đưa họ

*Đứng yên ngoài hàng giậu,
Em mỉm nụ nhiệm mầu,
Lặng nhìn em kinh ngạc,
và thoảng nghe em hát,
Lời ca em thiên thâu,
Ta sụp lạy cúi đầu.*

Bài học thứ 3: Những bài kệ trên đây rất dễ thuộc, nhưng thọ trì những câu kệ này, không chỉ là học thuộc lòng để đọc cho Phật nghe đâu! mà phải học thuộc, áp dụng nhuần nhuyễn trong cuộc sống, truyền bá cho người khác thọ trì và áp dụng như mình, để họ cũng được an lạc giống như mình. Thật là “*khó nuốt trôi công đức to lớn*” này. Anh Chị Em chúng tôi nói đùa với nhau như vậy, để nhắc nhở nhau áp dụng tinh thần Kim Cang trong mọi lúc, và nhắc nhở nhau đừng quên chiếc gương báu này, khi nào lỡ vướng vào phiền não.

Thế nào là “*Tinh Thần Kim Cang*”?

Đó là sự tỉnh thức nhạy bén, sống trong chánh niệm hay sống với thực tại nhiệm mầu, không nuối tiếc quá khứ, không mơ tưởng tương lai; an lạc trong từng hơi thở, an lạc trong từng bước đi. Trong các Kinh Nikaya cũng dạy một cách giản dị và trực tiếp về thực tập tỉnh thức trong đời sống hằng ngày:

“*Giữ, bước, đạp... Đi tới thì rõ biết đang đi tới, đứng lại thì rõ biết đứng lại, đi lui thì rõ biết đang đi lui ...*” hay: “*Đây là tóc, đây là đầu, đây là cổ, đây là mũi, đây là tai ..*” tương tự như vậy, “*Đang rửa chén thì biết mình đang rửa chén*” hay: “*Tôi đang giận, tôi rõ biết tôi đang giận, cái giận đang làm chủ tâm tôi*”.

Trong bài kệ này, chúng tôi học được thêm về chữ “*hữu vi*”. Có 2 loại hữu vi: Hữu vi chủ quan và hữu vi khách quan.

- Hữu vi chủ quan: Là các pháp do tư ý, tạo tác (*như nỗ lực tinh tấn tu hành, tham thiền, nhập định v.v.*) các pháp này có sinh, tất có diệt như bài kệ đức Phật đã nói :

*“Hữu vi vô thường,
Tánh luôn sinh diệt,
Sinh diệt diệt rồi,
Tịch diệt là vui (an lạc)”.*

- Hữu vi khách quan là các pháp do duyên khởi một cách tự nhiên, các pháp này cũng vô thường, nhưng không phải nguyên nhân của khổ, nên vô thường mà vẫn tịch tĩnh. Nói cách khác, trên mặt hiện tượng thì có sinh, có diệt, nhưng về bản thể thì không sinh, cũng không diệt.

Lấy một ví dụ nhỏ và đơn giản: Khi nhìn một đoá hoa đang khoe sắc trong nắng sớm, trong gió xuân như nó đang-là thì đoá hoa không sinh diệt, như nó đã có tự bao giờ; Nhưng nếu ta khởi tâm muốn hái nó xuống, hay nghĩ về nó, rồi liên hệ đến những vẻ đẹp chóng tàn v.v.. thì ngay lúc đó, ý niệm sanh diệt xen vào; tất nhiên sanh diệt đó là của tâm ta, ước muốn của ta chứ không phải từ đoá hoa. Đó là lý do tại sao, bài thơ vịnh 1 bông hoa Thực Được bên bờ gịu của thi sĩ Quách Thoại, đã được ca tụng vì tính chất “*bất sanh bất diệt*” của cái đẹp mà thi sĩ đã nắm bắt được :

đến chỗ Ngài Văn Thù. Xá Lợi Phất bèn dẫn theo sáu ngàn vị tỳ kheo đến chỗ Ngài Văn Thù sư Lợi Bồ tát. Ở đó, ngài Văn Thù khuyến khích các vị tỳ kheo trẻ hãy tinh tấn thành tựu mười hạnh để có thể hành Bồ tát đạo, nhập Bồ tát địa và cả Như lai địa nữa. (*tr. 88*) Đó là 10 tâm nguyện rộng lớn sau đây:

1. Chứa nhóm tất cả thiện căn không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán

2. Thờ kính cúng dường tất cả chư Phật không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán

3. Mong cầu được học hỏi tất cả Phật Pháp không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán

4. Thực hành tất cả các hạnh Ba la Mật không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán

5. Thành tựu tất cả tam muội của Bồ Tát mà không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán

6. Lần lượt thâm nhập tất cả tam thể mà không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán.

7. Làm trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật ở khắp mười phương thế giới mà không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán.

8. Giáo hoá và điều phục tất cả chúng sanh không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán.

9. Thành tựu hạnh Bồ Tát trong tất cả các cõi, ở tất cả các kiếp, mà không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán.

10. Vì thành tựu một chúng sanh mà tu hành vô số ba la mật nhiều như số hạt bụi trong vô số thế giới Phật, thành tựu mười uy lực của Như Lai. Lần lượt như

vậy, tiến đến mục đích thành thực tất cả chúng sanh giới mà thành tựu tất cả trí lực của Như Lai lòng không bao giờ biết mệt mỏi, nhàm chán.

Sau khi nghe pháp này rồi, chư tỳ kheo thành tựu được rất nhiều tam muội, bồ đề tâm, và Ba La Mật . . . và trụ hạnh Phổ Hiền tiếp tục con đường hành đạo, đoàn người dừng lại ở rừng Trang Nghiêm Tràng Ta La là nơi rất nổi tiếng, vì ở đây chư Phật đã từng giáo hóa chúng sanh và đức Phật Thích Ca cũng từng ở đó tu Bồ tát hạnh. Tại đây, Bồ tát Văn Thù giảng kinh Phổ chiếu Pháp giới, với một đại chúng vô cùng đông đảo và Ngài đã phát hiện ra trong thính chúng một thanh niên với nhân cách lý tưởng, một hình ảnh pháp khí tuyệt vời: đó là Thiện Tài đồng tử. Ngài đã thấy được tư cách phi phàm của Thiện tài và biết được rằng những dấu hiệu ấy đã có từ lúc Thiện tài mới nhập thai, như lâu các thất bửu, bảy loại mỏ quý (*vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não*) nói lên nhân cách độc đáo và những đức tính sáng chói của vị thiện nam tử đặc biệt có một không hai này (*tr. 94*).

Sau thời pháp, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi rời khu rừng mà đi. Thiện Tài như bị một hấp lực không thể nào cưỡng lại nổi, đó là lý tưởng cao đẹp của Bồ tát Đạo, nên đã chạy theo Ngài Văn Thù, nói lên bài kệ gói trọn tâm nguyện của mình là được theo Thầy học Đạo , với ý chí sắt đá như *kim cương*, như *đại địa chấn động*, đã vào *ngôi Pháp vương* ,đã *đội mão Trí vương*, đã *vấn lựa diệu pháp* . . .bài kệ đầy khẩu khí khiến Ngài Văn Thù xoay lại nhìn Thiện Tài như trong tư thái của một con tượng vương (*voi chúa*) ca

Bài học thứ 2: đức Phật nói mấy câu Kệ Kim Cang là mấy câu nào? Xin thưa, có thể ví dụ là một trong các bài kệ phổ thông nhất, dưới đây:

Bài kệ thứ 1 :

Nhược dĩ sắc kiến ngã	(Nếu vì sắc mà thấy ta
Dĩ âm thanh cầu ngã	Vì âm thanh mà cầu ta
Thị nhân hành tà đạo	Ấy người hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai	Không thể thấy Như Lai)

(bài kệ này chúng ta cũng đã gặp ở bài học trước rồi)

Bài kệ thứ 2:

Ai thấy Duyên Khởi là thấy Pháp,
Ai thấy Pháp là thấy Phật.

Bài kệ thứ 3:

Nhất thiết pháp bất sanh	Không một pháp nào sanh,
Nhất thiết pháp bất diệt	Không một pháp nào diệt,
Nhược năng như thị giải	Nếu thấy được như nó-đang-là,
Chư Phật thường hiện tiền	Tức là thường thấy chư Phật.

Bài kệ thứ 4:

Nhất thiết hữu vi pháp	Tất cả các pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bào ảnh	Như mộng huyễn, như bọt nước
Như lộ diệt như điện	Như sương, như điện chớp
Ứng tác như thị quán	Nên quán như vậy đó

lớn như vậy? Câu trả lời này chúng ta đã gặp ở bài học trước đó là tướng và tánh.

Ở đây, chúng ta được học thêm 2 chữ mới “*hữu lậu*” và “*vô lậu*.” “*Lậu*” đồng nghĩa với phiền não do dính mắc, tham đắm 6 trần; Vì vậy, khi nói “*bạc hữu lậu*” là chỉ những người còn dính mắc hồng trần, mãi trôi lặn trong 3 cõi, 6 đường; Đối lại với “*bạc vô lậu*” là những bậc Thánh đã giải thoát, không còn dính mắc, khi tiếp xúc với 6 trần nữa. Cho nên, sự bố thí của cải tài sản là bố thí hữu lậu (còn *chấp vào hình tướng*), kết quả đem đến là phước hữu lậu, đã là hữu lậu thì vô thường, có đó mất đó, có thể nói là “*mộng mị, hư ảo*” không thể so sánh với trí tuệ sắc bén của Kim Cang dạy: là trí tuệ vô ngã.

Giảng nói kinh Kim Cang thì người nghe tỉnh ngộ, rời khỏi tham ái chấp thủ, chính sự buông bỏ này đưa đến an lạc giải thoát; cho nên ta thường nghe nói “*Kim Cang là gươm báu chặt đứt phiền não*.” Mục đích tối hậu của con người là sống an lạc, cho dù mình nằm trên đồng vàng bạc châu báu mà thiếu an lạc, lòng chứa đầy tham sân si, làm sao mà hạnh phúc được; Kinh Kim Cang giúp người thấy được lối ra khỏi phiền não, nên giảng nói kinh Kim Cang (*bố thí Pháp*) phước đức lớn hơn bất cứ sự bố thí nào.

Ở Tăng Chi Bộ Kinh 3, chúng ta cũng gặp ý này (*phước hữu lậu và phước vô lậu*): bố thí cho 100 người không có chánh kiến, không bằng bố thí cho 1 vị Tu Đà Hoàn. Hay: Nếu đem tất cả của cải của mình, cúng dường cho Như Lai và hàng đệ tử của Ngài, thì phước đức cũng không lớn bằng, quán vô ngã và tu tập vô ngã.

ngợi chí nguyện cao cả của người tuổi trẻ này và đồng ý nhận Thiện Tài làm đệ tử, chỉ dạy cho chàng rằng muốn thành tựu nhất thiết chủng trí thì phải quyết định cầu chân thiện tri thức không bao giờ biết mệt mỏi, không bao giờ thấy nhàm chán, chỉ thấy phương tiện thiện xảo nơi thiện tri thức mà không thấy lỗi lầm (*tr. 105*).

Từ đây, Thiện Tài vâng lời Thầy, từ giả ân sư ra đi về phía Nam trên núi Diệu Phong để được học với thầy Đức Vân về hạnh Bồ tát, tu theo hạnh Bồ tát, rồi viên mãn hạnh Phổ Hiền. Từ đây, Thiện Tài đồng tử tuy phải búi ngùi rời khỏi sư phụ, một mình dong ruổi trên đường học Đạo, nhưng không cảm thấy cô đơn nữa vì đã có lý tưởng và vị Thầy Văn Thù kính yêu trong lòng, vì đã biết rằng sẽ có những vị Thầy trong tương lai đang chờ đợi mình ở một nơi nào đó, những người bạn cùng lý tưởng ở một phương trời xa, chưa quen nhưng rồi sẽ quen.

Đây là một hành trình vô định vì biển học mênh mông; chưa biết bao giờ kết thúc, đó là lý do tại sao phẩm Nhập Pháp giới này là phẩm Kinh dài nhất của Hoa Nghiêm.

Để tóm tắt nội dung chủ yếu của việc tầm sư học đạo của Thiện tài Đồng tử, gồm 53 giai đoạn trong 53 bối cảnh khác nhau, ứng với hành trình tu tập của Bồ tát Đạo: Thập tín, Thập trụ, Thập hành, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác, Diệu Giác, Phật Đà. Anh Chị Em chúng tôi ghi nhanh vào bảng sau đây (*tr.106- tr.780*):

BÀI HỌC	NGƯỜI DẠY
<ul style="list-style-type: none"> • Phát Bồ Đề tâm • Cầu thiện tri thức 	<i>Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Tu Bồ Tát Đạo • Viên Mãn Hạnh Phổ Hiền 	<i>Tỳ kheo Đức Vân</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Vô ngại thần túc thông 	<i>Trưởng lão Thiện Trụ</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Trì chú Đà La Ni 	<i>Thượng tọa Di Già</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Thiền 	<i>Trưởng giả Giải Thoát</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Phép Quán tưởng 	<i>Thiền sư Hải Vân</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Pháp Môn Niệm Phật 	<i>Hoà thượng Công Đức Vân</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Chữ Không 	<i>Dạ thần thủ hộ nhất thiết Thành Đăng Trưởng Uy Lực</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Pháp môn Lục Độ • Bát Nhã 	<i>Hoà thượng Hải Tràng Thần Bảo Nhân Quý vương la Sát Phật Mẫu Maya</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Diệt Trừ Phiền Nảo 	<i>Ưu bà di Hữu Xả</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Pháp Môn: Bồ Tát Vô Thẳng Tràng Giải Thoát 	<i>Tiền Ông Tỳ Mục Cù Sa</i>

Buổi học trước chúng tôi đã làm quen với phủ định rồi (A không phải là A, mới là A)

Hôm nay, mới vào đoạn 11 chúng tôi được nghe về “Công đức phát sinh trí tuệ vô ngã” (*vô vi thắng phước*). Đây cũng là một dạng phủ định, nhưng được nói với ngôn ngữ biểu tượng. Cũng như mọi hôm, Anh Chị Em chúng tôi đã phân công mỗi người, hay 2 người phụ trách một đoạn, giải thích ý nghĩa đoạn đối thoại giữa đức Phật và ngài Tu Bồ Đề, và nêu lên bài học tâm đắc. Trong Chúng, có ai có thêm bài học nào thì kể ra. Chúng tôi lần lượt đúc kết những ý nghĩa đặc biệt và những bài học thu lượm được như sau:

Mở đầu, Đức Phật dùng một bài toán về con số để thức tỉnh đại chúng, để lớp học được sinh động, Ngài nói với ông Tu Bồ Đề rằng:
 “Nếu có x con sông Hằng, và mỗi con sông Hằng có x hạt cát, thì số hạt cát tổng cộng là x bình phương (x lũy thừa 2); như vậy trong óc chúng ta thấy rõ số hạt cát là 1 số vô cùng lớn; nhưng đức Phật còn nói thêm: “Bây giờ nếu có người đem bảy báu, chất đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, mà số tam thiên đại thiên thế giới này bằng số cát của những sông Hằng đã nói trên đây, rồi đem tất cả của cải ấy ra bố thí thì phước đức có nhiều không? (câu trả lời của ngài Tu Bồ Đề nhất định là “rất nhiều” rồi!) Thế nhưng, đức Phật tiếp lời : Phước đức đó không bằng phước đức của một người thọ trì 4 câu kệ của Kinh Kim Cang hay giảng nói những câu kệ ấy”

Bài học thứ nhất: tại sao chỉ cần thọ trì, hay giảng nói mấy câu kệ của Kinh Kim Cang mà phước đức

KINH KIM CANG (tiếp theo)

- Đoạn 11 đến Đoạn 16 -



Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào ảnh
Như lộ diệt như điện,
Ứng tác như thị quán.

Tất cả các pháp hữu vi,
Như mộng huyễn, như bọt nước,
Như sương, như điện chớp,
Nên quán như vậy đó.

BÀI HỌC	NGƯỜI DẠY
<ul style="list-style-type: none"> Pháp Môn: Bánh Xe Giải Thoát Quay Vô Tận (Bồ Tát Vô Tận Luân Giải thoát) 	Bà la môn Thắng Nhiệt
<ul style="list-style-type: none"> Pháp Môn Bát Nhã Phổ Trang Nghiêm 	Đồng nữ Từ Hạnh
<ul style="list-style-type: none"> Pháp Môn: Bồ Tát Tùy Thuận Đẳng Giải Thoát (Ngọn đèn trí tuệ của Bồ Tát muốn soi tới đâu cũng được) 	Tỳ kheo Thiện Kiến
<ul style="list-style-type: none"> Chân Như 	Dạ thần Khai Phu Nhất thiết Thụ Hoa dạy
<ul style="list-style-type: none"> Ngũ Minh Pháp 	Đồng tử Tụ tại Chủ Trượng giả Ưu Bát La Hoa Đồng tử Biến Hữu Đồng tử Biến Tri
<ul style="list-style-type: none"> Pháp Môn Bồ Thí Ba La Mật 	Ưu bà Di Cự Túc cư sĩ Minh Trí
<ul style="list-style-type: none"> Tâm Từ 	Vua Đại Quang
<ul style="list-style-type: none"> Tâm Bi 	Trượng giả Pháp Bảo Kế
<ul style="list-style-type: none"> Tâm Hỷ 	ngoại đạo Biến Hành
<ul style="list-style-type: none"> Tâm Xả 	Vua Vô Yếm Túc

BÀI HỌC	NGƯỜI DẠY
• Lý Chân Không	<i>Trưởng giả Phổ Nhân</i>
• Tinh tấn Ba La Mật	<i>Ưu bà di Bất Động</i>
• Nhẫn nhục Ba La Mật	<i>Thuyền trưởng Bà Thi La</i>
• Trì giới Ba La Mật	<i>Tỳ kheo ni Sư Tử Tàn Thân</i>
• Tâm bình đẳng	<i>Thiện nữ Ba Tu Mật Đa</i>
• Tứ Nhiếp Pháp	<i>Trưởng giả Vô Thượng Thắng</i>
• Lý Chân Không Diệu Hữu	<i>Cư sĩ Tỳ Sát Chi La</i>
• Tâm Đại Bi	<i>Bồ Tát Quán Tự Tại</i>
• Thí Chánh Pháp	<i>Bồ Tát Chánh Thụ</i>
• Phá ngã chấp & pháp chấp	<i>Thần Đại Thiên</i>
• Pháp Môn Lục thông	<i>Thần An Trụ</i>
• Lý Nhị Không	<i>Dạ thần Bà San Bà Diễm Đề</i>



Tu Bồ Đề thưa:

“Thưa không, Thế Tôn! Tại sao? Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy mới gọi là trang nghiêm.”

Điều này tuy nghe hơi nghịch lý, một chút nhưng cũng như ở trên đã học: Tất cả pháp hữu vi đều là hư vọng. Công hạnh của Bồ Tát cũng là những pháp hữu vi, nên tuy họ có hành lục độ đầy đủ, nhưng họ vẫn không thấy mình làm cái gì cả, nghĩa là không có cái gì gọi là “*Trang nghiêm cõi Phật*” hết, thế mới là trang nghiêm cõi Phật. Nếu họ thấy có trang nghiêm cõi Phật, thế thì họ đã chấp tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ giả... rồi!

Từ bài học này, Anh Chị Em chúng ta còn một điều cần tự nhắc nhở mình nữa là: chúng ta thường tự hào nói với nhau: Gia Đình Phật Tử là một pháp môn tu và người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử là những người Bồ Tát tại gia, con đường mình đang đi là Bồ Tát Đạo v.v.. thế rồi có nhiều người không cần học kinh kệ gì cả, như vậy có đúng không? xin thưa, nếu chúng ta học xong Kinh Kim Cang rồi, ta phải nói với nhau rằng: Bồ Tát tức chẳng phải Bồ Tát, ấy mới là Bồ Tát !

Để kết thúc buổi học hôm nay, Anh Chị Em chúng tôi cùng nhau ôn lại một bài kệ trong Tỳ Ni Thiết Yếu Nhật Dụng:

*Trang nghiêm Tịnh Độ
Nơi cõi Ta Bà
Đất Tâm thanh tịnh
Hiển lộ ngàn hoa.*



con chó cũng vậy, mình tham vui, sợ khổ thì người khác cũng vậy, từ đó mới mở rộng lòng thương đến người khác.

Trên đời được người thương là chuyện quý hóa nhất. Con đường thành Phật, thành Bồ Tát, đều do chữ THƯƠNG; ma quỷ, yêu tinh không thể thương, không biết thương, không dám thương, không hiểu thương, không dạy thương, và cũng không muốn ai thương. Chúng ta là con người mới có đặc tính là thương yêu và hiểu biết.

Người Phật tử trước hết phải biết thương yêu mọi loài, vì đạo Phật là đạo Từ Bi và Trí Tuệ. Giáo lý vô ngã của kinh Kim Cương giúp ta thăng hoá cái nhìn: *biết nhìn mọi hiện tượng sự vật trên đời này như - nó - là (as-it-is) không đòi hỏi nó giống như mình muốn, đó là hiểu biết.* Vô Ngã giúp ta sống thuận theo những định luật của thiên nhiên, cũng như của tâm lý mọi người quanh ta, sống hoà thuận thương yêu, vui vẻ mới có hạnh phúc và an lạc, rồi làm cho mọi người cũng được an lạc

Bài học thứ 12: Trang nghiêm cõi Phật.

Chúng ta thường nghe nói Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật của mình, bằng những công hạnh đã tu trong nhiều đời, nhiều kiếp.

Ví dụ đức Phật A Di Đà có cõi Cực Lạc, đức Thích Ca có cõi Ta Bà v.v.. nhưng tại sao ở đây, khi đức Phật hỏi: “Tu Bồ Đề! Ông nghĩ sao? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?”

Điều thích thú của Anh Chị Em chúng tôi khi Học phẩm Kinh này là thấy chương trình tu học của mình cũng có được ghi trong chương trình học của Thiện Tài đồng tử như Duy Thúc, Bát chánh đạo, Tứ nhiếp pháp, Lục độ ba la Mật v.v.. (*mặc dù chỉ là chút chút thôi nhưng vậy cũng là vinh hạnh lắm rồi !! © ©!!*)

Thế là mặc dù trong khi tóm lược Phẩm kinh, cũng đã có những bài học cụ thể rồi nhưng Anh Chị Em cũng đành nhau phát biểu những bài học mà mình tâm đắc khi học qua Phẩm kinh Nhập Pháp Giới này. Đó là:

1. Phẩm kinh này nêu lên một căn bản giáo dục và sinh hoạt của thanh niên, mà chắc bác Tâm Minh Lê Đình Thám và các Anh Chị đầu đàn của Gia Đình Phật Tử ngày xưa đã thấy được và xây dựng Tổ chức theo mô hình này: đó là một tình bạn chân thành, một trái tim nóng bỏng yêu thương - Nhìn lại 5 điều luật của ngành Thanh Thiếu và Huynh trưởng cũng như 3 điều luật của Oanh Vũ hay đọc lại tác phẩm Ánh Đạo Vàng của anh Võ Đình Cường hồi đó, chúng ta thấy rất rõ điều này.

Ngoài ra, cái mà chúng ta thường gọi là tình Lam phải chăng là một tình bạn thiêng liêng cao quý, có khi hơn cả tình ruột thịt, giữa những người cùng lý tưởng, kết chặt Anh Chị Em chúng ta, có khi để n một đơn vị chưa quen biết nhưng cũng đồng phục như chúng ta, cũng sinh hoạt vào ngày Chủ nhật, cũng chào cờ Sen Trắng, cũng tụng bài Sám

hối, cũng kết giây thân ái v.v. . làm cho chúng ta thấy như đã quen nhau nhiều đời nhiều kiếp rồi vậy. Chúng ta mơ ước một ngày nào đó, Hoa Sen Trắng sẽ nở khắp nơi trên quả đất này để ánh sáng từ bi và trí tuệ của chư Phật và chư Bồ tát được gieo rất khắp nơi xoa dịu những nỗi đau của trần gian này. *(những điều này Anh Chị Em chúng tôi nói với nhau từ những năm 80, không ngờ hơn 20 năm sau cũng được ứng nghiệm - và bây giờ khi ngồi ghi lại những dòng này là lúc chúng tôi đã quen được không biết bao nhiêu là Anh chị em Áo Lam trên toàn thế giới : từ Âu Châu, Úc Châu đến Canada, Hoa Kỳ; mà nếu kể chi tiết thì phải nói là từ Na Uy, Thụy Điển, Pháp, Đức, Bỉ, Hoà Lan đến Úc, Canada Hoa Kỳ ... mà cũng chưa đủ (vì người viết bài này không nắm được những đơn vị của Úc nằm trong những vùng nào của Châu Úc và Tân Tây Lan, đất nước đặc biệt là: khi tất cả chúng ta đang ở trong mùa Hè thì Anh Chị Em ở Úc đang ở trong mùa Đông và ngược lại!)*

2. Bài học thứ hai là về ngài Văn Thù Sư Lợi, vị Bồ tát tượng trưng cho hạnh Trí Huệ. Chúng ta cũng thường được nghe "*Văn Thù là Mẹ của chư Phật*" cũng bởi ý nghĩa này. Chúng ta thường làm quen với hình ảnh Ngài Đại Trí Văn Thù cõi sư tử xanh, tay cầm cây gươm là nói lên ý nghĩa: ***Khi sư tử rống lên thì mọi vật trong rừng đều im hơi lặng tiếng cũng như khi tiếng nói của Đại Trí vang dậy thì vô minh phiền não phải lặng đi, phải bị***

Bài học thứ 10: Ta lại được nghe một đoạn đối thoại thú vị giữa Phật và Ngài Tu Bồ Đề:

“Tu Bồ Đề, Ý ông nghĩ sao? A La Hán có thể khởi ý nghĩ rằng “Ta đắc đạo A La Hán” không?”

Ngài Tu Bồ Đề đáp:

“Thưa không, Thế Tôn! Tại sao? Tại vì thật chẳng có pháp gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn! Nếu A La Hán khởi nghĩ: ta được đạo A La Hán tức là còn chấp ngã, chúng sanh, thọ giả.. Thế Tôn! nói con đắc Vô Tránh Tam Muội, là bậc nhất trong số người đó, là bậc A La Hán ly dục bậc nhất. Thế Tôn! Con không khởi lên ý nghĩ con là A La Hán ly dục bậc nhất. Nếu con khởi lên ý nghĩ rằng: con đắc đạo A La Hán thì Thế Tôn đã chẳng nói Tu Bồ Đề là một người ưa hạnh A Lan Na (thanh tịnh). Vì Tu Bồ Đề vốn thật ra không có làm gì, nên mới gọi Tu Bồ Đề là ưa hạnh A Lan Na.”

Đoạn này nhấn mạnh “A La Hán” hay “Tư Đà Hoàn,” “A Na Hàm” v.v.. cũng đều là những hư danh, không có gì để gọi là “sở đắc” cả. Nghĩa là, đức Phật dạy đệ tử của Ngài không nên chấp trước.

Bài học thứ 11: Tại sao phải thấy được “Vô Ngã”? Vì có thấy vô ngã mới có thể khởi đại bi tâm.

Thấy tất cả chỉ là những nhóm kết hợp (ngũ uẩn) mà tạo ra thân này, không có một “cái ta” tồn tại độc lập. Thấy không có người, không có mình, hay nói cách khác, thấy mình với mọi người không khác, mình tham sống, sợ chết thì người khác cũng vậy, thậm chí con mèo

tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì người ấy phước đức có được nhiều chăng?”

Ngài Tu Bồ Đề đáp:

“Bạch Thế Tôn rất nhiều! Vì sao? Vì phước đức ấy chẳng phải là tánh phước đức, nên Như Lai nói là phước đức nhiều”

Phật lại bảo:

“Nếu lại có người thọ trì, thậm chí chỉ 4 câu kệ trong Kinh này, và giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại lớn hơn người kia. Ví dụ 4 câu đó là :

Nhược dĩ sắc kiến ngã	Nếu lấy sắc thấy ta
Dĩ âm thanh cầu ngã	Lấy âm thanh cầu ta
Thị nhân hành tà đạo	Người đó theo tà đạo
Bất năng kiến Như Lai	Không thể thấy Như Lai

Tại sao? vì đây là tánh phước đức.

Nếu ta lấy 4 câu kệ này mà hành trì, và vì người mà nói pháp, vừa lợi mình, vừa lợi người, thì đây là sự bố thí cao thượng nhất (Bố thí Pháp là bố thí cao thượng nhất, là tối thắng).

Tuy nhiên, Anh Chị Em chúng tôi đều nhắc nhở nhau rằng: làm như vậy, tu như vậy, bố thí như vậy là phước đức rất nhiều, nhưng nếu chúng ta khởi tâm: “ta đã bố thí pháp, là bố thí cao quý nhất, ta đã có tánh phước đức còn cao hơn tướng phước đức một bậc!” Như vậy, thì coi như không có một chút phước đức gì cả!

Bởi vì ngôn ngữ Kim Cang đã dạy “Bố thí mà không thấy có bố thí mới chính là bố thí ” kia mà! Có phải không?

chặt đứt. Trong phẩm Nhập Pháp Giới này, chúng ta còn thấy rõ hơn uy lực của Bồ Tát Văn Thù: Ngài xoay mình như “*tư thái của một con voi chươ*” và khi Ngài cất tiếng thuyết pháp (*nghĩa là tiếng rống của sư tử đã cất cao*) thì hạt giống giác ngộ đã có sẵn trong mỗi chúng sanh bị chấn động và nứt chồi. Đó là động cơ khiến Thiện tài đồng tử bị hấp lực của ngài “lôi đi” và cũng là lý do mà trường giả Xá Lợi Phất ca ngợi Bồ Tát Văn Thù đưa đến kết quả là sáu ngàn thầy Tỳ kheo trẻ, muốn Xá lợi Phất dẫn họ đến chỗ Ngài Văn Thù.

3. Bài học thứ ba gồm vô số bài học từ phong cách dạy dỗ, nói năng của những vị chân thiện tri thức mà Thiện Tài đồng tử đã được gặp cũng như thái độ của Thiện Tài đối với họ. Họ gồm đủ mọi thành phần trong xã hội: Từ một ông vua, một đạo sĩ, một thiên giả, trường giả, thương gia, một vị thần . . . cho đến một em bé, một quý vương, một cô gái kỹ nữ. Tất cả mọi người đều hết lòng yêu mến dạy dỗ cho Thiện tài đồng tử và ngược lại, Thiện Tài cũng hết mực cung kính trân quý tấm lòng của họ và khi rời xa, hai bên đều để lại trong lòng nhau một niềm quyến luyến làm giàu thêm cho hành trình tu học của chàng thanh niên tuổi trẻ tài cao và thông tuệ này. Anh Chị Em chúng tôi đều học được rằng: Mọi người mà chúng ta có duyên được gặp trong đời này, đều có thể là một vị thầy của chúng ta nếu chúng ta biết tận dụng những sở trường của họ; gần nhất là Anh Chị Em áo Lam của mình, và nhất là “những con ngựa

chúng" (*có tài thường có tật mà!*) nên phải nghe lời của Bồ Tát Văn Thù dạy Thiện tài: ***Chỉ thấy phương tiện thiện xảo nơi thiện tri thức, mà không thấy lỗi lầm?*** Đây cũng chính là phương pháp để duy trì hoà khí giữa Anh Chị Em chúng ta trong sinh hoạt chung vậy.

4. Bài học thứ tư là về ý nghĩa biểu tượng của các tên người, địa danh và những con số mà chúng ta đã làm quen trong các Kinh Phật trước đây; lấy ví dụ về vị thầy đầu tiên của Thiện Tài: Ngài Đúc Vân ở trên đỉnh núi Diệu Phong mà Thiện Tài đã phải khó khăn tìm kiếm trong 7 ngày mới gặp được. Đúc Vân là đám mây đạo đức, đám mây lành che mát thế gian, Ngài ở trên đỉnh núi, Thiện tài phải leo lên tới đỉnh núi mới gặp được - đỉnh núi là biểu trưng cho một vị trí vượt lên cao, lên trên đời thường. Càng lên cao, tầm nhìn của chúng ta càng rộng, càng thoáng (*nhờ đó mà Thiện Tài học được pháp môn Phổ Kiến*). Sự kiện "bày ngày" mới gặp được ngài Đúc Vân được giải thích là người học đạo Thiện Tài phải trải qua 7 phương tiện (*hay học tập 7 giác chi*)
5. Cách học Phật pháp của Thiện Tài đồng tử không phải là học từ chương, mà bằng vào sinh hoạt thực tiễn như Tổ Huệ Năng bằng công phu giặt gạo nơi đạo tràng Huỳnh Mai vậy. Do đó, những gì Thiện Tài gặp trên đường tìm cầu chân thiện tri thức đều là những vấn đề phải học hỏi. Mỗi thành tựu đều

Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề không? Như Lai có thuyết pháp không?"

Tu Bồ Đề đáp:

"Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thì không có pháp nhất định gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cũng chẳng có pháp nhất định cho Như Lai thuyết."

Ở đây, chúng ta học được một bài học về hỏi thật hay và đáp cũng thật khéo. Đúc Phật hỏi "khó" Ngài Tu Bồ Đề; chúng ta đều nghe là đức Phật đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (tức A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề) mà bây giờ đức Phật hỏi Như lai có chứng được không? nếu trả lời "không" thì sai rồi, mà trả lời "có" cũng không được, vì như vậy, là đã chấp vào một pháp cố định!

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chẳng qua cũng chỉ là một tên gọi mà thôi, người đại đệ tử của Phật làm sao lại không biết! Cho nên, Tu Bồ Đề không trả lời thẳng "chứng được" hay "không được" mà trả lời rằng "theo như con biết về ý của Phật nói, thì không có pháp nào cố định gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. . ." và đức Phật thuyết pháp đều là tùy đối tượng mà nói pháp, cũng như tùy bệnh mà cho thuốc, làm sao có 1 pháp cố định để thuyết được?

Bài học thứ 9: Là tướng phước đức và tánh phước đức.

Đúc Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề:

"Ý Ông nghĩ sao? Nếu có người đem 7 thứ báu đầy khắp

người bị rồi, đó là anh A (đi đâu cũng nói Kinh Kim Cang Bát Nhã và cho rằng “không dơ, không sạch không thêm, không bớt, không có ngũ uẩn, không có Tư đà Hoàn, Tư đà Hàm, A Na Hàm v.v.. gì cả cho nên, bây giờ tôi và quý Thầy cũng ngang nhau, không ai hơn ai cả” v.v.. Như vậy, có phải là bị Kinh hại rồi hay không? Thay vì học Kim Cang để tiến dần đến trí tuệ vô ngã, thì anh A của chúng ta lại tạo ra 1 cái ngã A to hơn khi chưa học Kinh; thiệt là trệt lất!)

Bài học thứ 7: Thế nào là tâm của một vị Bồ Tát?

Tâm của một vị Bồ Tát thì vắng mặt 8 tướng sau đây: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, pháp, phi pháp, tướng, phi tướng. Khi tâm vắng mặt 8 tướng này có nghĩa là tham, sân, si đã được diệt tận.

Nói tóm lại Kinh, bất cứ là Kinh gì cũng là sự nhắc nhở chúng ta tu tập, để đoạn trừ 3 thứ độc tham, sân, si dưới mọi hình thức, từ thô đến tế, mà thôi! Kinh Kim Cang được gọi là “*Guơm báu chặt đứt phiền não*” là vì Kinh dạy ta phá chấp triệt để.

Con người sống không chấp cái gì cả thì nhất định là an lạc rồi, vì đã được tự do tự tại, không bị trói buộc, không bị vướng mắc vào thế giới của ngôn ngữ sáo rỗng, hư dối, mộng mị mà con người luôn bị vướng vào vòng thị phi không lối thoát.

Bài học thứ 8: Chúng ta hãy nghe đức Phật hỏi và Ngài Tu Bồ Đề trả lời:
“Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có chứng được A Nậu

là những tiến bộ trên đường Đạo vì **Phật Pháp bất ly thế gian pháp**. Anh Chị Em chúng ta cũng vậy: sống, làm việc tham gia sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, đi đâu đâu em đều là vừa học vừa tu. Đừng nói rằng: Làm việc Gia Đình Phật Tử vừa tốn thì giờ, vừa tốn tiền bạc - vì không có lương đã đành mà việc gì cũng phải móc túi ra, đã vậy còn chuốc lấy phiền não. Quả thật có như vậy, mà không phải vậy. Vì thông qua việc làm “ăn cơm nhà vác ngà voi này” vô hình chung, Anh Chị Em chúng ta có thể thành tựu nhiều việc, tiến bộ về nhiều mặt, có nhiều niềm vui, v.v.. miễn là chúng ta luôn trung kiên với lý tưởng, không bao giờ biết mệt mỏi, không bao giờ thấy nhàm chán. Thiện Tài đã dùng hết cuộc đời mình để học, để sống thực nghĩa là áp dụng những bài học đó vào chính cuộc sống trước mặt, để chúng nghiệm sự đồng hóa giữa lý thuyết với thực tế cuộc sống. Cho nên, cuộc hành trình của Thiện Tài mới được gọi là cuộc hành trình “**chúng nhập pháp giới**” Nói cách khác, là đi vào thế giới của sự sự vô ngại hay nói theo sự phụ Tuệ Sỹ là sống vĩnh cửu trong từng sát na và nhìn thấy vô biên trong từng hạt cát. (Thầy thường khuyên Anh Chị Em chúng ta mở rộng lòng mình ra, để khoáng khắc trở thành thiên thu và mỗi hạt cát là một đại thiên thế giới; đúng là ý này đây phải không các bạn?)

6. Bài học cuối cùng để chấm dứt buổi học hôm nay là về pháp môn quán tưởng mà Thiện Tài đồng tu

đã học với Ngài Hải Vân. Anh Chị Em chúng tôi thật ngưỡng mộ đầu óc thông minh vĩ đại của Thiện Tài đã đành, mà còn bội phục chàng ta ở khả năng quán tưởng nữa. Thiện Tài đã ngồi nhìn mặt biển, quán tưởng về tính chất bao la và sâu thẳm của biển, khả năng chứa đựng vô số loài động, thực vật với muôn ngàn tính chất, màu sắc thay đổi không kể xiết. Biển còn tiếp nhận vô số nguồn năng lượng từ trên trời đến dưới đáy biển v.v. rồi liên hệ với tính chất đa dạng, phức tạp của tâm, và cả vạn pháp.

Thiện Tài đã giúp Anh Chị Em chúng tôi phấn chấn tinh thần, tự hứa sẽ tinh tấn trong những giờ ngồi thiền và dành nhiều thì giờ hơn để đi vào việc quán chiếu những đề tài như biển, nước, ngoài thân, thọ . . . mà chúng ta thường thực tập.

Nói chung, chỉ riêng phẩm Nhập Pháp Giới này, Anh Chị Em chúng tôi biết rằng mình học suốt đời cũng không xong, vì trong mỗi bài học của Thiện Tài là cũng đã có vô số bài học mà chúng ta có thể rút ra được rồi. Tuy nhiên, không chỉ với kinh Hoa Nghiêm, mà với tất cả các Bộ Kinh khác, Anh Chị Em chúng tôi cũng chỉ dám nghĩ rằng mình "*cõi ngựa xem hoa*". Nhưng đi ngang qua rừng hoa thì cũng được thơm lây chút chút- đó là những bài học rút ra được đem áp dụng vào sinh hoạt riêng và sinh hoạt Gia Đình Phật Tử để trao truyền phần nào cho các em mình, vậy là mãn nguyện rồi.

Câu trả lời của Đức Phật trợ lực cho Ngài Tu Bồ Đề, đã đánh thức đại chúng, làm lớp học linh động trở lại, đức Thế tôn nói rằng:

“Không những trong hiện tại mà cả đến thời vị lai, sau khi Như Lai nhập Niết bàn 500 năm, nếu có người nghe đến kinh này mà sinh lòng tin và thọ trì, thì phải biết người ấy đã trồng căn lành trong nhiều đời nhiều kiếp, đã từng tu hành từ vô lượng, vô số đời chư Phật đến nay.”

Điều đó nếu chúng ta đang có mặt trong pháp hội, chúng ta sẽ ngẫm hiểu rằng, tại sao chúng sanh đời sau, chỉ nghe nói lại, hay đọc Kinh Kim Cang thôi, cũng có thể tin hiểu được mà ta đang ở bên cạnh đức Phật, nghe chính đức Phật nói Pháp lại không thể tin hiểu? Hóa ra ta không hề trồng căn lành với nhiều đức Phật, không hề tu hành từ vô lượng kiếp như họ sao? Và từ đó, sẽ tập trung nghe giảng, hiểu ra được ý nghĩa biểu tượng của "*thờ phụng vô lượng chư Phật*" có nghĩa là giác tính về vô ngã, hiểu sâu về lý Duyên Khởi v.v. Như thế, bằng những câu hỏi và câu trả lời có tính cách đánh thức, một bên "*tung*" một bên "*hứng*", đức Phật và Tu Bồ Đề đã dựng lại niềm tin cho Đại chúng.

Bài học thứ 6: Giáo lý Kim Cang dạy về trí tuệ vô ngã;

Chúng ta còn đầy tư duy, ngã chấp nên muốn hành trì thì phải hiểu cho đúng ý Kinh, mới khỏi bị "*tẩu hỏa nhập ma*" nghĩa là làm sai lời dạy của Phật. Về việc này đức Phật có dạy: "*Học Kinh cũng như bắt rắn, nghĩa là nếu không nắm bắt được ý nghĩa của Kinh thì sẽ bị Kinh “quật” lại làm hại mình.* (Kinh Xà Dụ Nikaya) Thực tế, Anh Chị Em chúng tôi chưa ai bị, nhưng đã thấy có

là nói toàn chuyện Phật Pháp đâu, mà có khi nói chuyện tào lao, tầm phào; như vậy há không phải chúng ta đã làm ngược lại lời Phật dạy vì đối với chúng ta: “*Phi pháp còn không bỏ được huống gì là Pháp*” Vậy áp dụng bài học này, Anh Chị Em phải thấy được cốt lõi lời Phật dạy: *Hễ có chấp là bệnh rồi! Lời Phật dạy như phương thuốc trị bệnh, bệnh hết thì phải ngưng thuốc cũng như Phật pháp cần phải biết, phải nghe, phải học, áp dụng để tu, để được an lạc chứ không phải chỉ biết “ôm” chặt không bao giờ rời bỏ.*

Tuy nhiên, chúng ta phải tự biết mình đang ở đâu ? đã đến bờ chưa ? nếu chưa đến đâu hết mà vội bỏ bè là chết đuối đó nha!

Bài học thứ 5: Là “*Nghệ thuật giáo dục, hay cách hướng dẫn và đánh thức lớp học 1 cách tuyệt vời của Ngài Tu Bồ Đề*”

Thật vậy, có phải chúng ta hơi ngỡ ngàng khi nghe câu hỏi của Ngài Tu Bồ Đề về “*Chánh Tín Hy Hữu*” hay không ?

Tại sao, đang nói về phá chấp, về các pháp hữu vi đều là hư giả, Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi đức Thế Tôn là chúng sanh đời sau không biết có ai tin hiểu Kinh này không v.v..

Chúng ta nghĩ ra được rằng, tình hình đại chúng không được tập trung: đang có nhiều vị không tin, hay chưa tin, hay bán tin bán nghi, những lời dạy của đức Thế Tôn, nên Ngài Tu Bồ Đề mới đưa ra câu hỏi rất khéo, rất tế nhị này.

KINH HOA NGHIÊM (tiếp theo)

- Hoa Nghiêm với Toán Học và Khoa Học Hiện Đại -



Tỏ chúc Gia Đình Phật Tử nói chung, và Anh Chị Em Huynh trưởng nói riêng, gồm đủ mọi thành phần, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, thành thị hay thôn quê, học "cao" hay học "thấp". Cho nên khi nói đến "toán học" hay "khoa học hiện đại" có nghĩa là toán học và khoa học cấp phổ thông, chứ không dám lạm bàn đến toán học và khoa học cao cấp như hậu Đại học - lãnh vực này có những bậc thầy của chúng ta như giáo sư Hồng Dương, Giáo sư Trần chung Ngọc, Giáo sư Nguyễn Chung Tú đã đề cập đến rồi.

Sau đây là những bài học mà chúng tôi thu lượm được trong buổi học hôm nay:

1) Khi bước vào thế giới Hoa Nghiêm, về Tú Pháp Giới, đặc biệt là "Sự pháp giới" chúng ta thấy rất rõ một sự "gặp gỡ" giữa thế giới Hoa Nghiêm mà đức Bổn Sư đã nói đến từ cách đây mấy ngàn năm với những lý thuyết của vật lý học hiện đại về thiên văn, về nguyên tử, về năng lượng, lượng tử v.v.. chỉ khác nhau về phương diện thuật ngữ: thuật ngữ Phật giáo (*hay thuật ngữ Hoa Nghiêm*) và thuật ngữ khoa học.

Thật vậy, trong phẩm thứ Năm (*Hoa Tạng Thế giới - Tập I tr. 259 - 353*) nói về vô số thế giới (*những như vi trần*) với thiên hình vạn trạng hình tướng đặc tính khác nhau. **Những thế giới úp, những thế giới ngửa, vô số thế giới có hình xoay chuyển, hình giang hà, hình nước xoáy....** giăng chéo đan nhau như lưới trời Đế Thích (*lưới Đế châu*). Ở đây, mấy chữ "**trùng trùng duyên khởi**" của Hoa Nghiêm được Tổ thứ 3 của Hoa Nghiêm Tông là Ngài Pháp Tạng đã dùng sự phản xạ ánh sáng qua các gương phẳng để giải thích ý nghĩa của lưới Đế châu cho Nữ hoàng Võ Tắc Thiên đời Đường (*bên Tàu*):

“Ngài cho đốt một ngọn nến ở giữa phòng, rồi đặt những gương phẳng chung quanh bốn bức tường và cả trên trần cũng như ở sàn phòng. Ánh sáng phản chiếu cho nhiều ảnh của ngọn nến qua các gương phẳng, các ảnh này lại trở thành vật, được phản chiếu nhiều lần qua các gương phẳng tạo thành vô số ngọn nến (*những thực tế chỉ có 1 ngọn nến Thật, còn tất cả đều là ảnh Ảo của ngọn nến đó do sự phản xạ ánh sáng gây ra mà thôi*) Nếu ta lấy ngọn nến đi thì tất cả đều biến mất; Nói cách khác: Một là Tất cả, Tất cả là Một và **các pháp hiện hành trong vũ trụ chỉ là ảnh tượng của Chân Như mà thôi**. Xong, Ngài Pháp Tạng lấy ra một quả cầu thủy tinh nhỏ đặt trên lòng bàn tay và giảng cho Võ Tắc Thiên: "*Trong quả cầu nhỏ bé này hiện ra đầy đủ tất cả các mặt kính và tất cả sự phản chiếu của chúng*" Ngài muốn chứng minh **cái nhỏ chứa cái lớn và cái lớn chứa cái nhỏ** (nói theo ngôn ngữ kinh Hoa Nghiêm là *một hạt bụi bao trùm toàn bộ pháp giới hay một hạt cát là cả đại thiên thế giới* vậy)

riêng cho mình, mình đâu có đòi hỏi, yêu cầu hay khởi tâm mong muốn, tham lam, mình sẽ sống 1 đời thanh đạm, đơn giản . . . nhờ vậy sẽ ít bị "ba độc" xâm nhập và khống chế đó chính là bước đầu "Thanh lọc tâm ý"

Bài học thứ 4: "Giáo pháp như chiếc bè" Chúng ta áp dụng vào cuộc sống như thế nào về lời dạy này của đức Phật?

Trong kinh A Hàm, Phật kể chuyện ngụ ngôn:
"Có người bị cướp đuổi bắt, đến 1 bờ sông, người ấy phải trốn qua bên kia sông mới được an toàn; ông ta làm 1 chiếc bè gồm 8 cây to ghép lại (8 cây này tượng trưng cho Bát Chánh Đạo) rồi nhờ vậy mới qua được đến bờ bên kia. Khi qua sông rồi, tất nhiên người ấy phải bỏ chiếc bè lại; không lẽ lại đeo chiếc bè lên vai mà đi trên bộ hay sao?"

Câu chuyện thật đơn sơ và nghĩa đen rất dễ hiểu nhưng ý nghĩa biểu tượng của nó, Anh Chị Em chúng ta khó làm đó nha!

Vì xuyên qua câu chuyện này, Phật dạy chúng ta "**Pháp còn phải bỏ hà hướng phi pháp**" Xin khởi ghi ra đây những ý kiến về mấy chữ "**pháp**" và "**phi pháp**" chỉ nói phần thực hành bài học này. Trong ví dụ trên, chiếc bè là phương tiện để vượt sông cũng như Bát Chánh Đạo là phương pháp diệt khổ vậy. Ngay cả Bát Chánh Đạo là Pháp (*của Phật dạy*) cũng còn phải bỏ hướng là "**không phải Pháp**"

Tự soi rọi lại mình, chúng ta thấy sao? Chúng ta thì không những không bỏ mà còn "ôm" hết!

Thật vậy, Anh Chị Em chúng ta không phải gặp nhau

Nhưng nếu để trả lời câu hỏi: “*thân này là thật hay giả?*” chúng ta có dám nói là “*giả*” chẳng?

Giả mà sao ai nói động đến là nổi sân liền? Giả mà sao ăn, uống, ngủ nghỉ v.v.. đều quan trọng đến như vậy? Thế thì sau khi học kinh Kim Cang chúng ta phải “*cắt đứt*” được cái lỗi lớn nhất là “*Si*” nghĩa là đã biết “*có hình tướng là hư dối*” mà chấp ngã quá chừng; Thật vậy, ai cũng tự cho mình là ngọn núi Tu Di !! Ai cũng sai hết, 1 mình mình đúng, ai cũng dở hết, mình hay v.v.. nếu ta vượt qua được cái “*si*” này thì những thị phi không còn “*dính*” đến ta nữa, đúng hay sai, hay hoặc dở cũng đâu có sao, phải không Bạn?

Do vậy, hết si thì hết sân; bởi vì nghe ai chửi mình cũng như nghe 1 người A nói về 1 người B , hay cũng như nghe kể lại một giai thoại, mình không còn thấy “*mình*” quan trọng hơn người khác, đáng chú ý hơn người khác v.v.. nữa. Chúng tôi hứa với nhau, là trong Chúng từ đây sẽ không có ai nổi sân nữa, dù bất cứ lý do gì, sao cho các em mình nhìn vào sẽ có nhận xét: “*các anh chị lớn không có nổi sân đâu nha! Không phải vì họ lớn tuổi mà vì họ có tu đó!*”

Bài học thứ 3: từ chỗ diệt được “*Si*” qua chỗ hết “*Sân*” (nghĩa là hết một cách thô thiển - kiềm chế được những bực bội trong lòng để thốt ra những lời bừa bãi, nóng giận - chứ làm sao mà hết sạch trong tâm được)

Chúng ta còn phải tiến tới bớt tham, khi mình đã không chấp thân này là thật, đáng o bế cả về vật chất lẫn tinh thần, thì mình đâu có những nhu cầu thái quá

Về điểm này, năm xưa sư cô Như Thủy cũng đã nói cho chúng tôi nghe, khi có một chị Phật tử ở Mỹ về kể chuyện bên Tây bên Mỹ:

Những nơi mà chị ta đã đi du lịch rồi, và mấy hôm nay chị đang sống ở Sài Gòn. Chúng tôi ngồi nghe - sư cô nói: “*Như vậy, đầu óc nhỏ bé của chúng ta đã chứa tất cả những cảnh mà chị này vừa kể, rồi chúng ta còn hỏi tưởng lại những người, những cảnh do câu chuyện của chị ấy kể ra nữa, có phải không? đầu óc chúng ta không cần phải “giãn nở ra” mà những cảnh, những người cũng không cần phải “thu nhỏ lại”; đó là tính vô ngại của không gian. Còn những chuyện “bao la vũ trụ” mà chúng ta hỏi tưởng lại từ thời thơ ấu xa xưa cho đến những suy nghĩ toán tính trong tương lai, phải chăng chúng ta đã thu nhiếp quá khứ và tương lai vào phút giây hiện tại này? đó là tính vô ngại của cả không gian và thời gian vậy.*”

2) Vật lý cổ điển chỉ xét đến thế giới vĩ mô (*ở bên ngoài, rộng lớn*) còn vật lý học hiện đại không dừng lại ở đó mà còn tiến sâu vào “*trong lòng nguyên tử*”. Ngày xưa nhà hoá học Lavoisier chỉ nói đến phân tử và nguyên tử. Nhưng ngày nay, không chỉ những nhà khoa học mà cả chúng ta nữa, cũng đều biết rằng nguyên tử chưa phải là phần nhỏ nhất của vật chất, bởi vì bên trong nguyên tử còn có nhân và nhiều âm điện tử (*electrons*) chạy chung quanh; rồi trong nhân còn có protons và neutrons nữa. Tương tự, về cơ thể học các nhà sinh vật cho rằng cơ thể con người là do các mô cấu tạo thành mà mô là do nhiều tế bào hợp lại, mỗi tế bào lại do nhiều phân tử, phân tử lại do 2 hay nhiều nguyên tử hợp lại mà thành, nguyên tử lại

bao gồm protons, neutrons và electronsCho nên "*cái nguyên nhân đầu tiên*" của con người hay của thế giới vẫn không tìm ra. Nhiều lý thuyết, nhiều tranh luận và nhiều chứng minh nhưng được cái này thì "*ket*" cái kia, nên vẫn không đem đến kết quả gì. Vậy mới nói đó là thế giới của sinh tử, trong đó người ta muốn "*chẻ một sợi tóc ra làm bốn*" nhưng vẫn không phát hiện ra được điều gì mới lạ, đó không phải là thế giới lý tưởng sự sự vô ngại pháp giới của Hoa Nghiêm.

Trong thế giới Hoa Nghiêm, với tuệ giác tương tức được diễn bày, cái nhìn của chúng ta được mở rộng: chỉ cần nhìn chiếc lá cây -nhìn thật sâu - ta có thể thấy được cả bầu trời xanh, đám mây trắng, nước, người làm vườn và trăm ngàn yếu tố khác. Nói cách khác ta đã có thể nhìn thấy cả vũ trụ trong chiếc lá cây, bởi vì chiếc lá kia không thể một mình hiện diện và tồn tại, mà phải cùng có mặt cùng với mặt trời, nước, đám mây v.v.. Ta hiểu được một cách sâu sắc hơn cái gì là Một là Tất cả và Tất cả là Một. Rồi khi lá cây héo úa nó sẽ trở thành phân bón cho những cây khác đang lớn lên và làm trở lại lá cây, hoa tráiĐó chính là sự sinh hoá vô cùng vô tận, nói theo thuật ngữ Hoa Nghiêm đó là "*trùng trùng duyên khởi*"

3) Bài học trong lần học trước về 4 pháp giới hay vũ trụ quan trong kinh Hoa Nghiêm là pháp giới được nhìn "**như -nó -là**" (*as-it-is*) - như thật, trong đó thế giới của hiện tượng và thế giới của bản chất đang "*giao thiệp*" với nhau, trộn lẫn vào nhau một cách hoàn hảo - không ngăn ngại (*Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới*). Còn cái thấy của

"không còn chấp tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả" chưa được tốt mà thôi!

Như vậy, chúng ta cũng có cần lành chút chút, cũng có khiêu về "Bát Nhã" rồi mới thích học Kinh Kim Cang và tìm hiểu về Bộ Kinh này, phải không các bạn? cũng như người có khiếu âm nhạc mới thích đàn thích hát, thích học đàn, v.v.. hay nói theo ngôn ngữ Duy Thức thì chúng ta cũng có "Chủng Tử Bát Nhã" (*hạt giống bát nhã trong tâm*) nên mới hiểu được, tin được và có hứng thú tìm hiểu thêm về Kim Cang - Bát Nhã vậy.

Chúng ta nghe tiếp Phật nói về giáo pháp của Ngài:

"*Này Tu Bồ Đề, người nghe Kinh này chỉ một niệm sinh lòng tin thanh tịnh, thì Như Lai thấy rõ ràng và biết chắc chắn chúng sanh ấy sẽ được phước đức vô lượng vô biên. Vì sao? vì những chúng sanh ấy không còn chấp các tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả nữa. Các ông không nên chấp các tướng dù "tướng chánh pháp" hay "tướng phi chánh pháp" vì nếu như vậy thì cũng đều bị dính mắc vào 4 tướng.*

Tỳ kheo! Các ông nên biết ta nói pháp dụ như chiếc bè, không nên trụ chấp nơi pháp, pháp còn không nên trụ chấp, nên bỏ, hướng chi là "phi pháp"

Bài học thứ 2: Anh Chị Em chúng tôi nhắc nhở nhau rằng: *Tin hiểu là một chuyện, mà tin đến mức nào, hiểu ra làm sao lại là một việc khác.*

Này nha: ta nghe Phật nói "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" ta tin, và hiểu với bao nhiêu chứng minh tự ta tìm ra, với kinh nghiệm bản thân về các hiện tượng sự việc từ vật lý đến tâm sinh lý, từ con người đến loài vật;

Trong buổi học vừa qua, Anh Chị Em chúng ta đã đến đoạn 5. Phật dạy về câu: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” người nào thấy được như vậy là thấy Như Lai, thấy Phật hiện tiền.

Cho nên, ngài Tu Bồ Đề dùng chữ “*như thế*” trong câu hỏi là chỉ cho ý này.

Đoạn 6 : Chánh tín hy hữu (Chánh tín ít có)

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

“*Thế tôn, chúng sanh đời sau được nghe những lời nói như thế chẳng biết có tin được không?*”

Phật nói:

“*Này Tu Bồ Đề, không những trong hiện tại mà cả đến thời vị lai, sau khi Như Lai nhập Niết Bàn 500 năm, nếu có người nghe đến kinh này mà sinh lòng tin và thọ trì, thì phải biết người ấy đã trồng căn lành trong nhiều đời nhiều kiếp, đã từng tu hành từ vô lượng vô số đời chư Phật đến nay.*”

Bài học thứ 1 của Anh Chị Em chúng tôi hôm nay là: không phải ai cũng tin được, hiểu được bộ kinh này đâu, phải là người có trồng căn lành trong nhiều đời, nhiều kiếp, tu hành từ nhiều đời chư Phật đến nay; một điển hình là ngài Huệ Năng chỉ nghe câu “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” là ngộ liền! Anh Chị Em chúng tôi đọc bao nhiêu lần các chương, các câu đối đáp giữa ngài Tu Bồ Đề và đức Phật mà không ngộ được cái gì cả! Thật cũng không có gì đáng ngạc nhiên!! Cũng được an ủi là tuy mình chưa ngộ được, nhưng cũng tin và hiểu nghĩa lý đức Phật nói; chỉ là phần thực hành

phàm phu chúng ta, là thấy đủ thứ phân biệt, ngăn cách, chướng ngại, đó là thế giới của sinh tử. Như vậy, chỉ cần thay đổi cách nhìn, cách tư duy, chúng ta có thể biến thế giới sinh tử thành cảnh giới Hoa Nghiêm toàn hảo, như cảnh của Hoa tạng thế giới vậy. (*Tuy nhiên, một chữ đối rất nhỏ này thôi cũng đòi hỏi công phu tu tập và trình độ nhận thức không biết đến bao nhiêu kiếp nữa đây ! ☺ ☺ !!*)

Đến đây, Anh Chị Em chúng tôi không hẹn mà đều nhớ đến Phẩm Tịnh Hạnh, (*tập I phẩm thứ 11 tr. 452-tr. 467*). Phẩm Kinh này rất ngắn nhưng cốt tủy của nó rất “*vĩ đại*” đó là: **sửa đổi cái nhìn**; Nhìn sao thì sống vậy. Nhìn với đủ thứ phân biệt, với tâm yêu-ghét lấy-bỏ (*xây dựng trên bản ngã nhỏ hẹp ích kỷ*) thì đó là vướng mắc trôi buộc; Nhìn thấu suốt với tâm bình đẳng vô tư thì đó là giải thoát. Sự vĩ đại được thấy ngay khi người hỏi là Bồ tát Trí Thủ và người giải đáp là Bồ tát Văn Thù - hai vị cao thủ của Trí Tuệ Giải Thoát - và tổng số các câu hỏi lên tới hơn 100 câu! Bồ tát Văn Thù trả lời: đáp án chung cho tất cả các câu hỏi là Tịnh Hạnh, nghĩa là phải thực hành, đi một bước còn hơn nói 100 chuyện !! ☺ ☺ !!

Thế là Ngài Văn Thù bắt đầu giảng nói về “*chìa khóa*” của việc sửa đổi cái nhìn; đó là Xảo Nguyện (*là sự mong cầu, thỉnh nguyện thiện xảo*). Xảo nguyện là một phương pháp giáo dục cái nhìn, tập nhìn làm sao để cho những phản xạ tâm lý không bị vướng mắc, phiền não. Ngài đề cập đến những chiều sâu của phép Tịnh Hạnh: Đối hướng nhìn, Phá móc xích, Trừ kiến hoặc, Thực nghiệm vô ngã. Và **phương pháp để thực hiện Tịnh Hạnh là từng bước thanh tịnh tâm ý**.

Ở đây, Ngài Văn Thù kể lại sinh hoạt bình thường của một người từ lúc mới phát tâm bồ đề ở nhà cho đến khi thành chú Sa Di ở chùa với đủ thứ nhân duyên, hoàn cảnh, điều cốt yếu là ứng với mỗi cử chỉ, hành vi trong mỗi hoàn cảnh, người hành giả đều khởi lên một xảo nguyện xuyên qua một bài kệ - phải nói là đại nguyện mới đúng, vì toàn là những nguyện làm lợi ích cho chúng sanh chứ không nghĩ riêng cho bản thân mình, không có cái ta và của ta trong đó.

Đoạn này Anh Chị Em chúng tôi rất thích thú vì đây chính là nội dung của "*Tỳ Ni Thiết Yếu Nhật Dụng*" mà chúng ta đã biết, và Thầy Nhất Hạnh đã dịch thoát ra tiếng Việt; ví dụ như:

Kệ Thúc Dậy :

*Thúc dậy miệng mỉm cười
Hăm bốn giờ tỉnh khỏi
Nguyện sống cho trọn vẹn
Mắt thương nhìn cuộc đời*

Kệ Đánh Răng Súc Miệng:

*Đánh răng và súc miệng
Cho sạch nghiệp nói năng
Miệng thơm lời Chánh ngữ
Hoa nở tự vườn Tâm*

Kệ Rửa Tay:

*Múc nước để rửa tay,
Xin nguyện cho mọi người
Có đôi bàn tay khéo
Gìn giữ trái đất này*

KINH KIM CANG (tiếp theo)

- Đoạn 6 đến Đoạn 10 -



“Tu Bồ Đề, Ý ông nghĩ sao? A La Hán có thể khởi ý nghĩ rằng “Ta đắc đạo A La Hán” không?”

Ngài Tu Bồ Đề đáp:

“Thưa không, Thế Tôn! Tại sao? Tại vì thật chẳng có pháp gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn! Nếu A La Hán khởi nghĩ: Ta được đạo A La Hán tức là còn chấp ngã, chúng sanh, thọ giả.. Thế Tôn! nói con đắc Vô Tránh Tam Muội, là bậc nhất trong số người đó, là bậc A La Hán ly dục bậc nhất. Thế Tôn! Con không khởi lên ý nghĩ con là A La Hán ly dục bậc nhất. Nếu con khởi lên ý nghĩ rằng: Con đắc đạo A La Hán thì Thế Tôn đã chẳng nói Tu Bồ Đề là một người ưa hạnh A Lan Na (thanh tịnh). Vì Tu Bồ Đề vốn thật ra không có làm gì, nên mới gọi Tu Bồ Đề là ưa hạnh A Lan Na.”

không chấp thân này là thật, là vĩnh cửu để phải lo cho nó thái quá, ai đụng tới là sân si ngay!

Ví dụ: ta thấy được âm thanh cũng không thật, những lời khen tiếng chê cũng không thật, đều do vọng tâm điên đảo phát ra trong 1 lúc thiếu tỉnh thức v.v.. mà thôi; hoặc giả nếu ta không nghe những lời ấy, thì tâm ta cũng không buồn vui theo nó, quả thật tất cả đều là hư giả, không thật. Tất cả chỉ là duyên khởi: duyên hợp thì tụ lại, duyên rã thì tan biến, ngăn ngửi không khác gì ánh chớp của tia lửa điện, như áng mây, như chiêm bao....

Bài học thứ 14: Như vậy ý nghĩa và phương pháp tu hành là “*thấy được cái chân thật, không chấp lầm cái giả tưởng*” và đức Phật chân thật là đức Phật ở trong ta, đức Phật này chỉ hiển lộ khi nào tâm không còn điên đảo vọng tưởng, không chạy theo, không dính mắc vào 6 trần.

Bài học này đã chấm dứt buổi học đầu tiên về Kinh Kim Cang của Anh Chị Em chúng tôi;



Trong phẩm này 2 câu cuối là :

*Có bàn tay trong sạch
để giữ gìn (thọ trì) Phật pháp*

Tuy nhiên, Tỳ Ni Thiết Yếu Nhật Dụng chỉ dành cho các chú Sa di trong chùa, còn trong phẩm Tịnh Hạnh thì nói về cuộc sống một người Phật tử từ khi còn ở nhà với đầy đủ thất tình lục dục. Nên ở đây những bài kệ dành cho bồ tát tại gia có đầy đủ hình ảnh của cha mẹ, vợ con, v.v.. và với những hình thức hưởng lạc của thế gian, nhưng đã lồng vào những lời nguyện rất thiện xảo, có tác dụng thúc tỉnh hành giả một cách rất tài tình; ví dụ như :

Bồ tát ở nhà

*Nguyện rằng chúng sanh
Biết nhà tánh Không
Tránh mọi bức bách*

Hay :

*Hiếu thảo cha mẹ
Nguyện rằng chúng sanh
Khéo phụng sự Phật
Chăm sóc hết thầy
Vợ con sum vầy
Nguyện rằng chúng sanh
Oán thân bình đẳng
Vĩnh ly tham trước
Được hưởng ngũ dục ,
Nguyện rằng chúng sanh
Nhớ mũi tên dục
Cứu cánh yên ổn*

Ca nhạc tự học
Nguyện rằng chúng sanh
Vui với chân lý
Biết nhạc là giả
v.v.. và v.v..

Thế cho nên mới nói, trước đây chúng ta chỉ thực tập và đem dạy các em áp dụng một phần nhỏ của Tỳ Ni Thiết Yếu với vài chục bài kệ, với sinh hoạt của một chú sa di, còn ở đây có tới trên 140 bài. Hôm nay khi ngồi viết lại bài học kinh Hoa Nghiêm này, chúng tôi còn nhận được 2 cuốn in 2 Phẩm Hoa Nghiêm (*phẩm Tịnh Hạnh và Phẩm Như Lai Hiện Tướng*) do CE dịch và lược giải, Bảo Phật Thánh Hội ấn tống - 2001; thật đúng là "nóng hổi hổi vừa thổi vừa đọc" (*đúng là một thiếu sót lớn vì chúng tôi không biết được CE là ai và nguồn gốc của Bảo Phật Thánh Hội . Xin Anh Chị Em nào biết vui lòng soi sáng cho*)

4) Bài học thứ 4 là: Thí nghiệm về phản xạ ánh sáng mà Tổ Pháp Tạng làm cho Võ Tắc Thiên coi. Điều này đem đến cho Anh Chị Em chúng tôi một bài học về các mối tương quan giữa vật thật với ảnh ảo - cái nào ảo cái nào thật - không quan trọng -nhưng cái khả năng được tấm gương phản xạ để tạo thành một ảnh khác, rồi ảnh này lại trở thành vật, cho qua 1 tấm gương khác, một ảnh khác nữa v.v.. bài học này thật sự chỉ đến với Anh Chị Em trong thời điểm học kinh Hoa Nghiêm mà thôi (*chú bài vật lý về gương phẳng thì ai cũng đã biết từ hồi còn nhỏ, từ năm học lớp 8 kia mà !*) Đó là: Hãy tưởng tượng đức Phật đang ngồi trước mặt ta và đang giảng Pháp cho ta.

thêm câu "hữu hình thì hữu hoại," Ngài thị hiện làm con người thì phải có sinh có chết v.v.. Trở lại với bài học: Vậy chúng ta phải nhìn Như Lai như thế nào? Đó là nhìn thấy được Pháp thân Phật, cái thường còn, không sinh không diệt nơi mỗi chúng sanh, là Phật tánh, mà mỗi chúng ta phải làm hiển 1 một ngày nào đó, để chứng minh câu nói của đức Phật "*Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.*" Như vậy, nếu chúng ta chỉ biết thờ các tượng Phật, chỉ biết chiêm ngưỡng các tướng tốt và vẻ đẹp của đức Phật Thích Ca ở nước Ấn Độ thì nay đâu còn nữa? Rồi ta có buồn phiền vì đức Phật không còn nữa hay không? Do đó, ngoài việc thờ cúng hình tướng Phật, chúng ta còn phải hiểu sâu sắc ý nghĩa của Pháp thân Phật, hay Phật tánh trong mỗi chúng sanh nữa.

Bài học thứ 13: "*Nếu thấy các tướng, chẳng phải tướng tức thấy Như Lai*"

Câu này chúng ta có làm được chưa? và muốn thực hành lời dạy này thì phải làm như thế nào? Bây giờ tất cả Anh Chị Em chúng ta thấy các tướng đều là **Thật** hết! từ thân này, tâm này, đến những lời nói của mọi người (*khen, chê, thương, ghét v.v.*) chúng ta đều ghi nhớ đến nỗi bỏ ăn mất ngủ; một hình bóng, tướng mạo xuất hiện trước mắt cũng có thể lưu lại rất lâu . . . Do đó, tâm chúng ta không bao giờ được an cả. Tâm bất an đó là vọng tâm điên đảo do dính mắc với 6 trần, cứ khởi lên hoài. Muốn khỏi bị tình trạng đó, chúng ta phải thấy được "*tướng chẳng phải tướng.*" Ví dụ: ta thấy được thân này là hư giả, vì nó do 4 đại kết hợp, nay đau, mai bệnh, mốt chết . . . không biết nó tan rã lúc nào; như vậy ta

nghĩa đúng của chữ bố thí là “cho” tức là buông xả và chữ “trụ” nghĩa là dính mắc. Nói cách khác, ta phải buông xả, buông xả hết các vọng niệm, đừng dính mắc với 6 trần khi tiếp xúc với chúng, như vậy mới an trụ tâm được.

Nói tóm lại, để trả lời câu hỏi của Tu Bồ Đề, đức Phật dạy:

“Muốn hàng phục vọng tâm, thì phải đưa tất cả vọng niệm vào vô sanh; muốn an trụ tâm thì phải buông xả, đừng dính mắc với 6 trần”.

Cho nên đến đây, đáng lẽ có thể chấm dứt bộ Kinh rồi, vì đức Phật đã giải đáp xong câu hỏi của ngài Thiện Hiện; nhưng vì có nhiều căn cơ thấp kém như Anh Chị Em chúng ta nên bộ Kinh phải kéo dài thêm nhiều đoạn nữa vậy !!

Ở đoạn 5, đức Phật dạy về “thấy lẽ thật, đúng lý” như sau: “Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? có thể do thân tướng mà thấy Như Lai không? Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Như Lai đã nói thân tướng tức không phải là thân tướng. Phật bảo Tu Bồ Đề: phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng, chẳng phải tướng, tức thấy Như lai.”

Bài học thứ 12: Lâu nay chúng ta dạy các em: đức Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, là một thanh niên trẻ đẹp tuổi trẻ tài cao v.v.. vậy có phải là ta đã nhìn Như Lai qua thân tướng hay không?

Cũng may, là ta cũng có nói khi đức Phật nhập Niết Bàn thì Ngài là một ông cụ già yếu v.v.. và cũng có

Xin hỏi: *Đó có phải là mối liên hệ hai chiều giữa người nói (đức Phật) và người nghe (ta) hay không?*

Thật vậy, nếu ta bắt chước Ngài Pháp Tạng đặt một tấm kính trước mặt đức Phật và ta; tấm kính (*vô hình*) có khả năng phản chiếu đức Phật và ta; nghĩa là trong phòng bây giờ có Đức Phật và ảnh của Ngài, ta và ảnh của ta. Trong đại chúng có 2 ý kiến:

- đó là mối tương quan 4 chiều, trong đó:
 - a) đức Phật đang giảng Pháp và ta đang lắng nghe (*quan hệ 2 chiều*)
 - b) đức Phật trong tâm ta đang giảng pháp và người ở trong tâm Phật đang lắng nghe (*2 chiều khác*)
- quan hệ 4 chiều, trong đó:
 - a) đức Phật đang thuyết pháp và ta đang lắng nghe (*quan hệ 2 chiều*)
 - b) đức Phật trong tâm ta đang lắng nghe đức Phật bên ngoài thuyết pháp (*2 chiều*)

Vì không có thầy Cố Vấn Giáo Hạnh ở đây, nên không biết câu hỏi này có nên đặt ra không và câu trả lời nào thích hợp.

5) Có một bạn đem điều tâm đắc của mình ra chia sẻ với Chúng; đó là trong khi học Hoa Nghiêm đến phẩm thứ 30 - Phẩm A Tăng Kỳ - bạn ấy mới biết được **na do tha** là gì và mới phát hiện đức Phật đã đọc tên được những số vô cùng lớn cách đây mấy ngàn năm (*trong khi đó, cho đến bây giờ chúng ta cũng chỉ đọc tên được đến số 10 lụy thừa*

12 = 1 triệu triệu mà thôi) Đây nhé, ở trang 170 tập III - phẩm A Tăng Kỳ, đức Phật giảng:

(1 lạc xoa = 10 vạn tức là 100.000 = 10 lũy thừa 5
và câu chi lần câu chi; nghĩa là bình phương của câu chi)

- 100 lạc xoa = 1 câu chi;
- Câu chi lần câu chi = 1 A giu đa
- A giu đa lần a giu đa = na do tha
- Na do tha lần na do tha = 1 tần bà la
- Tần bà la lần Tần bà la = 1 căn yết la
- Căn yết la lần căn yết la = 1 A già la
- A già la lần A già la = 1 tối thắng v.v..

Nói theo ngôn ngữ toán của chúng ta ngày nay là:

- Mười lũy thừa mười nhân mười lũy thừa mười bằng mười lũy thừa hai mươi.
- Mười lũy thừa hai mươi nhân mười lũy thừa hai mươi bằng mười lũy thừa bốn mươi.
- Mười lũy thừa bốn mươi nhân mười lũy thừa bốn mươi bằng mười lũy thừa tám mươi.
- Mười lũy thừa tám mươi nhân mười lũy thừa tám mươi bằng mười lũy thừa một trăm sáu mươi.
- Mười lũy thừa 160 bình phương bằng mười lũy thừa 320; số đó bình phương bằng mười lũy thừa 101 493 292 610 318 652 755 325 638 410 240; số đó bình phương làm thành một a tăng kỳ (incalculable=không thể tính toán được).
- A tăng kỳ lũy thừa bốn làm thành một vô lượng (measureless= không thể đo lường được)

Bài học thứ 10: Đó là câu nói đơn giản mà thật khó làm: độ tất cả chúng sanh như vậy, nhưng không thấy có chúng sanh nào được độ mới là Bồ Tát (“*Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn thấy có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát*”).

Nếu chúng ta làm được điều này thì tâm sẽ không còn dấy niệm nữa, bởi vì còn 4 tướng, là còn dấy niệm: thấy có mình, có người (ngã, nhân) có mình tốt, có người xấu, có người này hay, người kia dở (có chúng sanh, thọ giả) v.v.. Nói tóm lại, làm bất cứ việc gì, cũng đều với “tâm Không,” không chấp nhất, không vướng mắc, không bị kẹt . . . đó là cứu cánh của việc tu hành.

Ở đoạn 4 đức Phật dạy:

“*Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với các pháp nên không có chỗ trụ, mà làm việc bố thí. Chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ nơi thanh, hương, vị, xúc để bố thí; này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên như thế mà bố thí, gọi là chẳng trụ nơi tướng mà bố thí, như vậy thì phước đức không thể lường . . .*”

Bài học thứ 11: Ở đây bốn phạm Anh Chị Em chúng tôi là phải giải đáp câu hỏi: “*Thế nào là bố thí mà chẳng trụ nơi sắc, nơi thanh, hương . . .*” ?

Vì trong các cách bố thí (tài thí, pháp thí, vô ý thí) đều có sắc (tài thí, của cải vật chất: cơm áo gạo tiền, có cái nào là “vô sắc” đâu?) thanh (Pháp thí, vô ý thí, mình an ủi, giảng Pháp, nghe người ta tâm sự v.v. đều là có âm thanh hết, đâu có thể nào “vô thanh” được?)

Do đó, chúng tôi thấy rằng, ở đây đức Phật dạy ta ý

thiên hình vạn trạng không khác gì thế giới bên ngoài, vậy mới nói “ý mơ tưởng bao la vũ trụ” đó mà!

Bài học thứ 8: Định nghĩa của Niết Bàn là “Vô Sanh” đó các Bạn à! Vậy nếu đối cảnh mà tâm ta không khởi lên vọng niệm, ấy là tâm ta đang ở trạng thái Niết Bàn có phải không? Hay là khi vọng niệm khởi lên, ta không chạy theo nó, cứ để nó tự sinh tự diệt, tự đến tự đi, không đón tiếp, không xua đuổi v.v.. thì đến 1 lúc nó lặn xuống hết, không còn tăm dạng, có phải là ta đã đưa chúng vào Vô Dư Niết Bàn rồi hay không?

Bài học thứ 9: Như vậy, “chúng sanh” mà đức Phật nói ở đây, là những niệm dấy lên trong tâm ta; ví dụ khi nghĩ về một người, là trong tâm ta đã có một chúng sanh thuộc loại thai sanh đi qua; nghĩ đến hư không thì đó là một chúng sanh không có hình sắc, v.v.. Vậy phương pháp mà đức Phật dạy cho ngài Tu Bồ Đề (cũng là dạy cho Anh Chị Em chúng ta) hàng phục tâm, hay điều phục tâm là: ta phải quan sát tâm, mỗi khi có một niệm dấy lên (nghĩa là một chúng sanh đi qua) thì ta đừng “chạy theo” nó mà chỉ quan sát nó cho đến khi nó “lặn” xuống, thế là ta đã độ nó vào Vô Dư Niết Bàn rồi!! Một niệm dấy lên tức là một chúng sanh, nó lặn xuống tức là nó đã được độ vào Vô Dư Niết Bàn. Làm như vậy, từng giờ từng phút, nói nôm na là sống trong chánh niệm tỉnh thức, từng giờ từng phút có phải là ta đã độ được vô số chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn mà không thấy có chúng sanh nào được độ hay không? Tất nhiên đây chỉ là “hiểu” còn thực hành thì thật là khó muôn vàn đó nha!!

-
- Vô lượng lũy thừa bốn làm thành một vô biên (boundless)
 - Vô biên lũy thừa bốn làm thành một vô đẳng (incomparable= không thể so sánh được)
 - Vô đẳng lũy thừa bốn làm thành một bất khả số (innumerable)
 - Bất khả số lũy thừa bốn làm thành một bất khả xưng (unaccountable)
 - Bất khả xưng lũy thừa bốn làm thành một bất khả tư (unthinkable)
 - Bất khả tư lũy thừa bốn làm thành một bất khả lượng (immeasurable)
 - Bất khả lượng lũy thừa bốn làm thành một bất khả thuyết (unspeakable)
 - Bất khả thuyết lũy thừa bốn làm thành một bất khả thuyết bất khả thuyết (untold)
 - Bất khả thuyết bất khả thuyết bình phương làm thành bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển."

Thế đấy, từ 1 căn yết la = 10 lũy thừa 112 !! ☺ ☺ !! là ta đã không có tên gọi nữa, nhưng đức Phật thì cứ gọi tiếp cho tới 5 trang kế tiếp; (các bạn cứ tưởng tượng xem - từ lạc xoa đến căn yết la - là mới có 5 hàng, mà số lượng đã lên tới 10 lũy thừa 112 ! vậy mà đây Phật cứ gọi tên như vậy cho tới thêm 5 trang nữa cho đến khi đến cái mà đức Phật gọi tên là **bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển** mới chịu ngưng).

Hèn gì ngày xưa khi còn bé, đức Phật đã nổi tiếng giỏi toán nhất đã đếm được đến những con số không ai

hình dung nổi! Tài năng toán học của Ngài cũng đã được kể lại trong Lalitavistara (*Phổ diệu Kinh*) rằng: Trong 1 cuộc thi đếm số lượng mà Ngài đã thắng giải, Ngài đã làm cho vị giám khảo phải quỳ xuống bái phục! Đây là một ngạc nhiên và thích thú của Anh Chị Em chúng tôi. Mặc dù không ai đọc nổi một lần những con số khổng lồ ghi ở đầu phẩm này. (*khi đức Phật trả lời câu hỏi của Tâm Vương Bồ Tát thế nào là A Tăng Kỳ, thế nào là Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết*) Thật đúng là **trí Phật sáng ngời như Trăng sáng**.

6) Mặc dù pháp giới trùng trùng vô tận, nhưng đức Phật đã vì Bồ tát Tâm Vương mà tóm tắt những cái vô cùng nhỏ (*trên đầu mỗi sợi lông*) chứa đựng những cái vô cùng lớn (*sơn hà đại địa*) để mô tả pháp giới nhiệm màu kỳ diệu của Hoa Nghiêm; Chúng ta hãy nghe (*tr. 174 - tr. 181*) :

*"Bất khả ngôn thuyết bất khả thuyết
Sung mãn tất cả bất khả thuyết
Trong những kiếp bất khả ngôn thuyết
Nói bất khả thuyết chẳng hết được.
Bất khả ngôn thuyết các cõi Phật
Thấy đều nghiên nát làm vi trần
Trong một trần, bất khả thuyết cõi
Như một, tất cả đều như vậy.*

... ..

*Ở trên bất khả thuyết đầu lông
Đều có cõi tịnh bất khả thuyết
Nhiều thú trang nghiêm bất khả thuyết
Nhiều thú kỳ diệu bất khả thuyết."*

... ..

9 loài, về nghĩa chữ “*chúng sanh*” v.v.. và những bài học khác, rất lý thú, xin trình bày lần lượt:

Bài học thứ 6: Bốn tướng là:

- *Tướng Ngã*: thấy có “ta” “mình” thật.
- *Tướng Nhân*: thấy có người thật.
- *Tướng Chúng Sanh*: thấy có các loài chúng sanh thật.
- *Tướng Thọ Giả*: thấy có mạng sống tiếp nối .

Bài học thứ 7: Tất cả các loài chúng sanh, đều được kể là thuộc vào một trong 9 loài sau đây :

- *Noãn Sanh*: sanh bằng trứng (chim, gà, vịt v.v.)
- *Thai Sanh*: sanh bằng bào thai (người, động vật có vú ..)
- *Thấp Sanh*: sanh ở chỗ ẩm ướt (con đom đóm, con trùn, con bọ v.v..)
- *Hoá Sanh*: chuyển hoá từ thân này sang thân khác (như ong, bướm, . .)
- *Có hình sắc*
- *Không có hình sắc*
- *Có tướng*
- *Không có tướng*
- *Chẳng có tướng chẳng không có tướng*

Đó là nói về các loài chúng sanh ở bên ngoài, trong tâm ta cũng có đủ loại chúng sanh như thế. Không phải sao các bạn? Này nha! Có khi chúng ta rất hiền lành, tốt bụng, cũng có khi nổi sân nổi si, độc ác hung dữ làm cho người khác sợ, không khác gì cạp beo rắn rít. Có khi trong tâm nhiều vọng niệm dấy khởi lên, có niệm thuộc thai sanh, thấp sinh, hoá sinh v.v.. thật là

nên làm như thế này: có rất nhiều loài chúng sanh: hoặc noãn sanh, thai sanh, hoá sanh, thấp sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng . . . các vị Bồ Tát nên độ tất cả chúng sanh ấy vào Vô Dư Niết Bàn. Độ hằng hà sa chúng sanh như thế, mà thật không thấy có chúng sanh nào được độ. Vì sao? Đây Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn thấy có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát”

Đoạn này nếu mới đọc kinh lần đầu, thì Anh Chị Em chúng tôi không tài nào hiểu được ngôn ngữ của đức Phật dùng để trả lời Tu Bồ Đề.

Thật vậy, nhờ những bộ kinh đã được học trước đây, và qua lời giảng của quý Thầy chúng tôi mới hiểu được sâu sắc hơn ngôn ngữ biểu tượng của mấy chữ “độ tất cả chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn.” Nếu không hiểu cách nói của đức Phật, chúng ta sẽ nghĩ rằng Ngài bảo “độ tất cả chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn” trong khi chúng ta chưa ai được vào Niết Bàn hết, làm sao mà độ chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn đây?

Có phải Ngài đã quên rằng đại chúng, chưa có ai vào Niết Bàn cả không? thưa không! Ngài không nhầm, chỉ là chúng ta hiểu chưa kịp mà thôi!

Thật ra Kinh đã nói trong mỗi con người đều có đủ “Thập Pháp Giới” (4 Thánh, 6 Phàm) nói cách khác, tâm của chúng ta “*khi ma khi Phật, khi phàm khi Thánh*” và mỗi niệm dấy lên là một chúng sanh, nếu ta có thể làm cho nó lắng xuống không dấy khởi lên nữa thì đấy chính là đưa nó vào Vô Dư Niết Bàn. Vì vậy, ở đây Anh Chị Em chúng tôi cũng được ôn lại về 4 tướng, về

*Chỗ một đầu lông côi lớn nhỏ
Tạp nhiễm thanh tịnh côi thô tế
Tất cả như vậy bất khả thuyết
Mỗi mỗi rõ ràng phân biệt đượ.*

*Đem một côi nước nghiền làm bụi
Bụi đó vô lượng bất khả thuyết
Trần số vô biên côi như vậy
Đều đến đồng nhóm đầu một lông.*

*Những côi nước này bất khả thuyết
Đồng nhóm đầu lông không chặt hẹp
Chẳng khiến đầu lông có thêm lớn
Mà những côi kia chung đến nhóm.*

*Trên lông tất cả những côi nước
Hình tướng như cũ không tạp loạn
Như một côi chẳng loạn các côi
Tất cả côi nước đều như vậy.”*

v.v.v. và v.v.v..

Đến đây Anh Chị Em chúng tôi phải hiểu nghĩa và làm quen với số lượng *bất khả ngôn thuyết bất khả thuyết* của Ngài rồi!

Qua 6 bài học trên đây, Anh Chị Em chúng tôi kết thúc buổi học Kinh hôm nay và cũng tạm kết thúc học Kinh Hoa Nghiêm để đi qua Kinh Duy Ma Cật.

Một bạn vừa lai tịnh - ra khỏi thế giới Hoa Nghiêm đã làm bạn ấy ngây ngất - đọc tặng mọi người

bài thơ bạn ấy vừa sáng tác, tạm gọi là Túc Cảnh Hoa
Nghiêm như sau :

*Theo em lên tầng phi tưởng
Chột nghe sắc tướng đi vong,
Ngàn lời thoát hóa thành không
Đấu chân trên cát mênh mông thiên đường.*

*Lạnh tanh nhìn bong tịch dưỡng
Dừng đứng ảo ảnh chiêu buông lặng lẽ,
Ta nhìn em - lạ tuổi thơ
Rồi nhìn ta lại - đại khờ như xưa*

*Trắng tròn rung ánh sao thưa
Có ngôi tinh đấu gọi mùa Đông qua,
Ta nhìn em - lại nhìn ta
Đường như mình đã tiêu pha một đời.*



Ở đây, nhắc lại là để nói đối tượng của bộ Kinh Kim
Cang là Ngài Tu Bồ Đề, để chúng ta thấy được tầm
quan trọng của vấn đề được thưa hỏi.

Sau khi từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên
phải, quỳ gối bên phải xuống đất chắp tay cung kính và
bất đầu thưa hỏi; đại chúng lắng nghe. Câu hỏi của Ngài
Tu Bồ Đề là:

“Bạch đức Thế Tôn, người thiện nam, thiện nữ phát tâm vô
thượng chánh đẳng chánh giác, phải nên an trụ tâm (chân
tâm) như thế nào và làm sao để hàng phục tâm (vọng
tâm) ?

Câu hỏi này quả thật là chìa khóa của việc tu học và tu
tập. Đây là bài học thứ 5 của Anh Chị Em chúng tôi
hôm nay.

Tất cả chúng ta là những người quyết tâm tu theo Phật,
để một ngày nào đó đạt quả Phật, nhưng làm sao? bằng
cách nào để thành Phật ? Việc trước tiên của người tu
Phật, là phải an trụ tâm và hàng phục tâm; nếu tâm còn
điên đảo, ý còn loạn động thì làm sao mà làm Phật
được? Vì vậy câu hỏi này của ngài Tu Bồ Đề được đức
Phật khen hay (lành thay! lành thay!) và đức Phật hứa sẽ
trả lời và giảng rành mạch cho Tu Bồ Đề và cả đạo
tràng nghe phương pháp để hàng phục tâm và an trụ
tâm.

Đoạn 3,4,5: Đức Phật trả lời Tu Bồ Đề.

Ở đoạn 3, đức Phật trả lời câu hỏi của Tu Bồ Đề như
sau:

“Này Tu Bồ Đề, muốn hàng phục tâm kia, thì các vị Bồ Tát

tên trên đây, hồi nhỏ ngài còn được gọi là như “*Không Sanh*” hay “*Thiện Cát*” nữa. Ngay từ lúc tuổi thơ, cậu bé Không Sanh đã có cách đối xử với người nghèo rất khác thường. Là con cưng nhà giàu, mỗi khi đi chơi, cậu bé được ăn mặc sang trọng và có tiền trong túi, áo đơn áo kép đủ thứ nhưng mỗi khi trở về nhà thì không còn đồng xu nào và áo quần thì chỉ còn áo lót và quần cụt bên trong . . vì cậu bé thấy những người hành khất đói thì đem tiền cho họ mua thức ăn, mặc quá rách rưới, không đủ che thân thì động lòng thương, cởi áo, quần đang mặc ra cho hết. Về nhà bị cha mẹ quở thì cậu bé trả lời rằng:

“Con không biết tại sao trong tâm con thấy rằng tất cả mọi người trên thế gian này rất quan hệ với con, thân thể mọi người cũng như thân của con. Đem ít đồng xu cho họ mua cơm ăn khỏi đói, đem áo quần của mình cho người ta mặc để che thân, khỏi bị lạnh thì có gì không tốt? ”

Cha mẹ thấy không thể giáng cho cậu nên đôi khi “*nhốt*” cậu lại trong nhà, không cho đi chơi nhiều nữa. Cậu bé không buồn vì chuyện này, ở nhà thì đọc sách, nghiên cứu những sách về triết học, tôn giáo của Ấn Độ đương thời, nên hiểu biết của cậu bé rất rộng; cậu thường tâm sự với cha mẹ:

*“Tất cả vũ trụ hiện rõ trong tâm con, tâm con như hư không rỗng rang chẳng có chút gì. Nếu trên thế gian này không có bậc Thánh nhân Đại Trí, Đại Giác thì ai có đủ tư cách để luận bàn với con về tâm cảnh của người giải thoát? Chuyện về Ngài Tu Bồ Đề còn dài, nhất là nhân duyên đưa đẩy Ngài (chàng thanh niên “*coi trời bằng vung*” này) đến gặp Phật, quy y Phật, xuất gia, trở thành đệ tử và là người bạn tâm đắc của Phật, v..v..*





Người học trò bướng bỉnh: “*nhưng bạch Thầy, ăn ngủ thì ai cũng ăn ngủ!*”

vị Thầy trả lời: “*nhưng không phải ai cũng thực ăn khi họ ăn, thực ngủ khi họ ngủ!*”

Cũng thế, ngài Nam Tuyền trả lời cũng câu hỏi đó của ngài Triệu Châu rằng: “*Bình thường tâm thị đạo!*”; và cũng câu hỏi ấy, ngài Dược Sơn bảo ông Lý Tường rằng: “*Vân tại thanh thiên, thủy tại bình*” (*Mây trên trời xanh, nước trong bình*) hay một vị thiền sư khác lại bảo “*cây tùng trước sân*” v.v.. rõ ràng tất cả những câu trả lời ấy đều thấm nhuần tư tưởng Kim Cang ở đoạn này, phải không các bạn ?

Đoạn 2: Thiện Hiện (Tu Bồ Đề) Thưa Hỏi

Thường thường người đứng ra thay mặt đại chúng để thưa hỏi Phật cũng nói lên đặc điểm của bộ Kinh, nói cách khác, bộ Kinh nào thì có đối tượng đó. Kinh Phổ Môn thì có ngài Vô Tận Ý, Kinh A Di Đà thì có ngài Xá Lợi Phất, Kinh Hoa Nghiêm thì có Thiện Tài Đồng Tử, còn kinh Kim Cang thì có Ngài Thiện Hiện, tức Tu Bồ Đề (*Subhuti*).

Tu Bồ Đề là một trong 10 vị đại đệ tử Phật, đó là vị A La Hán hiểu rõ lý Không, chân thực thể chứng được diệu nghĩa của Không, được xem là bậc “*Giải Không đệ nhất*” trong 1250 vị đại A La Hán đệ tử Phật.

Vì vậy, **bài học trước tiên của đoạn này** (tức là *bài học thứ 4 của buổi học*) là về bản thân ngài Tu Bồ Đề (hay ngài *Thiện Hiện*). Ngài có rất nhiều tên, ngoài 2

2. **Bài học trước tiên** của đoạn này là “*Lục Chứng Chứng Tín*” tức là 6 yếu tố cần có trong 1 “biên bản” của một buổi thuyết pháp chẳng hạn, Nói theo ngôn ngữ thời đại của chúng ta:

- Người nghe (*người kể lại*)
- Pháp được nghe,
- Thời gian,
- Chủ tọa,
- Nơi chốn,
- Cử tọa nghe pháp.

Đó là 6 yếu tố chứng thực bài Kinh này do đức Phật nói ra, và Ngài A Nan chỉ là nói lại thôi, không phải tự ý Ngài A Nan nói.

3. **Bài học tiếp theo** là đức Phật đi vào thành khát thực theo thứ lớp. Bài học ở đây là đức Phật đi khát thực và dạy cho hàng đệ tử của mình không phân biệt nhà giàu hay nghèo, sang hay hèn. Cứ đi theo thứ tự nhà thứ nhất, nếu không được cúng dường thì qua nhà thứ 2, nhà thứ 3 . . . cho đến khi được cúng dường thì về. Một bài học nữa là cuộc sống của đức Phật – Người Giác Ngộ- rất bình dị: sáng đi khát thực, về ăn, rửa bát, xếp y, rửa chân rồi trải tọa cụ ra ngồi, chuẩn bị nói chuyện với chúng. Ý chỉ ở đây là: **Chân lý không ngoài những việc bình thường.**

Điều này làm Anh Chị Em chúng tôi nhớ lại câu nói của một vị Thầy Tây Tạng trả lời câu hỏi của người học trò “*thế nào là Đạo? làm sao ta đưa giác ngộ vào trong hành động?*”

vị Thầy đáp rằng: “*bằng cách ăn, ngủ*”

“.....*Phiền não là những tư tưởng tình cảm bệnh hoạn, có công năng làm tâm bị nhiễm ô. Ví dụ như tham (ham ăn, ham ngủ, ham danh, ham lợi, ham tiền, ham tình v.v..) sân hận, kiêu mạn, đua nịnh v.v. nhưng đã có giới luật làm kim chỉ nam, hướng dẫn người tu không đi lạc đường, để khỏi vướng vào phiền não. Vì vậy ngay câu đầu, đức Phật đã dạy: **Giới luật chính là thầy khi đức đạo sư đã nhập diệt**, phải lấy giới làm căn bản, giữ gìn chánh niệm và tránh xa những công việc của phàm phu thế tục ...”*

Đây là bộ Kinh căn bản của người học Phật, Anh Chị Em chúng tôi đã học trước hết, cùng với “Bài Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm” (*Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn*) chỉ là lỗi người ghi lại, ghi sau các Kinh khác mà thôi.

Nội dung Kinh này là những lời dặn dò của đức Phật cho các đệ tử, trước khi Ngài nhập Niết Bàn; thế cho nên Kinh này còn mang tên là “Phật Thùy Bát Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới.” Anh Chị Em chúng tôi chọn tên “Kinh Di Giáo” vì nó gọn và cũng có chữ “di” như là di ngôn, di chúc, di thư..., mang đầy đủ ý nghĩa là những lời dạy sau cùng của đức Thế Tôn.

Bài học trước tiên là khung cảnh Phật nói Kinh này và sự ra đi, sự lìa khỏi thế giới này của đức Thế Tôn: *lặng lẽ, tịch tĩnh.*

Lúc đó Ngài đang ở gần thành Câu Thi Na (*Kusināra [P] hay Kusinagara [S]*) xứ Ma Kiệt Đà (*Magadha*) trong vườn cây Sa la. Đây là xứ sở của vua A Dục [(1) *Asoka*] và sau đó là vua A xà Thế [(2) *Ajātasattu*], người trị vì 8 năm cuối cùng của đức Phật ở thế gian, trước khi Ngài nhập Niết Bàn, với 24 năm sau đó. Theo ký sự của Ngài Huyền Trang, Câu Thi Na đã tàn lụi từ thế kỷ thứ 7; nơi đó bây giờ là Kasia tiểu bang Uttar Pradesh. Phật bảo tôn giả Anan sửa soạn cho Ngài một chỗ nằm giữa 2 cây sa la (có chỗ gọi là cây ta la) đầu quay về hướng Bắc. Ngài cho biết vào giữa đêm Ngài sẽ viên tịch trọn vẹn. Khi tôn giả Anan dọn chỗ xong, Ngài nằm nghiêng bên

như-nó-là (as-it-is) không khởi tâm yêu ghét lấy bỏ, ví dụ nhìn chim chóc, bầu trời . . không còn thấy con công đẹp, con quạ xấu, không mong cầu bầu trời mãi trong xanh, không ghét mưa gió lụt lội v..v.. Vì có cái nhìn trong sáng không thiên lệch nên người có trí tuệ không bị kẹt vào các kiến chấp. Trí tuệ này khi được nâng cao sẽ có khả năng phá tất cả các tà kiến và mê lầm chấp trước, nên được ví như kim cương chặt đứt tất cả các kim loại khác, mà không có gì có thể chặt đứt nó. Trí tuệ này cho chúng ta khả năng đổi mới cái nhìn, khai mở tâm lượng, nhìn mọi sự vật hiện tượng với tâm rộng mở không phân biệt (*khi học Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh chúng ta đã được tiếp xúc với tư tưởng này ở phần “Xảo Nguyện”*). Cũng có thể nói thấy được thể chân thật của các pháp tức là thấy được 3 Pháp Ấn (*Vô thường, Vô ngã, Không*)

Đoạn 1: Nguyên do của pháp hội.

Chúng ta cùng nghe đoạn văn mở đầu Kinh (lời Ngài A Nan) sau đây:

Tôi nghe như vậy: Một hôm đức Phật ở nước Xá vệ (Sāvastī) tại rừng Kỳ Đà (Jeta) trong vườn Cấp Cô Độc (Anāthapindika) cùng với chúng đại tỷ kheo là 1250 vị. Khi ấy gần đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào đại thành Xá Vệ khát thực. Trong thành ấy, Ngài theo thứ lớp khát thực xong, trở về nơi chúng ở. Thọ trai rồi, Ngài đắp y bát, rửa chân, trải tọa cụ ngồi.

Anh Chị Em chúng tôi lần lượt nói lên những bài học thu nhận được từ đoạn Kinh này:

Ngoài ra còn có cuốn “Kim Cang Chư Gia” trích lời giảng của các thiền sư và cuốn “Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Giảng Nghĩa” của cư sĩ Giang Vị Nông..

Những nhà phiên dịch Hán Việt, nghĩa là những vị ân nhân gần nhất của Anh Chị Em chúng ta là quý Thầy, như Hoà thượng Thích Trí Tịnh, Hoà thượng Thích Thiện Hoa, Hoà thượng Thích Huệ Hưng, Hoà thượng Thích Thanh Từ hay cư sĩ như ông Đỗ Nam . . . Anh Chị Em chúng tôi đang dùng cuốn “Kinh Kim Cang Giảng Giải” của Thầy Thanh Từ , dịch từ cuốn của ngài Cưu-Ma-La-Thập và chia cuốn Kinh ra làm 32 đoạn theo ý của thái tử Chiêu Minh đời Lương, để người đọc dễ nắm bắt ý Kinh. Chúng tôi quyết định sẽ dành 7 buổi học cho bộ Kinh này. Hôm nay, chúng tôi sẽ đi vào ý nghĩa đề Kinh và học 5 đoạn (đoạn 1 đến đoạn 5).

1. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật

* Kim Cang = Kim cương là chất cứng nhất (không có gì cắt nó được như ta thường nghe “diamond cuts diamond”)

* Ba-La-Mật = trí tuệ.

Ở đây, chúng ta phân biệt trí tuệ và kiến thức. Đây là bài học thứ nhất của Anh Chị Em chúng tôi. Trí tuệ bát nhã không phải là kiến thức thế gian.

Những cái mà thế gian gọi là khôn ngoan, lanh lợi, thông minh hay bằng cấp đầy mình, v.v.. không phải là trí tuệ bát nhã. Trí tuệ là sự thấy được thể chân thật của các pháp, không còn cái nhìn thiên lệch, chưa thấu đáo; người có trí tuệ nhìn mọi sự vật hiện tượng

mặt, để 2 bàn chân chụm lại với nhau, Ngài rất sáng suốt và quán tưởng về Niết bàn.

Bài học thứ 2: trước khi viên tịch, Ngài còn từ bi độ cho ông Tu Bạt Đà La, ở thành Câu Thi Na, 120 tuổi, đã đắc ngũ thông (3); vừa xuất gia thọ giới Tỳ kheo, ông liền đắc quả A La Hán và nhập Niết Bàn. Ông nhập Niết Bàn trước Phật (4). Đó là lý do tại sao anh chị em chúng ta nói riêng, và Phật tử nói chung, cứ thắc mắc sao có chỗ nói Tu Bạt Đà La là đệ tử xuất gia của đức Phật, có chỗ lại nói đó là đệ tử tại gia của Ngài.

Bài học thứ 3 về chữ Niết Bàn. Nếu không có bài học này, chúng ta không hiểu rõ tại sao cứ nghe nói Niết Bàn của Phật, Bồ Tát và Niết Bàn của Thanh Văn, A La Hán v.v. Vì vậy, đáng lẽ không bàn về Niết Bàn một trạng thái, một xứ sở, một ý niệm chúng ta chưa hề biết nhưng Anh Chị Em chúng tôi vẫn phải đưa vào buổi học hôm nay theo sách vở đã dạy.

Theo Kinh sách, Niết Bàn không phải là sự hoại diệt, đó là tình trạng đi vào một sự tồn tại khác, như lửa phát sinh từ hư không, trở về với hư không; Niết Bàn là một tình trạng của tâm thức trở về với một cõi xứ không chịu sự sinh diệt, đó không phải là một nơi chốn mà là một dạng siêu việt, xuất thế(*lokottara*); chỉ có Phật mới hiểu được chứ ngôn ngữ loài người làm sao diễn tả nổi!

Đức Phật nói pháp môn của Ngài có 2 thời kỳ.

- Thời kỳ đầu (gọi là *cổ xe nhỏ - tiểu thừa*) Ngài

khuyên chư vị đệ tử diệt trừ phiền não để đắc quả A La Hán, đắc Niết Bàn tại thế (*hữu dư y Niết Bàn*); khi nào tịch diệt thì mới nhập Niết Bàn trọn vẹn (*vô dư y Niết Bàn*)

- Thời kỳ thứ 2 (*dùng cỗ xe lớn - Đại thừa*) Ngài dạy rằng Niết Bàn của A La Hán chỉ là Niết Bàn tạm thời, phải tu học thêm để đạt Niết Bàn của Như Lai. Một số vị đệ tử Phật hoan nghênh, đi theo cỗ xe lớn tức là theo con đường Đại thừa và các Ngài được gọi là những vị Bồ Tát, một số chư vị khác bằng lòng với quả vị Niết Bàn của A La Hán, được gọi là hàng Thanh Văn.

Đó là chỉ mới đề Kinh, chúng tôi đi vào nói sơ lược về dịch giả. Kinh này do Ngài Cưu Ma La Thập (*Kumārajīva*) dịch; Ngài là một dịch giả nổi tiếng chuyên dịch Kinh sách từ Phạn ngữ (*Sanskrit*) ra chữ Hán.

Bài học thứ 4: Tiểu sử của Ngài là một bài học quý - của buổi học Kinh hôm nay - Mẹ Ngài là một công chúa của xứ Kucha (*Tàu dịch là Dao Tân hay Quý tử*) thuộc Tân Cương ngày nay. Mới 7 tuổi, Ngài đã theo mẹ đến Kashmir xuất gia theo phái Tiểu Thừa với các vị sư nổi tiếng nhất; sau đó Sư ở lại thành Kashgar 1 năm để học thêm về ngành Thiên văn, Toán và Khoa học huyền bí. Cũng tại đây, Sư được tiếp xúc và chuyên tâm tìm hiểu Đại thừa rồi trở thành pháp khí Đại thừa. Dần dần, Sư nổi danh là luận sư xuất sắc; danh tiếng này lan rộng đến triều đình Trung quốc.

Năm 384, khi vua nhà Tấn là Phù Kiên đem

Cũng học với cách thức như các bộ Kinh trước, chúng tôi lược qua phần dịch thuật rồi mới đi sâu vào những bài học. Điều đặc biệt là tuy nhiều người dịch (*từ Phạn văn ra Hán văn*) nhưng đề Kinh hoàn toàn giống nhau, đó là ai cũng dịch “*Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật*” từ:

- Ngài Cưu-Ma-La-Thập (*Kumārajīva*) năm 402
- Ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi (*Bodhiruci*) năm 508
- Ngài Ba-La-Mật-Đà (*Paramārtha*) vào giữa thế kỷ thứ 6
- Ngài Đạt-Ma-Cấp-Đa (*Dharmagupta*) đầu thế kỷ thứ 7;
- Rồi tới Ngài Huyền Trang giữa thế kỷ thứ 7.
- Chỉ có Ngài Nghĩa Tịnh đầu thế kỷ thứ 8 đi Ấn Độ mang bộ Kinh bản chữ Phạn về dịch tên Kinh có hơi khác với các vị kia một chút: “*Phật Thuyết Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh.*”

Những bản Kinh được chú ý nhất là của ngài Cưu-Ma-La-Thập, Ngài Huyền Trang và Ngài Nghĩa Tịnh. Những nhà số giải Kinh Kim Cang rất nhiều như :

- Ngài Trí Khải, “*Kim Cang Bát Nhã Kinh Sớ,*” 1 quyển
- Ngài Kiết Tạng, “*Kim Cang Bát Nhã Sớ*” 4 quyển
- Ngài Khuy Cơ “*Kim Cang Bát Nhã Kinh Tán Thuật*” 2 quyển
- Ngài Tông Mật tức Khuê Phong, “*Kim Cang Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toát Yếu*” 2 quyển
- Ngài Trí Nghiêm, “*Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Lược Sớ*” 2 quyển
- Ngài Tử Cù, “*Kim Cang Kinh Toát Yếu San Định Ký*” 7 quyển
- Ngài Tông Lặc và Như Khởi, “*Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Chú Giải*” 1 quyển
- Ngài Thái Hu, “*Kim Cang Giảng Lục*”

Mặc dù bộ Kinh này Anh Chị Em chúng tôi ai cũng có nhưng chưa ai dám “rờ” tới, vì nghe đến “*Kim Cang Bát Nhã*” là quá “run” rồi! Mặc dù bài Kinh Bát Nhã đã tụng đến thuộc lòng từ lâu, nhưng đâu ai dám nói là mình đã thông hiểu nghĩa Kinh! Và chỉ nội một câu “*Quán tự tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*” chữ nào mình cũng hiểu nghĩa, dịch ra chữ Việt “*đẽ như chơi*” thế nhưng làm sao mà “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*” và làm sao mà “*độ nhất thiết khổ ách*” . . . quả thật là vượt ra ngoài khả năng hiểu biết tầm thường của Anh Chị Em chúng tôi rồi!

Thế cho nên, ai nói hễ giỏi chữ Hán là giỏi Kinh, chưa chắc đó nha! Muốn giỏi Kinh thì bắt buộc phải giỏi chữ Hán, nhưng ngược lại giỏi chữ Hán thì chưa chắc đã giỏi Kinh nổi đâu!

Trở lại Kinh Kim Cang: Đó là bộ Kinh gọi sự chú ý của chúng tôi nhiều nhất, vì khi học Pháp Bảo Đàn, ngài Huệ Năng kể lại rằng khi nghe câu “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” trong kinh Kim Cang, thì Ngài bỗng nhiên thấy được con đường mình phải đi là xuất gia và từ đó, nhân duyên đưa đẩy ngài đến gặp Tổ Hoàng Mai v.v.. Đây cũng là một câu “*khó nuốt*” của Anh Chị Em chúng tôi! Ngoài ra những người đi trước ai cũng nói rằng: đây là bộ Kinh gồm rất nhiều nghịch lý, và cái gì cũng phủ định, phủ định và phủ định hết. Cái này thì quả thật là rất hấp dẫn. Vì vậy, hôm nay được học bộ Kinh này, Anh Chị Em chúng tôi người nào cũng vui mừng phấn khởi.

binh đánh Kucha và bắt Sư về giam giữ 17 năm. Năm 401 Sư được thả về Trường An và được triều đình ủng hộ trong công tác dịch Kinh; Ngài bắt đầu công trình dịch thuật với sự cộng tác của hàng ngàn nhà sư uyên thâm Phật học ở đó; năm 402 Sư được phong danh hiệu “*Quốc sư*.” Những bộ Kinh, Luận quan trọng và phổ thông nhất đều do Ngài dịch:

A Di Đà, Diệu Pháp Liên Hoa, Duy Ma Cật, Bách Luận, Trung Quán Luận, Thập Nhị Môn Luận, Đại Trí Độ Luận v.v... Ngài dịch được hơn 380 quyển Kinh, Luận.

Bài học thứ 5: Là phương pháp phiên dịch của Ngài rất hiện đại và rất thoáng, ngày nay chưa chắc có ai đã theo kịp. Mỗi bộ Kinh được Ngài giảng 2 lần bằng tiếng Trung quốc. Sau đó, chư Tăng Trung Quốc thảo luận và viết lại bằng tiếng Hán; cuối cùng, Sư kiểm soát bằng cách so sánh lại nguyên bản với bản dịch để ra bản chung quyết. Không chủ trương dịch từng chữ, Sư là người đưa được nội dung phong phú, sâu sắc của Kinh, sách vào chữ Hán và - nếu thấy cần thiết - Sư cũng mạnh dạn cắt bỏ một vài đoạn không thích hợp và biến đổi văn từ cho hợp với người Trung quốc.

Bài học thứ 6: Đến đây Anh Chị Em chúng tôi mới đi vào nội dung Kinh. Đây là lời đức Thế Tôn cảnh tỉnh chư vị đệ tử của Ngài, - giới xuất gia - nói rõ ra là chư Tăng Ni chú không phải dạy cho hàng Phật tử tại gia chúng ta đâu! (*Tuy thế có rất nhiều chỗ áp dụng cho cả xuất gia và tại gia đều được.*)

Những lời dạy của đức Thế Tôn trong Kinh Di Giáo này

gồm có 3 phần:

- a) Những phiền não và cách đối trị.
- b) Những đức tính và phương pháp huân tập.
- c) Phần thực hành và truyền bá

Phiền não là những tư tưởng tình cảm bệnh hoạn, có công năng làm tâm bị nhiễm ô. Ví dụ như tham (ham ăn, ham ngủ, ham danh, ham lợi, ham tiền, ham tình v.v.) sân hận, kiêu mạn, dua nịnh v.v. nhưng đã có giới luật làm kim chỉ nam, hướng dẫn người tu không đi lạc đường, để khỏi vướng vào phiền não. Vì vậy ngay câu đầu, đức Phật đã dạy: ***Gới luật chính là thầy khi đức đạo sư đã nhập diệt***; phải lấy giới làm căn bản, giữ gìn chánh niệm và tránh xa những công việc của phàm phu thế tục (chúng ta thì tránh mê tín dị đoan, bói toán v.v..)

Bài học thứ 7: Phải tiết chế 6 căn đừng để buông lung theo 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) phải chặn cái tâm của mình y như người chặn trâu, luôn cầm cây roi sẵn sàng quát con trâu, không cho nó chạy lung tung, đập phá lúa mạ của người. Nếu mình sống buông lung phóng dật thì nhất định phiền não sẽ đeo dính mình ngay.

Ngoài ra, còn để ý tiết chế trong việc ăn uống. Người xuất gia thì Phật khuyên về việc đi khất thực. Còn chúng ta áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, đừng tham ăn ngon bổ béo quá sẽ bị cao cholestérol đó nha! Nhớ bài sám nguyện:

... Thế Tôn đã đình ninh di giáo
Mà con còn đắm đuối mê say

“Này Tu Bồ Đề, muốn hàng phục tâm kia, thì các vị Bồ Tát nên làm như thế này: có rất nhiều loài chúng sanh: hoặc noãn sanh, thai sanh, hoá sanh, thấp sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng . . . các vị Bồ Tát nên độ tất cả chúng sanh ấy vào vô dư Niết Bàn. Độ hằng hà sa chúng sanh như thế, mà thật không thấy có chúng sanh nào được độ. Vì sao? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn thấy có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát”



KINH KIM CANG

(Đoạn 1 đến Đoạn 5)

Mắt ưa xem huyễn cảnh hằng ngày
Tai thích tiếng mật đường dưa nịnh
Mũi quen ngửi mùi hương bát tịnh
Lưỡi dẹt thêu lấm chuyện cay co
Thân ham dùng gấm vóc se sua
Ý mơ tưởng bao la vũ trụ
Bởi lực dục lòng tham không đủ,
Che lấp dần trí tuệ từ lâu

.....

Bài học thứ 8: Biếng nhác và ham ngủ cũng là chướng ngại gây ra phiền não, khổ đau; để đối trị, Thế Tôn dạy quán vô thường, vô ngã và phải biết hổ thẹn. Lời di huấn của đức Phật rất ân cần, từ hòa nhưng không kém phần cương quyết:

“Các thứ giấc phiền não thường rình rập giết người còn hơn là oan gia, đâu nên ngủ nghỉ không tự thức tỉnh? Con rắn độc phiền não ngủ ở trong tâm các ông, chẳng khác nào con rắn hổ mang đang ở trong thất của các ông mà ngủ vậy. Các ông phải dùng móc sắt trì giới đuổi trừ nó, khi con rắn đã ra rồi mới có thể yên giấc. Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn.”

Bài học thứ 9: Dùng pháp nhẫn nhục để đối trị sân hận. Hãy nghe đức Phật nói về tai hại của sự giận dữ:

“Cái hại của giận dữ là phá hoại các pháp lành và cả danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau. Phải biết rằng lòng sân còn hơn lửa dữ, thường phải đề phòng, không cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức, không gì hơn giận dữ.

Người thế tục thọ hưởng dục lạc, không phải người hành đạo, không biết cách ngăn ngừa giận dữ, còn có thể tha thứ; người xuất gia học đạo không còn thọ hưởng dục lạc mà

vẫn còn ôm lòng giận dữ, càng không thể được. Ví như trong lúc trời quang mây tạnh mà sấm chớp nổi lên là điều không thể có!”

Bài học thứ 10: Phải bỏ tâm kiêu mạn, tâm đua nịnh vì người xuất gia đã từ bỏ tất cả, cho đến bản thân mình cũng chỉ dùng tấm áo hoại sắc che thân thì còn khởi tâm kiêu mạn làm gì? Còn đua nịnh là đối gạt người, người xuất gia cần sống ngay thẳng, nói lời ngay thẳng chánh trực. Vì không mong cầu ai cho mình bất cứ gì: tiền bạc, danh vọng, địa vị, tình cảm v.v.. nên đâu có gì phải đua nịnh, tâng bốc ai? Sống khiêm cung, chân thành, từ ái với mọi người nhưng không cầu cạnh ai, không nịnh hót ai.

Bài học thứ 11: Hai đức tính đầu tiên của người tu hành là “ít muốn, biết đủ” (*thiểu dục - tri túc*)

Có ít muốn thì tâm mới được thản nhiên, không lo nghĩ đua đòi, không dao động. Biết đủ thì nghèo mà cũng như giàu, vì không bao giờ thấy thiếu thốn, không bị ngũ dục sai khiến, như vậy mới có thể “*cư bản lạc đạo*” được. Không biết đủ thì giàu bao nhiêu cũng như nghèo, vì lòng tham không đáy, không bao giờ thoả mãn, cứ khao khát hoài!

Bài học thứ 12: Hai đức tính kế tiếp phải trau giồi là “*xả bỏ và tinh tấn*”

Đây là điều luật thứ 5 của Anh Chị Em chúng tôi: “*Phật tử sống Hy Xả để dũng tiến trên đường đạo.*”

Hãy nghe đức Phật ân cần căn dặn đệ tử của

Tu tập những Pháp như vậy gọi là Bồ Tát không trụ vô vi.

Bài học thứ 8: Vì để đầy đủ phước đức, Bồ Tát không trụ vô vi; vì để đầy đủ trí tuệ, Bồ Tát không tận hữu vi.

- Vì đại bi, mà không trụ vô vi; vì hoàn thành bốn nguyện mà không tận hữu vi.
- Để gom góp Pháp được không trụ vô vi; để tùy bệnh cho thuốc không tận hữu vi.
- Vì biết bệnh của chúng sanh, không trụ vô vi; vì để diệt bệnh của chúng sanh nên chẳng tận hữu vi .

Với 8 bài học “*khó nuốt trôi*” trên đây, Anh Chị Em chúng tôi chấm dứt học Kinh Duy Ma Cật để qua kinh Kim Cang với những định lý tương đương với “*Bát Tư Nghì Giải Thoát*” hay “*Nhập Bát Nhị Pháp Môn*” của kinh Duy Ma Cật, như “*A mà không phải A mới chính là A*”!

Thật là thú vị, cách đây hơn 2500 năm, đức Thế tôn của chúng ta đã dạy môn Toán mà ngày nay chúng ta vẫn còn gọi là “*Tân Toán Học*”



kính trọng Phật; giúp người đọa lạc trong phiền não phát sinh chánh niệm. . . . ; trong thiền định mà có ý tưởng như trong địa ngục, ở trong sinh tử mà có ý tưởng như trong hoa viên; thấy người đến cầu mình mà có ý tưởng như gặp bậc thiện sư

Bài học thứ 7: Về đức kham nhẫn, dũng mãnh của Bồ Tát:

- Vào chỗ sinh tử không sợ vì có vào sinh tử mới độ chúng sanh thoát khỏi sinh tử, mà độ chúng sanh thoát khỏi sinh tử chính là cúng dường chư Phật
- Trong thiền định mà có ý tưởng như trong địa ngục: thông thường, thiền định là niềm vui của hành giả, nhưng Bồ Tát ngược đời, không vui trước chúng sanh, phải coi như mình đang ở trong địa ngục để nghe tiếng kêu đau thương của chúng sanh trong địa ngục, đó là tâm niệm rộng lớn đặc biệt của Đại thừa Bồ Tát, thương chúng sanh như thương con

Thế nào là Bồ Tát không trụ vô vi?

- Tu học “Không” nhưng chẳng lấy Không làm chỗ chúng đắc.
- Tu học vô tướng vô tác, mà không lấy vô tướng vô tác làm sở chứng.
- Quán vô thường mà không nhàm chán gốc thiện.
- Quán sự khổ của thế gian mà không chán ghét sinh tử.
- Quán vô ngã mà dạy người không biết meat.
- Quán “Không” mà không lìa đại bi.
..v..v..

Ngài phải siêng năng: “..Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó, thế nên các ông phải chuyên cần, tinh tấn; ví như từng giọt nước chảy luôn có thể xói thủng phiến đá. Còn nếu tâm thường biếng nhác bỏ bê chẳng khác nào kéo lửa chưa nóng mà đã ngừng, tuy muốn có lửa cũng khó có được”

Đối với hàng xuất gia, “xả bỏ” còn có nghĩa là sống độc cư trong rừng, không liên hệ đến người thế gian, đức Phật dạy rằng nếu như vậy sẽ bị người đời quý trọng, như chim làm tổ trên cây sẽ phá hư cây.

Bài học thứ 13: Cặp đức tính tiếp theo là “Không quên chánh niệm và Siêng tu thiền định.”

Chánh niệm tỉnh thức trong mọi lúc chính là thiền rồi; nếu lúc nào ta cũng giữ chánh niệm thì phiền não làm sao xen vào được? Chánh niệm chính là chiếc áo giáp khi chiến đấu với giặc phiền não. Khi đã có chánh niệm thì việc tu thiền định sẽ dễ dàng hơn nhiều, vì tâm không tán loạn, ý không điên đảo, “con trâu lòng” không thể chạy lang thang phá làng phá xóm được.

Bài học thứ 14: Hai đức tính sau cùng đức Phật căn dặn chư đệ tử của Ngài là “Trí huệ và Không hý luận”

Người có Trí Huệ chân thật, ấy là chiếc thuyền tốt có thể vượt qua biển già, bệnh, chết; cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm, mờ ám, là món thuốc hay trị tất cả các chứng bệnh, là gươm bén chặt đứt phiền não, nghiệp chướng. Thế nên các ông phải dùng huệ:

Văn huệ, Tu huệ, Tư huệ mà tự làm cho thêm lợi ích.”
Tại sao người có trí tuệ chân thật vượt qua biển già, bệnh, chết ? Chẳng lẽ họ không đau ốm, không chết sao ?

Xin thưa không phải vậy, mà họ hiểu được vô thường, vô ngã, lý duyên khởi, nên không còn bị kẹt vào đau khổ phiền não do bệnh, chết v.v.. gây ra.

Ví dụ như câu chuyện của gia đình cư sĩ Bàn Uẩn nổi danh đời nhà Đường. Ông được phong danh là “*Duy ma Cật của Đông Độ*” cư sĩ là môn đệ của 2 vị thiền sư nổi tiếng là Mã Tổ Đạo nhất và Thạch Đầu Hi Thiên. Cả nhà gồm 2 vợ chồng với một cậu con trai và một cô con gái (tên là *Linh Chiếu*) sống với nhau ở nơi thôn dã và cùng nhau tu thiền; ông có làm bài kệ vịnh gia đình nhỏ của ông như sau:

*Con trai không cưới
Con gái không gả
Cả nhà chung hội họp
Đồng bàn lời vô sinh*

Ông làm một thất nhỏ ở riêng và Linh Chiếu đi theo hầu cha. Khi sắp viên tịch, ông bảo Linh Chiếu ra xem mặt trời đúng Ngọ chưa, vào cho ông hay; Linh Chiếu ra xem rồi vào thưa: “ *mặt trời đã đúng Ngọ mà sao bị thiên cầu ăn mất* ”

Tưởng thật, ông rời bồ đoàn bước ra xem, Linh Chiếu lên ngồi chỗ của Cha thị tịch luôn. Ông vào thấy vậy cười nói : “ *con gái ta lanh lợi quá!*” rồi chờ 7 ngày sau mới viên tịch. Vợ ông hay được tin, nói : “ *con gái ngu si với*

hiệu này thì trải qua tuổi thọ của người một kiếp cũng chưa nghe hết! Giả thử chúng sanh đầy cả 3 ngàn đại thiên thế giới đều như A Nan, đa văn đệ nhất, được tổng trì ghi nhớ; những người này trải qua tuổi thọ một kiếp cũng không thể lãnh hội hết. Vì vậy A Nan! A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề của chư Phật là vô hạn vô lượng, trí tuệ và biện tài của các Ngài là “bất khả tư nghì”

Bấy giờ, chư Bồ Tát của cõi Chúng Hương đồng cung kính, tán dương công đức và trí tuệ đức Phật Thích Ca Mâu Ni và xin Ngài ban cho một bài Pháp để làm kỷ niệm. Đức Phật trả lời: “*Có pháp môn giải thoát gọi là Hữu tận, Vô tận, Vô ngại*” mà chư vị nên học.

Anh Chị Em chúng tôi cũng phải học theo; đó là những bài học sau đây:

***Cái gì “tận”? đó là pháp hữu vi
Cái gì “không tận” ? đó là pháp vô vi***

Chư Bồ Tát thì không đoạn tận hữu vi, không an trụ vô vi.

Không đoạn tận hữu vi là sao?

Là không lià đại từ, không bỏ đại bi, phát tâm sâu sắc cầu nhất thiết trí, giáo hoá chúng sanh không biết mệt mỏi, tinh tấn thực hành tứ nhiếp, hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng, vun trồng thiện căn không hề chán nản; chí thường để nơi phương tiện hồi hướng; cầu pháp không biếng nhác, nói Pháp không tiếc lẩn; vì cần mẫn cúng dường chư Phật nên vào chỗ sinh tử không sợ, đối với vinh nhục tâm không mừng không buồn, không khinh người chưa tu học; kính trọng người tu học như

Thật vậy, chúng ta đang sống ở cõi Ta Bà, tất nhiên là do nghiệp lực của chúng ta mà sinh đến đây; biết như vậy thì đâu cần phải than thân trách phận? Chúng tôi nhắc nhở nhau bài hát “*Đây là Tịnh Độ, Tịnh Độ là đây*” để thấy rằng Tịnh độ hay Ta Bà đều do ở Tâm ta mà ra cả !!

Bài học thứ 6: “*Công đức Như Lai vốn bình đẳng...*” đoạn này chỉ thẳng chỗ cứu cánh bình đẳng của Tâm tự tại giải thoát. Không có Phật nào “*hay hơn*” hoặc “*dở hơn*” đức Phật nào, đức Phật nào cũng đầy đủ các đại hạnh Từ bi, Trí huệ, Tinh tấn, Thanh tịnh, Hỷ xả và Biện tài bất khả tư nghì hết. Bài học này dạy ta cung kính lễ bái chư Phật với tâm bình đẳng, không đề cao Tịnh Độ, chê bai Thiên hay ngược lại . . . Suy rộng ra với các tông phái và truyền thống tôn giáo khác chúng ta về công phu tu tập, ta cũng không được xúc phạm để giữ hoà khí, để đem an lạc cho chúng sanh, để có thể làm các “*Phật sự*” một cách thiết thực và lợi ích nhất.

Trở lại những lời Phật dạy tôn giả A Nan trong phẩm Kinh này để làm dẫn chứng cho các bài học trên của Anh Chị Em chúng tôi:

“*A Nan! Sắc thân của Chư Phật, oai đức chứng tánh, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô úy, các pháp bất động, đại từ đại bi ... cho đến thọ mạng, thuyết pháp giáo hoá, chúng sanh đều được thành tựu, cõi Phật thanh tịnh, đầy đủ các Phật pháp, thấy đều đồng đẳng. Đó gọi là Tam Miếu Tam Phật Đà, Đa Đà A Gia Độ, Phật Đà.*”

Này A Nan! nếu ta giảng đầy đủ ý nghĩa của 3 danh

ông già vô tri không báo tin mà đi sao đành vậy!” rồi bà ra báo tin cho anh con trai ở ngoài ruộng đang cuốc đất; nghe tin xong, bèn đứng mà tịch, bà Bàng Uẩn cũng lặng lẽ tịch theo.

Chúng ta thấy rõ đúng là cả nhà họ cùng “*bàn lời vô sinh*” và với trí tuệ như vậy, xem chuyện sống chết như vậy, họ đã vượt qua biển già, bệnh chết, không phải sao ?

Còn hý luận là gì ? là những lời nói suông, vô nghĩa, nói đùa, thảo luận bậy bạ hoặc chống lại hoặc nói theo, không hiểu biết gì cả, không phải tìm hiểu Phật Pháp để áp dụng mà chỉ để đùa cợt.

Những loại hý luận này người thật tâm tu học phải tránh xa, như đức Phật đã dạy : “*..các thứ hý luận làm cho tâm mình rối loạn dù đã xuất gia vẫn chưa được giải thoát. Thế nên các ông phải mau dứt bỏ loạn tâm hý luận. Nếu muốn được quả vui tịch diệt thì phải khéo diệt trừ mối hoạ hý luận.*”

Bài học thứ 15: Là bài học về lưu thông, nghĩa là áp dụng và truyền bá đến những ai muốn tu học đạo giải thoát. Đức Phật nói: “*Ta cũng như vị lương y biết bệnh mạch thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của y sư; lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi, người chỉ đường tốt, nghe mà không đi, chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường.*”

Chúng tôi học được đức khiêm cung giản dị của đức Thế Tôn, Ngài luôn chỉ tự nhận mình là người chỉ đường, người thầy thuốc chứ không phải là thần thánh hay thượng đế chí tôn gì cả!

Bài học thứ 16: Hai điều mà đức Phật nhấn mạnh với chư đệ tử của Ngài là tinh tấn tu hành, có sự chúng quyết về Tứ đế (không còn chỗ nào nghi ngờ).

Ngài yêu cầu 3 lần là nếu ai có mối nghi nào về Tứ Thánh Đế thì phải hỏi ngay. Chư vị đệ tử không còn nghi ngờ, nhưng có vị khóc vì lưu luyến đức Bổn Sư, chưa muốn Ngài diệt độ quá sớm, họ còn muốn được gần đức Phật, được Ngài hướng dẫn thêm. Đức Phật thuyết phục họ: “...các ông chớ ôm lòng sầu não, dù ta có trụ ở đời lâu đến một kiếp nữa, rốt cuộc rồi cũng hoại diệt, hợp mà không tan là điều không thể nào có được. Những pháp tự lợi, lợi tha ta đều đã nói đầy đủ, dù ta có trụ lâu ở đời cũng chẳng ích gì.”

Ngài còn cho biết Pháp của Ngài được các đệ tử truyền bá cho đời sau, thế là Pháp thân của Như Lai không hề nhập diệt: “Những người đủ duyên được độ, hoặc ở cõi Trời, hoặc ở cõi người, ta đều độ hết. Còn những ai chưa được độ, ta cũng đều đã gây cho nhân duyên được độ. Từ đây về sau các đệ tử của ta sẽ tiếp tục làm. Thế là Pháp thân của Như Lai thường còn mà không hề nhập diệt.”

Với bài học này, chúng tôi chấm dứt buổi học Kinh Di Giáo. Còn văng vẳng bên tai ý nghĩa lời Ngài với chư tỳ kheo: “Nếu các ông vẫn trung thành với những lời dạy của ta, siêng năng tu tập, ấy là các ông ở gần ta và ta sẽ luôn ở bên cạnh các ông; còn nếu các ông buông lung để cho đạo giải thoát của ta suy tàn, ấy là các ông mất ta và các ông đã đánh mất các ông.”

Đối với những người như chúng ta, chưa được đủ

Gia Đình Phật Tử, với đầy đủ đức tính lý tưởng của nó, thì chúng ta có thể xem như đáp ứng được yêu cầu của đức Phật đối với Bồ Tát đã nhập pháp môn “Ngộ nhập hết thấy chư Phật” trong lời Ngài nói với tôn giả A Nan trên đây :

Này A Nan! Có 4 loại ma này, 8 vạn 4 ngàn cánh cửa phiền não này, chúng sanh vì thế mà khổ nhọc. Chư Phật bèn lấy ngay các pháp này mà làm Phật sự. Đó gọi là “pháp môn ngộ nhập hết thấy chư Phật”

Bồ Tát khi nhập Pháp môn này, nếu thấy hết thấy các cõi Phật thuần tịnh mà không vui mừng, không tham, không tự cao . . . Nếu thấy hết thấy các cõi Phật bất tịnh không buồn phiền không bất mãn, hay thất vọng. Chỉ ở nơi chư Phật phát tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính, cho là chưa từng có. Công đức của Như Lai vốn bình đẳng, vì muốn giáo hoá chúng sanh mà hiện các cõi Phật không giống nhau...”

Bài học thứ 5: Nếu người Huỳnh Trưởng chúng ta làm Phật sự, mà tự hào vì Chùa của chúng ta rộng rãi, đoàn quán khang trang, đội ngũ Huỳnh Trưởng vừa đông vừa giỏi, vừa đoàn kết, chề Chùa bên kia nhỏ, đơn vị bên kia sinh hoạt lồi thối v.v.. thì chúng ta đã rơi vào tự cao, ngã mạn rồi đấy!

Cũng vậy, nếu chúng ta sinh hoạt với một Đơn vị “đang đi xuống” mà chúng ta không tìm cách đưa đoàn, đơn vị đi lên lại ngồi than vãn, thất vọng, nhìn sang các đơn vị bạn để phân bì thì rõ ràng ta cũng rơi vào thái cực bên kia bi quan, tiêu cực, không phải là thái độ của người Bồ Tát đang thi hành hạnh nguyện của mình.

Bồ Tát khi nhập Pháp môn này, nếu thấy hết thấy các cõi Phật thuần tịnh mà không vui mừng, không tham, không tự cao . . . Nếu thấy hết thấy các cõi Phật bất tịnh không buồn phiền, không bất mãn, hay thất vọng. Chỉ ở nơi chư Phật sanh tâm thanh tịnh hoan hỷ cung kính, cho là chuta từng có. Công đức của Như Lai vốn bình đẳng, vì muốn giáo hoá chúng sanh mà hiện các cõi Phật không giống nhau . . .”

Bài học thứ 3: Là ý nghĩa của “Phật sự” là gì? Làm Phật sự có nghĩa là tùy thuận chúng sanh, làm cho họ hết phiền não. Bất cứ làm cái gì nếu là được như vậy thì làm gì cũng gọi là làm Phật sự hết.

Còn Anh Chị Em mình, nói rộng ra là Anh Chị Em Huỳnh trưởng Gia Đình Phật Tử luôn thấy là mình đi làm Phật sự: đi sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, đi giảng Phật Pháp cho các em, đi trại, đi họp ban Huỳnh trưởng, Ban Hướng Dẫn, đi tham dự khóa tu v.v.. Thế nhưng nếu trong các sinh hoạt Phật sự đó mà chúng ta để mất chánh niệm, đi đến gây nhau, thậm chí to tiếng với nhau . . . thì rõ ràng đó không còn là Phật sự nữa mà là “ma sự” đó các bạn à! có phải không?

“Hiện tượng” này không chỉ ở trong nước mà cả ở Hải Ngoại, không chỉ ở Á Châu hay Âu Châu mà cả ở Mỹ Châu hay Úc Châu cũng vậy thôi !! Anh Chị Em chúng tôi nhắc nhở nhau chú ý đặc biệt về bài học này.

Bài học thứ 4: Chúng ta thường nghe nói: “Gia Đình Phật Tử là một pháp môn tu và con đường của người Huỳnh Trưởng đang đi là con đường của Bồ Tát”

Thật vậy, nếu chúng ta xứng đáng là 1 Huỳnh Trưởng

duyên lành để xuất gia đức Phật khuyên “hãy tự mình thấp đước lên mà đi” lấy giáo Pháp của Phật làm đước chứ đừng tìm cầu giải thoát ở nơi nào khác.

Chú thích:

- (1) Vị vua “bỏ đồ đao thành Phật” rất quen thuộc với Anh Chị Em chúng ta.
- (2) Người đước tiên đoán sẽ giết cha, cùng với Đề Bà Đạt Đa mưu sát Phật & vua Cha; sau tỉnh ngộ, quy y Phật & ủng hộ Phật Pháp
- (3) Ngũ thông là: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông.
- (4) Niết Bàn của ông Tu Bạt Đà La là Niết Bàn của A La Hán, Niết Bàn của đức Thế Tôn là Niết Bàn của Như Lai .





PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN

Bài học thứ 2: Mùi hương gì mà thơm lâu đến như vậy hở các bạn? Dem cơm từ cối nước Chúng Hương về vẫn còn thơm, ăn vào rồi vẫn còn thơm, mà hương thơm tỏa ngát ra các lỗ chân lông nữa và đặc biệt là, cho đến khi diệt trừ hết mọi thứ độc của phiền não rồi mới tiêu hết!

Anh Chị Em chúng tôi nghĩ rằng chỉ có ngũ phần hương mới bay xa, thơm lâu và có những tác dụng độc đáo như vậy mà thôi, đó là **hương thơm của Gió, Định, Huệ, Giải thoát, và Giải thoát tri kiến**. Chắc là đúng rồi- vì đức Phật có dạy: “*Hương thơm của các loài hoa chỉ có thể bay theo chiều gió, còn hương thơm của đức hạnh thì tỏa ngát khắp muôn phương*”

Trở lại với những thắc mắc của tôn giả A Nan về hiện tượng “*bất khả tư nghì này*” A Nan thưa với Phật: “*Thật là chưa từng có! bạch Thế Tôn, thứ cơm thơm này hẳn có thể làm Phật sự*”

Phật bảo:

“*Đúng vậy, A Nan! đúng vậy, có cối Phật lấy ánh quang minh của Phật làm Phật sự. Có cối lấy chut Bồ Tát làm Phật sự. Có cối lấy cây Bồ đề làm Phật sự . . . có cối lấy Hư không làm Phật sự . . . Như vậy, này A Nan, mọi hành vi thi thiết của chut Phật, mọi oai nghi cử chỉ, không có gì không phải là Phật sự . . .*”

Này A Nan! Có 4 loại ma này, 8 vạn 4 ngàn cánh cửa phiền não này, chúng sanh vì thế mà khổ nhọc. Chut Phật bèn lấy ngay các pháp này mà làm Phật sự. Đó gọi là “*pháp môn ngộ nhập hết thảy chut Phật*”

Chúng tôi học được ở đây, cách hiểu một hình thái ngôn ngữ trong kinh điển Phật giáo. Tùy theo cách đọc, cách hiểu mà ta thấy một sự việc, một hiện tượng là sự thật hay là huyền thoại. Đó cũng là một thứ ngôn ngữ “bất khả tư nghì” như sự việc trong Kinh Thắng Man: Thắng Man phu nhân đã nhìn thấy đức Phật hiện ra giữa hư không, nghe đức Phật thuyết pháp, đối đáp song suốt cũng như thừa thỉnh Ngài trong nhiều vấn đề, trong khi Đức Phật chưa hề rời khỏi Tịnh Xá Kỳ Viên, và Thắng Man cũng chưa ra khỏi hoàng cung!

Anh Chị Em chúng ta ai có “chìa khóa” đều giải mã được bức mật thư, hay là thông điệp của tình thương và trí tuệ này, phải không các Bạn?

Tôn giả A Nan lại hỏi tiếp ngài Duy Ma Cật:
“Mùi hương này kéo dài được bao lâu?”

Ngài Duy Ma Cật đáp:

- “Kéo dài cho đến khi tiêu hoá hết cơm”

- “Hương đó tồn tại bao lâu?”

- “Thế lực của cơm này kéo dài đến 7 ngày mới tiêu! Lại nữa, này A Nan! hàng Thanh Văn chưa nhập Chánh vị mà ăn cơm này thì khi nào nhập chánh vị rồi cơm mới tiêu hết. Những người đã nhập chánh vị ăn cơm này khi nào cũng đắc tâm giải thoát cơm mới tiêu hết. Những người chưa phát tâm Đại thừa ăn cơm này, cho đến khi phát tâm Đại thừa rồi cơm mới tiêu hết... ví như loại thuốc có tên là thượng vị, uống vào cho đến trị dứt mọi thứ độc rồi mới tiêu hết. Cơm này cũng vậy, khi diệt trừ hết mọi thứ độc của phiền não thì mới tiêu hết !”

“.....Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, thì dù tu hành bao lâu cũng chỉ là vô ích! Vậy phải phát tâm và lập nguyện .

Trên cầu Phật Đạo, dưới giáo hoá chúng sanh, luôn tinh tấn, kiên cường, không chùn bước, không khiếp sợ, không chán nản, mệt mỏi, phát tâm như vậy là Chân. Ngược lại, có lỗi không sửa, có tội không sám hối, trong bản ngoài sạch, trước siêng sau nhác v.v.. phát tâm như vậy là Ngụy. Đây cũng là thước đo đạo đức, tư cách của người Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử và nhắc nhở Anh Chị Em chúng ta luôn tự soi rọi lại mình.....”

Cũng như Kinh Di Giáo, Bài văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm này, anh chị em chúng tôi học trước Kinh Hoa Nghiêm, nhưng ghi lại sau.

Phần đông anh chị em đều có bản văn này nên việc học rất thuận tiện. Chúng tôi chọn bản dịch và giảng của Thầy Trí Quang. Thầy bảo rằng nguyên nhân Thầy dịch bài văn này là do một hôm ngẫu nhiên, Thầy gặp hai Thầy: thầy Thiện Siêu và thầy Đồng Minh đang bàn về bài văn này, rồi tối hôm ấy, Thầy gặp Thầy Trí Độ bảo Thầy dịch; Đêm sau, Thầy lại nằm mộng nữa, thấy hai hàng Tăng. Anh chị em chúng tôi đã nghe danh bài văn này, lại được nghe nguyên nhân thúc giục Thầy Trí Quang dịch, lại nữa, Thầy chú giải rất rõ ràng dễ hiểu, anh chị em chúng tôi ai nấy đều náo nức mang về đọc và ráng học thuộc lòng, nên trước khi vào lớp, gần như ai cũng đã thuộc. Bản văn đậm đà tình cảm, lời văn tha thiết đầy tính thuyết phục này và anh chị em chúng tôi dành nhau nêu lên những bài học thu lượm được.

Bài học thứ 1 là về tự truyện của tác giả bài văn “*Khuyến Phát Bồ Đề Tâm*”: Đại sư Thật Hiền. Ngài họ Thời, tên Thật Hiền, tự là Tư Tề, hiệu Tĩnh Am. Ngài sinh ngày 8 tháng 8 năm 1685 trong một gia đình Nho giáo, cha mất sớm, ở với mẹ. Bà mẹ biết con mình có căn tu, từ nhỏ đến lớn Ngài không ăn mặn, nên mới 7 tuổi đã cho con lạy Thầy Dung Tuyển ở Am Thanh Lương làm bốn sư, và năm 15 tuổi thì ngài Thật Hiền xuất gia. Thông minh tuyệt vời, kinh sách gì đã

Bồ Tát hành đạo mà không thấy mình hành đạo, bố thí mà không thấy có người bố thí, người nhận của bố thí, cũng không thấy có vật bố thí . . . Bồ Tát như “*rong chơi*” trong 3 cõi 6 đường, nhưng đã làm được rất nhiều Phật sự lợi ích cho chúng sanh, với tâm rỗng rang, không vướng “*bụi trần*”

Trở lại với phẩm Kinh của ngày hôm nay: “*Bồ Tát Hạnh*” Phẩm Kinh này đến sau phẩm “*Phật Hương Tích*” trong đó Ông Duy Ma Cật xin cơm thừa ở nước Chúng Hương, đem về cho mọi người trong Chúng hội ăn nơi nhà ông, và ai ăn được cơm này thì đều toả ra mùi hương thơm ngát từ tất cả lỗ chân lông. . . . Lúc ấy, đức Phật đang giảng Pháp tại vườn cây Am La, mặt đất bỗng hoá thành trang nghiêm và lớn rộng mênh mông, tất cả Chúng hội đều ánh sắc vàng ròng. Tôn giả A Nan hỏi Phật vì sao có điềm lành này, đức Phật nói: “*đó là vì Duy Ma Cật và Văn Thù Sư Lợi với đại chúng đang cung kính vây quanh khởi ý muốn đến đây nên có điềm tốt lành này.*” (Ngài Duy Ma Cật dùng thần lực mang hết hội chúng, và các tòa sư tử của họ vào trong lòng bàn tay phải bay sang chỗ Phật ngự)

Đây là bài học thứ nhất của Anh Chị Em chúng tôi: nhớ lại 2 câu cuối của một bài thi kệ :

**“....Một tâm niệm an lành
Làm rạng ngời mặt đất”**

Chỉ một tâm niệm an lành thôi cũng đủ làm rạng ngời mặt đất. Ở đây, là cả hai vị Bồ Tát thượng thặng với đại chúng, cung kính vây quanh khởi ý muốn đến thăm Phật, hèn gì không tạo ra điềm lành đó?

Qua 4 phẩm chủ yếu mà Anh Chị Em chúng tôi đã học, chúng ta thấy rõ được tinh thần kinh Duy Ma Cật nói theo ngôn ngữ Phật giáo là Thể và Dụng của Kinh.

Thể là cơ sở tư tưởng còn Dụng là mục tiêu, là sự chuyển biến lý thuyết thành động cụ thể, hay nói cách khác tư tưởng Kinh Duy Ma Cật đặt căn bản trên “*Bất tư nghì giải thoát*” mà hành động thực tiễn của Bồ Tát Duy Ma Cật cũng là Bất tư nghì giải thoát.

Nếu hình ảnh “*Người Quân Tử*” là nhân vật lý tưởng của Nho giáo, thì cư sĩ Duy Ma Cật là một nhân cách lý tưởng của Bồ Tát đạo đại thừa Phật giáo vậy! Ngài đã vượt lên trên con người, đã nhập vào hàng Thánh, nhưng Ngài không tìm Niết Bàn tịch tĩnh cho riêng mình, mà vẫn qua lại trong sáu nẻo luân hồi, để “*Tịnh Phật Quốc Độ, Thành Tựu Chúng Sanh*” nghĩa là Bồ Tát không lìa thế gian, mà qua lại giữa Niết Bàn và Sinh Tử để giáo dục, chuyển hoá chúng sanh.

Nguyên lý bất nhị hay thực tại bất nhị, chính là cánh cửa để Bồ Tát có thể qua lại giữa hai cảnh giới tưởng chừng như đối lập mà “*giấy thông hành*” là nhập bất nhị pháp môn. Đã “*vào pháp môn không hai*” Bồ Tát thấy được thực tướng các pháp mà không kẹt hai bên, không vướng mắc vì những ý niệm sinh diệt, như sạch, ngã và ngã sở, thọ và không thọ . . . Bồ Tát an nhiên tự tại, ung dung đi vào cuộc đời ô trược mà không hề bị nhiễm ô... Đó là con đường hành đạo của Bồ tát, hay là thực hành hạnh Bồ Tát.

đọc qua là nhớ hết, thông suốt cả sách vở thế gian, viết văn rất giỏi, làm thơ hay, chữ tốt v.v.. Rất có hiếu với mẹ. Năm 24 tuổi thọ Tỳ Kheo, từ đó nghiêm tập giới luật, không rời y bát, ngày ăn một bữa và thường không ngủ nghỉ. Năm 1710, y chỉ Cừ Thành Pháp sư, học tập Duy Thức, Lăng Nghiêm, chỉ quán ...với pháp sư Thiệu Đàm chưa tới 3 năm đã thông suốt; pháp sư Thiệu Đàm thọ ký cho Ngài làm thế hệ thứ 4, của Ngài Linh Phong thuộc Thiên Thai chánh tông.

Năm 1714, học tham thiền với Hoà Thượng Linh Thứu và chỉ mấy tháng sau là Sư đốn ngộ. Từ đó ứng cơ vô ngại, biện tài vô cùng; sau đại sư về nhập thất ở chùa Chân Tích, ngày đọc 3 tạng Kinh điển, đêm niệm danh hiệu Di Đà; Sau 3 năm, Chúng trong chùa thỉnh Sư giảng Pháp Hoa, Sư giảng như sông tuôn, suối trào vậy. Năm 1718, Sư ở chùa Long Hưng, Thiệu Đàm pháp sư bảo Sư giảng Kinh Luật v.v.. thay cho mình và ca tụng Sư hết sức.

Mùa xuân năm 1719, Ngài đến Tứ Minh núi A Dục, chiêm bái Xá Lợi, trước sau đốt 5 ngón tay cúng dường Phật .

Từ năm 1733, sau khi dặn đệ tử “*14 tháng 4 sang năm ta đi luôn,*” Đại Sư đóng cửa niệm Phật, mỗi ngày đêm tự hạn cho mình 10 vạn tiếng; qua năm sau 1734 ngày 2 tháng 4 Sư mở cửa, dặn dò mọi việc, ngày 13 Sư bỏ ăn và ngày 14 Sư thị tịch, thọ 49 tuổi trong đó có 25 tuổi hạ. Đồ chúng năn nỉ Sư ở lại ít lâu, Sư nói: “*Ta đi là trở lại liền, sinh tử là việc lớn, mọi người hãy tự tịnh tâm mà niệm Phật*” Con người, chí nguyện và những việc làm trong suốt cuộc đời của Đại Sư quả là một tấm gương sáng vĩ đại của hạnh tinh tấn cho anh chị em chúng ta học tập.

Bài học thứ 2: Bài Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm

1. Xuất Xứ: Bài Văn này ở trong “*Tĩnh Am Ngữ Lục*” do Bành Tế Thanh sưu tập và ấn hành, 52 năm sau, khi đại sư Thật Hiền viên tịch, gồm có nhiều bài văn của Ngài như:

- Khuyến Phát Bồ Đề Tâm
- Truyện Vãng Sanh
- Khuyến Tu Tịnh Độ
- Niết Bàn Hội Phát Nguyện Văn
- Xá Lợi Sám Tụ
- Trùng Kiến Niết Bàn Sám Hội Tụ
- Niết Bàn Hội Ước Tụ
- Niết Bàn Hội Ước Đệ Nhị Tụ
- Niệm Phật Qui Ước
- Tịnh Nghiệp Đường Qui Ước

2. Nội dung: Bài văn này như đã nói, lời lẽ chân thật mà tha thiết, lý luận sắc bén đầy sức thuyết phục; chúng tôi đều đã học thuộc lòng nên khỏi ghi ra đây, chỉ ghi những bài học rút ra từ bài văn .

Bài học thứ 3: “Cửa chính yếu để nhập Đạo thì sự phát tâm đứng đầu, việc khẩn cấp để tu hành thì sự lập nguyện đứng trước.”

Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, thì dù tu hành bao lâu cũng chỉ là vô ích! Vậy phải phát tâm và lập nguyện .

Bài học thứ 4: Nhưng tâm nguyện có nhiều sắc thái khác nhau; tựu trung có 8: đó là, Tà-Chánh, Chân - Ngụy, Đại -Tiểu , Thiên -Viên.

KINH DUY MA CẬT (tiếp theo)

- BỒ TÁT HẠNH -



Nguyên lý bất nhị hay thực tại bất nhị, chính là cánh cửa để Bồ Tát có thể qua lại giữa hai cảnh giới tường chùng như đối lập mà “giấy thông hành” là nhập bất nhị pháp môn. Đã “vào pháp môn không hai” Bồ Tát thấy được thực tướng các pháp mà không kẹt hai bên, không vướng mắc vì những ý niệm sinh diệt, như sạch, ngã và ngã sở, thọ và không thọ . . . Bồ Tát an nhiên tự tại, ung dung đi vào cuộc đời ô trược mà không hề bị nhiễm ô. . . Đó là con đường hành đạo của Bồ tát, hay là thực hành hạnh Bồ Tát.

Bồ tát hành đạo mà không thấy mình hành đạo, bố thí mà không thấy có người bố thí, người nhận của bố thí, cũng không thấy có vật bố thí . . . Bồ Tát như “rong chơi” trong 3 cõi 6 đường, nhưng đã làm được rất nhiều Phật sự lợi ích cho chúng sanh, với tâm rỗng rang, không vướng “bụi trần”

Với tám bài học trên đây về phẩm Kinh này, chúng tôi chấm dứt buổi học Kinh hôm nay; mọi người ghi nhớ trong lòng rằng phải tinh tấn tu học để có cái nhìn rộng rãi, không còn giải đãi, học nhìn cuộc đời với cặp mắt của Bồ Tát, học cái tâm Phật của Bồ Tát, cái hạnh nguyện rộng lớn của Bồ Tát là luôn nói, nghĩ và làm những điều lợi ích chúng sanh.



Tất nhiên là ta phải chọn, phải học và nhớ kỹ, thế nào là phát tâm Chánh, Chân, Đại và Viên !

Bài học thứ 5: “Danh lợi không ham, vui thú không màng, chỉ vì thoát sinh tử, vì chúng bồ đề (mà phát tâm tu hành). Phát tâm như vậy gọi là chánh. Ngược lại, không cứu xét tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài, vụ lợi, hám danh v.v.. phát tâm như vậy là Tà. Chúng ta có thể dùng tiêu chuẩn này để xét động cơ vào Gia Đình Phật Tử của chúng ta là chánh hay tà!

Bài học thứ 6: trên cầu Phật Đạo, dưới giáo hoá chúng sanh, luôn tinh tấn, kiên cường, không chùn bước, không khiếp sợ, không chán nản, mệt mỏi, phát tâm như vậy là Chân. Ngược lại, có lỗi không sửa, có tội không sám hối, trong bản ngoài sạch, trước siêng sau nhác v.v.. phát tâm như vậy là Ngụy. Đây cũng là thước đo đạo đức, tư cách của người Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử và nhắc nhở Anh Chị Em chúng ta luôn tự soi rọi lại mình.

Bài học thứ 7: “Chúng sanh giới hết, nguyện ta mới hết, Bồ đề đạo thành, nguyện ta mới thành” Phát tâm như vậy gọi là Đại. Ngược lại, coi 3 cõi như lao ngục, nhìn sinh tử như oan gia, chỉ mong tự độ, không dám độ người, phát tâm như vậy gọi là Tiểu. Đây cũng là bài học về đại bi tâm

Bài học thứ 8: “Nếu biết tự tánh là chúng sanh nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật Đạo nên nguyện thành tựu, không thấy một pháp nào ngoài tâm mà có, đem cái tâm vô tướng, phát cái nguyện vô tướng, làm cái

hạnh vô tướng, chúng cái quả vô tướng, cái tướng vô tướng cũng không thấy có được: phát tâm như vậy gọi là Viên.”

Anh Chị Em chúng ta nếu làm được cái gì cũng “*kể công*” chưa nói chuyện xưng mình là “*công thần khai quốc*” nữa! Vậy thì đó là cái tâm Thiên rồi, khó viên lắm, có phải không?

Bài học thứ 9: Mười lý do của sự phát khởi Bồ Đề Tâm; đó là:

1. Nhớ ơn nặng của Phật
2. Nhớ ơn Cha Mẹ
3. Nhớ ơn Sư Trưởng
4. Nhớ ơn Thí Chủ
5. Nhớ ơn Chúng Sanh
6. Nhớ khổ Sinh Tử
7. Trọng linh tánh của mình
8. Sám hối nghiệp chướng
9. Làm cho Phật Pháp tồn tại lâu dài

Trong 10 lý do này, chỉ có chữ “*linh tánh*” là anh chị em chúng tôi thảo luận, chữ linh tánh đó, theo bài văn là Phật tánh, cái mà Lục Tổ Huệ Năng gọi là tự tánh, và đã thốt lên khi ngộ được tự tánh đó:

*“Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ
Đâu ngờ tự tánh vốn không lay động
Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp”*

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp: “*Theo ý tôi, đối với hết thấy pháp không nói, không thuyết, vượt ngoài vấn đáp. Đó là vào pháp môn không hai*”

Đoạn ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật: “*Mỗi người chúng tôi đã nói rồi, bây giờ xin nhân giả cho biết thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai ?*” ông Duy Ma Cật lặng thinh không nói.

Ngài Văn Thù Sư Lợi tán thán:

“*Hay thay, hay tuyệt! cho đến không còn văn tự ngữ ngôn; đó mới thật là vào pháp môn không hai(cửa vào tuyệt đối)*”

Bài học thứ tám: Ngài Văn Thù Sư Lợi không thuyết về “*vào pháp môn không hai*” vì theo Ngài, đối với tất cả các pháp không nói, không bàn không diễn, không vấn, không đáp mà phải thân chứng thì đó là vào pháp môn không hai. Thế nhưng Ngài vẫn phải dùng một câu để diễn đạt ý này.

Đến phiên ông Duy Ma Cật, ông im lặng, không nói năng gì cả và được ngài Văn Thù Sư Lợi khen là tuyệt hay vì đã vượt lên trên ngôn ngữ thông thường. Đó mới thật sự là “*vào pháp môn không hai.*”

Thật vậy, ở đây Anh Chị Em chúng tôi được hiểu sâu sắc hơn câu “*ngôn ngữ đạo đoạn*” lời nói làm mất ý Đạo, cắt đứt Đạo. Tuy nhiên, chúng ta đâu có bắt chước ngài Duy Ma Cật được, chúng ta còn phải dạy các em, dạy con cái, dạy học sinh. . . chúng ta phải tránh cái tâm vị kỷ, tâm phân biệt cũng như đừng nói quá nhiều và phải nói đúng lúc, đúng trường hợp, hợp với trình độ của người nghe là được rồi.

lung phóng dật, để bị lôi cuốn vào lục dục thất tình, chạy theo 6 trần, thì phiền não khổ đau theo sau tức thì và cứ thế luân hồi trong biển sinh tử. Ví dụ người khéo tu thì nghe chửi cũng cười nghe khen cũng cười; người vụng tu nghe khen thì tươi cười hớn hở, nghe chửi thì liền nổi sân hay oán giận v.v.. Nếu hiểu được an hay bất an là do mình, sinh tử và niết bàn là do nơi tự tâm mình, không phải là những nơi chốn hiện hữu ở bên ngoài, nếu biết rằng phiền não chính là những chất liệu để kiến tạo niết bàn thì hiểu được Sinh Tử và Niết Bàn không khác, đó là vào được pháp môn không hai. Nếu còn nhàm chán sinh tử, oán ghét cuộc đời muốn tìm Niết Bàn ở ngoài cuộc đời thì đó là chuyện không tưởng. Tiếp xúc với cuộc đời, sống trong lòng cuộc đời mà không vướng mắc thì đó là niết bàn, được như vậy là vào pháp môn không hai.

Bài học thứ bảy: Qua sự trình bày của 31 vị Bồ Tát về kinh nghiệm tu tập của họ thật là muôn hình muôn vẻ, nhưng nội dung đều nhằm nói lên một điều; đó là thật tánh của các pháp là “Vô thường, Vô ngã, Không” Vậy muốn vào pháp môn không hai thì phải thấy được lý này để đừng chấp xấu - đẹp, dơ - sạch, yêu - ghét, sinh - diệt, v.v.. để thấy được cái “một” trong cái “tất cả” và mở rộng lòng ra, nhìn mọi người, mọi sự vật hiện tượng với tâm không phân biệt, tâm hoan hỷ . . . đó là vào pháp môn không hai.

Chư Bồ Tát lần lượt từng vị trình bày xong liền hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “*Thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai ?*”

Bài học thứ 10: nghĩa chữ “Bồ Đề.”

Chúng ta đã thường học Bồ Đề tiếng Phạn là “*Bodhi*” có nghĩa là “*giác*”- giác ngộ, trái với mê- Sau này, các vị luận sư còn phân biệt giác của một vị thánh (A La Hán), một vị Bồ Tát, một vị Phật. Ví dụ: Ngài Cưu Ma La Thập dịch Bồ đề là “*Vô Thượng Trí Tuệ*” hay “*Tuệ Giác Siêu Việt*” (Trí Độ Luận); Ngài Tăng Triệu thì cho rằng, không có chữ nào dễ dịch hơn vì Bồ Đề là cái chân trí, giác ngộ bản thể siêu việt, một cách chính xác.

Bài học thứ 11: Loại biệt của Bồ Đề

Chỉ có tuệ giác của hàng thánh giả mới được gọi là Bồ Đề. Thánh giả có 3 mức độ, nên có 3 loại Bồ Đề: Thanh Văn Bồ Đề, Độc Giác Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề.

Bài học thứ 12: Tự tánh của Bồ Đề

Tự tánh của Bồ Đề là Vô Lậu Tuệ. Tuệ này chính là Tuệ Tâm Sở trong 5 Tâm Sở biệt cảnh (*theo Tam Thừa Cộng Pháp*) Ở đây, Anh Chị Em chúng tôi có dịp ôn lại Duy Thức; 5 Tâm Sở biệt cảnh đó là: Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, Tuệ. Còn theo Đại Thừa Bất Cộng Pháp thì tự tánh của Bồ Đề là 4 trí thanh tịnh. Nói như vậy, thì chỉ có Phật địa mới được gọi là Bồ Đề thối.

Bài học thứ 13: Tương ứng của Bồ Đề

Đó là nói Tâm Vương, Tâm Sở ở giai đoạn Thức chuyển thành Trí (của 4 trí):

- Đại Viên Cảnh Trí (tên gọi của thức thứ 8 lúc đó)
- Bình Đăng Tánh Trí (thức thứ 7)
- Diệu Quan Sát Trí (thức thứ 6)
- Thành Sở Tác Trí (5 thức trước)

Bài học thứ 14: Năng sinh của Bồ Đề

Bồ Đề cũng là pháp duyên sinh, do diệt mê mà có, nên nó cũng có 4 duyên như các pháp khác:

1. Nhân duyên: Chủng tử của vô lậu tuệ (loại bản hữu)
2. Tăng thượng duyên: Thiện hữu (Phật, Bồ Tát, Sư trưởng, Tăng thân)
3. Đẳng Vô Gian Duyên: Sự liên tục dẫn sinh vô lậu tuệ của hữu lậu thiện
4. Sở Duyên Duyên: Cảnh khổ đã thấy nghe và cảnh thánh đã quán tưởng.

Bài học thứ 15: Sở đoạn của Bồ Đề

Còn gọi là “chương”, là những thứ bị tiêu diệt để thực hiện Bồ Đề.

Chương đó là gì? và Trí nào tiêu diệt được?

Ở Nhị Thừa, Phiền Nã Chương là sở đoạn, Bồ Đề Trí Phần Sinh Không là năng đoạn.

Ở Đại Thừa, Phiền Nã Chương và Sở Tri Chương là sở đoạn; Đến Phật Thừa, thì sở đoạn là phần chủng tử của 2 chương ấy. Còn năng đoạn là 4 trí của Bồ Đề(2 phần sinh không và pháp không)

đó có nghĩa là Thiện và bất thiện chỉ có tính cách tương đối; ở đất nước này điều đó là thiện, qua nước kia là bất thiện rồi; ví dụ một điệp viên được nước này ghi công, ca ngợi nhưng khi đến nước địch hoạt động mà không may bị bắt thì sẽ được coi là tội phạm tử hình. Ở nước ta có hiếu với cha mẹ là phụng dưỡng họ khi già yếu, nhưng ở một nước (thuộc châu Phi) thì khi cha mẹ già họ cho leo lên cây cao, con cháu ở dưới rung cây, nếu các cụ rơi xuống chết thì đem chôn, nếu chịu đựng được mới đem về nuôi. Một ví dụ khác: Sát sanh là bất thiện nhưng cũng có trường hợp gọi là “giết một người cứu triệu người” như những vị anh hùng trong lịch sử đã giết những bạo chúa để cứu muôn dân thì việc ấy lại là việc thiện rồi. Nói cách khác, những nguyên tắc về luân lý, đạo đức có thể thay đổi theo biên giới quốc gia, biên giới tôn giáo nên thiện và ác (bất thiện) cũng không có giá trị tuyệt đối. Nếu chúng ta hiểu được thực tánh của thiện và bất thiện, thì không còn chấp nhất về chuyện đó, không khen chê phê phán, nghĩa là giữ tâm bất động, không khởi niệm trước mọi chuyện thị phi, hay dở ở đời, không hoan hô, đả đảo. . . ; như thế tức là đã từng bước vào được pháp môn không hai.

6. Bồ tát Thiện Ý nói: “Sinh tử và Niết Bàn là hai. Nếu thấy được tánh của sinh tử thì chẳng còn sinh tử, không trói buộc, không cõi mở, không bùng cháy, không dập tắt. Hiểu được như vậy là vào pháp môn không hai”

Bài học thứ sáu: Phiền não đau khổ (luân hồi, sinh tử) hay tự tại an vui (Niết Bàn) là ở ngay tại lòng ta không ở đâu xa cả. Khéo tu là đừng chạy theo 6 trần thì sẽ được an vui hay bồ đề niết bàn; vụng tu là buông

dần dần thấy được thọ và không thọ không khác biệt nữa.

4. Bồ tát Đúc Đỉnh nói: *“Cấu và Tịnh là hai. Thấy được tánh chân thật của cấu thì không còn tướng tịnh, thuận theo tướng tịch diệt; đó là vào pháp môn không hai.”*

Bài học thứ tư: Cấu là dơ bẩn, ô uế, hôi hám, tịnh là sạch sẽ, thơm tho, trong sạch, thanh tịnh. Nếu thấy được “một thùng rác bẩn, một bông hồng thơm” là không khác, vì có bông hồng hôm nay thì một tuần nữa bông hồng sẽ phải héo úa, trở thành rác, và rác đó đem làm phân bón cho cây hoa hồng thì tuần sau ta lại có một bông hồng mới nở . . . Như vậy “*mọi vật luôn chuyển hoá*” và “*cái thường*” nằm trong cái “*vô thường*” cái cấu ở trong cái tịnh, nói cách khác không có gì gọi là “cấu” hay “tịnh” cả, có sai biệt là do tâm ta khởi phân biệt mà thôi. Tu tập sao để đừng chấp người khác cấu ta tịnh, người khác ô nhiễm ta trong sáng, đồng tiền người kia làm ra là dơ bẩn, đồng tiền ta làm ra là sạch vì do sức lao động v.v.. nghĩa là với tâm bình đẳng, không cố chấp thì dần dần sẽ thấy được thực tánh của “dơ” và “sạch” không khác, vì chúng đều là “không” khi tâm ta cũng “không.” Đó là vào pháp môn không hai.

5. Bồ Tát Phát Sa nói : *“Thiện và bất thiện là hai. Nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhận chân thực tế của vô tướng. Thông suốt được như vậy là vào pháp môn không hai.”*

Bài học thứ 5 : Chúng ta thường nghe nói: “bên này dãy núi Pyrénées là chân lý, bên kia là sai lầm” điều

Bài học thứ 16: Sở duyên của Bồ Đề

Là những đối tượng bị biết, còn gọi là cảnh. Bồ Đề biết tất cả, kể cả tự tánh của nó, vì vậy tất cả vạn pháp đều là đối tượng (*sở duyên*) của nó. Tuy nhiên, có 1 chút cần lưu ý ở đây là: Thành Sở Tác Trí chỉ duyên “*tục*” không duyên “*chân*”. Còn 4 trí khác thì tự tha đều biết, chân tục đều ngộ. Do vậy, ngay cả chân như cũng là sở duyên của Phật trí (*tức Vô Phân Biệt Trí*)

Bài học thứ 17: Sở y của Bồ Đề

Là chỗ nương tựa, y cứ. Bồ Đề là pháp do duyên sinh, nghĩa là cũng do duyên diệt. Nói cách khác, Bồ Đề sinh diệt trong từng sát na, nhưng vẫn liên tục là nhờ thân chứng chân như (*tức bản thể bất sinh bất diệt*) Bồ Đề lại không một sát na nào, không tương ứng với chân như, nên Bồ Đề luôn luôn hiện hành. Thiên Thai Tông gọi là “*Chân Tánh Bồ Đề*”.

Bài học thứ 18: Sở khởi của Bồ Đề

Là những cái được phát khởi ra; đó là những gì Phật địa phát hiện: Thân độ (*cơ thể và vũ trụ*) gồm có:

- Tự thọ dụng (*đồng đẳng pháp giới*)
- Tha thọ dụng (*cho thập địa Bồ Tát*),
- Thắng ứng hoá (*cho các thánh giả khác*)
- Liệt ứng hoá (*cho cả phàm thánh*).
- **Bài học thứ 19:** Sở tác của Bồ Đề

Là việc làm của Bồ Đề. Đó là việc làm của chư Phật “*khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật*” là do năng lực,

phương tiện phát xuất của từ nguyện lực đại bi của chư Phật. Thiên Thai Tông gọi là “*Phương Tiện Bồ Đề*.”

Bài học thứ 20: Nhờ những bài học trên đây, khi đọc kinh, Anh Chị Em chúng tôi đã hiểu được rằng khi Luận nói Bồ Đề, Bồ Đề đoạn (*sở đoạn của bồ đề*), Bồ Đề xứ (*sở duyên*) đều cùng một nghĩa là Bồ Đề.

Bài học thứ 21: Ở trình độ của Anh Chị Em Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử, chúng ta được học Bồ Đề Tâm là tâm giác ngộ, được biểu hiện qua 3 tâm thái:

- * *Trực tâm:* Trực tâm thì hiểu như trong Kinh Pháp Bảo Đàn “*trực tâm là đạo tràng*”
- * *Thâm tâm:*Thâm tâm là cái năng lực thâm sâu không ngừng phát triển khả năng huân tập và nuôi lớn những chủng tử tốt, thiện, lành
- * *Và Đại bi tâm:* Đại bi tâm là tình thương vô hạn định đối với tha nhân; luôn trau giồi tình thương này đến độ bình đẳng, đối với mọi chúng sanh muốn đem vui cứu khổ cho mọi người, thương tất cả chúng sanh như tình mẹ thương con ruột của mình.

Ngoài ra, trong những buổi công phu sáng chiều, chúng ta vẫn thường đọc tụng những bài văn thể hiện sự phát Bồ Đề Tâm của chúng ta như :

*Phục thỉnh Thế tôn vị chứng minh
Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập
Như nhất chúng sanh vị thành Phật
Chung bất ư thử thủ nê hoàn*

đối cảnh giữ được tâm thanh tịnh, chánh niệm, không khởi tham, không nổi sân, không trở nên si khờ, thấy thọ và không thọ không khác, không thủ một cái gì, không mưu đồ gì, không tham vọng . . . Thực hành ít muốn, biết đủ . . . Làm được như vậy là vào được pháp môn không hai.

Những người phạm tội giết người, tham nhũng, ác ôn đều do muốn tìm những cảm thọ tai hại. Vì vậy mà ngũ dục còn được gọi là “*năm mũi tên*” (*có thể bắn chết người hay bắn đứt các thiện căn của người*) Trong đời sống hằng ngày, chúng ta có thể thực tập để sống thanh bạch trong ăn uống, trong tiếp xúc với ngũ dục. Ví dụ về ăn uống cũng có thể thực tập “*ăn để sống chứ không phải sống để ăn*” Ăn ngon cũng tốt, không ngon cũng đừng buồn bực, ăn chay rất tốt nhưng đừng chê bai người không ăn chay, đừng vì ngon miệng mà phải ném cho được những món cầu kỳ, phải sát sanh một cách ghê rợn như ăn óc khỉ, chân của con vịt đang còn sống v.v.. (*trời con khỉ lại, dội nước sôi trên đầu nó rồi đập cái sọ ra lấy não trong đó mà ăn thật là quá tàn ác! Hay bắt 1 con vịt làm cho nó sợ tìm cách chạy quanh để trốn, chạy đến nổi máu dồn xuống 2 chân rồi ăn mấy cái chân đó cho là bổ dưỡng! có đáng hay không?*) Ngủ nghỉ cũng vậy, ngủ nhiều cũng tốt, mà khi có chuyện phải thức khuya dậy sớm cho gia đình, cho tập thể v.v.. cũng đừng vì vậy mà không vui, gây gổ mọi người làm mọi người mất vui theo . . . Thấy cái gì đẹp thì chiêm ngưỡng, ngắm nhìn . . . nhưng đừng bao giờ khởi tâm muốn chiếm hữu, phải biết kiềm chế “*tâm trộm cắp*” của mình để khỏi lao vào vòng tội lỗi. Như vậy là từng bước chúng ta có thể tự chủ, không để cho ngũ dục lôi kéo vào các đường ác,

Chúng ta mặc dù biết thân này do ngũ uẩn giả hợp mà có, nhưng luôn luôn thấy có một cái tôi mà ta phải bảo vệ cứng chiều, o bế; cái gì tốt, hay, đúng là “tôi” còn xấu, dở, sai thì không phải tôi từ cái tôi mà sinh ra cái “của tôi”: *Cha/mẹ của tôi, vợ/chồng của tôi, con của tôi, nhà của tôi, quê hương của tôi, quan niệm của tôi, v.v.. những cái của tôi này “trói” chặt chúng ta trong ích kỷ, nhỏ nhen, tham lam, đố kỵ v.v.. từ đó, dẫn đến chiến tranh, thù oán.* Nếu chúng ta biết được tất cả mọi người đều rất giống nhau ở điểm tham sống sợ chết, tham vui sợ buồn và tất cả mọi người đều chịu luật vô thường chi phối, sống chết không biết lúc nào thì chúng ta sẽ không còn thấy quá o bế “cái tôi” và cái “của tôi” để có thể làm hại người khác, loài khác, mà trái lại, biết mở rộng lòng mình ra để yêu thương tất cả, thương người như thể thương thân, thì nhất định thế giới hoà bình chúng sanh an lạc rồi! Làm được như vậy là vào được pháp môn không hai.

3. Bồ Tát Bất Huyến (Vô Thuán) nói:

“Thọ và bất thọ là hai. Nếu không thọ thì không có gì là được, không có được thì không có thủ, xả, không tác, không hành. Đó là vào pháp môn không hai.”

Bài học thứ ba: Thọ và không thọ là hai. Thọ là cảm thọ, là do 6 căn tiếp xúc với 6 trần mà sinh ra vui, buồn, sướng, khổ (*khổ thọ, lạc thọ v.v..*) mà cảm thọ vốn vô thường và đôi khi bất tịnh, bất thiện; Do vậy, đi tìm những cảm thọ vui sướng đó người ta có thể sa vào địa ngục, ngã quỷ, súc sanh (*ngay trong đời này không phải đợi chết rồi mới bị*).

Vậy nếu biết bản chất của thọ cũng là huyễn thì

Hay : *Thuán nhã đa tánh khả tiêu vong*
Thước ca ra tâm vô động chuyển

Hay : *Chúng sanh vô biên thể nguyên độ*
Phiền não vô tận thể nguyên đoạn

Hay : *Tự tánh chúng sanh thể nguyên độ*
Tự tánh phiền não hệ nguyên đoạn

Với bài học này, chúng tôi chấm dứt buổi học bài văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm của ngài Thật Hiền. Ngoài nội dung quý giá của bài văn, Anh Chị Em chúng tôi còn được học rất nhiều từ ngữ, giúp cho sự hiểu biết về những thuật ngữ của Duy Thức. Anh Chị Em chúng tôi rất hoan hỷ và cảm thấy buổi học hết sức lợi lạc.





KINH DUY MA CẬT

PHẨM QUỐC ĐỘ

Trong pháp hội có Bồ Tát Pháp Tụ Tại nói:
“*Thưa các nhân giả, Sanh và Diệt là hai. Pháp trước vốn không sinh nay tất không diệt. Lành hội được vô sanh pháp nhãn này là vào pháp môn không hai*”

Bài học thứ nhất: tên của Bồ Tát Pháp Tụ Tại cho ta thấy tâm ngài bất động đối trước các pháp an nhiên, tự tại. Những vị Bồ Tát đã đạt vô sanh nhãn là những vị có đức nhãn nhờ đạt đến chân lý thấy vạn pháp không hề sanh không hề diệt; họ hiểu được thật tánh của các pháp nên không có vui, buồn, hờn giận v.v... nghĩa là không có phiền não với chúng sanh. Đối với những lời nói, họ không còn thấy trong đó có khen - chê, xấu - tốt, hiền - dữ . . . nữa, họ chỉ thấy thuần túy là “âm thanh” nên không khởi niệm vui buồn, đó chính là “*pháp trước không sanh, pháp sau không diệt.*” Làm được như vậy là vào pháp môn không hai. Anh Chị Em chúng tôi tự thấy mình chưa vào được pháp môn không hai đâu! vì ai nói động tới là đã có thể nổi sân lên rồi!!

Tuy nhiên, phải thường xuyên tu tập, ví dụ nghe khen cũng tốt mà nghe chê thì mình phải suy nghĩ thử có đúng không, nếu đúng phải sửa đổi, nếu sai thì hoan hỷ ghi nhận, đừng bao giờ nổi sân (dù là kín đáo trong lòng).

2. Bồ Tát Đúc Thủ nói: “*Ngã và ngã sở là hai, nhân có ngã nên có ngã sở. Nếu không có ngã thì không có ngã sở. Đó là vào pháp môn không hai*”

Bài học thứ hai: Ngã là “*cái tôi*”, ngã sở là “*cái của tôi*”

Tất cả những sự việc, hiện tượng này, nếu dùng lý luận thông thường mà suy đoán thì quả thật là “không thể nghĩ bàn.”

Vì vậy, đối với Anh Chị Em chúng tôi hôm nay, mặc dù phẩm Kinh này ngắn nhưng chúng tôi phải nỗ lực trẫm tư về những lời trình bày sở trường, cũng như công phu tu tập của các Bồ Tát về pháp môn bất nhị này. Để từ đó, rút ra những bài học cụ thể áp dụng vào trong đời sống hằng ngày, để đem lại an lạc cho mình và người chung quanh cũng như phát huy trí tuệ giải thoát.

Chúng tôi cũng nhắc nhở nhau nhớ rằng: *những cái tên của các vị Bồ tát rất có ý nghĩa, nhất là liên hệ với pháp tu, sở trường hay hạnh nguyện bậc nhất của các ngài. Đây không chỉ riêng trong Kinh Duy Ma Cật mà còn được thấy ở các Kinh khác mà chúng tôi đã học qua rồi.*

Đặc biệt ở đây, cứ mỗi phát biểu của một vị Bồ Tát đều cho chúng ta một bài học thật sâu sắc về cái gọi là “không hai” và thế nào là vào được pháp môn không hai. Đã đọc qua tất cả ý kiến của 31 vị Bồ Tát hiện diện trong hội Chúng, Anh Chị Em chúng tôi lần lượt chọn trình bày những bài học tâm đắc của mình qua lời phát biểu của các vị Bồ Tát tiêu biểu, sau câu hỏi của trưởng giả Duy Ma Cật:

1. Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo các vị Bồ Tát hiện diện rằng: “*Thưa các nhân giả, thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai? Mong các vị hãy tùy theo chỗ thích của mình mà nói*”

“...Trực tâm là Tịnh độ của Bồ tát, thâm tâm là tịnh độ của bồ tát, bồ đề tâm là tịnh độ của bồ tát, tinh tấn, thiền định, trí tuệ . . . là tịnh độ của bồ tát, tứ nhiếp pháp là tịnh độ của bồ tát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo là tịnh độ của bồ tát, tự mình giữ giới, không phê bình người phá giới là tịnh độ của bồ tát” v..v..và v..v..

Tịnh Độ chính là tự tâm thanh tịnh, ngay ở cõi Ta Bà này chứ không phải ở Tây Phương Cực lạc mới có; và quả thật như lời Phật dạy : “*Khi tâm ta thanh tịnh, ta thấy thế giới thanh tịnh.*”

Đây là bộ Kinh mà Anh Chị Em chúng tôi đã “nghe danh” từ những năm 60, khi mới “ra nghề” Huỳnh Trưởng, mà mãi đến nay ¹ hơn 20 năm sau mới được học! Như vậy đủ biết chúng tôi nao nức như thế nào! Hồi đó Sư Bà Bốn sư của chị em chúng tôi (*hầu hết các chị em trong đoàn Liên Hương là đệ tử của sư bà Diệu Không*) không cho học kinh này, Sư bà bảo: “*Rồi lớn lên một chút nữa các con sẽ được học, lúc đó sẽ hiểu lý do luôn, đừng có hỏi lời thôi!*”

Quả thật bây giờ chúng tôi đã hiểu rõ lời Sư Bà, và có dịp hỏi Sư Bà những chỗ vướng mắc của Kinh vì Sư Bà ra vào Saigon-Huế luôn, chúng tôi lên hầu thăm Bà rất dễ dàng. Bộ Kinh này tương đối dễ tìm, vì đã được Việt dịch rồi. Phần nhiều Anh Chị Em chúng tôi có trong tay tài liệu giảng dạy của thầy Thanh Từ (“*Kinh Duy Ma Cật giảng giải*”) vài người có của thầy Huệ Hưng hay của ông Đoàn Tung Còn và vài Anh Chị Em khác được nghe giảng ở Xá Lợi, Vĩnh Nghiêm (*thầy Từ Thông, thầy Trí Quảng* cho nên những buổi học Kinh Duy Ma Cật tương đối “sôi nổi” hơn những bộ kinh “khó” đối với Anh Chị Em chúng tôi vì không có tài liệu !

Cũng theo trình tự như cũ, Anh Chị Em chúng tôi trước hết đi vào lịch sử dịch thuật của bộ Kinh để tri ân tiền nhân, xong quyết định học những phẩm nào và bắt tay học phẩm đầu tiên đã được chọn.

Phần dịch Phạn- Hán thì theo Ngài Trí Khải đại sư có 5 người (*nhưng thất truyền nên chỉ còn lại 3*) cả 5 vị

Mấy chữ “*Pháp môn không hai*” thật là “*bí ẩn và hấp dẫn*” đối với những ai thường đọc sách Thiên.

Không hai - không phải là một, mà là một cách nói để cảnh tỉnh người tu về cái thấy có tính cách đối đãi thường trực của mình.

Này nhé! chúng ta luôn thấy mọi sự vật hiện tượng, cái gì cũng thấy có “hai” (*hai bên*) hết: cái này sạch-cái kia dơ, sông nhỏ- biển lớn, núi cao - đồi thấp, trời cao - đất thấp, sơn ca đẹp - cú vọ xấu, cái này đúng - cái kia sai, ông A tốt - ông B xấu, bà C siêng làm việc thiện - bà D chuyên làm việc bất thiện, “tôi” ở trong, “thế giới” ở ngoài v..v.. và v..v..

Đây là phẩm Kinh thiết yếu cho những ai tu Thiên, trong đó Phật dạy “*Lìa đời đái, nhị nguyên*” để sống với tinh thần bất nhị, phá chấp của Bồ tát. Tương tự, khi đức Phật nói: “*Trong 49 năm nay ta không hề nói một câu nào,*” điều này không có nghĩa là đức Phật phủ nhận những giáo lý Ngài đã dạy, nhưng Ngài không muốn đệ tử của mình chấp lầm “*ngón tay là mặt trăng*” nghĩa là dạy đệ tử của Ngài đừng chấp chặt vào bất cứ gì, ngay cả những lời dạy của Ngài.

Tương tự, việc ngài Bồ Đề Đạt Ma ngồi quay mặt vào vách, hay hình ảnh ngài Bồ Đề Đạt Ma vai quảy một chiếc giày đi trên sóng nước, hay câu chuyện “*niêm hoa vi tiếu*” trên đỉnh Linh Thứu đức Phật lặng lẽ đưa cành hoa lên và Ca Diếp mỉm cười, ngài bèn truyền y bát cho Ca Diếp, v..v..và v..v..

KINH DUY MA CẬT (tiếp theo)

PHẨM NHẬP BẤT NHỊ PHÁP MÔN (VÀO PHÁP MÔN KHÔNG HAI)



“Thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai ?”

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp: “Theo ý tôi, đối với hết thảy pháp không nói, không thuyết, vượt ngoài vấn đáp. Đó là vào pháp môn không hai”

Đoạn ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật: “Mỗi người chúng tôi đã nói rồi, bây giờ xin nhân giả cho biết thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai ?”

Duy Ma Cật lặng thinh không nói.

Văn Thù Sư Lợi tán thán:

“Hay thay, hay tuyệt! cho đến không còn văn tự ngữ ngôn; đó mới thật là vào pháp môn không hai (cửa vào tuyệt đối)”

đều là người Trung Hoa :

- Ngài Chi Lôu Ca Sấm đời nhà Ngô dịch với tên Kinh là “Duy Ma Cật Kinh” có 3 quyển
- Ngài Cưu Ma La Thập, đời Diêu Tần, với tên Kinh là “Duy Ma Cật Sở Thuyết” hay: “Bất Tư Nghì Giải Thoát Kinh” có 2 quyển
- Ngài Huyền Trang, đời Đường, với tên Kinh là “Thuyết Vô Cấu Kinh” có 6 quyển.

(1) chúng tôi học Kinh Duy Ma Cật này vào những năm 80

Sau đó có nhiều nhà số giải (cũng là người Trung Hoa) dựa vào bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập và viết ra những số luận sau đây :

- Ngài Trí Khải “Duy Ma Cật Kinh Huyền Sớ” có 10 quyển
- Ngài Trạng Nhiên “Duy Ma Kinh Lược Sớ” có 10 quyển
- Ngài Chí Thuyên “Duy Ma Cật Lược Sớ” có 10 quyển
- Ngài Kiệt Tạng “Tịnh Danh Huyền Luận” có 8 quyển và “Duy Ma Cật Nghĩa Sớ” có 6 quyển
- Ngài Khuy Cơ, “Thuyết Vô Cấu Chơn Kinh Sớ”
- Ngài Tăng Triệu , “Duy Ma Cật Kinh” có 10 quyển
- Ngài Huệ Viễn, “Duy Ma Cật Nghĩa Sớ” có 4 quyển
- Ngài Thế Viên (nhà số giải gần đây, cũng người Trung Hoa) có “Duy Ma Cật Lược Giải”

Về Việt dịch thì có các vị sau đây:

Thầy Huệ Hưng (1951)

Ô. Đoàn Tung Còn (?)

Sư Bà Diệu Không (1982)

Thầy Thanh Từ (1984)

Ngoài ra, Kinh này cũng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng như Anh, Pháp, Đức nên trên thế giới nhiều nhà nghiên cứu Phật học phương Tây đã biết đến từ lâu.

Theo bản dịch của Thầy Thanh Từ, “Kinh Duy Ma Cật Giảng Giải” (dịch theo 2 quyển của ngài Cưu Ma La Thập có tên là “Duy Ma Cật Sở Thuyết” hay “Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh”) gồm có 14 phẩm :

1. Quốc Độ,
2. Phương Tiện
3. Đệ Tử,
4. Bồ Tát,
5. Văn Thù Văn Tật
6. Bất Khả Tư Nghì
7. Quán Chúng Sanh
8. Phật Đạo,
9. Nhập Bất Nhị Pháp Môn
10. Phật Hương Tích
11. Bồ Tát Hạnh
12. A Súc Phật
13. Cúng Dường và 14. Chúc Lụy

Anh Chị Em chúng tôi sẽ lần lượt học 6 phẩm:
1, 5, 6, 9 và 11.

Về ý nghĩa tên Kinh, tại sao gọi là “Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh” Đây là những lời của Phật nói hay của cư sĩ Duy Ma Cật nói? Nếu là của ông Duy Ma Cật nói thì sao gọi là Kinh? Đọc qua bộ Kinh, chúng ta thấy đây là những lời đối đáp giữa các vị đệ tử Phật và cư sĩ Duy Ma Cật, nhưng là dưới sự chứng minh của đức Phật, Ngài xác nhận những điều ông Duy Ma Cật nói là đúng với Chánh pháp, và với “*cái nhìn của Hoa Nghiêm*” thì cư sĩ Duy Ma Cật chính là đức Bồ Tát Thích Ca hay ngược lại vậy. Đó là lý do được gọi là Kinh. Còn tại sao

Tất nhiên, Anh Chị Em chúng tôi nhắc nhở nhau rằng: có 1 điều này rất khác nếu chúng ta buông lung phóng dật, rượu chè, cờ bạc bê bối . . . rồi lại nói “*phi đạo là Phật đạo*” thì cái này tự mình chui vào địa ngục (*trần gian*) mà không làm ích lợi cho ai cả! Thế cho nên Ma Vương có khi là Đại Bồ Tát trụ pháp bất tư nghì giải thoát, hiện tướng ma vương để thử thách và sách tấn người tu hành mà thôi.

Bài học thứ 7: Từ đây, Anh Chị Em chúng ta đừng nổi sân với những người đến quấy phá mình, làm khổ mình . . . nữa nha! Bởi vì đó có khi là Bồ Tát đã trụ trong bất tư nghì giải thoát đến để thử thách mình đó! (*mới có thể ép ngặt mình cho mình làm tròn hạnh nguyện được*).

Ngược lại, chúng ta không nên phá người khác, rồi tự xưng mình là Bồ Tát đã trụ bất tư nghì giải thoát đến thử thách họ đó nha! (*vì làm như vậy là không những không tu mà còn đi ngược đường tu nữa !*)

Với bài học này, Anh Chị Em chúng tôi chấm dứt phẩm này, lo về chuẩn bị cho phẩm 9 cũng “gay cấn” và “bất khả tư nghì” không kém phẩm này chút nào trong buổi học kế tiếp.



“Lại nữa, thưa ngài Đại Ca Diếp, có người có khi đến xin cho tay, chân, tai, mắt, mũi, đầu, tửy não, máu, thịt, da, xương, chòm xóm, vàng bạc, áo quần, vợ con v.v. những người đến xin như vậy phần lớn là những vị Bồ Tát đã trụ giải thoát bất tư nghi, dùng lực phương tiện để thử, khiến cho chí nguyện được kiên cố. Vì chỉ có các Ngài mới đủ uy lực để thúc ép Bồ Tát và cho chúng sanh thấy những việc khó làm như vậy. Cũng như cái đập của con voi chúa là điều mà con lừa không thể nào làm được. Đó chính là cánh cửa dẫn vào phương tiện của trí tuệ của Bồ Tát đã trụ giải thoát bất tư nghi.”

Bài học thứ 6 cũng tương tự như bài học về Đề Bà Đạt Đa tuy hiện tượng “quấy phá đức Phật, chia rẽ Tăng đoàn” bị năm tội vô gián, bị đọa địa ngục v.v.. nhưng đó chính là những vị Nghịch Hành Bồ Tát, luôn đi theo thử thách các Bồ Tát về các hạnh bố thí, tinh tấn, nhẫn nhục . . . xuất phát từ hạnh nguyện đại bi để hỗ trợ cho những người tu hành mau đắc đạo.

Thật vậy, chỉ có Bồ Tát nghịch hành mới dám làm những việc “ngược đời” như vậy cam chịu đọa địa ngục, chịu bị người đời chê bai, phỉ nhổ v.v.. Chúng ta thường nghe nói: “dâm nô si là phật đạo”, “phi đạo là Phật đạo” đó là việc làm của các đại Bồ Tát với tâm đại bi bình đẳng không còn ái kiến, họ sân si để dạy cho chúng ta, họ hành “phi đạo” để giáo dục tinh thần phá chấp cho những người quá nặng thành kiến chướng ngại, hoặc để thức tỉnh những người còn kẹt (vướng mắc) về một vấn đề gì đó. Họ không bị “dâm nô si” hướng dẫn, mà chỉ dùng như phương tiện cứu đời.

gọi là “Bất khả tư nghi giải thoát”? Là vì giải thoát trong kinh Duy Ma Cật cũng như giải thoát trong kinh Hoa Nghiêm, với trí phàm phu, với thế giới đối đãi của ngôn ngữ, thì không thể lãnh hội nổi nên gọi là “bất khả tư nghi” Như vậy điều may mắn của Anh Chị Em chúng tôi là học bộ kinh này sau khi làm quen với thế giới trùng trùng duyên khởi cũng như với mấy cái “vô ngại” của kinh Hoa Nghiêm, cho nên bước vào Kinh Duy Ma Cật bớt bị bỡ ngỡ, hụt hẫng & chướng ngại.

Hôm nay chúng tôi đi vào giới thiệu bộ Kinh và phẩm 1: Phật Quốc.

Sở dĩ chúng ta có được bộ Kinh quý này để học ngày hôm nay trước hết là do ngài Duy Ma Cật bệnh, đức Phật bảo các đệ tử của mình đến thăm bệnh ông ấy, chuyện rất bình thường; thế nhưng các vị đại đệ tử Phật từ các ngài Xá Lợi Phất, Đại Ca Diếp, A Nan, Ưu Ba Li . . . cho đến các ngài Phú Lô Na, La Hầu La, . . . ai cũng từ chối đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật, lý do rất đơn giản là ai cũng “né” cư sĩ này, vì tất cả các vị, ai cũng bị ông cư sĩ này “dũa” về cách tu hành hay cách thuyết pháp v.v.. của mình. Cái dễ thương và đáng học tập ở đây, là cái tâm thanh tịnh của các vị tỳ kheo đại đệ tử của Phật này, khi kể cho đức Phật nghe trường hợp bị ông Duy Ma Cật “rầy” như thế nào; vị nào cũng kể rất rõ ràng minh bạch, ca ngợi trí tuệ thù thắng của cư sĩ Duy Ma Cật và nhận lỗi của mình, lòng không gợn một chút oán trách, trái lại còn bái phục ông Duy Ma Cật mặc dù mình là đệ tử lớn của Phật và “Duy Ma Cật kia” chỉ là một cư sĩ. **Đây chính là bài học thứ nhất của Anh Chị Em chúng tôi .**

Chúng ta hãy nghe một đoạn đối đáp giữa đức Phật và Ưu Ba Li- vị đệ tử trì luật bậc nhất của Ngài- về trường hợp bị Duy Ma Cật “đùa” mà ông Ưu Ba Li đã “tâm phục khẩu phục” như thế nào, và đó cũng là lý do từ chối đi thăm bệnh ngài Duy Ma Cật của ông. (Đoạn Kinh này chúng tôi mới cập nhật hoá hôm nay, khi viết lại, đây là trích trong bản Việt dịch của Hạnh Viên, thầy Tuệ Sỹ hiệu chính và chú thích - vì hồi chúng tôi học Kinh Duy Ma Cật, Thầy đang ở trong tù-15 năm sau mới ra khỏi đó - và mùa hè năm 2000 chúng ta mới có được bản dịch này)

Phật bảo Ưu-Ba-Li:
«Ông hãy đi thăm bệnh Duy Ma Cật.»

Ưu-Ba-Li thưa:
«Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Con nhớ lại, xưa kia có hai tỳ kheo phạm giới, xấu hổ không dám đến hỏi Phật, đến nói với con: “Thưa ngài Ưu-Ba-Li, chúng tôi đã phạm luật và rất hổ thẹn vì tội này, không dám đến hỏi Phật, xin hỏi ông cách sám hối để giữ sạch tội lỗi.” Con bèn theo như pháp mà giảng giải cho họ.

«Lúc ấy Duy Ma Cật đến nói với con: “Thưa Ngài Ưu-Ba-Li, đừng làm nặng thêm tội của hai tỳ kheo này mà hãy ngay thẳng trừ diệt, chớ làm rối loạn tâm của họ. Vì sao? Vì bản chất tội không ở trong không ở ngoài, cũng không ở giữa. Như Phật đã dạy, chúng sanh cấu bẩn vì tâm cấu bẩn; nếu tâm trong sạch hết thấy đều trong sạch. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Tâm như nhiên, tội cũng như nhiên. Các pháp cũng như nhiên, không vượt ngoài Như. Như Ngài Ưu-Ba-Li, nếu tâm tương đã

này nhắc ta: giải thoát của Bồ Tát khác với giải thoát của Thanh Văn; một bên là phóng khoáng, rộng rãi, không vướng mắc, có tinh thần nhập thế (Bồ Tát) còn một bên thì hạn hẹp, trốn tránh cuộc đời vì sợ cuộc đời làm mình ô nhiễm (Thanh Văn); đó là lý do tại sao Ngài Đại Ca Diếp bảo Thanh Văn là hạt giống đã mục, cũng như đức Thế Tôn gọi các vị này là “chôi khô mộng lép” bởi vì chỉ lo tu cho mình, không dám nghĩ đến chuyện nhập thế để độ đời.

Anh Chị Em chúng tôi có liên hệ với thực tế một chút: trong thời đại của chúng ta, chư Tăng chắc không còn nhiều người tu theo Thanh Văn nữa. Chúng ta thấy quý vị sư áo vàng, cũng như quý sư đại thừa đều có mặt trong các giáo hội Phật giáo các nước, đều làm việc xã hội, từ thiện, tranh đấu cho tự do tín ngưỡng, cho nhân quyền v.v.. Nhiều vị bị tù đầy nhiều hơn, thời gian lâu hơn người dân thường hay cư sĩ; trong khi họ chỉ vì nhân thế, chứ không vì chức vụ hay địa vị thế gian gì cả.

Trở lại Kinh, ngài Đại Ca Diếp nói tiếp: Bồ Tát nào tin hiểu trì pháp môn giải thoát bát tư nghi này thì hết thấy chúng Ma Vương không làm gì được. Khi Đại Ca Diếp nói điều này, 32 ngàn chư thiên phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ Duy Ma Cật mới nói với Đại Ca Diếp: “Thưa ngài Đại Ca Diếp, các vị làm Ma Vương trong vô lượng vô số cõi nước ở 10 phương, phần nhiều là các bậc Bồ Tát trụ nơi Pháp “bát tư nghi giải thoát” Vì dùng sức phương tiện giáo hoá chúng sanh nên thị hiện làm Ma Vương.”

rộng-hẹp . . . nên các Ngài qua lại trong tam giới không chướng ngại khó khăn gì cả. Những cái chúng ta chấp (để mà “được khổ” như đẹp- xấu , hay- dở , đúng-sai . . .) thì đối với các Ngài chỉ là “hoa đốm giữa hư không” (do con mắt bị “hoa” nên thấy hiện tượng hoa đốm chứ sự thật không có hoa đốm).

Đến đây, chúng ta nghe tiếp Kinh Ngài Đại Ca Diếp mới ca ngợi pháp môn “Bất tư nghi giải thoát” bằng cách nói với ngài Xá Lợi Phất rằng:

“*Ví như có một người trình bày về các sắc tướng trước mặt người mù thì người này đâu có thể thấy được; Cũng thế, hết thấy Thanh Văn dù đã nghe được pháp môn giải thoát bất khả tư nghi này cũng không thể hiểu được. Những người trí nghe Pháp này ai mà không phát tâm cầu giác ngộ? Tại sao chúng ta lại để cho mất hạt giống đại thừa? Tất cả Thanh Văn khi nghe pháp môn bất khả tư nghi này phải khóc than, âm thanh chấn động cả 3 ngàn thế giới; hết thấy Bồ Tát thì nên hết sức hoan mà vâng lãnh pháp ấy.*”

Ở đây chúng ta thấy Ngài Đại Ca Diếp đã lãnh hội được, thâm nhập được pháp môn bất tư nghi giải thoát rồi, và Ngài lên tiếng trách hàng Thanh Văn sao lại ôm cái tâm nhỏ hẹp của tiểu thừa đối với pháp đại thừa?

Bài học thứ 5 của Anh Chị Em chúng tôi hôm nay là Ngài Ca Diếp tuy hiện tướng ở trong hàng Thanh Văn nhưng tâm Ngài là tâm rộng lớn của hàng đại thừa; nói cách khác, không có “môn phái ” tiểu thừa hay đại thừa mà chỉ có tâm lượng “tiểu” hay “đại” mà thôi. Đoạn

giải thoát, còn có gì cầu bản chăng? Con đáp: “Không còn.” Ông ấy nói: “Cũng vậy, tâm tướng của chúng sanh thấy đều vô cầu, cùng như vậy. Thừa ngài Ưu-Ba-Li, vọng tưởng là cầu bản, không vọng tưởng là thanh tịnh. Điên đảo là cầu bản, không còn điên đảo là thanh tịnh. Chấp ngã là cầu bản, không chấp ngã là thanh tịnh. Ưu-Ba-Li, hết thấy pháp khởi và diệt không đình trú, như ảo ảnh như tia chớp. Các pháp không đối đãi nhau, không đình trú trong mỗi tâm niệm. Chúng đến từ những quan niệm sai lầm, như chiêm bao, như quán nắng, như trăng trong đáy nước, như bóng trong gương, vì chúng sinh ra từ vọng tưởng. Hiểu được như vậy là người phụng trì giới luật. Hiểu như vậy là hiểu biết thiện xảo.”

Ngay lúc ấy, Hai vị tì kheo tán phục: “*Siêu việt thay trí tuệ, mà ngài Ưu-Ba-Li không thể sánh bằng. Tuy là bậc trì luật đệ nhất cũng không thể nói được như vậy*” Con mới nói: “*Duy trì Phật ra, chưa từng có một Thanh-Văn hay Bồ Tát nào vượt hơn biện tài vô ngại của Người này vì trí tuệ minh đạt của ông thù thắng như vậy*”

«Hai vị tì kheo nhờ đó đã dứt đoạn nghi tình và hối hận, phát tâm cầu giác ngộ tối thượng và lập nguyện cho hết thấy chúng sanh đều được biện tài như vậy. Cho nên, con không đủ khả năng đến thăm bệnh ông ấy.»

Cứ như thế, họ đều từ chối đi thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật. Sự kiện này là **bài học thứ hai của Anh Chị Em chúng tôi hôm nay: Nó nói lên rằng xuất gia hay tại gia đều có khả năng giác ngộ như nhau.** Nếu hàng Phật tử tại gia chúng ta học Kinh Duy Ma Cật rồi coi thường chư Tăng thì thật là một lỗi lầm trầm trọng,

đó là do chúng ta bị vô minh che kín quá, chứ không phải lỗi của bộ Kinh này. Qua bộ Kinh Duy Ma Cật, đức Thế Tôn muốn nhắn nhủ với đệ tử xuất gia của Ngài rằng nếu người xuất gia mà không chịu tinh tấn tu hành, cứ giải đãi buông lung thì có thể bị những người cư sĩ tại gia xuất sắc vượt qua mặt dễ dàng và như vậy, thì các vị không còn xứng đáng trong vai trò “Trưởng tử của Như Lai” hướng dẫn chúng sanh đi theo con đường của đức Phật nữa. Còn với người tại gia thì đức Thế Tôn muốn sách tấn họ noi gương cư sĩ Duy Ma Cật tu hành tinh tấn, sống giữa cuộc đời ô trược mà không bị đời làm ô nhiễm, còn mang Đạo vào đời, như vậy thì không cần phải xuất gia làm tỳ kheo mới thành Phật đạo. Thông điệp của Ngài muốn gửi đến chúng ta là: pháp Phật là pháp phổ biến, ai tu cũng được, miễn là tu cho đúng pháp; mỗi người hãy theo đó mà xây dựng Tịnh Độ của tự tâm mình. Với suy nghĩ như vậy thì Kinh Duy Ma Cật không phải là “một sự bùng nổ” hay một “cuộc cách mạng” gì cả.

Bài học thứ ba là ý nghĩa tên Ngài Duy Ma Cật và thân thế của Ngài: Duy Ma Cật nguyên là tiếng Phạn (phiên âm là Tỳ-ma-la-cật-lij-đế), chữ Hán dịch ra 2 cách: một là Tịnh Danh, hai là Vô Cấu. Chỉ nghe cái tên là chúng ta đã hiểu được một phần nội dung Kinh rồi vì Tịnh Danh là một người trong số 500 đồng tử từ nước Diệu Hỷ du hành đến cõi này, sau khi hoàn thành nhiệm vụ lại trở về chỗ cũ. Ngài Duy Ma Cật lịch sử là một trưởng giả ở thành Tỳ Da Li (Ấn Độ), có vợ tên là Thiên Cơ, con trai tên là Thiên Tu, con gái tên là Nguyệt Thiện, nghĩa là ngài vẫn sống đời thế gian thường tình nhưng sống hướng về Đạo, đem Đạo vào

thoát bất khả tư nghĩ; nếu kể cho đủ thì trong một kiếp cũng chưa nói hết. ”

Đây là bài học thứ 3 cho ngày hôm nay: *thời gian không có thực tính.* Ngay những người bình thường như chúng ta cũng có thể thấy được thời gian vật lý, và thời gian tâm lý khác nhau. Ví dụ một em bé đứng 1 mình ở trường chờ mẹ đến noun, thì thấy thời gian trôi qua rất chậm, nhưng nếu em ham chơi với bạn bè thì không biết bao nhiêu giờ đã trôi qua; Cũng thế, chúng ta thường nghe nói “Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại” (*1 ngày trong tù bằng một ngàn năm ở ngoài được tự do*) hay Nguyễn Du cũng nói trong truyện Kiều:

“Sầu đông càng lác càng đầy

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê”

(*khi trong lòng buồn rầu thì 1 ngày dài như 3 năm*)

Hay: “Nhất nhật bất kiến như tam thu hề ”

(*1 ngày không gặp mặt thấy như đã 3 năm không gặp*)

Bởi vì thời gian vật lý được đo bằng đồng hồ, còn thời gian tâm lý đo bằng sự biến đổi đa dạng của những tâm trạng vui, buồn, hờn, giận, an lạc phiền não v..v.. không biết đâu mà lường.

Bài học thứ 4 là *các pháp cũng không có tự tánh.* Với tâm phân biệt của phàm phu thì mới có những cặp đối đãi: *núi lớn- hạt cải nhỏ, sông rộng- ao hẹp, con công đẹp- con quạ xấu v.v..* còn Bồ Tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghĩ thì không còn mắc kẹt vào các giả tướng ấy nữa; Nói cách khác, các Ngài không thấy có lớn-nhỏ,

Chúng ta thấy rõ ràng: lời của vị Tịnh Danh Duy Ma Cật nói trong bộ kinh này, không khác mảy may với lời đức Thế Tôn nói trong kinh Hoa Nghiêm, nói cách khác chân lý thì “không hai”.

Trên đây là những bài học về không gian.

Tiếp theo là những bài học về thời gian. Ông Duy Ma Cật tiếp tục nói với ngài Xá Lợi Phất về pháp môn giải thoát bất khả tư nghì; chúng ta hãy nghe:

“Thưa ngài Xá Lợi Phất, hoặc có chúng sanh chỉ có thể độ được nếu ưa thích sống lâu trong cuộc đời này, Bồ Tát có thể vận dụng thần lực của Ngài để kéo dài bảy ngày thành một kiếp khiến cho họ thấy đó là một kiếp. Hoặc có chúng sanh không thích sống lâu, có thể độ được, Bồ Tát liền rút ngắn một kiếp thành 7 ngày khiến cho họ thấy đó chỉ là 7 ngày. . . . Lại nữa Xá Lợi Phất, Bồ Tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghì, có thể thu tóm tất cả mọi sự nghiệp trang nghiêm trong hết thấy cõi Phật tập hợp về một cõi. để mọi chúng sanh có thể nhìn thấy. . . . Lại nữa, Ngài có thể chỉ trong một lỗ chân lông cho thấy tất cả mặt trời, mặt trăng, tinh tú của hết thấy thế giới khắp mười phương. . . . Lại nữa khi thế giới này đến thời kỳ hủy diệt do lửa thiêu đốt, Bồ Tát này có thể hút hết lửa vào trong bụng mình mà không bị tổn hại và lửa vẫn cháy. . . . Lại nữa Xá Lợi Phất, Bồ Tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghì có thể dùng thần lực hiện thân là Phật, Bích Chi Phật, Thanh Văn, Đế Thích, Phạm Thiên. . . . Lại nữa, Ngài cũng có thể khiến mọi âm thanh trong mười phương quốc độ, đều biến thành tiếng Phật giảng Pháp vô thường, vô ngã, không, và đủ các pháp khác nhau được thuyết bởi chư Phật khắp mười phương. . . . Thưa ngài Xá Lợi Phất, tôi chỉ mới nói vài năng lực của giải

đời, không bị đời làm ô nhiễm mà trái lại, danh thơm vang khắp bốn phương nên có tên là Tịnh Danh. Đây chính là nhân cách lý tưởng của Đại Thừa Phật Giáo, trong lớp áo bình dị của 1 người Phật tử sống trong đời thường- người cư sĩ tại gia hành Bồ Tát Đạo.

Bài học thứ tư là vai trò của sự xuất hiện người cư sĩ tại gia Duy Ma Cật ở thành Tỳ Da Ly đối với lịch sử phát triển của đạo Phật. Tỳ Da Ly lúc đó là một trung tâm thương mại và văn hoá với cư dân rất tiến bộ, họ không chấp nhận Phật giáo chỉ có những giáo lý như niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên và mục đích là lên cõi Trời, an trú trong an lạc cho riêng mình như đã được dạy trong nền giáo lý nguyên thủy, đó là lý do mà hình thái sinh hoạt Phật giáo trong một xã hội mới phải thay đổi về tư tưởng và về cả mặt hành trì để phù hợp. Như đức Phật đã nói: *“Cái mà Ngài biết như lá trong rừng, còn cái Ngài giảng ra chỉ là một nắm trong tay”*. Cho nên sau khi Phật nhập Niết bàn 100 năm, xã hội Ấn Độ biến đổi theo trào lưu đổi mới của toàn thế giới, thì chư Tăng lỗi lạc cũng phải vận dụng “lá trong rừng” để thổi vào sinh hoạt Phật giáo một sinh khí mới; đó chính là sự xuất hiện cần thiết của Đại thừa Phật giáo. Sự xuất hiện này như chúng ta đã biết kéo theo một sự rạn nứt của Tăng Đoàn và sự hình thành của hai phái:

- Thượng Toạ Bộ (Phật Giáo Nguyên Thủy- hay Phật Giáo Tiểu thừa gồm các tỳ kheo lớn tuổi, có khuynh hướng bảo thủ)
- Đại Chúng Bộ (Đại thừa, gồm đông đảo tỳ kheo trẻ, có khuynh hướng cải cách). Bộ Kinh Duy Ma Cật ra đời vào lúc đó. Đó cũng là lý do mà một số người

cho rằng Kinh Duy Ma Cật không phải là kinh Phật !

Bài học thứ năm là định danh Tịnh độ hay “*Tịnh Phật quốc độ*.” Nhân trưởng giả Bảo Tích hỏi về Tịnh độ, đức Phật liền giảng về Tịnh độ nhưng Tịnh độ của đức Phật A Di Đà mà đức Phật đã giới thiệu và Tịnh độ của kinh Duy Ma Cật khác nhau chỗ nào? chúng ta hãy nghe: “*Trực tâm là Tịnh độ của Bồ tát, thâm tâm là tịnh độ của Bồ Tát, Bồ Đề tâm là tịnh độ của Bồ Tát. Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ . . . là tịnh độ của Bồ Tát, Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ Tát, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là tịnh độ của Bồ Tát, Tự mình giữ giới, Không phê bình người phá giới là tịnh độ của Bồ Tát*” v..v..và v..v..

Tuy được hỏi về Tịnh độ Phật, nhưng đức Phật trả lời về Tịnh độ của Bồ Tát, vì phải có Tịnh độ của Bồ tát mới có Tịnh Độ Phật. Tuy Ngài dạy các thiếu niên về kinh nghiệm tu tập của Ngài trong vô lượng kiếp nhưng qua đó, gián tiếp giáo hoá cho 8000 tỷ kheo trong pháp hội bằng cách đề cao lớp Bồ Tát biết xây dựng Tịnh Độ (*Niết Bàn*) ngay trong cuộc sống hiện tại và ngầm chỉ trích tư tưởng yếm thế của hàng Thanh Văn.

Thế cho nên ngài Xá Lợi Phất bị Phật quở, khi Xá Lợi Phất cho rằng cõi Ta Bà này không thanh tịnh;

Phật dạy: “*Mặt trời, mặt trăng không sáng sao? tại sao người mù lại không thấy? Cũng thế, chúng sanh do tội chướng nên không thấy cõi nước của Như lai thanh tịnh chứ*

Ngài Xá Lợi Phất thấy đó là việc chưa từng có, vì cái thật nhỏ - có thể chứa cái thật vô cùng to lớn - mà không trở ngại gì cả, ngài Duy Ma Cật mới giải thích “*đó là Pháp Bát Tư Nghì Giải Thoát*” của chư Phật và chư Bồ Tát. Nếu Bồ Tát trụ nơi pháp đó, lấy núi Tu Di nhét vào trong một hạt cải vẫn không thêm bớt, hình núi Tu Di vẫn nguyên vẹn . . . Lại lấy nước bốn biển lớn cho vào trong một lỗ chân lông, cũng không làm khuấy động các loài thủy tộc các loài Rồng, quỷ Thần, A Tu La cũng đều không hay biết mình đã đi vào nay... Điều này, Anh Chị Em chúng tôi cũng đã được nghe ở Kinh Hoa Nghiêm (*học trước Kinh này*) khi đức Phật đã vì Bồ Tát Tâm Vương mà “*tóm tắt*” những cái vô cùng nhỏ (*trên đầu mỗi sợi lông*) chứa đựng những cái vô cùng lớn (*sơn hà đại địa*) để mô tả pháp giới nhiệm mầu kỳ diệu trong kinh Hoa nghiêm như sau:

*"Chỗ một đầu lông cõi lớn nhỏ
Tạp nhiễm thanh tịnh cõi thô tế
Tất cả như vậy bất khả thuyết
Mỗi mỗi rõ ràng phân biệt được.
Dem một cõi nước nghiên làm bụi
Bụi đó vô lượng bất khả thuyết
Trần số vô biên cõi như vậy
Đều đến đồng nhóm đầu một lông.
Những cõi nước này bất khả thuyết
Đồng nhóm đầu lông không chặt hẹp
Chẳng khiến đầu lông có thêm lớn
Mà những cõi kia chung đến nhóm.
Trên lông tất cả những cõi nước
Hình tướng như cũ không tạp loạn
Như một cõi chẳng loạn các cõi
Tất cả cõi nước đều như vậy."*

nay: như trong phim “tám chục ngàn dặm dưới đáy biển” có phải là nhà đạo diễn, nhà quay phim đã đem toàn bộ thế giới dưới đáy biển đặt lên trên một màn hình chỉ mấy thước vuông? Mà tôm cá, và hàng ngàn loài thủy tộc có bị chèn ép, có thấy chật hẹp, nước có bị tràn ra ngoài không? những khán giả xem phim có phải “nhường chỗ” cho tôm cá . . . không? hoàn toàn không có gì chướng ngại. Đây là bài học thứ nhất

2. Tại sao các vị Bồ Tát thượng thừa có thể tự mình lên ngôi toà sư tử, những vị ở bậc Trung phải biến mình thành to lớn mới ngôi lên được; còn hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát và hàng Thanh Văn phải lạy đức Phật Tu–Di Đấng Vương rồi mới ngôi được.

Các vị Bồ Tát thượng nhân có tâm thanh tịnh ngang với ngài Duy Ma Cật, chúng nhập tương xứng với ngài Tịnh Danh cho nên những gì Tịnh Danh vận dụng, các Ngài đều ứng dụng không ngại, còn Bồ Tát mới phát tâm, thì phải nhờ vào niềm tin mới ứng dụng được. Nói theo ngôn ngữ của chúng ta, với ví dụ cụ thể “phim ảnh” trên đây, chúng ta thấy mặc dù người lớn và trẻ con đều xem truyền hình, đều thấy những hình ảnh trên màn hình giống nhau; người có kiến thức khoa học nhiều cũng như người không cần kiến thức khoa học đều xem được hình ảnh, tin tức, phim truyện . . . nhưng khác nhau ở mức độ: có người thực hiện được thu hình, phát hình, có người thì chỉ hiểu được nguyên tắc truyền hình, truyền thanh, có người cũng không hiểu tại sao hình ảnh hiện ra trên đó, nhưng tin rằng mọi người đều hiểu được thì mình cũng sẽ hiểu được qua ứng dụng của nó... Đây là bài học thứ hai.

không phải cõi Ta Bà không thanh tịnh! Cõi nước ta đây vẫn trang nghiêm thanh tịnh, mà tại ông không thấy đó thôi!”

Đến nay, Anh Chị Em chúng tôi hiểu được rằng sở dĩ có nhiều quan điểm về Tịnh độ bởi vì “con người nào thì có Tịnh Độ ấy” Tịnh Độ chính là tự tâm thanh tịnh, ngay ở cõi Ta Bà này chứ không phải ở Tây Phương Cực Lạc mới có; và quả thật như lời Phật dạy: “Khi tâm ta thanh tịnh, ta thấy thế giới thanh tịnh.” Thật giống như bài kệ chúng ta thường đọc :

*Trang nghiêm Tịnh độ
Nơi cõi Ta Bà
Đất Tâm thanh tịnh
Hiển lộ ngàn hoa.*

Bồ Tát muốn có cõi Phật thanh tịnh, thì trước hết tâm mình phải thanh tịnh và lo giáo hóa, nhiếp phục chúng sanh . . . làm sao cho tâm của chúng sanh trong cõi ấy cũng được thanh tịnh thì lúc đó quốc độ mới thanh tịnh.

Bài học thứ sáu là bài kệ của trưởng giả Bảo Tích ca ngợi những công đức vi diệu của đức Phật: chúng ta thấy trí tuệ, đức hạnh và tài năng của đức Phật chính là sức mạnh thu hút tất cả mọi người đến với Ngài, hướng về Ngài. Ngài thuyết pháp với một loại âm thanh thô, nhưng pháp âm ấy mọi loài, ở mọi cõi đều nghe hiểu rồi thực hành, mặc dù phản ứng của mỗi chúng sanh có thể khác nhau: nghe mà kinh sợ, vui mừng, phấn khởi, dứt nghi hay nhầm chán v.v..

Bài học thứ bảy là hạnh bệnh của Bồ Tát Duy Ma Cật. Thật ra ông Duy Ma Cật chỉ thị hiện bệnh để giảng nói về vô thường, vô ngã, về sự giả dối của thân tứ đại này. “*Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh*” nên “bệnh” của cư sĩ Duy Ma Cật đây là “*bệnh phương tiện*” xuất phát từ tâm đại bi của Bồ Tát, chứ không phải do nghiệp chướng như bệnh của chúng sanh. Nhân đây chúng ta được biết thêm về 5 hạnh của Bồ Tát: Thánh hạnh, Thiên hạnh, Phạm hạnh, Anh nhi hạnh và Bệnh hạnh. Bồ Tát sống và sinh hoạt không bị hạn cuộc bởi thế gian, không còn quan tâm đến những khen chê của người đời nhưng họ luôn sống đời gương mẫu, thánh thiện, trong sạch, đạo đức và mô phạm để xây dựng niềm tin cho chúng sanh vào Chân, Thiện, Mỹ, để nhiếp hoá và chuyển hóa chúng sanh, để đem lại lợi ích cho chúng sanh vậy. Ngoài ra Bồ Tát không bao giờ thấy mình “lớn” hay hơn người, càng giỏi, họ càng khiêm tốn vì biết rằng tất cả những thành tựu của họ nhằm phục vụ chúng sanh, và tất cả đều nhờ Phật lực mới thành tựu được (*Anh Nhi Hạnh đã được nói đến trong Chúng Tôi Học Kinh trước đây- ở Kinh Pháp Hoa*)

Bài học thứ Tám là việc 500 thiếu niên con của trưởng giả Bảo Tích tặng cho đức Phật 500 cái lọng. Ngài kết tất cả 500 cái lọng thành một cái lọng lớn có khả năng che mát cả thành Tỳ Da Ly. Ý nghĩa biểu tượng của hành động này là: đức Phật xây dựng, giáo hoá tuổi trẻ là thế hệ đại diện cho sự thông minh, tài năng sức khỏe và đức hạnh, có tương lai tươi sáng, có trí tuệ và trách nhiệm đưa xã hội đi lên. Nhưng cần phải có sự đoàn kết nhất trí (*kết hợp 500 cây lọng lại*) mới tạo nên sức mạnh. Các bậc tiền nhân của Gia Đình Phật Tử

Nghe xong, ngài Duy Ma Cật vận dụng thần thông, rước 32 ngàn toà sư tử vào thất của mình. Chuyện lạ chưa từng có! Thất của ông Duy Ma Cật trở nên rộng rãi, chứa đủ hết 32 ngàn toà sư tử, không có cái nào bị che khuất, mà cũng không làm cho thành Tỳ Da Ly trở nên chật hẹp.

Ông Duy Ma Cật mời ngài Văn Thù Sư Lợi và các Bồ Tát thượng nhân ngồi lên toà sư tử; Còn các Bồ tát mới phát tâm, và các đại đệ tử Phật không thể lên ngồi trên những toà đó, kể cả ngài Xá Lợi Phất. Bấy giờ Duy Ma Cật mới nói: “*Các ngài hãy đánh lễ đức Phật Tu Di Đăng Vương Như Lai thì sẽ ngồi lên toà sư tử được.*” quả nhiên đúng như lời ngài Duy Ma Cật nói.

Đoạn này nếu Anh Chị Em chúng tôi chưa được “*nghe và thấy*” trong Hoa Nghiêm về việc “*nhiều thế giới chứa trên đầu một sợi lông*” về “*một hạt bụi bao trùm toàn bộ pháp giới*” hay “*một hạt cát là cả đại thiên thế giới*” về “*bất khả thuyết, bất khả thuyết*” v.v.. thì nhất định phải giật mình vì những chuyện “*không thể nghĩ bàn*” này. Ở nay, trước hết, chúng tôi rút được hai bài học nhờ kinh nghiệm lần học Kinh Hoa nghiêm vừa qua, và về lời giảng của thầy Thanh Từ để trả lời các câu hỏi :

1. *Tại sao 32 ngàn toà sư tử cao lớn như vậy lại có thể dồn vào trong cái thất nhỏ bé của ngài Duy Ma Cật?*

Chúng ta đã biết ngài Duy Ma Cật chính là Tịnh Danh (*tâm thanh tịnh*) nên tất cả khởi nghĩ từ tâm ấy đều là diệu dụng, đây là “*bất khả tư nghì*” Nhưng tất cả diệu dụng đều là huyền hóa (*không thật*). Lấy ví dụ cụ thể và nói theo ngôn ngữ hiện đại của chúng ta hôm

Thật vậy, ngay lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất thấy nhà trống không liền khởi tâm thắc mắc không biết mọi người sẽ ngồi ở đâu. Thế là ngài Duy Ma Cật biết được, bèn hỏi ngài Xá Lợi Phất: “*Thưa ngài Xá Lợi Phất, nhân giả vì Pháp mà đến đây hay vì giường ghế mà đến?*”

Xá Lợi Phất thưa: “*tôi vì Pháp mà đến đây, chẳng phải vì giường ghế.*” và thế là ngài Duy Ma Cật lại “*giảng*” luôn một hơi, nào là “*người cầu Pháp đến thân mạng không tiếc, không mắc kẹt ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, v.v..*” nào là “*người cầu Pháp không đấm trước nơi Phật, nơi Pháp hay nơi Tăng mà cầu; người cầu Pháp không thấy Khổ mà cầu, không đoạn Tập mà cầu, không chứng Diệt mà cầu, không tu Đạo mà cầu v.v..*” nào là: “*người cầu Pháp không nên có chỗ trụ, cầu Pháp là không tìm cầu ở bất cứ gì . . .*”

Chúng ta thấy trong đoạn này lời của ngài Duy Ma Cật không khác gì lời của đức Thế Tôn nói với Ngài Tu Bồ Đề trong Kinh Kim Cang: “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”

Khi Duy Ma Cật nói xong thì có 500 vị thiên tử chúng được Pháp nhãn thanh tịnh.

Sau đó, ngài Duy Ma Cật lại hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: “*Người đã đạo trong vô lượng vô số quốc độ Phật, thấy cõi Phật nào có những tòa sư tử tốt đẹp được thành tựu với công đức vì diệu để ngài rước về cho Chúng ngài*”

Văn Thù Sư Lợi đáp: “*Cách đây vô lượng nghìn vạn ức a tăng kỳ thế giới bằng số cát của 36 sông Hằng, có thế giới Tu Di Tướng, của đức Phật Tu Di Đấng Vương thân Phật cao 84 ngàn do tuần, tòa sư tử cũng cao như thế, trang nghiêm tốt đẹp bậc nhất.*”

chúng ta chắc cũng đã thấm nhuần bài học này, nên đã thành lập Gia Đình Phật Tử gồm những thanh thiếu niên cùng nhau học Phật, đưa Đạo Phật vào đời, với ước mong xoa dịu những nỗi khổ của cuộc đời, như một bóng mát to lớn giữa cuộc đời nóng bỏng tham ái, sân si; nghĩa là đem lại an lạc cho bản thân và cho tha nhân. Ngày nay Anh Chị Em chúng ta cũng đang nối tiếp sự nghiệp ấy, đưa đàn em chúng ta đi lên. Riêng chúng ta - *những Huynh trưởng cao niên*- phải nhận ra vị trí của mình, giúp lớp trẻ đứng ra gánh vác nhiệm vụ, chúng ta đứng sau lưng các Anh Chị Em ấy để hỗ trợ tinh thần, và dù là những Huynh trưởng trẻ hay cao niên, việc cần thiết là phải đoàn kết, hoà hợp, không tranh cãi, lý luận v.v.. mới đem lại lợi ích cho mình và cho đàn em của mình.

Bài học thứ Chín là không có một cõi Tịnh Độ mà chúng ta chỉ cần cầu nguyện là “bay” ngay đến đó, mà chỉ có Tịnh Độ do chính chúng ta xây dựng bằng tấm lòng (*từ bi*) và khối óc (*trí tuệ*) của mình; Muốn như vậy, trước hết, chúng ta phải tập sống buông bỏ (*Hỷ Xả*); đừng bị vướng mắc bởi thất tình lục dục nhiều quá, đừng bị khen- chê, được-mất, hơn-thua v.v.. tác động, chi phối mình quá, tập mở rộng lòng yêu mến và giúp đỡ tha nhân, làm lợi ích cho chúng sanh quanh mình v.v.. rồi dần dần chúng ta mới có được tâm thanh tịnh để tạo điều kiện cho một quốc độ thanh tịnh; chứ nếu cứ xây dựng tâm tư, tình cảm, với những chất liệu tham, sân, si, ác độc, v.v.. thì rõ ràng chúng ta đã xây dựng địa ngục ngay tại đây chứ làm sao mà có Tịnh Độ được, phải không các bạn ?

Bài học thứ Mười là qua phẩm Kinh này, chỉ với nhận thức mới mẻ về Tịnh độ, chúng ta thấy Kinh Duy Ma Cật bao gồm cả giáo lý nguyên thủy lẫn giáo lý đại thừa, mở ra con đường xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Những người con Phật có bốn phận vận dụng trí tuệ để hiểu đúng Phật pháp, áp dụng Phật pháp vào cuộc sống trước mặt; đó chính là cách hoằng dương Chánh pháp có hiệu quả cao nhất..

Đạo Phật có tỏa rạng hay suy tàn là do giới tu sĩ và cư sĩ Phật tử có biết cách “hoàn thành Phật quốc” hay không? Gương sáng của các thiền sư các đời Lý, Trần như: Thiền sư Vạn Hạnh, Thiền sư Đỗ Thuận, Thiền sư Khuông Việt, Trúc Lâm Yên Tử . . . đã gắn liền với những trang sử vẻ vang của nước Việt vẫn còn đó như nhắc nhở tất cả chúng ta luôn cố gắng tinh tấn tu học và tu tập để kiến tạo Tịnh Độ ngay bây giờ và ở đây- đem lại an lạc cho chúng sanh và cho bản thân mình.

Bài học này chấm dứt buổi học Kinh của Anh Chị Em chúng tôi; hôm nay ngồi viết lại-nhằm ngày đầu năm Nhâm Ngọ, xin gửi đến mọi người “câu đối” Tết :

**“Tâm Xuân, Vú Trụ Xuân
Tâm Bình, Thế giới Bình”**



Hôm nay, Anh Chị Em chúng tôi bắt đầu phẩm “Bát Tư Nghì.” Đây là một phẩm “gay cấn.”

Cũng may đã học Hoa Nghiêm với 4 pháp giới (lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại và sự sự vô ngại) nên đi vào phẩm này không bị “điên đầu” hay “hết hồn” vì chuyện 3 vạn 2 ngàn tòa Sư Tử, mỗi tòa cao cỡ 84 ngàn do tuần “đi vào” trong cái thất cư sĩ Duy Ma Cật cỡ chừng mấy mét vuông (1 do tuần = 7km theo cách đo lường ngày nay)

Ngoài ra, Anh Chị Em chúng tôi cũng lưu ý nhau ở đầu buổi học rằng ở phẩm 5:

Sau khi giảng cho đại chúng về tánh Không của vạn pháp, về Bồ Tát hạnh, và đã chấm dứt bằng câu: “*Khi Duy Ma Cật nói những lời ấy rồi, cả đại chúng đi theo ngài Văn Thù Sư Lợi gồm 8 ngàn Bồ tát, 5 trăm Thanh Văn và 5 ngàn thiên tử đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác*”

Như vậy bộ kinh phải chấm dứt nơi đây vì đại chúng đã hiểu rõ rồi; Tâm mọi người đã bừng sáng sau những lời hỏi đáp của 2 vị thượng thừa . . . Thế nhưng, bộ kinh lại vẫn còn tiếp tục; đó phải chăng để cho hai ngài Văn Thù và Duy Ma Cật tiếp tục soi sáng thêm cho đại chúng mà đối tượng là hàng Thanh Văn (đại diện là ngài Xá Lợi Phất) vẫn đang còn nhiều thắc mắc vì choáng ngợp trước những tư tưởng rộng rãi của Bồ Tát ?

KINH DUY MA CẬT (tiếp theo)

PHẨM BÁT TƯ NGHÌ



“Thưa ngài Đại Ca Diếp, các vị làm Ma Vương trong vô lượng vô số cõi nước ở 10 phương, phần nhiều là các bậc Bồ Tát trụ nơi Pháp “Bát tư nghĩ giải thoát” Vì dùng sức phương tiện giáo hoá chúng sanh nên thị hiện làm Ma Vương.”

“Lại nữa, thưa ngài Đại Ca Diếp, có người có khi đến xin cho tay, chân, tai, mắt, mũi, đầu, tửy não, máu, thịt, da, xương, chòm xóm, vàng bạc, áo quần, vợ con v.v.. những người đến xin như vậy phần lớn là những vị Bồ Tát đã trụ giải thoát bát tư nghĩ, dùng lực phương tiện để thử, khiến cho chí nguyện được kiên cố. Vì chỉ có các Ngài mới đủ uy lực để thúc ép Bồ Tát và cho chúng sanh thấy những việc khó làm như vậy. Cũng như cái đập của con voi chúa là điều mà con lừa không thể nào làm được. Đó chính là cánh cửa dẫn vào phương tiện của trí tuệ của Bồ Tát đã trụ giải thoát bát tư nghĩ.”

KINH DUY MA CẬT (tiếp theo)

- BỒ TÁT VĂN THÙ SỬ LỢI THĂM BỆNH - (Văn Thù Ván Tật)



“ Bệnh tôi từ nơi si, ái mà sanh. Tôi bệnh vì chúng sanh bệnh. Khi nào chúng sanh hết bệnh thì tôi lành bệnh. Ví như ông trưởng giả kia chỉ có một đứa con, nếu người con bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo, con lành bệnh thì cha mẹ cũng hết bệnh.

Bồ tát cũng vậy, thương tất cả chúng sanh như con một của mình, nên chúng sanh bệnh thì bồ tát cũng bệnh, chúng sanh hết bệnh thì bồ tát lành. Bồ tát bệnh là do lòng đại bi.”

Đây là phẩm mong đợi của Anh Chị Em chúng tôi, cũng là của mọi người học Kinh Duy Ma Cát.

Vì sao?- Vì trong phẩm này Ngài Văn Thù Sư Lợi chịu đi thăm bệnh ông Duy Ma Cát. Sau khi tất cả mười mấy vị đại đệ tử Phật đều đưa ra lý do chính đáng để từ chối thăm bệnh Duy Ma Cát, đức Phật bèn phó thác cho ngài Văn Thù Sư Lợi công việc ấy; ta hãy nghe:

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: “ *Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát.*”

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: “*Bạch Thế Tôn, với bậc thượng nhân kia không dễ đối đáp, vì ông ấy rất thâm đạt thật tướng, khéo nói phép màu, trí tuệ vô ngại, biện tài thông suốt, thấu rõ phương pháp tu trì của tất cả bồ tát, thâm nhập kho tàng bí mật của chư Phật, hàng phục các ma, thần thông tự tại và trí tuệ phương tiện đều được rót ráo. Tuy thế, con xin vâng lệnh thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông ấy.*”

Như chúng ta đã biết, Văn Thù Sư Lợi là ai? - Là nhân vật biểu trưng cho Trí Tuệ Phật, Ngài được mệnh danh là “ *Thầy của các đức Phật.*” cũng do ý này; Như thế cuộc gặp gỡ giữa ông Duy Ma Cát và ngài Văn Thù Sư Lợi tất nhiên là “ *kỳ phùng địch thủ.*” báo hiệu là rất hấp dẫn, đâu có ai có thể bỏ qua không tham dự? Vì vậy, trong đại chúng có 8.000 vị Bồ Tát, 500 Thanh Văn và 5.000 thiên tử cùng với các vị đại đệ tử Phật, đều tháp tùng Ngài Văn Thù đi vào thành Tỳ Da Ly thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cát.

Cô Độc thật là lành mạnh, rộng rãi, hèn gì mà sinh lên cõi Trời là phải rồi !

5. Ai thấy Pháp, người ấy thấy Thế Tôn: Kinh Vakkali-suttam kể rằng nhiều vị đệ tử Phật tuy được sống trong cùng một tịnh xá với đức Phật, hằng ngày gần gũi với đức Phật, nhưng không chú tâm thực hành lời dạy của Ngài. Như tôn giả Vakkali, khi bệnh nặng gần qua đời thì nhất định đòi gặp Phật cho được! Đức Phật đến thăm Vakkali, và lời dạy của Ngài đối với người đệ tử này phải chăng là lời “sấm sét” làm thức tỉnh Vakkali? Ngài nói: “*Này Vakkali, có ích gì mà muốn thấy thân thể hôi thối này của Ta? Ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta*”

Tương tự, Kinh kể lại rằng khi đức Phật đi xa trở về thành Xá Vệ, mọi người trong 4 Chúng đệ tử đều đến thăm hỏi, chiêm ngưỡng; chỉ một mình Tu Bồ Đề là không đến, vì bận ngồi trong hang đá khâu vá chiếc y của mình. Nhưng không ai trách Tu Bồ Đề cả, vì họ biết rõ con người của ông vị đệ tử Phật đứng đầu về “giải Không,” hiểu rõ lý Không, thể chúng được diệu nghĩa của tánh Không, giỏi nhất trong số một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử của đức Phật. Bởi vậy cách giao tiếp của ông đối với đức Thế Tôn cũng khác xa những lời thăm hỏi thường tình của mọi người.

Qua 5 bài học bổ sung vào buổi học hôm trước, chúng tôi có thể chấm dứt những bài học của phẩm 5 này ở đây để bước qua phẩm 6.



giáo pháp vi diệu mầu nhiệm và quý báu như hôm nay, con được đại đức Xá Lợi Phất trao truyền.

Lúc ấy, đại đức A Nan bảo trưởng giả Cấp Cô Độc:

- Cư sĩ nên biết giáo pháp này, các vị khát sĩ và nữ khát sĩ được nghe đức Thế Tôn giảng rất thường.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thưa:

- Bạch đại đức A Nan, xin đại đức bạch lại với đức Thế Tôn để giới cư sĩ chúng con cũng được nghe những giáo pháp vi diệu như giáo pháp này. Có những người cư sĩ không đủ sức nghe, hiểu và hành trì những giáo pháp như giáo pháp này, nhưng cũng có những người cư sĩ có đủ sức nghe hiểu và hành trì những giáo pháp thâm diệu ấy.

Nghe và thực hành xong, cư sĩ Cấp Cô Độc cảm thấy trong người nhẹ nhàng thanh thoát; ông phát được tâm Vô Thượng. Các đại đức Xá Lợi Phất và Anan vừa từ giả ra về thì cư sĩ Cấp Cô Độc mệnh chung và sinh lên cõi Trời Tam thập Tam thiên.

4. Tuy mình đang bệnh nhưng vẫn phát tâm từ bi thương đến mọi người, cầu cho mọi người cũng được nghe Pháp vi diệu, chữa lành tâm bệnh. Ở đây chúng ta được học từ ông Cấp Cô Độc bài học này; mặc dù sắp cheat, nhưng trước khi chết vẫn đề nghị đức Phật giảng cho giới cư sĩ nghe pháp môn vi diệu mà mình đã được nghe, để họ được an tâm từ giả cuộc đời, không nướn tiếc, không tham đắm, không vương bận về cái thân này, cũng như mọi thứ trên thế gian này nữa. Quả thật lúc ấy dù thân bệnh sắp chết, nhưng tâm trưởng giả Cấp

Lúc đó, ông Duy Ma Cật dùng sức thần thông dọn căn nhà thành trống không, đồ đạc cũng không, người hầu cũng không luôn, chỉ có 1 cái giường ông nằm mà thôi. Đối với Anh Chị Em chúng tôi, trong buổi học Kinh hôm nay, mỗi một lời nói, cử chỉ và việc làm của 2 Ngài Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật đều là những bài học vi diệu, mà chúng tôi phải hiểu ý nghĩa ẩn chứa trong đó.

Trước hết, ngài Duy Ma Cật chào ngài Văn Thù:

“ Quý hoá thay ngài Văn Thù Sư Lợi mới đến; tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy ”

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp lễ ngay :

“ Phải đấy cư sĩ ! nếu đã đến tức là không đến, nếu đã đi tức là không đi. Vì sao ? Đến không từ đâu đến, đi không đến nơi đâu, lẽ có thấy tức là không thấy ”

Chỉ mới chũ, khách chào nhau - ta đã thấy “ cao siêu” rồi.

Thật vậy, Bồ Tát thấy được sự giả hợp của các pháp, tất cả là duyên sanh nên “ đến, đi” đều không thật thể. Bồ Tát thấy là thấy cái thật tướng- cái tánh Không- của các pháp đó chứ không phải thấy có đến, đi. Vì vậy, ngài Văn Thù xác nhận thật sự không có đi không có đến, vì thời gian cũng là pháp sinh diệt, nên đâu có xác định được khi nào “đi” khi nào “đến”- khi “nói” đi tức là chưa đi, đi rồi thì không còn đi nữa v.v. . (liên hệ với Trung Quán Luận của ngài Long Thọ.) Đoạn đối thoại này làm chúng ta nhớ đến câu chuyện một bà lão bán quán, khi tiếp chuyện một

thiền sư vào quán kêu “điểm tâm” thì bà cụ hỏi:
“*Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, Ngài điểm cái tâm nào?*”

Vị thiền sư không trả lời được. Còn ngài Văn Thù thì trả lời ngay theo tinh thần Kim Cang (*Như Lai vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ- đi không từ nơi đâu, đến không chỗ tới*).

Ông Duy Ma Cật chào ngài Văn Thù bằng một câu hỏi về không gian, Văn Thù đáp lễ bằng một câu trả lời về thời gian; thật là một cuộc đối đáp tuyệt vời. Tất nhiên ở đây không có chuyện tranh chấp, hơn thua nên không có ai thắng ai bại, mà chỉ có những mẫu đối thoại nhằm điều chỉnh cái nhìn sai lạc của đại chúng mà thôi. Đây là **bài học thứ nhất** của Anh Chị Em chúng tôi.

Qua đoạn khởi đầu hai Ngài chào hỏi nhau, chúng ta thấy rõ hai Ngài đã vượt ra ngoài “*ngã chấp*” và “*pháp chấp*” rồi, không thấy “*có người có ta*” “*có đi có đến*” và cái “*thấy*” cũng chỉ là cái bóng dáng của nhãn thức mà thôi!

Đến đây, ngài Văn Thù Sư Lợi trở về nhiệm vụ thăm bệnh của mình và hỏi ngài Duy Ma Cật rằng :
“*Cư sĩ! bệnh của ông có kham nổi không? Điều trị có bớt không? Bệnh không tăng chớ ? Thế Tôn ân cần hỏi thăm Ông nhiều lắm đó. Bệnh cư sĩ nhân đâu mà sanh? đã bao lâu rồi ? Bao lâu nữa thì hết bệnh ?*”

Ngài Duy Ma Cật trả lời: “*Bệnh tôi từ nơi si, ái mà sanh. Tôi bệnh, vì chúng sanh bệnh. Khi nào chúng sanh hết bệnh*

Này cư sĩ, các pháp đều do nhân duyên sinh khởi và do nhân duyên mà hoại diệt; thật ra tự tánh của các pháp là không sanh cũng không diệt, không đến cũng không đi. Khi con mất phát sinh, nó phát sinh, không từ đâu tới cả; khi con mất hoại diệt, nó hoại diệt, nó không đi về đâu cả. Con mất không phải “không” trước khi phát sinh, con mất không phải “có” trước khi hoại diệt. Tất cả các pháp đều do nhân duyên hội tụ mà thành. Nhân duyên đầy đủ thì con mất có mặt, nhân duyên thiếu thì con mất vắng mặt.

Điều này cũng đúng với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hình sắc, âm thanh, cái thấy, cái nghe, 5 uẩn, 6 yếu tố, thời gian..

Này cư sĩ, trong 5 uẩn không có cái gì là “ta” hay “của ta”, là “người”, là “thọ mạng” . . gì cả. Nếu không thấy được sự thật đó tức là vô minh.

Này cư sĩ, Ông đã quán niệm để thấy được rằng mọi pháp đều do nhân duyên mà phát sinh (và không có tự tánh riêng biệt). Đó gọi là pháp quán niệm về “không” một pháp quán niệm cao siêu vào bậc nhất.

Thực tập đến đây, trưởng giả Cấp Cô Độc khóc, nước mắt chan hoà, đại đức A Nan hỏi Ông:
- Cư sĩ, vì sao mà ông khóc? Ông thực tập không thành công sao? Ông có tiếc nuôi gì không?

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời:
- Thưa đại đức A Nan, con không tiếc nuôi gì hết, con thực tập rất thành công. Con khóc là vì con cảm động quá, con được có cơ duyên phụng sự đức Thế Tôn và chư vị Tăng Ni từ lâu mà con chưa từng được nghe

- Bệnh tình của cư sĩ thế nào? Có tăng có giảm gì không? Những đau đớn trong cơ thể có từ từ bớt đi chút nào không hay là lại gia tăng?

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời:

- Thừa các Đại Đức, bệnh tình của con không thấy thuyên giảm. Những đau đớn trong cơ thể đã không bớt mà càng lúc càng tăng. Thế là ngài Xá Lợi Phất chỉ cho ông Cấp Cô Độc phép quán niệm về Phật, Pháp, Tăng, về 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ,ý) về 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) về 6 thức, về 6 yếu tố (đất, nước, gió, lửa, không gian, tâm thức) về 5 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) về thời gian, về lý duyên khởi v . v . .

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Nay cư sĩ! Bây giờ cư sĩ hãy quán về 6 căn như sau :

- Con mắt này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào con mắt này .
- Lỗ tai này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào lỗ tai này ...

Cư sĩ quán niệm như sau về 6 trần:

- Những hình sắc này không phải là của tôi, tôi không bị kẹt vào những hình sắc này.
- Những âm thanh này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào những âm thanh này.

Cư sĩ quán niệm như sau về thời gian :

- Quá khứ không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi quá khứ.
- Hiện tại không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi hiện tại

thì tôi lành bệnh. Ví như ông trưởng giả kia chỉ có một đứa con, nếu người con bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo, con lành bệnh thì cha mẹ cũng hết bệnh. Bồ Tát cũng vậy, thương tất cả chúng sanh như con một của mình, nên chúng sanh bệnh thì Bồ Tát cũng bệnh, chúng sanh hết bệnh thì Bồ Tát lành. Bồ Tát bệnh là do lòng đại bi.”

Ở đây chúng ta gặp lại “ **bệnh hạnh**” của Bồ Tát, nghĩa là thị hiện có bệnh, cũng là một hạnh của Bồ Tát. Chúng sanh đến cuộc đời này là vì nghiệp lực, phải chịu sự chi phối của sinh, lão, bệnh, tử ; Bồ Tát đến cõi này vì cái nguyện đại bi, nên thị hiện cũng có thân, cũng có bệnh nhưng không hề nhầm chán vì cái thân bất tịnh này, không đau khổ vì bệnh hoạn nay ốm, mai đau v..v.. đó là chỗ khác nhau giữa phàm phu chúng ta và hàng Bồ Tát; đây là **bài học thứ hai** của ngày hôm nay.

Ngài Văn Thù Sư Lợi lại hỏi: “ Nhà này tại sao trống trơn và cũng không có người hầu ? ”

Duy Ma Cật đáp: “ Cõi nước của chư Phật cũng đều không”

Tại sao Duy Ma Cật nói như vậy trong khi chúng ta được đức Phật Thích Ca giới thiệu cõi Cực Lạc chẳng hạn, có đủ lưu ly, xa cừ mả não v..v..có chim Ca Lãng Tàn Già, Cội Mạng v..v.. ? - chữ “Không” của ngài Duy Ma Cật dùng đây có ý nghĩa sâu hơn 1 chút: đó là tất cả chư Phật do tâm không dính mắc với phiền não đau khổ, tâm không chấp trước nên các cõi nước đều thanh tịnh (*Tâm tịnh tức Phật độ tịnh*). Đây là **bài học thứ ba**.

Sau đó, là một chuỗi dài những câu hỏi do Ngài Văn Thù Sư Lợi đưa ra và Ngài Duy Ma Cật trả lời tức khắc:

- Lấy gì làm không ?
- Lấy không làm không
- Đã không thì cần gì phải không ?
- Vì không phân biệt không nên không
- Không, có thể phân biệt được ư?
- Phân biệt cũng không.
- Không phải tìm ở đâu?
- Tìm ở trong 62 món kiến chấp
- 62 kiến chấp tìm ở đâu?
- Tìm trong các pháp giải thoát của chư Phật
- Các pháp giải thoát của chư Phật phải tìm ở đâu ?
- Phải tìm nơi tâm hạnh của tất cả chúng sanh .

Rồi ông Duy Ma Cật nói tiếp:

“ Ngài hỏi tại sao tôi không có gia nhân ? - Vì tất cả chúng ma và các ngoại đạo đều là gia nhân của tôi. Vì sao? Vì chúng ma ưa sinh tử, mà Bồ Tát ở nơi sinh tử không bỏ; còn ngoại đạo ưa các kiến chấp, mà Bồ Tát ở nơi các kiến chấp không động”

Lại hỏi: - Bệnh của cư sĩ thuộc tướng gì ?

- Bệnh của tôi không hình không tướng không thể thấy được.

- Bệnh ấy hiệp với thân hay hiệp với tâm?

- Không phải hiệp với thân vì ở ngoài thân, cũng không phải hiệp với tâm vì tâm như huyễn.

- Trong 4 đại bệnh thuộc về đại nào?

• Bệnh không thuộc địa đại, cũng không là địa đại; thủy đại, hỏa đại và phong đại, cũng lại như thế.

3. Về các bài học “Bồ Tát an ủi Bồ Tát có bệnh, và Bồ Tát chế ngự tâm khi có bệnh”: Khi học Kinh Duy Ma Cật, chúng ta tiếp xúc với một người cư sĩ “có một không hai” trí tuệ thì ngang bằng với Bồ Tát Văn Thù, nói năng thì biện tài vô ngại, một ông Duy Ma Cật mà khi được hỏi về “nguồn gốc bệnh” của mình, thì trả lời một cách siêu việt “Vô mình và hữu ái là nguồn gốc bệnh của tôi” nên bài học này dạy cho chúng ta được nâng cao về mặt nhận thức (là như vậy thì ai cũng bệnh hết rồi, trừ hàng A La Hán trở lên) mà không cần an ủi người bệnh gì cả (người bệnh hiểu biết sâu sắc quá mà, đâu cần ai an ủi nữa)

Trong cuộc sống, những người của thế giới chúng ta không có ai là Duy Ma Cật hết, hễ đau ốm là đâm ra bi quan chán nản, nên ta phải biết làm cách nào để an ủi người bệnh, chủ yếu là thân bệnh (kéo theo tâm bệnh, vì lo âu sợ hãi phiền muộn).

Vì vậy, Anh Chị Em chúng tôi liên hệ vấn đề này với “Kinh Giáo Hóa Người Bệnh” (Thầy Nhất Hạnh dịch từ Tăng Nhất A Hàm, phẩm Phi Thường) kể lại chuyện Ngài Xá Lợi Phất và Ngài A Nan đến thăm bệnh ông Cấp Cô Độc, là một trong những vị đại thí chủ thời đức Phật còn tại thế. Từ đó, chúng ta thấy được trước hết là hình ảnh thân thuộc gần gũi, và sự quan tâm của chư Tăng đối với hàng cư sĩ tại gia, và sau đó là những lời an ủi đầy ý Đạo, cũng như những lời giáo hoá về cách chế ngự tâm khi có bệnh. Chúng ta hãy lắng nghe đoạn Kinh sau đây:

“ Sau khi chuyển lời thăm hỏi của đức Thế Tôn, Ngài Xá Lợi Phất hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

Có câu nói “*người bạn thân của mọi người không là bạn thân của ai cả*” (L’ami de tout le monde n’est l’ami de personne) nhắc nhở chúng ta rằng tư cách “*người bạn không cần mời thỉnh*” của Bồ Tát không phải bạn thân, hay tri kỷ trong đời thường, nghĩa là tạo ra một hệ lụy kiểu như “*trời sinh ra ta thì phải sinh ra bạn,*” hay “*bạn đã đi rồi ta còn sống làm chi*” v.v.. kiểu như các cặp Bá Nha-Tử Kỳ, Nguyễn Khuyến- Dương Khuê, Rimbaud -Verlaine v.v..mặc dù, trong đời thường đó là những mối tình thật là vĩ đại và cảm động. Tuy nhiên tình thương rộng lớn phải vượt lên trên những “*thế gian thường tình*” đó. Ví dụ không ai đòi hỏi “*đức Bồ Tát Quán Thế Âm là mẹ hiền của riêng tôi*” vì chúng ta hình dung ra Ngài đứng trên cao rưới nước cam lồ xuống thế gian đau khổ, càng ở trên cao, phạm vi tưới tắm của Ngài càng rộng, số lượng chúng sanh được Ngài cứu độ càng nhiều. Còn điều cụ thể trước mắt chúng ta là: tình thương, sự quan tâm của người Anh, người Chị trong Gia Đình Phật Tử nếu chưa được bình đẳng, và đều khắp như đức Quán Thế Âm thì cũng đừng mang tính “*bộ lạc*” nghĩa là “*em của tôi/ em của người khác*” hay đơn vị tôi, đơn vị kia v.v.. Đi sâu hơn, trong cùng một đơn vị thì có em mình thông, có em mình “*chưa*” có em thì hờ một chút là khen thưởng, tán dương, có em thì bị bỏ quên hoàn toàn, dù các em đã cố gắng cống hiến cho đoàn, cho đơn vị không kém gì các em kia . . . đó chính là những hệ lụy tuy nhỏ, nhưng có ảnh hưởng tai hại cho tình đoàn kết giữa đơn vị này với đơn vị kia, hay giữa các em trong cùng một đơn vị. Đây là bài học mà anh chị em Huynh trưởng chúng ta cần suy gẫm và áp dụng cả trong cuộc sống và trong sinh hoạt Gia Đình Phật Tử.

-
- Bồ Tát an ủi một Bồ Tát đang bệnh như thế nào?
 - *Nói về sự vô thường của thân mà đừng nói ghé tằm và từ bỏ thân. Nói về thân khổ đau mà không nói niết bàn an lạc; nói về vô ngã của thân mà vẫn nói về sự giảng dạy và hướng dẫn chúng sanh*
 - Bồ tát đang bệnh làm sao để chế ngự tâm mình?
 - *Bồ tát đang bệnh nên nghĩ rằng : Bệnh này đến từ những phiền não, và điên đảo vọng tưởng của nhiều đời trước.*

.....
Đến đây, Anh Chị Em chúng tôi phải trở lui lại phần đối thoại hấp dẫn của hai vị “*thượng thừa*” để mỗi người nói lên cái hiểu của mình - những bài học thu lượm được - qua việc đọc sách hay qua bài giảng của quý thầy.

Bài học thứ 4: Lấy gì làm không? - Lấy không làm không = tức là do hết phiền não, hết chấp trước mà nó “*Không*” chứ không “*Làm*” gì cả.

Bài học thứ 5: 62 kiến chấp phải tìm ở đâu? Phải tìm trong các pháp giải thoát của chư Phật = với 62 kiến chấp (*của ngoại đạo*) đó, nếu chúng ta không chấp, không động, không loạn, không lo âu sợ hãi thì ngay đó là được giải thoát vậy.

Bài học thứ 6: Các pháp giải thoát của chư Phật phải tìm ở đâu? - Tìm ở nơi tâm hạnh của chúng sanh. Vì sao? - Nếu tâm chúng sanh không còn phiền não, vọng tưởng thì đó là chính là cõi Phật thanh tịnh, chứ đâu có ở nơi nào khác?

Bài học thứ 7: Tại sao không có người hầu? (*gia nhân*) - tất cả chúng Ma và ngoại đạo đều là gia nhân của tôi = Ma thì thích sinh tử, Bồ Tát thì không ngại sinh tử, dẫn thân vào trong sinh tử thân cận với ma quân, để độ chúng Ma (*vậy nên nói chúng Ma là gia nhân của Ông*); còn ngoại đạo thì chấp đủ thứ (*62 kiến chấp*) nhưng tất cả những chấp nhất đó Bồ Tát không dao động, không dính mắc, không nghi ngại, cái thấy của Bồ Tát đúng như thật, nên ngoại đạo cũng được Bồ Tát coi như gia nhân, thân cận để độ họ. Tư tưởng này chúng ta cũng đã gặp trong “Luận Bảo Vương Tam Muội” (*...lấy ma quân làm bạn đạo*) hoặc trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa (*tôn giả Đề Bà Đạt Đa luôn quấy phá đức Thế Tôn bằng nhiều hình thức, khi thì dùng tên độc, thuốc độc, khi thì voi say; thậm chí còn sinh thành 1 cái đầu cùng thân hình với con chim “Cộng mạng chi điểu” trong khi cái đầu kia tìm thức ăn nuôi sống thân chim, thì cái đầu Đề Bà Đạt Đa ăn chất độc hại để phá cơ thể con chim v.v..)* thế nhưng đức Thế Tôn cho biết rằng: Đề Bà Đạt Đa là một vị Tiên, đã đi theo giúp đỡ đức Phật mau thành Chánh Giác bằng nhiều cách thủ thách, để trải nghiệm lòng từ bi, sự quyết tâm, đức tinh tấn, nhẫn nhục v.v.. của đức Phật, đó không phải là người xấu mà là một Nghịch Hành Bồ Tát vậy). Đúng như câu nói trong nhân gian mà chúng ta thường nghe “*Ơn kẻ dữ chú không ơn người hiền*” người hiền không giúp ta nhanh chóng vươn lên bằng kẻ dữ !

Bài học thứ 8: Bệnh của ông thuộc tướng nào? bệnh tôi không hình không tướng không thể thấy được = như ta đã biết, vì lòng đại bi mà Bồ Tát bệnh, vì chúng

vô thường rồi trở nên vô tâm, vô ý, vô tình, vô nghĩa được (*vô tâm đây không phải là “vô tâm” của thiền đầu nhà, mà vô tâm đây là không quan tâm đến ai cả đó mà, thế mới đáng trách chứ!*) Vì thế, chúng ta tu là tập bớt dục vọng, tăng thêm tình thông, chứ không phải tu để hủy diệt tình người (*mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống là vậy mà!*) Ai viện cố mình “tu” để trở nên khô cứng cộc lốc, nhần nhần nhó nhó, không biết cách đem cho người khác niềm vui thì phải tự biết đó là tu nhầm rồi, trật lất rồi; anh chị em chúng tôi tự “cảnh cáo” mình như vậy .

2. Về bài học bệnh hạnh: trước khi trình độ thực tập về tình thương đến mức cảm nhận được một cách sâu sắc cái đau của người khác, cảm thấy mình cũng đau đớn y như họ, trước khi thật sự có thể “*thương người như thể thương thân,*” người tu hạnh bồ tát còn phải là “*người bạn không cần mời thỉnh của mọi chúng sanh*”

Thật vậy, thấy ai cần, mình đến với họ giúp đỡ, an ủi, chia sẻ khó khăn, cung cấp y phục, thuốc men nếu cần mà không đợi người ta năn nỉ, nhờ vả hay cảm ơn. Đây chính là bước đầu của Bồ Tát đạo (*cũng là con đường mà hàng Huỳnh trưởng chúng ta đang đi và đối tượng “chúng sanh” gần nhất là đàn em của chúng ta*). Nâng cao hơn một bước, vì hành giả tu Bồ Tát đạo là người bạn thân của tất cả mọi người, nên trong giao tế, trong quan hệ phải làm sao giữ được tính vô tư trong sáng, không để cho nó biến thành hệ lụy, làm ngăn cản con đường Bồ Tát đạo thênh thang. Nói theo ngôn ngữ Thiền là chúng ta cần “*trang bị một nền tảng nhận thức tánh Không sâu sắc*”.

Vì tính cách đặc biệt của phẩm này, nên Anh Chị Em chúng tôi muốn dừng lại một chút để ôn lại những bài học vừa thu lượm được ở buổi học trước, đồng thời liên hệ với những bài học mà chúng tôi đã học được từ những bài Kinh, hay những mẫu chuyện đạo giữa đức Phật với các vị đệ tử của Ngài như: “Kinh Giáo Hoá Người Bệnh,” Kinh “Trung Đạo Nhân Duyên” kinh “Ba Pháp Ấn” hay những lời “sấm sét” mà đức Phật đã nói với Vakkali khi vị đệ tử này của Ngài lâm bệnh nặng sắp chết và muốn được gặp mặt Ngài.

Trước hết Anh Chị Em chúng tôi nhắc lại “tên” của những bài học của buổi học Kinh trước và đi sâu vào những bài học nhờ liên hệ với những điều đã ghi trên đây:

1. Về bài học thứ nhất “Không gian và thời gian đều là những pháp sanh diệt” : hai chữ đến đi (*khứ lai* hay *vãng lai*; trong các Kinh người ta hay dùng “*khứ lai*” thay vì *vãng lai*) ngoài cái ý nghĩa biểu tượng đã đề cập trong bài trước, chúng ta có thể liên hệ đến quan niệm qua lại thăm viếng nhau, quan tâm đến nhau nhất là khi nghe tin người thân của mình đau ốm hay gặp hoạn nạn. Biết rằng cuộc đời là vô thường, các pháp vô ngã, thọ thì khổ. . . nhưng bên cạnh cái vô thường ấy vẫn có cái “thường”; đó là tấm chân tình giữa những người thân, như tình ruột thịt, tình bằng hữu, tình sư đệ. v. . v.. ấy là cái phân biệt loài người với các loài vô tình như đất đá cát sỏi vậy (*ta thường nghe “tình dữ vô tình” đó!*)

Thật vậy, chúng ta không phải vì quán cuộc đời

sanh bệnh mà Bồ Tát bệnh, bệnh này không phải do Nghiệp, mà do Nghiệp, cho nên nói “*Không hình không tướng*” là vì vậy.

Bài học thứ 9: Bồ Tát an ủi Bồ Tát có bệnh như thế nào? Nói thân vô thường mà đừng nói nhảm chán, nói thân khổ đau mà không nói niết bàn an lạc; nói về vô ngã mà vẫn giảng dạy và hướng dẫn chúng sanh = dù thân tứ đại này vô thường, vô ngã nhưng Bồ Tát phải mượn nó để làm lợi ích chúng sanh không bị kẹt vào “*Cấu cánh Niết Bàn Tịch Tĩnh*”

Bài học thứ 10: Bồ Tát đang bệnh chế ngự tâm mình bằng cách nghĩ rằng: Bệnh này đến từ phiền não, điên đảo vọng tưởng trong nhiều đời nhiều kiếp trước, nó không thật có;

Vì sao? - vì thân này là tứ đại giả hợp; nếu ta không tham đắm, không chấp ngã thì thân này không có “Chủ” - đâu có ai bệnh, có ai chịu đau đớn đau ?

(*Anh Chị Em chúng tôi dặn dò nhau “Khi nào đau răng, hay cảm cúm, hãy ráng nhớ bài học này nha!”*)

Đó là những bài học mà Anh Chị Em chúng tôi đã thu lượm được khi học phẩm này. Căn nhà của ông Duy Ma Cật có thật trống trơn không, có chứa được phái đoàn gồm các vị đệ tử Phật và 8.000 Bồ Tát, 500 Thanh Văn và 5.000 thiên tử đi theo ngài Văn Thù Sư Lợi hay không ?? thật tình Anh Chị Em chúng tôi chưa hiểu được, nhưng sự gặp gỡ giữa vị Đại Trí Văn Thù Sư Lợi và vị cư sĩ nổi tiếng đại bi, đại hạnh Tịnh Danh Duy Ma Cật, cùng với

những lời đối đáp, tung hứng giữa hai đại nhân vật này đã làm bừng sáng trong tâm tư Anh Chị Em chúng tôi thật nhiều điều kỳ diệu.

Do vậy, Anh Chị Em chúng tôi không hề thấy cái gì, hay quan tâm đến cái gì, ngoài sự kiện hai Ngài thay phiên nhau soi sáng cho đại chúng qua nghệ thuật hỏi đáp sắc sảo “*Mỗi người mỗi vẻ*” của họ; Như vậy, rõ ràng là căn nhà của ông Duy Ma Cật quả thật không có ai hết, không có cái gì hết rồi, phải không các bạn ? ? !!



KINH DUY MA CẬT (tiếp theo)

BỒ TÁT VĂN THÙ SỬ LỢI THĂM BỆNH (tiếp theo)



Người tu hạnh Bồ Tát còn phải là “người bạn không cần mời thỉnh của mọi chúng sanh”

Đây chính là bước đầu của Bồ Tát đạo. Nâng cao hơn một bước, vì hành giả tu Bồ Tát đạo là người bạn thân của tất cả mọi người, nên trong giao tế, trong quan hệ phải làm sao giữ được tính vô tư trong sáng, không để cho nó biến thành hệ lụy, làm ngăn cản con đường Bồ Tát đạo thành thang.

Nói theo ngôn ngữ Thiên là chúng ta cần “trang bị một nền tảng nhận thức tánh Không sâu sắc”.